

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG GIẢI

Tập 2



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cư Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

TẬP 2



Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail: kimquangtu@hotmail.com

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyển, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền



Như Lai xuất hiện ra đời :

Người chưa được độ, thì khiến cho được độ.

Người chưa hiểu, thì khiến cho được hiểu.

Người chưa an, thì khiến cho được an.

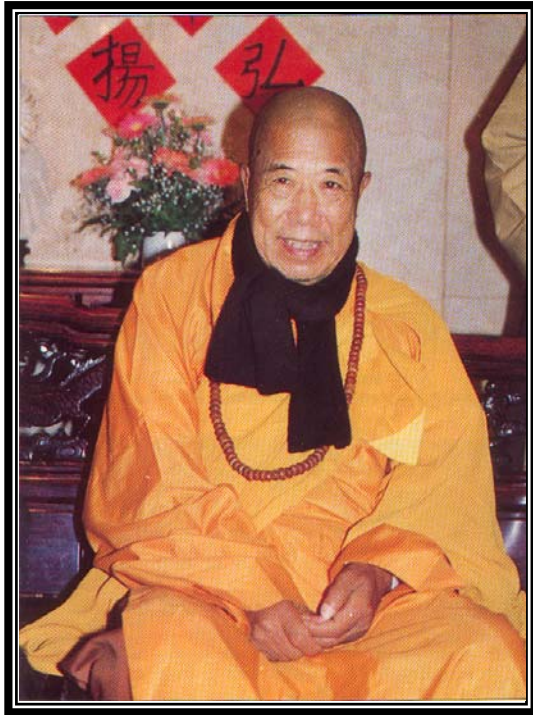
Người chưa được Niết bàn, thì khiến cho được Niết bàn.



ĐỨC PHẬT CHUYỂN PHÁP LUÂN LẦN ĐẦU TIÊN



NAM MÔ PHÁP HOA HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển hai

Phẩm thí dụ thứ ba.....	8
Phẩm tin hiểu thứ tư.....	212

Quyển ba

Phẩm dược thảo dụ thứ năm.....	301
Phẩm thọ ký thứ sáu.....	341
Phẩm hoá thành dụ thứ bảy.....	375

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN THỨ HAI

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất hớn hở vui mừng, bèn đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, mà bạch Phật rằng : Hôm nay nghe đức Thế Tôn nói pháp này, tâm con rất hớn hở được chưa từng có. Tại sao ? Vì xưa kia con theo Phật nghe pháp như vậy : Thấy các vị Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Phật, mà chúng con chẳng được dự vào việc đó, rất tự cảm thương, mất đi vô lượng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn ! Con thường một mình ở dưới gốc cây nơi rừng núi, hoặc ngồi hoặc đi

kinh hành, bèn nghĩ thế này : Chúng con đồng vào pháp tánh, tại sao đức Như Lai dùng pháp tiểu thừa mà tế độ ? Đó là lỗi của chúng con, chứ chẳng phải đức Thế Tôn vậy.

Đây là phẩm thứ ba, Phẩm Thí Dụ. Thí dụ tức trong kinh thi nói là thể so sánh. Trong kinh thi có thể phú (giải bày), thể so sánh và thể hứng (thấy cảnh nảy ra lời thơ). Thí dụ tức thể so sánh. Vì đạo lý thâm áo, người khó hiểu, cho nên đưa ra một ví dụ khiến cho người hiểu dễ dàng.

Lúc bấy giờ, tất cả đại chúng đều trông mong đức Phật thọ ký. Ngài Xá Lợi Phất thân miệng ý ba nghiệp đều thanh tịnh, sinh tâm vui mừng lớn, mới đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của đức Phật, mà nói với Phật rằng: "Con ở trước đức Thế Tôn, thân miệng ý đều thanh tịnh. Trước kia con ở trong hội Phương Đẳng và hội Bát Nhã, cũng chưa từng nghe qua diệu pháp như vậy. Bây giờ, con nghe đức Phật nói diệu pháp này, thấy tất cả đại Bồ Tát được Phật thọ ký sẽ thành Phật, bèn có cảm xúc, tâm rất bi thương chưa được Như Lai thọ ký, mất đi vô lượng từ bi trí huệ tri kiến của Phật. Đức Thế Tôn ! Con thường một mình ở dưới gốc cây nơi núi rừng, dụng công tham thiền. Vì núi rừng vắng lặng, cho nên một lần ngồi xuống thì cả mấy ngày, ngồi đến mỗi mệt thì đứng dậy đi kinh hành. Mỗi lần tự nhủ: Chúng con Thanh Văn Bồ Tát đều được pháp tính, vì sao đức Như Lai chẳng dạy

chúng con pháp đại thừa, mà dùng pháp tiểu thừa để giáo hóa ? Phải chăng đức Như Lai đối với chúng con người tiểu thừa chẳng từ bi ? Chúng con thường khởi vọng tưởng như thế. Song, hồi quang phản chiếu rồi mới biết, đây là lỗi của chúng con. Chúng con người tiểu thừa căn mỏng huệ cạn, khó phát tâm nguyện độ sinh, cho nên Phật nói pháp đại thừa mà chúng con không thể tiếp thọ. Đây là lỗi căn cơ hạn hẹp của chính chúng con."

Vì sao ? nếu chúng con chờ Phật nói nhân duyên thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất dùng pháp đại thừa mà được độ thoát. Nhưng chúng con chẳng hiểu Phật dùng phương tiện tùy nghi nói pháp. Mới nghe Phật pháp, gặp được liền tin nhận, suy gẫm chứng lậy. Đức Thế Tôn ! Con từ xưa đến nay, suốt ngày trọn đêm tự khắc chế trách mình, mà nay được nghe Phật nói pháp chưa từng có, dứt các nghi hoặc, thân tâm thư thối, rất an vui tự tại. Hôm nay mới biết thật là Phật tử, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, được pháp tính của Phật.

Sở dĩ chúng con là hàng Thanh Văn, nghe Phật nói nhân duyên thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất dùng pháp đại thừa tu hành, mới được độ thoát. Vô thượng chánh đẳng chánh giác tức là Phật vị. Chánh giác, chẳng giống phàm phu, những gì phàm phu làm, đều là hồ đồ chẳng tự giác. Chánh giác chưa đến được trình độ giác tha. Giác tha khác với nhị thừa. Người nhị thừa chỉ đắc được Chánh giác mà chưa đắc được Chánh đẳng. Chánh đẳng là bậc đại Bồ Tát, bậc Đẳng giác Bồ Tát.

Diệu giác là Phật. Đẳng giác Bồ Tát còn một phần sinh tướng vô minh chưa phá, cho nên chưa đắc được Diệu giác vị. Nếu phá sạch một phần sinh tướng vô minh, thì sẽ đắc được Diệu giác. Đẳng giác là hữu tình Thượng sĩ, Phật là Vô Thượng Sĩ.

"Muốn chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác", quả vị Phật, phải dùng pháp Bồ Tát đại thừa mới được độ thoát. Chúng con hàng Thanh Văn, chẳng biết Phật dùng pháp phương tiện giáo hóa chúng sinh, quán căn cơ thí giáo, vì người thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc. Chúng con vừa nghe Phật nói pháp bốn Diệu Đế và mười hai Nhân Duyên bèn tin nhận, dụng công tu hành được chứng quả. Đức Thế Tôn ! Con từ khi ở trong pháp hội Phương Đẳng cho đến hiện tại, từ sáng đến tối, tự khắc chế trách mình. Ngày đêm là gì ? Đêm tức là lúc trước chưa khai ngộ, giống như ban đêm; khai ngộ rồi thì như ánh sáng mặt trời chiếu ban ngày. Nếu so sánh tiểu thừa với đại thừa Bồ Tát, thì tiểu thừa như ban đêm, đại thừa Bồ Tát như ban ngày, cho nên nói "suốt ngày trọn đêm".

"Đều khắc chế trách mình" : Khắc chế là chính mình đối trị với chính mình, tức là trong Nho giáo có nói về công phu "khắc kỷ". Nhan Hồi hỏi Đức Khổng Tử làm thế nào đắc được "nhân". Khổng Tử đáp : "Khắc kỷ phục lễ là nhân". Nghĩa là khắc chế chính mình, khôi phục thiên lý là nhân. Nhan Hồi lại hỏi làm thế nào khắc kỷ phục lễ ? Khổng Tử đáp :

"Phi lễ vật thị,
Phi lễ vật thính,
Phi lễ vật ngôn,
Phi lễ vật động."

Nghĩa là : Việc gì chẳng hợp với lý đạo thì đừng xem, chẳng những không xem mà cũng đừng nghe, như có ai nói thị phi thì đừng nghe. Lời chẳng hợp với đạo lý thì đừng nói, việc chẳng hợp với đạo lý thì đừng làm. Xem, nghe, nói, làm, đều hợp lẽ, thì tức là khắc kỷ phục lẽ. Ngài Xá Lợi Phất thường khắc chế mình mà không phóng dật. Muốn học Phật pháp phải phát tâm dũng mãnh, không sợ gian lao khốn khổ, phàm ai thành công cũng đều có sự khắc chế công phu. Tại Hương Cảng có vị pháp sư Thọ Dã (bây giờ trụ trì chùa Quang Minh ở Nữ Ước), lúc trước ông ta bế quan trên núi Ngũ Đài, dùng máu để biên Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, có hơn mấy chục vạn chữ. Thầy đó dùng máu biên bộ Kinh này, đủ thấy Thầy đó có công phu "khắc kỷ".

Tôn giả Xá Lợi Phất tiếp tục nói : Nay học tập Phật pháp, nghe diệu pháp của Kinh Pháp Hoa, dứt tất cả nghi hoặc, thân tâm đều thư thối rất an vui tự tại. Hôm nay mới biết con thật là Phật tử (con của Phật), từ miệng Phật sinh ra, từ Phật pháp hóa sinh, đắc được Phật pháp tính.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng:

Con nghe tiếng pháp này
Đắc được chưa từng có
Tâm sinh vui mừng lớn
Lưới nghi đều đã trừ.
Xưa nay nhờ Phật dạy
Chẳng mất nơi đại thừa
Tiếng Phật rất ít có
Hay trừ khổ chúng sinh.
Con đã được sạch lậu
Nghe cũng trừ khổ não.

Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất muốn tường thuật lại ý nghĩa Kinh văn vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói: Con nay nghe được tiếng diệu pháp này, đắc được diệu pháp chưa từng có, tâm sinh vui mừng lớn, lưới hoài nghi đã trừ sạch. Thuở xưa, đời đời kiếp kiếp nhờ Phật giáo hóa, tài bồi hạt giống đại thừa, đời này đã chín mùi. Tiếng của Phật vi diệu thanh tịnh sâu xa, rất ít có trong đời, hay dứt trừ phiền não của chúng sinh. Con đã chứng tứ quả A La Hán, đắc được lậu tận thông. Con vốn căn tính tiểu thừa, chưa thật sự minh bạch đạo lý Bồ Tát. Hiện tại con nghe

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho khổ não của con đều trừ sạch.

Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cây trong rừng.
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy gẫm như vậy:
Than ôi ! Tự trách mình
Sao lại khi đối mình.
Chúng ta cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Đời vị lai chẳng được
Diễn nói đạo vô thượng.

Con ở nơi hang núi, hoặc trong rừng cây, hoặc ngồi hoặc đi, thường nghĩ việc này, mà than thở sao lại tự trách mình ? Chúng con đều là Phật tử, đồng vào pháp vô lậu, nhưng ở đời vị lai chẳng được diễn nói diệu pháp vô lậu.

Sắc vàng ba mươi hai
Mười lực các giải thoát
Đồng trong một pháp tánh
Mà chẳng được việc này.
Tám mươi tướng tốt đẹp

Mười tám pháp bất cộng
Những công đức như thế
Mà con đều đã mất.
Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật trong đại chúng
Danh đồn khắp mười phương
Rộng lớn ích chúng sinh.
Nghĩ mình mất lợi này
Vì con tự khi dối
Con thường nơi ngày đêm
Đều suy nghĩ việc này.
Muốn hỏi đức Thế Tôn
Là mất hay chẳng mất ?
Con thường thấy Thế Tôn
Khen ngợi các Bồ Tát.
Vì thế nên ngày đêm
Con nghĩ về việc này
Nay nghe tiếng Phật nói
Tùy nghi mà nói pháp.
Vô lậu khó nghĩ bàn
Khiến chúng đến đạo tràng

**Con vốn chấp tà kiến
Làm thầy các Phạm chí.
Thế Tôn biết tâm con
Trừ tà nói Niết Bàn
Khiến con dứt tà kiến
Chứng đắc được pháp không.
Bấy giờ tâm tự bảo :
Đến được nơi diệt độ.**

Thân Phật là thân sắc vàng, có ba mươi hai tướng. Mười lục tức là mười thứ trí huệ lực của Phật. Ba mươi hai tướng là :

1. Dưới chân bằng như đáy hộp.
2. Dưới chân có tướng bánh xe ngàn căm.
3. Gót chân như đánh Phạm vương.
4. Ngón tay nhỏ dài.
5. Thân vuông thẳng.
6. Tay chân có màng lưới.
7. Tay chân mềm mại.
8. Mắt cá mập đầy.
9. Lông mình mượt.
10. Cánh tay như nai chúa.
11. Thân tròn đầy.
12. Tay thòng quá gối.
13. Đảnh có nhục kế.

14. Vô kiến đánh.
15. Mã âm tàng.
16. Da mịn trơn.
17. Lông mình vòng bên phải.
18. Thân tía màu hoàng kim.
19. Bảy chỗ bằng đây.
20. Tiếng Phạm âm.
21. Xương vai sung mãn.
22. Thân trên như sư tử.
23. Khuỷu tay mập nhỏ.
24. Răng trắng đều nhau.
25. Bốn mươi cái răng.
26. Răng trắng như ngà.
27. Má như sư tử.
28. Trong miệng có thượng vị.
29. Lưỡi rộng dài.
30. Tướng bạc trượng phu.
31. Lông mi xanh biếc.
32. Tướng hào quang trắng giữa mày.

Mười lục :

1. Trí lực biết xứ phi xứ.
2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời.
3. Trí lực biết các thiền giải thoát tam muội.
4. Trí lực biết các căn thắng liệt.
5. Trí lực biết chủng chủng giải.
6. Trí lực biết chủng chủng giới.

7. Trí lực biết nhất thiết chí xứ đạo.
8. Trí lực biết thiên nhân vô ngại.
9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.
10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Các giải thoát bao quát tám giải thoát :

1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.
 2. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.
 3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
 4. Không vô biên xứ giải thoát.
 5. Thức vô biên xứ giải thoát.
 6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
 7. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát.
 8. Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ.
- Đó là tám giải thoát, người tu thiền tông phải biết.

Đồng trong một pháp tính, mà hàng tiểu thừa chưa được thọ ký thành Phật. Thân của Phật có tám mươi vẻ đẹp, mười tám pháp bất cộng. Pháp bất cộng là chẳng chung với ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, chỉ có Phật mới đầy đủ pháp này.

Mười tám pháp bất cộng :

1. Thân vô thất.
2. Khẩu vô thất.
3. Niệm vô thất.
4. Vô dị tướng.
5. Vô bất định tâm.

6. Vô bất tri kỷ xả.
7. Dục vô diệt.
8. Tinh tấn vô diệt.
9. Niệm vô diệt.
10. Huệ vô diệt.
11. Giải thoát vô diệt.
12. Giải thoát tri kiến vô diệt.
13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành.
14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành.
15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành.
16. Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại.
17. Trí huệ tri vị lai thế vô ngại.
18. Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại.

"Những công đức như thế" : Như vừa nói ở trên ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, các giải thoát, mười tám pháp bất cộng, đủ thứ công đức, mà con Xá Lợi Phất hành tiểu thừa đã mất các công đức. Xá Lợi Phất khi một mình tham thiền hoặc đi kinh hành, thì thấy Đức Phật ở trong đại chúng, danh đồn khắp mười phương. Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh mà chẳng xa lìa. Xá Lợi Phất nói : Con cảm thấy mình đã mất đi tất cả những lợi ích mà mình tự khi dối mình, cho rằng mình đã mất đi lợi ích này. Con thường ngày đêm sáu thời, suy gẫm về việc này của con cứu kính mất đi hay chẳng mất ? Con thường thấy đức Thế Tôn tán thán ngợi khen các đại Bồ Tát. Do đó, nên ngày đêm con đều nghĩ về việc này. Bây giờ, con

nghe tiếng của Phật nói, tùy cơ nghi của chúng sinh mà nói diệu pháp. Pháp này là vô lậu, không thể nghĩ bàn, khiến cho chúng sinh đắc đạo bồ đề.

Tôn giả Xá Lợi Phất, trước kia từng có sự chấp trước, có tà tri tà kiến, muốn làm thầy của tất cả Bà La Môn (Phạm chí) ngoại đạo. Đức Thế Tôn hiểu rõ căn cơ của con, mới trừ dứt tà kiến của con, còn vì con nói pháp Niết Bàn quả Thánh. Cho nên, tất cả tà tri tà kiến của con đều đã dứt sạch, chứng được pháp chân không. Lúc đó, tâm con cho rằng, chứng quá A La Hán, tức là đã đạt được cứu kính tịch diệt.

Nay mới thật biết rõ
Chẳng phải thật diệt độ.
Nếu sẽ được thành Phật
Đủ ba mươi hai tướng
Chúng trời người Dạ Xoa
Rồng Thần đều cung kính.
Lúc đó mới bảo rằng :
Vĩnh viễn vào Vô Dư
Phật ở trong đại chúng
Nói con sẽ thành Phật.
Nghe tiếng pháp như thế
Nghĩ hoặc đều đã trừ

**Vừa nghe Phật nói ra
Trong tâm rất sợ nghi.
Phải chăng ma giả Phật
Nhiều loạn tâm con chẳng !**

Tôn giả Xá Lợi Phất lại nói : Con lúc trước cho rằng mình đã được diệt độ, té ra chưa đến được chốn Bảo sở, nay đã giác ngộ, trước kia con chỉ chứng được lý không, chứ chẳng phải Niết Bàn chân chánh. Nếu như tương lai được thành Phật, đủ ba mươi hai tướng, được chư Thiên, nhân loại, Dạ xoa, Thiên long bát bộ, rồng và thần .v.v., đều đến cung kính, lúc đó mới có thể cho rằng: Chân chánh diệt độ, được Vô Dư Niết Bàn. Phật ở trước đại chúng nói, con tương lai sẽ thành Phật, con nghe được pháp âm như thế, thì tất cả tâm nghi hoặc đều dứt sạch. Nhưng ban đầu vừa nghe Phật nói pháp, thì trong tâm con sinh tâm rất sợ nghi, hoài nghi đây có phải là ma biến làm Phật chăng ? Sao lại nói được diệu pháp này ? Có phải nó đến để nhiễu loạn tâm tu định của con ?

**Phật dùng đủ thứ duyên
Thí dụ khéo nói pháp.
Tâm Phật an như biển
Con nghe lười nghi dứt
Phật nói đời quá khứ**

Vô lượng Phật diệt độ.
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp này
Phật hiện tại vị lai
Số đông không thể lường.
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế
Như Thế Tôn hôm nay
Từ sinh đến xuất gia.
Đắc đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói
Thế Tôn nói thật đạo
Ba Tuần làm chẳng được.
Thế nên con biết chắc
Chẳng phải ma giả Phật
Vì con sa lưới nghi
Bảo là ma vương nói.
Nghe tiếng Phật êm diệu
Xấu xa rất vi diệu
Diễn xướng pháp thanh tịnh
Tâm con rất vui mừng.

**Nghi hoặc đã dứt hẳn
An trụ trong thật trí
Con chắc sẽ thành Phật
Được trời người cung kính.
Chuyển pháp luân vô thượng
Giáo hóa các Bồ Tát.**

Phật lại dùng đủ thứ phương tiện nhân duyên, thí dụ, dùng biện tài khéo léo, vì con nói pháp này, tâm của Phật an định như biển cả, khiến cho tâm của con cũng an định như biển. Phật nói đủ thứ pháp môn thiện xảo phương tiện, cho nên đoạn trừ được tất cả nghi hoặc của con. Phật nói tất cả vô lượng chư Phật diệt độ đời quá khứ, đều chiếu theo pháp môn phương tiện này, vì tất cả Chúng sinh nói, tức là diệu pháp Kinh Pháp Hoa. Tất cả chư Phật hiện tại và vị lai nhiều vô cùng vô tận, cũng dùng đủ thứ phương tiện nói diệu pháp này. Hiện tại, Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn, từ cung trời Đâu Suất hạ sinh nhân gian, hiện tám tướng thành đạo.

Tám tướng :

1. Từ nội viện cung trời Đâu Suất hạ sinh vào vương cung Vua Tịnh Phạn, tại nước Ca Tì La Vệ xứ Ấn Độ.

2. Nhập thai : Phật ở trong thai mẹ ngày đêm đều vì trời người quý thần thuyết pháp.

3. Trụ thai mười tháng.
4. Ra khỏi thai thì Phật dùng một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói : "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn."
5. Xuất gia tu khổ hạnh sáu năm.
6. Dưới cội Bồ Đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo.
7. Thành đạo rồi chuyển bánh xe pháp, vì tất cả chúng sinh thuyết pháp.
8. Cuối cùng vào Niết Bàn.

Đó là tám tướng thành đạo, nhưng Tông Thiên Thai sửa tướng thứ ba trụ thai làm tướng thứ năm là hàng ma tức là :

1. Đâu Suất hạ sinh.
2. Nhập thai.
3. Xuất thai.
4. Xuất gia.
5. Hàng ma.
6. Thành đạo.
7. Chuyển pháp luân.
8. Vào Niết Bàn.

Tám tướng này Tông Thiên Thai nói.

Trong đại thừa, tướng hàng ma bao quát ở trong tướng thành đạo. Mà nay đức Phật, từ lúc hàng sinh nhân gian đến xuất gia, thành đạo rồi chuyển pháp luân, tức cũng là dùng phương tiện pháp môn thuyết pháp. Hiện tại đức Thế Tôn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là trí huệ chân thật, cũng là đạo lý thật tướng. "Ba Tuần" tức là ma

vương, y không thể nào nói được chân lý này. Do đó, con biết chắc chắn chẳng phải ma giả Phật. Vì con sa vào lưới nghi, cho rằng Phật nói pháp là ma vương nói. Bây giờ, nghe được tiếng êm diệu từ bi hỷ xả của Phật. Tiếng của Phật sâu xa vi diệu (một trong tám mươi vẻ đẹp), diễn xướng diệu pháp thanh tịnh. Tâm con rất vui mừng nghi hoặc vĩnh viễn đoạn tuyệt, an trụ vào trong thật trí huệ. Trong tương lai con nhất định sẽ thành Phật, được trời người rồng thần tôn kính, chuyển đại pháp luân vô thượng, giáo hóa tất cả đại Bồ Tát.

Bấy giờ, đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất : Nay ta ở trong đại chúng trời người Sa môn, Bà la môn mà nói, xưa kia ta đã từng ở chỗ hai vạn ức vị Phật, vì đạo vô thượng, nên thường giáo hóa ông. Ông cũng theo ta tu học lâu dài, ta dùng phương tiện dẫn dắt ông, khiến cho sinh vào trong pháp của ta.

Lúc đó, Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất: Nay ta vì trời, người, Sa môn, Bà La Môn, đại chúng mà nói, ta đã từng ở chỗ hai vạn ức vị Phật, ta vì cầu đạo vô thượng (có bảy vô thượng đạo : Thân vô thượng, thọ trì vô thượng, cụ túc vô thượng, trí huệ vô thượng, bố thí vô thượng, giải thoát vô thượng, hành vô thượng). Ta thường giáo hóa ông. Ông trước kia chưa khai ngộ, luôn luôn theo ta tu

học Phật pháp. Ta dùng đủ thứ phương tiện pháp môn dẫn dắt ông, mới khiến cho sinh vào trong Phật pháp của ta Phật Thích Ca Mâu Ni.

Xá Lợi Phất ! Xưa ta dạy ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đã quên, mà bèn tự bảo đã được diệt độ. Nay ta muốn khiến cho ông nhớ lại nguyện xưa đã hành đạo, vì các Thanh Văn nói Kinh đại thừa này, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Xá Lợi Phất ! Ông ở đời vị lai, trải qua vô lượng vô biên số kiếp không thể nghĩ bàn, cúng dường hàng ngàn vạn ức vị Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước đó tên là Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng thanh tịnh trang nghiêm, an ổn, giàu có, sung sướng, trời

người đông đảo. Dùng lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng dùng giăng bên đường, cạnh lề đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có hoa quả. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sinh.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó ra đời, tuy chẳng phải đời ác, nhưng vì nguyện xưa cho nên nói pháp ba thừa.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Thuở xưa, ta giáo hóa ông chí nguyện thành Phật đạo, mà nay ông đã quên mất, tự nói đã được diệt độ. Ta muốn ông nhớ lại nguyện lực đã phát ra xưa kia, nay vì hàng Thanh Văn nói Kinh điển đại thừa tên là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dạy ông pháp Bồ Tát. Học pháp này, thì được mười phương chư Phật hộ niệm. Xá Lợi Phất, ta vì ông thọ ký, ông ở trong vô lượng kiếp vị lai cúng dường vô số chư Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ lục độ vạn hạnh, sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước của ông tên là Ly Cấu. Ở trên là mười danh hiệu chung của mỗi vị Phật. Cõi nước của ông thanh tịnh bằng phẳng, an ổn giàu có sung sướng, trời người đông đảo. Dùng lưu

ly làm đất, có tám đường giao thông, dùng vàng làm dây giăng bên đường, lề đường có những hàng cây bằng bảy báu, luôn luôn có hoa quả. Đức Hoa Quang Như Lai dùng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa giáo hoá chúng sinh. Khi Xá Lợi Phất thành Phật, tuy chẳng phải đời ác, nhưng bởi vì nguyện lực xưa cho nên nói pháp ba thừa.

Kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm.

Vì sao tên là Đại Bảo Trang Nghiêm ? Vì trong nước đó dùng Bồ Tát làm đại bảo. Các Bồ Tát nhiều vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Toán số ví dụ cũng không thể tính được, ngoài trí lực của Phật ra, không ai biết được. Nếu muốn đi thì có hoa báu đỡ chân. Các vị Bồ Tát đó, chẳng phải mới phát tâm, các Ngài đều đã trồng gốc công đức lâu xa, tu phạm hạnh thanh tịnh, nơi vô lượng trăm ngàn vạn ức chỗ các đức Phật. Thường được chư Phật khen ngợi, thường tu trí huệ của Phật, đủ đại thần thông, khéo biết tất cả các pháp môn, chân thật không hư dối, chí niệm kiên cố, các Bồ Tát như thế đầy khắp nước đó.

Đức Hoa Quang Như Lai thành đạo, vào kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm ? Vì trong cõi nước đó, dùng Bồ Tát làm đại bảo. Có nhiều Bồ Tát số đông không thể nghĩ bàn, đếm chẳng hết được. Chỉ có Phật đầy đủ mười trí lực mới biết được số lượng. Phật đi thì có hoa sen báu đỡ dưới chân. Các Bồ Tát cõi đó, chẳng phải mới phát tâm tu hành, đều đã trồng căn lành lâu xa, nơi chỗ của vô lượng các đức Phật, từng tu phạm hạnh thanh tịnh, thường được chư Phật tán thán. Các Ngài thường tu trí huệ chân thật của Phật, đầy đủ đại thần thông, thông đạt các pháp thật tướng, tất cả hành vi đều chân thật chẳng hư dối, chí niệm kiên cố chẳng thối lui, các đại Bồ Tát như thế đầy khắp nước đó.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ làm vương tử chưa thành Phật, thì nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai, trải qua mười hai tiểu kiếp, thì thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bảo các Tỳ Kheo rằng : Bồ Tát Kiên Mãn kể đây sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng cúng, Chánh

biến tri. Cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất ! Phật Hoa Quang đó diệt độ rồi, chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ thế cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

Phật bảo Xá Lợi Phất ! Đức Hoa Quang Như Lai thọ mạng mười hai tiểu kiếp. Thọ mạng của con người bắt đầu từ tám vạn bốn ngàn tuổi, mỗi một trăm năm thì giảm xuống một tuổi, thân cao mỗi một trăm năm cũng giảm xuống một tấc, giảm đến thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi, đây gọi là kiếp giảm. Tuổi thọ của con người lại từ từ tăng lên, đến tám vạn bốn ngàn tuổi, mỗi một trăm năm cũng tăng một tuổi, thân cao tăng thêm một tấc, một tăng một giảm như thế gọi là một kiếp. Một ngàn kiếp làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Trừ lúc Ngài làm vương tử chưa thành Phật, thì nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai trải qua mười hai tiểu kiếp, thì sẽ thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước đó cũng lại như thế. Phật Hoa Quang diệt độ rồi, chánh pháp trụ ở đời trải qua ba mươi hai tiểu kiếp (thời đại chánh pháp thì

thiền định kiên cố), tượng pháp cũng trải qua ba mươi hai tiểu kiếp (thời đại tượng pháp thì chùa chiền kiên cố).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Xá Lợi Phát tương lai
Thành Phật đáng đại trí
Hiệu là Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng.
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ Tát
Mười lực các công đức
Chúng được vô thượng đạo.
Qua vô lượng kiếp sau
Kiếp tên Đại Bảo Nghiêm
Thế giới tên Ly Cấu
Thanh tịnh chẳng dơ bẩn.
Dùng lưu ly làm đất
Dây vàng giăng bên đường
Hàng cây xen bảy báu
Thường có hoa quả thật.

Lúc đó, Phật dùng kệ để tường thuật lại ý nghĩa trường hàng vừa nói ở trên.

Xá Lợi Phất ! Trong tương lai ông sẽ thành Phật đấng đại trí, phổ độ chúng sinh, hiệu là Hoa Quang Như Lai, độ vô lượng chúng sinh. Bởi ông từng cúng dường vô số chư Phật, đầy đủ lục độ vạn hạnh Bồ Tát đạo, có mười lực của Như Lai, tám giải thoát, thiền định công đức .v.v...

Đức Phật đó chứng được quả vị đạo vô thượng, trải qua vô lượng kiếp sau, kiếp tên Đại Bảo Trang Nghiêm, thế giới tên Ly Cấu, thanh tịnh chẳng dơ bẩn, dùng lưu ly làm đất, dây vàng giăng bên đường, hàng cây xen tạp bảy báu, thường có hoa quả thật đầy khắp, khiến cho người thấy mà phát bồ đề tâm.

**Các Bồ Tát nước đó
Chí niệm thường kiên cố
Thần thông Ba la mật
Thảy đều đã đầy đủ.
Nơi vô số chư Phật
Khéo học Bồ Tát đạo
Các Đại Sĩ như thế
Do Phật Hoa Quang độ.
Khi Phật làm vương tử
Bỏ nước xả vinh hoa**

Ở nơi thân cuối cùng
Xuất gia thành Phật đạo.
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Chúng nhân dân nước đó
Thọ mạng tám tiểu kiếp.
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sinh.
Chánh pháp diệt hết rồi
Tượng pháp ba mươi hai
Xá lợi rộng truyền khắp
Trời người đều cúng dường.
Sự việc Phật Hoa Quang
Đại khái là như thế
Đấng Lương Túc Tôn kia
Tối thắng chẳng ai bằng.
Phật đó tức thân ông
Nên phải tự vui mừng.

Các đại Bồ Tát trong nước Đại Bảo Trang Nghiêm này, chí niệm đã được ba bất thối (vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối) và được đại thần thông, sáu Ba la mật, thảy đều đầy đủ. Ở chỗ vô số chư Phật thường hành Bồ Tát đạo, lục độ vạn hạnh. Tất cả các đại Bồ Tát đều do Phật Hoa Quang giáo hóa. Đức Hoa Quang Như Lai làm vương tử, thì xả bỏ tất cả vinh hoa phú quý, một đời cuối cùng xuất gia làm Tỳ Kheo, tu hành mà thành Phật đạo. Đức Hoa Quang Như Lai trụ thế sống lâu đến mười hai tiểu kiếp, nhân dân nước đó sống lâu đến tám tiểu kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ ở đời đến ba mươi hai tiểu kiếp, rộng độ vô lượng chúng sinh. Sau khi thời đại chánh pháp diệt, thì đến thời đại tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp. Xá lợi rộng truyền cho đời, trời người đều cúng dường bảo tháp xá lợi. Sự việc của Phật Hoa Quang đại khái là như thế. Đức Phật đầy đủ phước huệ chẳng ai sánh bằng, là Đức Hoa Quang Như Lai thân ông trong tương lai, nên mừng được thành Phật rộng độ chúng sinh.

Bấy giờ, bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, đại chúng, thấy Đức Phật thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tâm rất vui

mừng hớn hở vô cùng, ai nấy đều cõi y trên thân, để cúng dường Đức Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên Vương, và vô số Thiên tử cũng đem y trời đẹp, hoa trời mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, cúng dường đức Phật, y trời tung lên bèn trụ ở trong hư không mà tự xoay vòng. Âm nhạc của chư thiên trăm ngàn vạn thứ, cùng một lúc đều tấu lên ở trong hư không, mưa xuống các hoa trời mà nói như vậy : Xưa kia đức Phật ban đầu chuyển pháp luân ở thành Ba La Nại, cho đến hôm nay mới chuyển pháp luân lớn nhất vô thượng.

Khi Đức Phật thọ ký cho tôn giả Xá Lợi Phất rồi, thì bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, A Tu La (vô đoan chánh), Ca Lô La (đại bành kim sí điều), Khẩn Na La (thần nhạc), Ma Hầu La Già (đại măng xà), tám bộ quỷ thần đều tụ tập nghe Phật thuyết pháp. Thấy Xá Lợi Phất ở trước Phật, được thọ ký vô thượng chánh đẳng chánh giác, tương lai sẽ thành Phật Hoa Quang, mọi người đều sinh tâm vui mừng. Ai nấy đều cõi y trên thân của mình đem cúng dường cho Đức Phật. Người xuất gia thì đem tổ y cúng dường (người xuất gia có ba y : Đại y

còn gọi là tổ y, là y hai mươi lăm điều có 108 ô; thất y là y bảy điều; ngũ y là y năm điều; người xuất gia phải có ba vật thường bên mình tức là y, bình bát, tọa cụ).

Người tại gia cư sĩ thì cõi y phục tốt đẹp nhất trên thân đem cúng dường. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên Vương và vô số Thiên tử cũng đem y phục trời tốt đẹp, hoa trời mạn đà la (hoa nhỏ màu trắng), hoa ma ha mạn đà la (hoa lớn màu trắng) để cúng dường. Y của chư thiên cúng dường cho đức Phật, lơ lửng xoay vòng ở trong hư không, và có trăm ngàn vạn thứ nhạc trời đồng tấu lên ở trong hư không, đều cùng nhau nói: Xưa kia đức Phật ở thành Ba La Nại, ban đầu chuyển bánh xe pháp, cho đến hôm nay, mới diễn nói diệu pháp lớn nhất vô thượng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khai quyền hiển thật.

Lúc đó, các Thiên tử muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Xưa tại Ba La Nại
Chuyển pháp luân bốn đế
Phân biệt nói các pháp
Sinh diệt của năm uẩn.
Nay lại chuyển pháp luân
Vô thượng diệu bậc nhất
Pháp đó rất thâm áo

Ít có người tin được.
Chúng con từ xưa nay
Thường nghe Thế Tôn nói
Chưa từng nghe diệu pháp
Thâm diệu như thế này.
Thế Tôn nói pháp này
Chúng con đều tùy hỉ
Đại trí Xá Lợi Phất
Nay được Phật thọ ký.
Chúng con cũng như thế
Tất sẽ được thành Phật
Trong tất cả thế gian
Tôn quý vô thượng nhất.
Phật đạo không nghĩ bàn
Phương tiện tùy nghi nói
Những phước đức con có
Đời này hoặc quá khứ.
Và công đức gặp Phật
Hồi hướng đến Phật đạo.

Các vị thiên tử vì muốn làm rõ nghĩa ở trên, nên dùng kệ để tường thuật lại.

Lúc trước, đức Phật ở tại vườn Lộc Uyển ba lần chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, độ năm vị Tỳ Kheo mà phân biệt nói pháp: Khổ, tập, diệt, đạo, mười hai Nhân Duyên và sinh diệt của năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Năm uẩn là: Khổ đế, khổ đế thì có sinh, có sinh thì có diệt, diệt được khổ đế, tập đế, thì đến đạo đế. Cho nên, pháp bốn Diệu Đế khổ tập diệt đạo, và năm uẩn có quan hệ mật thiết. Nay lại nói diệu pháp tối thượng Kinh Pháp Hoa, là vua của tất cả các pháp, Phật nói Kinh này, là bỏ quyền trí mà nói thật trí. Pháp thâm áo này, nếu căn tính của một số người có hạn, thì chẳng đạt được cảnh giới của nó, cho nên chẳng tin. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói, ai ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng vẫn có người chẳng tin đạo lý này ! Đức Phật và chúng ta đều là người. Ngài khuyên tu thiện đạo thì thành Phật, song, một số người chấp trước tướng ta, đầy dẫy tham sân si, chẳng tu hành, cho nên chưa thành Phật.

Chúng con các vị Thiên tử, từ vô lượng kiếp đến nay, tuy nhiều lần nghe Đức Phật thuyết pháp, nhưng chưa từng nghe qua diệu pháp chí cao vô thượng này. Bây giờ Phật nói diệu pháp này, các chư Thiên nghe nói đều vui mừng. Nhất là Ngài Xá Lợi Phất là người có trí huệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn. Tôn giả được thọ ký sẽ thành Phật, mà chúng con các Thiên tử, cũng có hy vọng tương lai sẽ thành Phật. Trong tất cả thế gian, Phật là tôn quý bậc nhất. Phật đạo thật là không thể nghĩ bàn. Phật vì phương tiện mà quán cơ thí giáo, theo căn cơ của chúng

sinh mà nói pháp. Chư Thiên chúng con, có những phước đức nghiệp lành gì, trong đời hiện tại hoặc đời vị lai, công đức gặp được Phật này, thấy đều hồi hướng hết Phật đạo trong tương lai của chúng con.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nay con chẳng còn nghi hoặc, ở trước Đức Phật được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Một ngàn hai trăm vị tâm được tự tại này, lúc xưa ở bậc hữu học, Phật thường giáo hóa rằng : Pháp của ta hay khỏi sinh già bệnh chết, được cứu kính Niết Bàn. Các vị hữu học vô học này, ai nấy cũng đã lìa ngã kiến, thường kiến và đoạn kiến, cho rằng được Niết Bàn, mà nay ở trước Đức Thế Tôn, nghe những điều chưa nghe, đều sa vào nghi hoặc. Lành thay Đức Thế Tôn ! Xin vì bốn chúng mà nói nhân duyên đó, khiến cho họ lìa nghi hoặc.

Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất nói với Đức Phật : Con nghe Phật nói diệu pháp, chẳng còn sinh nghi hoặc nữa, con ở trước Đức Phật được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu Phật của con là Hoa Quang Như Lai.

Nhưng một ngàn hai trăm vị đệ tử tâm được tự tại này, lúc trước đây đủ hữu học vị (trước chưa chứng được tứ quả A La Hán gọi là hữu học vị). Phật thường giáo hoá họ, ở trong Phật pháp hay thoát khỏi khổ sinh già bệnh chết, được cứu kính Niết Bàn khoái lạc. Những vị hữu học vô học này, tự cho rằng đã lìa ngã kiến, thường kiến (hữu kiến) và đoạn kiến (vô kiến), tự nói rằng đã được Niết Bàn. Mà nay ở trước Phật nghe diệu pháp chưa từng nghe, tức là họ nghi hoặc chẳng hiểu, mong cầu Phật từ bi vì Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng nói tất cả nhân duyên, khiến cho họ được lìa nghi hoặc.

Bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Phất, trước kia ta đâu chẳng nói, chư Phật Thế Tôn dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ, phương tiện nói pháp, đều vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Nói những điều đó, đều vì giáo hóa các Bồ Tát. Nhưng Xá Lợi Phất, nay ta sẽ dùng thí dụ để làm rõ nghĩa này, những người có trí do thí dụ mà được hiểu.

Phật nghe Ngài Xá Lợi Phất, vì bốn chúng mà thỉnh pháp, khiến cho họ lìa tất cả nghi hoặc, mới vì Xá Lợi Phất nói: Trước kia, chẳng phải ta đã nói rõ, mười phương chư Phật dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ phương tiện pháp môn, đâu chẳng vì Vô thượng chánh

đăng chánh giác mà nói pháp chẳng ? Chỉ vì giáo hoá chúng Bồ Tát, mà nói nhân duyên của các pháp. Bây giờ ta dùng ví dụ để giải thích đạo lý này, người có trí huệ thì nhờ ví dụ mà lãnh hội được.

Xá Lợi Phất ! Như quốc ấp tụ lạc, có vị đại trưởng giả tuổi đã già nua, của cải giàu có vô lượng, có nhiều ruộng vườn nhà cửa và các tôi tớ.

Phật bảo Xá Lợi Phất, bây giờ ta đưa ra một ví dụ. "Quốc gia" dụ cho cõi Thật báo trang nghiêm. "Áp" dụ cho cõi Phương tiện hữu dư, là nơi ở của hàng nhị thừa. "Tụ lạc" dụ cho cõi phàm Thánh đồng ở. Cõi Thường Tịch Quang tịnh độ là gốc, còn ba cõi kia là tích, cuối cùng đều quy về gốc, cõi Thường Tịch Quang tịnh độ.

"Có vị đại trưởng giả" là dụ cho đức Phật, dùng pháp thế gian mà nói vị đại trưởng giả. Trưởng giả đầy đủ có mười đức hạnh:

1. Dòng dõi tôn quý.
2. Địa vị cao.
3. Giàu có.
4. Uy đức.
5. Trí sâu rộng.
6. Tuổi cao.
7. Hạnh thanh tịnh.
8. Đầy đủ oai nghi.

9. Được khen ngợi.

10. Tất cả đều nương tựa.

Nay ví dụ Phật là vị trưởng giả xuất thế, cũng đầy đủ mười đức.

1. Phật ba đời đều sinh vào trong chân như thật tế, cho nên gọi là dòng dõi tôn quý.

2. Phật chứng được mười danh hiệu, đây mới là địa vị cao.

3. Phật pháp tài vạn đức viên dung, có thể nói rằng là giàu có.

4. Phật đủ mười trí lực, hàng phục được thiên ma ngoại đạo, cho nên gọi là uy đức.

5. Phật có một tâm ba trí (tu quán không đặc Nhất thiết trí, tu quán giả đặc Đạo chủng trí, tu quán trung đạo đặc Nhất thiết chủng trí) hổ tương thông đạt, đây gọi là trí sâu rộng.

6. Phật trong vô lượng kiếp về trước, sớm đã thành chánh giác, đây là lớn tuổi.

7. Phật ba nghiệp (thân, khẩu, ý) tùy trí huệ hành, đây là hạnh thanh tịnh.

8. Phật đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tức là đầy đủ oai nghi.

9. Mười phương chư Phật đều khen ngợi Phật.

10. Bảy phương tiện (chiếu theo Tông Thiên Thai:

a. Nhân thừa.

b. Thiên thừa.

- c. Thanh Văn thừa.
- d. Duyên Giác thừa.
- e. Tạng giáo Bồ Tát thừa.
- f. Thông giáo Bồ Tát thừa.
- g. Biệt giáo Bồ Tát thừa.

Chúng sinh đều đến quy y với Phật, đó là tất cả đều nương tựa.

Mười đức của Phật chẳng ra ngoài một niệm tâm, trí nương quán tâm từ thật tướng mà ra:

1. Sinh vào chủng tính chân chánh nhà Phật, tức là dòng dõi tôn quý.
2. Phật chẳng khởi hoặc (kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc), đã mặc y Như Lai, xưng tịch diệt nhãn, tức địa vị cao.
3. Ba đế (không đế, giả đế, trung đế) đầy đủ pháp tài, tức là giàu có.
4. Dùng trí huệ hàng phục ái kiến, tức uy đức.
5. Hợp với trung đạo, thấy suốt hai pháp quyền và thật, tức là trí huệ sâu rộng.
6. Hay tu quán này thì vượt lên trên bảy phương tiện, tức là lớn tuổi.
7. Quán tâm tính gọi là thượng định, hay khiến thân khẩu ý ba nghiệp đều thanh tịnh, tức là hạnh tịnh.
8. Gặp duyên đối cảnh, hợp với pháp chẳng mất oai nghi, tức là đầy đủ oai nghi.

9. Tu quán này hay tin hiểu sâu các pháp thật tướng, được mười phương chư Phật khen ngợi.

10. Tuy có trời rồng tám bộ chúng và bốn chúng, đều đến cúng dường cũng chẳng lay động, tức là tất cả nương tựa.

Lại dùng "vị trưởng giả" lớn tuổi, tức là bác đạt cổ kim, ví dụ trí huệ của Phật.

1. Phật có trí đức mà hay đương cơ lập đoạn.

2. "Già nua" tức là căn chí thuần thực, dụ cho đoạn đức của Phật, lại dùng "của cải giàu có" dụ cho Phật vạn đức trang nghiêm. "Có nhiều ruộng vườn nhà cửa": Ruộng tốt nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng, người tu hành tham thiền, phải nhờ sức trí huệ làm tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Nhà cửa dụ cho cảnh thật trí chân. Nếu luận về phước đức, thì Phật rộng tu sáu độ vạn hạnh, nếu luận về trí huệ, thì Phật chẳng có cảnh nào mà không chiếu đến. Cho nên nói rằng Phật "có nhiều ruộng vườn nhà cửa". "Tôi tớ" là ví dụ nhiều môn phương tiện tri kiến viên mãn, chúng sinh trong sáu nẻo hòa quang đồng trần, là tứ thuận quần cơ mà thật trí như tôi tớ vậy.

Nhà đó rộng lớn, chỉ có một cửa, có rất nhiều người, một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm người, đều ở trong đó.

Nhà mà trưởng giả dùng này, là dụ cho tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) luân hồi rộng lớn. "Một cửa" là dụ cho một thừa Phật đạo, chỉ một thừa Phật đạo là khỏi tam giới.

Bao quát năm nẻo chúng sinh đều ở trong đó, dùng "một trăm" là dụ cho nẻo cõi trời, dùng "hai trăm" là dụ cho nẻo nhân loại, dùng "ba trăm" là dụ cho đường súc sinh, dùng "bốn trăm" là dụ cho đường ngạ quỷ, dùng "năm trăm" là dụ cho đường địa ngục. Trong đường cõi trời đều có A Tu La, có phước trời mà chẳng có đức trời, rất thích đấu tranh.

Đoạn Kinh văn này nói, tam giới năm đường chúng sinh, cùng ở trong một nhà.

Vì sao trên thế gian có người thông minh, có người ngu si ? Những người thông minh có trí huệ vì thích tụng Kinh, học Phật và ấn tống Kinh điển, còn những người ngu si vì ganh ghét tài giỏi của người.

Lầu gác hư mục, tường vách sụp đổ, cột kèo xiêu vẹo, nóc mái nghiêng ngã.

"Lầu" dụ cho dục giới, "gác" dụ cho sắc giới, vô sắc giới, "hư mục" dụ cho tam giới vô thường, chúng sinh luân hồi ở trong tam giới không ngừng. "Tường vách" dụ cho bốn đại (đất, nước, gió, lửa), tửu, sắc, tài, khí, như gông cùm con người, do đó có bài kệ :

"Tửu sắc tài khí bốn vách tường,

Rất nhiều chúng sinh ẩn trong đó,
Có người vượt ra khỏi ngoài tường,
Tức là trường sinh bất lão ông."

Tường dụ cho thân thể của con người, tam giới dễ hư mục. "Cột kèo xiêu vẹo" dụ cho mạng người chẳng lâu dài. "Nóc mái" dụ cho ý thức. "Nóc mái nghiêng ngã", dụ cho ý thức thay đổi không ngừng, con người sắp mạng chung.

Nên biết mạng người vô thường, người trên thế gian chuyên tranh danh đoạt lợi, tất cả tướng hữu vi đều có sinh diệt, Chúng ta hãy trở về nguồn cội, minh tâm kiến tánh. Tính của con người vốn không dơ không sạch, không sinh không diệt, không tăng không giảm. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng :

"Thường trụ chân tâm,
Tính tịnh minh thể."

Nếu nhận thức được bốn lai diện mục (bộ mặt thật), thì phiền não sẽ biến thành bồ đề, nếu không thì bồ đề cũng biến thành phiền não, do đó :

"Thiên hạ vốn vô sự,
Kẻ ngu tự quấy nhiễu."

Người thế tục phần nhiều làm việc hờ dờ, nhưng lại chấp trước là chánh đạo, họ cho trái là phải. Người tu đạo nên :

"Mắt thấy hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe âm thanh tâm chẳng hay".

Thông thường người thấy sắc là sắc, thấy hình là hình; nhưng nếu ngộ triệt bản thể, thì thấy sắc vô sắc, thấy hình vô hình, liền trở về bản lai Phật tánh. Đạo lý ở trên, có thể bạn đã từng nghe nhiều lần, nhưng biết mà chẳng thực hành cũng như không. Các bạn nên áp dụng thực hành, cung hành thực tiễn, hành Bồ Tát đạo, lợi mình lợi người, tự giác giác tha, tự độ độ tha, làm trách nhiệm của mình, lấy Bồ Tát Địa Tạng làm mô phạm, nguyện độ tất cả chúng sinh tội khổ, do đó :

"Địa ngục chưa trống,
Thề không thành Phật".

Chúng sinh có: Tửu, sắc, tài, khí. Bồ Tát cũng có. Bồ Tát lấy sự độ sinh làm tửu, lấy Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển làm sắc, lấy diệu pháp làm tài, lấy sáu độ vạn hạnh làm khí. Tuy sở hữu của Bồ Tát và chúng sinh giống nhau, song nghĩa thì khác biệt một trời một vực.

Chung quanh cùng một lúc, lửa bùng nổi lên thiêu đốt nhà cửa.

"Chung quanh cùng một lúc lửa bùng nổi lên" : Tám khổ (sinh, già, bệnh, chết, cầu chẳng được, thương mà xa lìa, ghét mà gặp nhau, năm uẩn thiêu đốt) khắp cùng nơi bốn đại (đất, nước, gió, lửa), bốn sự sinh (sinh

bằng thai, bằng trứng, âm thấp và biến hóa), cho nên nói "chung quanh". Bốn sự sinh, bốn đại, tám khổ, đều vô thường, cho nên nói "cùng một lúc". Dùng "thieu đốt nhà cửa", dụ cho bốn đại của thân con người, bị đủ thứ sự khổ ràng buộc vây hãm khắp chung quanh, vì có lửa phiền não, tùy thời tùy lúc sẽ nổi lên thiêu đốt, mà sinh ra vô tận thống khổ, vì do năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) sinh ra lửa thiêu đốt rừng công đức trong tâm con người.

Các người con của ông trưởng giả, hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi người, đều ở trong nhà đó.

"Các người con của ông trưởng giả" dụ cho Bồ Tát thừa, Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa, ba thừa đệ tử ở trong tam giới. Nếu chẳng có người ba thừa này, tức là "năm trăm người". Người ba thừa này xưa kia đã nghe Phật pháp, có mật cảm thân thiết với Phật, cho nên làm bậc pháp vương tử (con của đấng Pháp Vương). Pháp vương tử gồm có đại, trung và tiểu thừa. Đại thừa là Bồ Tát, trung thừa là Duyên Giác, Bích Chi Phật, tiểu thừa là Thanh Văn. Con của ba thừa này là quyến thuộc của Phật, đều cùng ở trong nhà lửa.

Ông trưởng giả thấy lửa lớn từ bốn phía nổi lên, bèn rất sợ hãi, mà nghĩ như vậy : Tuy ta ở nơi cửa nhà cháy ra ngoài được an

ổn, mà các người con của ta đang ở trong nhà lửa, đùa giỡn chẳng hay biết gì, chẳng kinh sợ lửa sẽ đốt thân, rất đau khổ lắm, mà chúng chẳng lo lắng, chẳng có ý cầu ra ngoài.

Dùng Phật nhãn xem, thì thấy sáu nẻo chúng sinh, bị lửa năm uẩn vây hãm, từ bốn phía nổi lên (tức bốn sự thấy điên đảo : Chẳng phải thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng phải tịnh cho là tịnh).

Trong bài Quy Khứ Lai của người xưa có nói rằng :

"Quy khứ lai hề !

Điền viên tương vu, hồ tất quy ?

Tức tự dĩ tâm vi hình dịch,

Hèn chù tướng nhi độc bi.

Ngộ dĩ vãng chi bất luyện,

Tri lai giả chi khả truy,

Thật mê đồ kỳ vị viễn,

Giác kim thị nhi tạc phi."

Nghĩa là : Con người thường vì thân giả chẳng sạch sẽ này, mà làm tội tố cho nó, tức biết ruộng vườn tự tánh của chúng ta bỏ hoang vu, mà nay bùng dậy tỉnh ngộ, trở về nẻo chánh Phật đạo, mới biết hôm nay đúng mà hôm qua sai lầm vậy !

Trong Kinh dùng "mười, hai mươi, hoặc ba mươi người" dụ cho ba thừa, mười, hai mươi và ba mươi, cộng thành sáu mươi, sáu mươi dụ cho sáu đường. Từ bậc Bồ Tát, Duyên Giác và Thanh Văn thừa đều có mười trí :

1. Trí thế gian (cũng bao quát trí xuất thế gian, giác ngộ tất cả pháp thế gian, sau cầu pháp xuất thế gian).

2. Tha tâm trí (từ trong định sinh, trong định của Thanh Văn thừa có tha tâm trí, Duyên Giác thừa chỉ cần nghĩ đến thì có tha tâm trí, còn Bồ Tát thì lúc nào cũng có tha tâm trí).

3. Khổ trí (biết khổ dứt khổ).

4. Tập trí.

5. Diệt trí (diệt phiền não được bồ đề, chứng được thường lạc ngã tịnh).

6. Đạo trí.

7. Pháp trí (có mắt chọn pháp, trừ khử mười điều ác).

8. Tỉ trí (lựa thiện mà theo).

9. Tận trí.

10. Vô sinh trí (đắc vô sinh pháp nhẫn).

Bốn niệm xứ :

1. Quán thân bất tịnh : Thân thể của chúng ta có chín lỗ thường chảy ra vật bất tịnh, hai con mắt chảy ra nước mắt, hai lỗ tai có cục ráy, hai lỗ mũi chảy mũi, miệng chảy nước dãi, đờm, nơi đại tiểu tiện bài tiết nước tiểu và phân, máu thịt cũng bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ : Tất cả mọi sự hưởng thọ đều vô nghĩa, cho nên không nên chấp trước.

3. Quán tâm vô thường : Ý niệm của con người thay đổi luôn luôn. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Tâm quá khứ không thể được,
Tâm hiện tại không thể được,
Tâm vị lai không thể được."

4. Quán pháp vô ngã : Cho đến người và pháp đều không. Phật có tâm đại từ bi, sợ chúng sinh thối thất bồ đề tâm mà nghĩ như vậy : Ta ở trong nhà lửa, tu trung đạo được thành Phật, được lìa khỏi nhà lửa này. "An" dụ cho Phật chẳng bị năm uẩn, tám sự khổ bức bách. "Ổn" dụ cho Phật chẳng bị bốn điên đảo (chẳng thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng tịnh cho là tịnh) làm điên đảo, ra khỏi tam giới. Các người con của ta (ba thừa và năm trăm chúng sinh) đang ở trong nhà lửa, bị ái kiến vây khốn, trong đại bi sám nói rằng : "Ái kiến là gốc, thân miệng là duyên." Do có bốn điên đảo, tham trước năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) hoặc năm độc (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), kiến (thấy) làm vui chơi, chấp trước ái làm đùa giỡn. Bị kiến ái chuyển, phải lìa khỏi sinh tử mà "chẳng hay biết gì". Tuy lửa sẽ hại thân mà chẳng biết "sợ hãi". Người chẳng biết tập, chẳng sợ hãi đạo, chẳng sợ mất diệt. Dùng không nghe pháp bốn đế, tức chẳng nghe (vấn), suy nghĩ (tư) hai huệ làm chẳng hay. Chẳng tu huệ là chẳng biết. Không

kiến giải là chẳng sợ, không tư duy giải là chẳng hãi. Nhưng chúng sinh chẳng biết khổ hiện tại, cũng chẳng biết khổ trong tương lai. Các người con bị lửa thiêu đốt thân, thì đức Phật cảm thấy như chính mình chịu đựng rất là thống khổ. Chúng sinh thì mê chẳng giác, mê nơi tham sân si chẳng biết lìa khỏi.

"Vui chơi đùa giỡn" dụ cho kiến trước và phiền não trước. "Chẳng hay biết, chẳng sợ hãi" dụ cho chúng sinh trước. "Lửa đến thiêu đốt thân, rất là thống khổ" dụ cho mạng trước.

"Chúng chẳng lo lắng, chẳng có ý cầu ra ngoài" dụ cho kiếp trước. Chúng sinh trôi nổi ở trong năm trước quên về, suốt ngày bồi hồi mà chẳng tỉnh giác, mới làm nhận thế giới này là cõi an vui. Con người thường tạo nghiệp mà đọa địa ngục, nếu tỉnh giác thì sẽ dứt sinh tử.

Gần đây ở San Francisco chẳng phát sinh động đất, đó là do tâm lành của chúng ta tụng Chú Lăng Nghiêm, chế phục được thiên ma, cho nên San Francisco mới được bình an vô sự, khỏi tai ương động đất.

Xá Lợi Phất ! Ông trưởng giả đó, bèn nghĩ như vậy : Thân và tay của ta, có sức sẽ dùng vạt áo, hoặc bàn ghế từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ : Nhà đó chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ, các người con còn thơ

ấu, chưa có hiểu biết, ham mê chơi đùa, sẽ bị đọa lạc, hoặc bị lửa thiêu đốt.

Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất ! Ông trưởng giả đó, tức Đúc Phật ở trong hai mươi một ngày, suy gẫm như vậy: Ban đầu ta dùng pháp gì để hợp cơ với chúng sinh, để khiến cho chúng sinh giác ngộ ? "Thân" dụ cho thân thông, "tay" dụ cho trí huệ cất nhắc. Phật y vào tam muội đoạn đức, phân biệt thật tướng của tất cả các pháp, có trí đức thì hay thuyết pháp. Có đoạn, trí hai đức mà thành pháp thân, do khuyển, dạy bảo hai cửa mà vào. Khuyển tức là vị nhân tất đàn, là cửa từ bi, dạy bảo tức là đối trị tất đàn, là cửa chế phục.

Tất đàn có bốn :

1. Vị nhân tất đàn.
2. Đối trị tất đàn.
3. Thế gian tất đàn.
4. Đệ nhất nghĩa tất đàn.

Cho nên nói rằng :

"Bất nhị pháp môn hư khai khẩu,
Đệ nhất nghĩa đế bản vô ngôn."

Nghĩa là:

Pháp môn không hai chẳng mở miệng,
Pháp đệ nhất nghĩa vốn không lời.

Phật cứ vào bốn tất đàn để thuyết pháp, bố thí khắp hết thầy. Vị nhân tất đàn và đối trị tất đàn, cùng thế gian tất đàn, đều vì đệ nhất nghĩa tất đàn mà nói. Phật dùng pháp phương tiện, trước nói cửa khuyên (khuyên môn), khiến cho tất cả chúng sinh, làm các việc thiện, sẽ thành tựu mười lực của Như Lai.

Phật có bốn vô sở úy :

1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Thuyết pháp vô sở úy.
3. Thuyết chương đạo vô sở úy.
4. Thuyết tận khổ đạo pháp vô sở úy.

Vì khai mở nhất thiết chủng trí, mà nói cửa khuyên, tiếp đó dùng cửa dạy bảo (giới môn), khiến cho chúng sinh đừng làm các điều ác, có thể chứng đại Niết Bàn, được thường lạc ngã tịnh bốn đức. Chúng sinh chẳng giác ngộ sự giáo hoá, Phật biết không nên dùng pháp đại thừa, bèn dùng thần thông trí huệ, sức định huệ trang nghiêm để độ chúng sinh.

"Thân và tay của ta có sức" dụ cho trí, đoạn hai đức tác dụng. "Vạt áo" dụ cho tri kiến của Phật, bao hàm hết tất cả tri kiến của chúng sinh. Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy. Dùng "bàn" dụ cho mười trí của Phật, giáo hóa sáu nẻo chúng sinh, lia khổ được vui. Dùng "ghế" dụ cho bốn vô sở úy. Phật dùng bốn vô

sở úy giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi khổ trong tam giới, chấm dứt luân hồi trong sáu đường.

Chúng ta học Phật pháp, không nên có tâm phân biệt, bất cứ thầy nào nói pháp đều nên lắng nghe. Phật pháp, nên nghe rồi, lại nghe nữa, thì tự nhiên sẽ có sự bổ ích. Nghe pháp là gieo xuống hạt giống kim cang, ở trong thức thứ tám của chúng ta. Các bạn nên rộng trồng hạt giống này, khiến cho tăng trưởng, lấy việc ủng hộ đạo tràng làm trách nhiệm của mình.

Phật trong hai mươi một ngày suy nghĩ, nên dùng pháp gì để giáo hóa chúng sinh. Cửa "khuyên" thuộc về nhiếp thọ, vị nhân tất đàn là cửa từ bi. "Dạy bảo" là cửa triết phục, dùng phương thứ rất nghiêm để khiến cho họ triết phục, là cửa oai phục. Phật dùng khuyên dạy hai cửa, bốn vô sở úy, mười lục và Như Lai trí, khiến cho chúng sinh lìa khỏi nhà lửa này. Sau đó, Phật lại nghĩ, nhà này chỉ có một cửa, là xe trâu trắng lớn, pháp đại thừa mà lại hẹp nhỏ. Pháp đại thừa là viên dung vô ngại, nghĩa tuy rộng lớn, mà chỉ có đại thừa viên giác Bồ Tát mới có thể vào, ngoài ra ngoại đạo và người bảy phương tiện thừa kia chẳng thể vào được. Người tu Bồ Tát đạo, cửa cõi Phật, diệu hạnh này, pháp đại thừa khó hành, song mới bỏ tất cả pháp phương tiện, do đó gọi là hẹp nhỏ. Diệu lý của một Phật thừa là thuần nhất không tạp. Đạo lý này thật là vi diệu không thể nghĩ bàn, chẳng dễ gì minh bạch, do đó gọi là "hẹp nhỏ". Giáo này thuộc về viên giáo, giáo lý

quyền thật không hai, phàm phu chẳng biết cửa ra, là vì chẳng biết quyền, lại chẳng biết vào cửa này, là vì chẳng biết thật. Hàng nhị thừa tuy biết ra, nhưng chẳng biết vào, cũng chẳng rõ giáo lý này. Hàng Bồ Tát tuy tự biết ra, cũng chẳng biết vào, Bồ Tát này tức là biệt giáo Bồ Tát, tức cũng là bảy phương tiện Bồ Tát. Bảy phương tiện người chẳng rõ giáo lý này, do nơi người tiểu thừa không thể vào đại thừa, cho nên giáo nghĩa tuy rộng mà nói là "hẹp nhỏ". Người tu hành lấy viên giáo tu hành, tu Bồ Tát đạo, đi thẳng đến quả vị Phật, thông suốt vô ngại, cho nên gọi là "một cửa". Diệu hạnh khó hành, bỏ pháp phương tiện, cho nên gọi là "nhỏ hẹp".

"Các người con thơ ấu, chưa có hiểu biết": Nói hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, người ba thừa chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng sợ, chẳng hãi, tuy ở nơi hai vạn vị Phật, được giáo hoá tu vô thượng đạo, nhưng căn lành của họ mỏng manh, nghe pháp đại thừa thì tâm chẳng tin nhận, càng sinh tâm thối lùi. "Ham mê chơi đùa": Người tiểu thừa chấp trước nơi kiến ái, thối thất bờ đề, chịu tám thứ khổ hoành hành. Chấp trước nơi y, chánh hai báo : Y báo tức là báo thân của chúng ta, đây là hữu tình thế giới. Trong tam giới, chúng sinh dục giới chấp trước nơi năm dục (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), hoặc chấp trước vào năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Chúng sinh sắc giới thì chấp trước vào vị thiên. Chúng sinh trời Tứ Thiên thì chấp trước vào thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, cho nên trời Sơ Thiên gọi là ly sinh hỷ lạc địa,

trời Nhị Thiên gọi là định sinh hỷ lạc địa, trời Tam Thiên gọi là ly hỷ diệu lạc địa, trời Tứ Thiên gọi là xả niệm thanh tịnh địa. Hỷ lạc, diệu lạc, thanh tịnh, đều là một thứ từ vị trong sự ngời thiên, họ tham luyến thứ từ vị này. Cõi vô sắc thì chấp trước nơi định, tuy rằng nói : "Siêng tu giới định huệ", cũng đừng chấp trước nơi định. Con người do có các thứ chấp trước, có sự tham luyến, cho nên không thể thoát khỏi tam giới, buông chằng đặng, bỏ chằng được tri kiến ngu si, cho nên ở trong nhà này, mà quên mất đường về.

"Hoặc sẽ bị đọa lạc": Nói chúng sinh hoặc sẽ bị đọa lạc, nghĩa là có thể cải lỗi làm mới, biết được giác ngộ, thì sẽ chấm dứt luân hồi. Nhưng vì ngu si, chấp trước nơi năm dục, mà bị đọa lạc trong ba đường ác. Hơn nữa, vì chúng sinh chẳng biết, nhiễm khổ cho là vui, bỏ giác hợp trần, cho nên đọa lạc vào ba đường ác. Đọa lạc thì bị tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, vì chẳng giác ngộ, chẳng biết lửa dữ sẽ thiêu hủy pháp thân, căn lành.

Ta sẽ vì chúng nói việc đáng sợ. Nhà này đã cháy, phải đi ra mau, đừng để bị lửa thiêu hại. Nghĩ như thế rồi, bèn y theo sự suy nghĩ đó, mà bảo các con : Các con hãy mau ra ! Người cha tuy thương xót, khéo nói lời dẫn dụ, mà các người con ham vui chơi

đùa chẳng chịu tin nhận, chẳng sợ hãi, chẳng có tâm muốn ra, cũng chẳng biết gì là lửa, gì là nhà, thế nào là mất, cứ chạy đông chạy tây, đùa giỡn nhìn cha mà thôi.

Chúng sinh chẳng biết bị tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, mười tám giới là khí huyết mang đầy đầy các sự khổ, chẳng biết tìm đường thoát ly, chẳng biết đây là nguyên nhân tán mất pháp thân. "Cứ chạy đông chạy tây đùa giỡn" : Chạy khắp bốn phương chẳng có mục đích, bỏ sáng về tối, trôi nổi trong sinh tử, lúc lên trời, lúc ở dưới đất, đều thoát chẳng khỏi ba cõi. "Nhìn cha mà thôi" là dụ cho chẳng tôn theo Phật pháp đại thừa, như trẻ con chẳng biết trời cao đất rộng, chẳng cứ lời của người cha dạy bảo. Tuy nhiên chúng sinh chẳng nghe lời dạy bảo, chẳng thọ sự giáo hóa, vì Phật vốn có tâm đại từ bi, cho nên không nỡ bỏ chúng sinh, xem chúng sinh như chính con của mình, tâm rất thương xót vô cùng.

Bấy giờ, ông trưởng giả bèn nghĩ : Nhà này lửa đã cháy lớn, nếu ta và các con không ra, thì sẽ bị lửa thiêu. Nay ta phải bày phương tiện, khiến cho các con khỏi bị lửa hại.

Lúc đó, ông trưởng giả tức là Phật, nghĩ như vậy: Nhà lớn này đã bị lửa tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, nếu ta với người ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát) và năm trăm người (năm đường chúng sinh) không ra khỏi nhà lửa này, thì sẽ bị lửa lớn thiêu đốt. Ở trước từng nói, Phật đã ra khỏi nhà lửa, sao bây giờ lại nói ở nhà lửa bị lửa thiêu? Kì thật, pháp thân của Phật đã được an ổn lìa khỏi ba cõi, bây giờ bị lửa thiêu, là ứng thân của Phật. Nay ta phải bày pháp quyền xảo phương tiện, khiến cho tất cả chúng sinh không bị lửa nghiệp tám khổ, năm uẩn thiêu hại.

Cha biết các con, trước kia tâm đều thích đủ thứ đồ chơi quý giá kỳ lạ, ai nấy đều ưa thích, mà bảo rằng: Ở đây có những đồ chơi, ít có khó được, nếu các con không mau ra lấy, chắc sau này sẽ buồn ăn năn. Nào là xe dê, xe hươu, xe trâu, đủ thứ, nay đều ở ngoài cửa, có thể dùng đi dạo chơi. Các con đang ở trong nhà lửa, hãy mau ra đây, tùy ý muốn của các con, cha đều cho các con.

"Cha" tức là Phật, tức cũng là ông trưởng giả, do đó "biết con chẳng ai bằng cha", bậc làm cha biết ý của con

cái nhất. Biết chúng sinh chẳng ai bằng Phật, Phật thấy suốt căn tính của tất cả chúng sinh. "Trước kia tâm đều thích": Trước kia chúng sinh thích tu học pháp tiểu thừa. "Đủ thứ đồ chơi quý giá kì lạ, ai nấy đều ưa thích." Pháp tu của mỗi người chẳng giống nhau, có người tu bố thí, pháp bốn đế, pháp mười hai nhân duyên, đều là sở thích của mỗi người.

Phật lại bảo chúng rằng: Đồ mà các con thích chơi chẳng đặc biệt quý giá, mà hiện nay ta có đồ chơi quý giá mới lạ ít có, nếu các con không mau ra lấy, thì sau này chắc sẽ buồn ăn năn. Có đủ thứ nào là: "Xe dê, xe hươu, xe trâu". Xe dê dụ cho Thanh Văn, là vì tiểu thừa. Xe hươu dụ cho Duyên Giác, sức hươu lớn hơn sức dê, là trung thừa. Xe trâu dụ cho Bồ Tát, sức trâu càng mạnh hơn, có thể chuyên chở nhiều đồ, cho nên dụ cho đại thừa. Những thứ xe này, đều để ở ngoài cửa, các con hãy mau ra đây lấy ! Các con thích gì, thì cha đều thưởng cho các con.

Khi đó, các người con nghe cha nói đồ chơi quý giá, vừa hợp ý mình, nên tâm ai nấy đều dửng mãnh, xô đẩy lẫn nhau, cùng đua đuổi chạy tranh nhau ra khỏi nhà lửa.

Lúc đó, người ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa) và năm đường chúng sinh, nghe Phật nói pháp ba thừa vi diệu như thế, thì khiến cho họ khởi dậy tâm háo kì, vừa hợp ý của họ. Phật nói pháp ba thừa

quyền xảo phương tiện này, dùng để độ năm đường chúng sinh. Cuối cùng Phật mới nói một Phật thừa này. Cho nên những gì nói ở trong Kinh Pháp Hoa, là thật trí diệu pháp, chẳng phải pháp quyền xảo, do đó đại sư Trí Giả nói Kinh Pháp Hoa là “Thuần viên độc diệu” (chỉ có Kinh Pháp Hoa là viên mãn diệu nhất).

“Nên tâm ai nấy đều dững mãinh”. Trong tâm của mỗi người đều có sở thích đồ chơi của họ. Tâm của chúng sinh dững mãinh là biểu thị tư huệ. Tư huệ này dùng Bát Nhã để quán chiếu, cũng là tĩnh lự tư huệ tham thiền, tức phải dùng trí huệ lanh lợi mà tu hành, thì sẽ thấy rõ thị phi, chẳng rơi vào đường tà, không thể biết rõ mà cố phạm. Những người chưa vào cửa Phật pháp, thì chẳng hiểu chân lý, do đó mà lầm vào đường tà. Quy y Tam Bảo rồi, thì phải y theo giáo pháp mà tu hành, bằng không, biết rõ mà cố phạm thì sẽ đọa địa ngục.

“Xô đẩy lẫn nhau”: Truy cầu khổ, tập, diệt, đạo bốn chân lý, chế phục kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi là xô đẩy lẫn nhau. Ở trong pháp khổ, tu khổ pháp trí, khổ pháp nhẫn; ở trong pháp tập, tu tập pháp trí, tập pháp nhẫn; ở trong pháp diệt, tu diệt pháp trí, diệt pháp nhẫn; ở trong pháp đạo, tu đạo pháp trí, đạo pháp nhẫn. Dùng bốn để quán sát lẫn nhau, xô đẩy lẫn nhau, tức là hàng phục được kiến hoặc. Đoạn Kinh văn này, cũng dụ cho bốn gia hạnh (Noãn, đỉnh, nhẫn, thế đệ nhất), là noãn và đỉnh vị. “Ruổi chạy” là nhẫn vị, chữ “cùng” là dụ cho thế đệ nhất. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói về bốn gia hạnh.

‘‘Cùng đua ruổi chạy’’: ‘‘Cùng đua’’ là tranh thủ vô sinh pháp nhãn, diệu lý thù thắng, thuộc về nhãn huệ. ‘‘Cùng’’, tức thế đệ nhất, ‘‘ruổi chạy’’ thuộc kiến đạo vị, chứng sơ quả A La Hán. Kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, hiện tại đoạn tuyệt niệm này, thì chẳng mê hoặc kiến ái, mà chứng sơ quả A La Hán, nhưng chưa dứt được phân đoạn sinh tử. Phân đoạn sinh tử là, từ khi sinh ra cho đến chết, gọi là một đoạn. Chúng sinh từ khi sinh ra đến chết, tạo ra tất cả những gì, đều do nghiệp lực chiêu cảm.

‘‘Tranh nhau ra khỏi nhà lửa’’: Là thuộc về tư hoặc. Đoạn được tư hoặc, thì chứng bậc vô học, tức chứng tứ quả A La Hán, dứt hẳn kiến hoặc, tư hoặc mà ra khỏi được tam giới. Lúc này ‘‘Vượt ra ngoài ba cõi, chẳng còn trong ngũ hành.’’ Chẳng bị tập khí che đậy, chẳng vì vật dục che lấp. Con người bị tập khí trói buộc, tùy ý phóng dật, tham cầu vật dục, khiến cho che lấp trí huệ vốn có, do đó không thể vượt ra khỏi ba cõi, hãy mau ra khỏi nhà lửa này; dụ cho người học Phật pháp, phải có chánh tri chánh kiến, cầu mong ra khỏi ba cõi.

Mấy ngày trước, có người nói với tôi, y tính ngộ trước kia y dùng tâm phan duyên là không đúng, y biết được sai lầm, thì có thể thấy y dụng công đã có tiến bộ, nên tiếp tục nỗ lực dùng giải đãi.

Người tây phương tu đạo thì ít, người hỗn đạo thì nhiều, bây giờ hằng ngày biết ngồi thiền dụng công tu hành, tức có sự tiến triển. Người đồng môn tu hành, nên

cố gắng khuyến bảo với nhau, chẳng những người xuất gia phải dụng công, mà đệ tử tại gia cũng phải dụng công, thường tùy hỉ nghe Kinh niệm Phật.

Khi đó, ông trưởng giả thấy các con ra ngoài được an ổn, đều ở nơi ngã tư đường, ngồi ở nơi đất trống, chẳng còn gì chướng ngại, tâm ông rất thơ thới vui mừng hơn hở.

Lúc đó, đức Phật thấy chúng sinh ra khỏi nhà lửa, ngồi ở nơi đất trống. “Ngã tư đường” dụ cho quán pháp bốn đế (khổ, tập, diệt, đạo), đắc được trí huệ khổ, tập, diệt, đạo, vượt ra khỏi năm đường luân hồi, ở trong ngã tư đường tu hành, tức tu quán pháp bốn đế, mà được chứng quả, dứt sạch tư kiến hoặc ba cõi. “Ngồi ở nơi đất trống”, “ngồi” là dụ cho chúng được quả vị, thì chẳng cầu tiến bộ, ngừng lại ở hóa thành.

Người ở trong ba cõi, nếu bị vây hãm ở trong sáu nẻo luân hồi, thì chẳng được giải thoát. Vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, thì chẳng còn gì chướng ngại, thân được yên ổn, mà tâm cũng an lạc, chẳng còn gì lo lắng. Chúng sinh đều “vui mừng hơn hở”, vì đều ra khỏi được nhà lửa.

Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng : Lúc này, cha có hứa cho chúng con

các đồ chơi quý giá, nào là xe dê, xe hươu, xe trâu, xin cha hãy ban cho.

“Xe dê, xe hươu, xe trâu”, dụ cho quả vị ba thừa. Muốn được quả vị ba thừa, thì trước hết phải vượt ra ba cõi. Quả vị ba thừa thuộc về pháp quyền xảo, do đó, vượt ra ba cõi rồi, thì quả vị ba thừa này bất khả đắc. Tại thời Phương Đẳng, có đàm luận về ba thừa, bốn giáo (Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo); Phật trách người Tạng giáo độc thiện kỳ thân, người Thông giáo thì chưa nghe sự dạy bảo của Phật; đồng thời khen ngợi người Biệt giáo, người Viên giáo, hành đúng ý chỉ của Phật, hồi tiểu hướng đại. Tại thời Bát Nhã, thì lại chỉ dẫn đấng đại (đãi bỏ căn bản). Trong Kinh Pháp Hoa ở trước đã nói rõ, bởi vì căn cơ khác nhau, cho nên nói pháp quyền xảo, pháp nói ở trong hội Pháp Hoa, mới là thật pháp đại thừa. Các người con ba thừa này, bạch Phật xin đòi, xe dê, xe hươu, xe trâu, bây giờ hãy cho chúng con.

Xá Lợi Phất ! Lúc đó, ông trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn.

“Các con” dụ cho tất cả chúng sinh, Phật xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như một, chẳng khác biệt. Pháp ba thừa tuy là quyền pháp, nhưng tính của nó đồng nhau, chẳng mất đi pháp vi diệu. Xưa kia tập khí của chúng sinh khác nhau, như tu pháp bốn đế, pháp mười hai

nhân duyên, đều là pháp tu tập trước kia. Và còn tu sáu độ Ba la mật. Ngoài ra còn tu từ bi hỉ xả, sắc pháp, tâm pháp, nghịch pháp, thuận pháp, y báo pháp, chánh báo pháp, thật pháp, lý pháp, nhân quả pháp, tự pháp, tha pháp, minh bạch pháp, và bồ đề pháp. Minh tức là giác, bất minh tức là mê. Và còn tu phước huệ pháp, thường lấy lợi người làm gốc, chẳng những trợ giúp người, mà còn không làm hại, chướng ngại người khác làm nguyền tặc.

Phận làm đệ tử, thì phải hộ trì pháp của thầy nói, ủng hộ đạo tràng tức là tu phước lập đức. Thâm nhập Kinh điển, cung kính lễ bái Kinh điển, y theo trong Kinh mà thiết thật tu hành. Nếu chỉ biết mà không thực hành, biết rõ mà cố phạm, thì chưa đi sâu vào Kinh điển. Ngài đại sư Trí Giả tông Thiên Thai, do đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, Ngài nghe Kinh Lăng Nghiêm mà khởi tâm cung kính, hướng về phương tây lễ lạy mười tám năm, vẫn chưa được đọc qua Kinh này. Tại Trung Quốc có rất nhiều vị xuất gia lạy từng chữ trong Kinh điển, như lạy Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm .v.v. Cho nên nói :

“Thâm nhập kinh tạng,
Trí huệ như hải”.

Người tu đạo, phải thường tự mình hạn chế, trừ khử tất cả tập khí ma bệnh, do đó :

“Có lỗi chớ nãn sửa đổi”.

Ta đối đãi với mỗi đệ tử đều bình đẳng như nhau, hy vọng các vị mỗi người đều sẽ giỏi hơn thầy. Tất cả các pháp đều là Phật pháp, các vị minh bạch Phật pháp chân nghĩa, thì phải thiết thật tu hành. Những vị Thanh Văn này, ai nấy đều có pháp môn tu hành của mình, nhưng tất cả đều là quyền giáo, mà chẳng phải thật giáo.

Như những gì nay khai thị đều là pháp chân thật. Vì xưa kia tu tập pháp chẳng giống nhau, nên trong Kinh nói ‘mỗi người’. Tuy mỗi người tu tập pháp khác nhau, nhưng bây giờ Phật đều ban cho pháp đại thừa, nhiếp thọ tất cả các pháp, tất cả chúng sinh đều vào được, nên gọi là ‘xe lớn’.

Xe đó cao rộng, trang trí các thứ báu đẹp, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che phía trên, cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiêm sức. Dây báu kết thắt các dải hoa rủ xuống. Nệm chiếu mềm mại trải chõng chất, gối đỏ để trên, dùng râu trắng kéo, màu da rất sạch, thân hình rất đẹp, có sức lực rất mạnh, bước đi ngay thẳng, mau lẹ như gió, lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ.

“Xe đó cao rộng”: Dụ cho Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy, thấy biết xa xa chẳng có bờ bến, chẳng cách chi lường được. Pháp giới tam đế (không đế, giả đế, trung đế) bao quát tất cả các pháp. Cho nên nói tri kiến của Như Lai đầy đủ tất cả Phật pháp.

“Trang trí các thứ báu đẹp”: Dụ cho dùng lục độ vạn hạnh để trang nghiêm pháp thân, chúng ta phải cung hành thực tiễn lục độ vạn hạnh, mới có thể trang nghiêm pháp thân.

Phẩm Ví Dụ này, là phẩm tinh yếu nhất trong Kinh Pháp Hoa, thật khó mà minh bạch. Nhưng nếu muốn vào sâu nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa, thì trước hết phải nghiên cứu tường tận phẩm này. Liều giải được diệu lý của nó, thì sẽ khế hợp với Kinh này, còn các phẩm kia cũng chẳng có gì khó minh bạch.

“Lan can bao quanh”: Dụ cho Đà La Ni, dịch là "tổng trì". Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh, trì giới định huệ ba học viên minh. Đà La Ni hay trì vạn điều thiện, che đậy các điều ác, khiến cho tiêu diệt ở trong vô hình, tức là :

“Không làm các điều ác,
Siêng làm các điều lành”.

“Bốn bên treo linh”: Dụ cho bốn biện vô ngại tức là : Từ vô ngại biện, pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện và lạc thuyết vô ngại biện.

1. Từ vô ngại biện : Lời lẽ sinh động, khiến cho chúng sinh do lời lẽ mà sinh tín tâm.

2. Pháp vô ngại biện : Dùng một pháp, mà phát huy thành vạn pháp, dùng vạn pháp mà quy về một pháp. Do đó :

“Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù quy về một gốc”.

Cho nên nói : Một tức tất cả, tất cả tức một, pháp chẳng có cố định.

3. Nghĩa vô ngại biện: Tuyên dương nghĩa lý pháp thế gian, viên dung vô ngại, sự lý chẳng trở ngại.

4. Lạc thuyết vô ngại biện: Người thuyết pháp, thì vui về thuyết pháp, khi thuyết pháp thì thao thao bất tuyệt, diễn xướng đạo lý vô cùng vô tận.

“Lại dùng màn lọng che giảng phía trên”: Tức dùng màn lọng dẹt bằng tơ lụa, che ở trên mui xe. Dụ cho Phật có từ, bi, hỷ, xả, bốn tâm vô lượng. Từ là ban vui cho chúng sinh, bi là cứu khổ chúng sinh, xả là xả bỏ tất cả cho chúng sinh, hỷ là hoan hỷ giáo hóa tất cả chúng sinh. Đức hạnh lớn nhất của Phật, là từ bi vô lượng, hỷ xả vô lượng, trong tất cả các đức hạnh, từ bi cao nhất, do đó hay che khắp hết tất cả chúng sinh. Cho nên kinh có nói : “Nếu từ bi đầy đủ bốn vô sở úy, gọi là Như Lai từ”. Phật tu bốn tâm vô lượng, thành tựu phạm hạnh tanh tịnh, cho nên nói là “màn lọng giảng che”.

‘‘Cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiêm sức’’:
Dụ cho bốn tâm vô lượng, phải dùng vạn hạnh trang
nghiêm, tức là pháp đại thừa đầy đủ lực độ vạn hạnh. Tất
cả các môn trang nghiêm pháp đại thừa.

‘‘Dây báu kết thắt’’: Dụ cho bốn hoằng thệ nguyện.
Bốn hoằng thệ nguyện này, phải thân thể lực hành, hồi
quang phản chiếu, phản cùng tự tỉnh.

■ Nguyện thứ nhất: Chúng sinh vô biên thệ nguyện
độ : Ta có độ chúng sinh chăng ? Độ chúng sinh tức hành
Bồ Tát đạo, nhưng độ chúng sinh cũng đừng chấp tướng
chúng sinh, do đó :

‘‘Lìa tất cả tướng, quét tất cả pháp’’.

■ Nguyện thứ hai: Phiền não vô tận thệ nguyện
đoạn: Đã đoạn phiền não chưa ? Phiền não tức bờ đê,
băng tức nước, nước tức băng, biến phiền não thành nước
trí huệ, tức là bờ đê. Vì sao nói chúng sinh tức là Phật;
Phật tức chúng sinh ? Bạn độ tận chúng sinh tức thành
Phật, nếu chưa độ chúng sinh thì bạn vẫn là chúng sinh.
Giác ngộ tức Phật, mê muội là chúng sinh. Do đó, đừng
truy cầu bên ngoài.

Trong Kinh Bảo Đàn nói rằng: ‘‘Tự tính chúng sinh
thệ nguyện độ’’. Tất cả chúng sinh như một, chẳng phân
biệt ta người, trước phải độ tự tính chúng sinh. Giác là
Phật vậy, mê là chúng sinh vậy. Giác và mê không khác,
không mê tức là giác, không giác tức là mê, như băng và

nước chẳng khác biệt. Cho nên nói phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

■ Nguyện thứ ba: Pháp môn vô lượng thế nguyện học: Pháp môn vô lượng vô biên, ta đã học chưa ?

■ Nguyện thứ tư: Phật đạo vô thượng thế nguyện thành : Đừng do dự không quyết định, nên thế nguyện tu hành cho đến khi thành Phật, nếu không thì chẳng đạt được quả vị Phật.

“Dải hoa rữ xuống”: Trên xe có hoa thòng rữ xuống, dụ cho bốn pháp nhiếp thọ chúng sinh, tức là bốn pháp nhiếp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

1. Bố thí: “Trước dùng câu dục móc, sau khiến vào Phật đạo.” Nếu muốn chúng sinh vào trí huệ của Phật, thì trước hết dùng pháp phương tiện dẫn dắt. Chúng sinh thích tiền tài, thì bố thí tiền tài, khiến cho họ vui mừng, sau đó dạy Phật pháp cho họ, thì họ vui vẻ tiếp thọ. Bố thí thì đầu tiên nên bố thí pháp, tiếp đó bố thí tiền tài. Nhưng dùng pháp phương tiện, khiến cho họ tiếp thọ, cho nên trước phải bố thí tiền tài, sau đó bố thí pháp, và bố thí vô úy, khiến cho chúng sinh nghe Phật pháp, thì lìa tất cả sợ hãi.

2. Ái ngữ : Dùng lời lẽ ôn hòa khéo léo để hóa đạo, như lòng cha mẹ thương con cái, thì chẳng gì mà không thành, dùng từ ái đối đãi với chúng sinh.

3. Lợi hành : Chuyên làm việc thiện để lợi ích chúng sinh.

4. Đồng sự : Làm cùng việc cùng nghề với chúng sinh, thì có thể giáo hóa họ tin Phật, khiến cho họ bỏ mê về giác. Cho nên, Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, dùng bốn pháp nhiếp này để độ chúng sinh, từ chúng sinh có tội lỗi cũng sẽ từ từ cải ác hướng thiện. Bồ Tát đối với những chúng sinh cương cường không biết hối cải, vẫn luôn luôn hy vọng, có ngày họ sẽ cải ác hướng thiện. Cho nên bốn pháp nhiếp này diệu không thể tả.

“Nệm chiếu mềm mại trải chõng chất”: Dụ cho tu tất cả thiền định, y quán chiếu Bát Nhã để huân tu, lâu ngày sẽ thành tựu. “Chõng chất” dụ cho khi ngồi thiền thì được cảm giác khinh an, cảm giác này liên tục không ngừng, cho đến đi chẳng biết đi, đứng chẳng biết đứng, ngồi chẳng biết ngồi, nằm chẳng biết nằm, đạt đến cảnh giới không có tướng ta, tướng người. Cảnh giới này, phải dụng công tu hành, thì mới có thể đạt được, từ vị của nó cũng phải chính quý vị thể hội thì mới biết được, do đó :

“Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.”

“Gối đỏ để trên”: Cái gối màu đỏ để ở trong xe, dùng quang màu đỏ, dụ cho vô phân biệt pháp. Gối gồm có gối ở trong và ở ngoài, gối ở ngoài dùng để dựa khi xe chạy, dụ cho dụng công tu đạo, động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, động tức tĩnh, tĩnh tức động, động tĩnh nhất như. Xe chạy tức động, xe ngừng tức tĩnh, động tĩnh đều là xe này. Chúng ta tu đạo cũng như thế, động tĩnh đều ở tại thân của chúng ta. Trong xe cũng có gối,

dùng để gói đầu nghỉ ngơi, dụ cho nhất hạnh tam muội, hay sinh Bát Nhã trí huệ chân chánh.

“Dùng trâu trắng kéo”: Dụ cho Bát Nhã vô lậu. Tất cả tập khí mao bệnh của chúng ta đều là lậu, tất cả dục niệm đều là lậu. Tại sao chúng ta không thành Phật, không khai ngộ? Là vì có lậu, nếu chẳng có lậu thì được giải thoát. Muốn được trí huệ vô lậu, thì tu bốn đế sẽ thành tựu. Bảo trì trí huệ vô lậu, thì tu mười hai nhân duyên, sẽ thành tựu mà được khai ngộ. Tu sáu độ cũng được đến bờ kia. Tục ngữ có câu :

“Ban ngày ngừa lửa,
Ban đêm ngừa trộm”.

Hàng ngày, chúng ta phải phòng ngừa lửa vô minh nổi dậy, tháng này tháng khác phải phòng ngừa sáu tên tặc (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) phá rối. Sáu tên tặc này thường chi phối bạn, khiến cho bạn điên đảo sẽ trộm đi pháp bảo tự tính của bạn. Nếu ai bảo trì được vô lậu, thì chắc chắn sẽ thành Phật. Vô lậu tức là trâu trắng kéo xe.

“Dùng trâu trắng kéo”: Trắng là màu bản thể thanh tịnh không nhiễm. Nghĩa là bản thể của pháp thanh tịnh không nhiễm, tương ứng với trí vô lậu. Xe trâu trắng lớn, biểu thị bốn Niệm Xứ viên mãn thành tựu, sẽ được khai ngộ. Lại biểu thị cho bốn Chánh Cần.

“Màu da rất sạch”: Dụ cho nhị thể thiện viên mãn, nhị thể ác tiêu diệt. Bốn Như Ý Túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc). Nếu

các bạn chẳng có tâm dâm dục, thì đó là gốc trí huệ vô lậu, bạn muốn tu đạo thì sẽ đầy thiện dục tu đạo, bạn muốn tinh tấn, thì có thể phát đạt khai quật Phật giáo ở phương tây. Niệm như ý tức tức là toại tâm viên mãn nguyện. Tư duy như ý tức là những gì suy nghĩ sẽ đạt được lý tưởng. Cho nên muốn được trí huệ vô lậu, thì trước hết trừ khử đi tất cả nhiễm ô, lấy sự trong sạch làm gốc.

“Thân hình rất đẹp”: Tức là xe trâu trắng lớn thân hình rất đẹp, dụ cho phát tâm đại thừa, như thân hình tốt đẹp, chỉ một tâm này mà bao quát tất cả các pháp.

“Có sức lực rất mạnh”: Tức là trâu trắng lớn có sức lực khỏe mạnh, “sức” dụ cho năm căn (tín, tấn, niệm, định, huệ). Năm căn lành này sao gọi là “căn”? Bởi do rễ (căn) mà sinh trưởng, do đó có câu :

“Rễ sâu thì gốc vững,
Gốc vững thì cành lá xum xê”.

Tôi từng nói, Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin thì mới vào được, do đó học Phật pháp, trước hết phải có tín tâm, sau đó tiếp tục tinh tấn tiến về trước, dần dần sẽ không bao giờ mất đi. Có niệm căn rồi, thì không bị người làm giao động, còn phải có định căn, để giữ vững lập trường, mới đủ để độ người, mà không bị người làm lay chuyển. Có định căn thì sẽ sinh huệ căn. “Lực” dụ cho năm lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực). Do

năm căn mà sinh ra năm lực, có năm lực thì có thể chứng trí huệ vô lậu, thành tựu tất cả hạt giống bồ đề.

‘‘Bước đi ngay thẳng’’: Tức là con trâu này, có sức lực rất mạnh, cho nên đi rất mau. Dụ cho định huệ quân bình, phải định huệ đều tiến. Nếu chỉ có định, mà thiếu huệ, thì thành người tu hành ngu si, còn nếu chỉ có huệ mà chẳng có định, thì thành người tu hành chạy nhảy lãn xăn. Cho nên, phải đầy đủ định huệ để trợ giúp lẫn nhau. Lại dụ cho bảy Giác Chi, còn gọi là bảy Giác Phần, tức cũng là bảy Bồ Đề Phần, là bảy pháp môn giác đạo. Phật vì người nhị thừa nói ba mươi bảy Đạo Phẩm (năm căn, năm lực, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, bảy bồ đề phần, tám thánh đạo phần). Trong Phật pháp đại thừa, cũng bao quát ba mươi bảy Đạo Phẩm này.

Bảy bồ đề phần :

1. Trạch pháp giác phần : Còn gọi là trạch pháp giác tri, dùng mắt chọn pháp trí huệ vô lậu, để lựa chọn pháp đúng pháp sai, pháp chánh pháp tà, pháp thật pháp giả, pháp chân pháp hư, để theo chánh bỏ tà.

2. Tinh tấn giác phần : Y theo pháp môn chân chánh, tu hành tiến về trước.

3. Hỷ giác phần : Có chánh và tà, có người y theo chánh đạo tu hành mà hoan hỷ, cũng có người y theo tà đạo tu hành, rơi vào cuồn hỷ điên đảo. Phàm là y theo dục niệm mà hành là điên đảo, nên dùng thiền định Phật pháp làm hỷ, do đó có câu :

“Thiền duyệt vi thực,
Pháp hỉ sung mãn”.

Nghe được Phật pháp, biết ý nghĩa cao sâu áo diệu, nên sinh tâm hoan hỉ.

4. Trừ giác phần : Biện rõ phải trái, lấy chánh trừ tà.

5. Xả giác phần : Xả bỏ tất cả những gì không đáng, như ngồi thiền không nên chấp vào chỗ tốt, không nên tham luyến cảnh giới, hãy xả bỏ.

6. Định giác phần : Dùng chấp trước bất cứ những gì, có trí huệ thì sinh định. Nếu bạn hôn trầm, thì hãy dùng trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần để đối trị. Nếu có tâm nóng nảy, thì dùng trừ giác phần, xả giác phần, định giác phần để đối trị.

7. Niệm giác phần : Tâm có hôn trầm hoặc nóng nảy đều là niệm. Người phát bồ đề tâm, thì phải y chiếu bảy bồ đề phần mà tu hành. Nếu y theo bảy bồ đề phần mà hành, thì thân tâm an ổn, do đó gọi là “Bước đi ngay thẳng”, là biểu hiện dụng công đặc lực.

“Mau lẹ như gió”, xe này được con trâu trắng lớn kéo, nghĩa là biểu thị tiến về trước không lùi. “Gió” có gió mát và gió bão, gió này có thể là gió mát, cũng có thể là gió bão. Tại sao ? Bạn được gió này thổi, cảm thấy mát mẻ dễ chịu, thì gọi là gió mát. Song, cũng có thể gọi là gió bão, vì gió này hay thổi tan tất cả thiên ma ngoại đạo, trừ tất cả tà kiến. “Mau lẹ như gió” dụ cho tám Chánh Đạo, người tu đạo nên y theo tám Chánh Đạo mà tu hành.

1. Chánh kiến : Phải đầy đủ chánh tri chánh kiến, dùng trí huệ vô lậu, phá trừ tất cả tà tri tà kiến. Phi lễ vật thị (không hợp lễ giáo thì đừng xem) là chánh kiến.

2. Chánh tư duy : Phi lễ vật thính (không hợp lễ giáo thì đừng nghe), do sự nghe mà khởi suy nghĩ.

3. Chánh ngữ : Phi lễ vật ngôn (không hợp lễ giáo thì đừng nói) tức chánh ngữ. Người chưa phải là bậc Thánh hiền, tránh sao khỏi có lỗi của người, nên rộng lượng bao dung. Mọi người có duyên nên mới tụ lại một chỗ tu đạo, cho nên hãy giấu kín việc ác, biểu dương việc thiện, đừng bươi móc lỗi lầm, khiến cho người sinh thối tâm.

4. Chánh nghiệp : Phi lễ vật động (không hợp lễ giáo thì đừng làm) tức là chánh nghiệp. Đừng kinh doanh tà nghiệp, như mở sòng bạc, mua bán á phiện, mua bán súc sinh, gái mãi dâm .v.v., chánh nghiệp tức là tham thiền, tu học Phật pháp.

5. Chánh mạng : Làm tất cả những gì, đều phải quang minh lỗi lạc, gọi là chánh mạng. Có năm tà mạng:

- a. Phô trương lạ lùng.
- b. Nói đức của mình.
- c. Bói tướng tốt xấu.
- d. Lớn tiếng hiện oai.
- e. Kêu người cúng dường.

6. Chánh tinh tấn : Có kẻ tu tà tinh tấn, ngày đêm sáu thời tu tập bằng môn tả đạo, cũng có kẻ hành khổ

hạnh vô ích, đều là tà tinh tấn. Chánh tinh tấn là y theo pháp môn bốn Niệm Xứ, bốn Chánh Cần, bốn Như Ý Túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ Đề Phần, tám Đường Chân Chánh, bốn Đế, mười hai Nhân Duyên, sáu Độ Ba la mật .v.v., đều là chánh tinh tấn, y theo sự chỉ bảo của Phật mà tu hành, y giáo phụng hành, tức là chánh tinh tấn. Chánh tinh tấn gồm thân tinh tấn, và tâm tinh tấn; tâm tinh tấn là siêng niệm Tam Bảo, niệm niệm không quên, suy gẫm chánh pháp; thân tinh tấn là thân thể lực hành như lạy Kinh, niệm Phật, lễ sám, niệm danh hiệu Phật .v.v., đều thuộc về thân tinh tấn.

7. Chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức là chánh niệm. Tà niệm tức là niệm kiến, niệm ái, niệm tư, niệm biên kiến, niệm niệm không ngừng đối với ái tình, mỗi ý niệm đều ích kỷ lợi mình, tức là tà tâm. Niệm Phật : Niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’, ‘Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật’, đều là niệm Phật. Niệm Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm đều là niệm pháp; đọc Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa .v.v., đều là niệm Pháp. Niệm Tăng : Niệm mười phương hiền Thánh Tăng. Bạn muốn niệm Tăng thì cúng dường Tăng, niệm Pháp thì cúng dường Pháp, niệm Phật thì cúng dường Phật. Nếu bạn muốn tu phước báu thì phải cúng dường Tam Bảo, do đó có câu :

"Phàm Tăng tuy bất năng chủng phước,
Kì phước tất giả phàm Tăng.

Ni long tuy bất năng hàng vũ,
Kì vũ tất giả ni long".

Nghĩa là : Phàm Tăng là Tăng chưa chứng quả, tuy không thể trông phước cho bạn, nhưng nếu bạn thành tâm cầu phước nơi vị phàm Tăng, thì mười phương hiền Thánh Tăng sẽ ban phước cho bạn.

Ở Trung Quốc, mỗi khi trời hạn hán thì một số người đến miếu Long Vương để cầu mưa, trong miếu có tạo tượng rồng bằng bùn, cho nên nói muốn cầu mưa thì phải cầu trước tượng rồng bằng bùn. Long thần trên trời trông coi việc mưa, chẳng phải nhục nhãn của phàm phu mà thấy được.

Trước kia, khi tôi còn ở Đông Bắc bên Trung Quốc, có vị đệ tử pháp danh Quả Thuấn, có làm một cái lều tranh, mời tôi đến làm lễ khai quang. Vào ngày lễ khai quang, thì có mười con rồng đến xin quy y Tam Bảo. Lúc đó, có bốn vị đệ tử ở đó, trong số đó có hai vị có thiên nhãn thông, ngồi thiền thì có thể quán sát được mọi việc. Tôi bảo mười con rồng đó, tâu với Ngọc Hoàng, ngày mai vì tôi mà mưa xuống, thì ngày một tôi sẽ làm lễ quy y cho các vị. Quả nhiên, ngày mai trời mưa xuống chung quanh chỗ tôi khoảng bốn mươi dặm, tôi bèn làm lễ quy y cho họ. Chuyện này tuy là khó tin nhưng là sự thật.

Lại nữa, lúc tôi ở Hương Cảng, một năm nọ trời hạn hán, Đạo Tràn Phật giáo các nơi đều cầu mưa, nhưng chẳng có hiệu quả gì. Sau đó, tôi kêu một vị đệ tử niệm

“Nam Mô A Di Đà Phật” trong ba ngày, phải cầu cho được mưa xuống. Ý chí thành niệm Phật, quả nhiên hai ngày sau trời mưa xuống. Mười con rồng đã quy y biết tâm của tôi, tất tôn kính thầy mà ra lệnh mưa xuống, những việc này thường ứng nghiệm chẳng sai trật, thật là diệu không thể tả, người đã trải qua những cảnh giới này, thì tin sâu chẳng nghi ngờ.

8. Chánh Định : Tà định thì chấp trước cảnh giới, còn chánh định thì tu Tứ Thiên (trời sơ thiên, trời nhị thiên, trời tam thiên, trời tứ thiên), bát định (trời Tứ Thiên thêm vào Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ). Tu pháp này, trước hết phải trừ khử ngã tướng, chẳng chấp trước bất cứ những gì tức là chánh định.

“Lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ”: Tức là có nhiều tùy tùng đi theo để hộ vệ. “Tôi tớ” dụ cho pháp môn phương tiện. Người tu hành dùng pháp phương tiện để đạt đến bờ kia. Thiên ma ngoại đạo và hàng nhị thừa đều tùy trí tu đạo.

Trong kinh Duy Ma Cật có nói :

“Giai ngã thị giả”.

Nghĩa là :

Những gì có ngã đều là giả.

Quả địa Bồ Tát đều có thần thông, đều toại tâm như ý, như có rất nhiều tùy tùng để bảo vệ họ. Cho nên nói : “Lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ bảo vệ”, pháp đại thừa

phải cần nhiều pháp phương tiện, để trợ giúp cho thành tựu.

Niệm niệm quán tâm, một niệm tâm hiện tiền, chẳng trước chẳng sau, chẳng đầu chẳng cuối, chẳng bờ chẳng bến, tâm này đầy đủ không, giả, trung, ba đế, cho nên dùng “cao” dụ cho “xe đó cao lớn”. Một niệm tâm hiện tiền đầy đủ mười pháp giới. Cho nên nói là “rộng”. Dùng “các thứ báu đẹp trang trí”, dụ cho tính đức của tất cả chúng sinh vượt qua Hằng hà sa số.

“Phật nói tất cả các pháp,
Vì độ tất cả tâm,
Nếu chẳng có tất cả tâm,
Đâu có dùng tất cả các pháp”.

Cho nên ngoài tâm chẳng có pháp, pháp tức là tâm. Tâm bao quát pháp thế gian và pháp xuất thế gian, tức là “lan can bao quanh”. “Bốn phía treo linh”: Vì tâm hay thọ ứng khắp hết thảy, diễn các âm thanh giáo lý, đều không ngoài một tâm niệm, cho nên nói “bốn phía treo linh”.

“Lại dùng màn lọng che giảng phía trên”: Dụ cho tâm thượng diệu ở trong tất cả các pháp, chẳng có pháp nào mà chẳng bao dung. “Cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiên sức”: Dụ cho tâm có tâm vương, tức là tám thức tâm vương, còn lại là tâm sở. Tâm vương thường hay quán tưởng, quán tưởng này khởi nơi tất cả tâm sở, hỗ tương chiếu ứng. Tâm sở với tâm thiện tâm sở, hỗ tương

trói buộc với nhau, tức tức tương quan, cho nên nói : “Dây báu kết thắt”. Tâm sở của tâm thiện hay sinh vô lượng trí huệ, cũng hay thành tựu vô lượng phước đức, cho nên nói “các dải hoa rũ xuống”. Một tâm niệm đầy đủ pháp mềm diệu khinh an, càng đầy đủ tất cả các pháp, trùng trùng vô tận, cho nên gọi là “Nệm chiếu mềm mại trải chõng chất”.

Tâm tính hay động cũng hay tĩnh, động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, động tĩnh nhất như, đó là “gối đỡ ở trên”.

“Dùng trâu trắng kéo”: Lý của tâm tính là do Diệu quán sát trí hiển hiện ra. “Màu da rất sạch”: Tức là công đức của sự thành tâm vi diệu không thể nghĩ bàn, nếu không xen tạp vô minh phiền não tức là “rất sạch”. Tâm viên dung vô ngại, cho nên nói “Thân hình rất đẹp”. Trí huệ quán sát viên dung vô ngại, hay sinh trưởng tất cả căn lành, viên quán lại hay phá tan được kiến ái trong ba cõi, lại hay phá tan điên đảo tưởng ở ngoài ba cõi, do đó nói: “Có sức lực rất mạnh”. Viên quán và định huệ không hai, tức định tức huệ, định huệ viên dung, cho nên nói: “Bước đi ngay thẳng”. Viên quán hay khiến cho hành giả đạt đến bờ kia, cho nên nói “mau lẹ như gió”. Viên quán hay chi phối tất cả tâm sở, cho nên nói “lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ bảo vệ”.

Vì sao ? Ông trưởng giả đó, của cải giàu có vô lượng, đủ thứ kho tàng thảy đều tràn đầy.

“Vì sao”? “Đây là nguyên nhân gì”? Ông trưởng giả đó của cải giàu có vô lượng”: Tức là Phật nói đủ thứ các tạng pháp, bao quát tất cả các pháp. Tóm lại, tức lục độ vạn hạnh. Lục độ tức:

- Bố thí,
- Trì giới,
- Tinh tấn,
- Nhẫn nhục,
- Thiền định,
- Trí huệ.

Nếu biết lục độ mà không hành, thì không thể đến được bờ kia. Phải thiết thật tu hành, mới có thể đến được Niết Bàn bờ bên kia. Bố thí gồm :

- Tài thí,
- Pháp thí và
- Vô úy thí.

Trì giới tức là:

"Đừng làm các điều ác,
Hãy làm các điều lành".

Nhấn nhục thì nghịch cảnh đến đều thọ nhận, chẳng có tướng ta, chấp ta, thấy ta, thường quán tưởng: *“Khi chưa sinh ra ai là ta ? Khi sinh rồi ta là ai ? Lớn lên thành người giả danh là ta, chuyển nháy mắt ta lại là ai”*? Trừ được “tướng ta” thì nghịch cảnh đến đều tiếp nhận. Học Phật pháp, thì phải cung hành thật tiến, nếu gặp nghịch cảnh mà như như chẳng động, thì mới thật sự lãnh ngộ được chỗ diệu của Kinh Pháp Hoa. Không nên chấp vào “tướng ta”, “cái ta” này, cuối cùng cũng sẽ chết đi, hà tất vì “cái ta” này mà tranh đua danh lợi ? Nếu có người đánh bạn, đó là quả báo bạn đã tạo ở kiếp trước. Đời này bạn mắng chưởi người, thì kiếp sau sẽ bị người mắng chưởi lại; đời này bạn cho họ phiền não, thì kiếp sau người cũng sẽ cho bạn phiền não, cho nên nhân quả tơ hào không sai. *Nếu có người đánh bạn thì hãy quán tưởng “chẳng có cái ta”, nếu bạn khó lòng buông xả được “tướng ta”, thì có một diệu pháp có thể giúp bạn buông xả được “tướng ta”. Có người đánh bạn thì bạn hãy bỏ chạy đừng để ý tới; nếu có người mắng bạn, thì bạn hãy xem như họ đang ca hát, hoặc họ nói tiếng ngoại quốc mà bạn chẳng hiểu.*

Nếu bạn áp dụng những phương pháp này để đối trị, thì phiền não sẽ tự tiêu trừ. Người có nghiệp chướng, mới có phiền não, tức có nghiệp chướng thì hãy tiêu trừ nghiệp chướng bằng cách tu hạnh nhẫn nhục. Như bài kệ của Bồ Tát Di Lạc:

“Lão quê mặc áo vá
Cơm hầm no đầy bụng
Áo vá che rét lạnh
Vạn sự hãy tùy duyên.
Có người mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có người đánh lão quê
Lão quê nằm lăn ra.
Khắc nhỏ vào mặt lão
Để nó tự nhiên khô
Ta cũng chẳng nhọc sức
Họ cũng không phiền não.
Đó là Ba La Mật,
Cũng là báu vô giá,
Nếu hành được như thế,
Lo gì đạo chẳng thành.”

Cho nên trừ khử đi “tướng ta” tu nhẫn nhục Ba La Mật, mới thật sự minh bạch Phật pháp. Do đó có câu:

“ Ngàn ngày nhạc củi,
Chỉ một đốm lửa thì cháy sạch”.

Một khi lửa vô minh nổi dậy, thì thiêu sạch công đức đã dày công tích lũy. Do đó, người học tập Phật pháp, thì phải tu nhẫn nhục Ba La Mật, đừng vì ngoại cảnh mà sinh phiền não.

Tinh tấn thì ngày đêm sáu thời đều tinh tấn. Thiền định là tĩnh lự. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, năm độ này là phước đức tạng, độ thứ sáu là Bát Nhã (trí huệ) Ba La Mật, là Bát Nhã tạng, cũng gọi là trí huệ tạng, cho nên nói là ‘Đủ thứ kho tàng’. ‘Thấy đều tràn đầy’: Dụ cho quyền, thật hai trí. Quyền trí sung mãn là ‘tràn’, thật trí hoàn mãn là ‘đầy’. Quyền, thật hai trí đều viên mãn, cho nên nói ‘thấy đều tràn đầy’.

Mà nghĩ rằng : Cửa cái của ta nhiều vô số, không nên dùng xe nhỏ xấu xí, mà cho các con. Nay những đứa trẻ này, đều là con của ta, ta thương chúng nó chẳng có thiên lệch. Ta có xe lớn bằng bảy báu như thế, số nhiều vô lượng, nên dùng tâm bình đẳng mà cho chúng nó, không nên có sự phân biệt. Tại sao ? Vì ta dùng cửa cái này, cho khắp tất cả mọi người trong nước, hãy còn không hết, huống gì các người con.

‘Mà nghĩ rằng: Cửa cái của ta vô số, không nên dùng xe nhỏ xấu xí mà cho các con’: Ông trưởng giả nghĩ như vậy : Pháp tài của ta chí cao vô thượng, không nên dùng pháp tiểu thừa giáo hóa tất cả chúng sinh. ‘Các con’: Tức là hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát.

“Nay những đứa trẻ này”: Dụ cho các con ba thừa ở trên mới phát tâm, đều không hay biết gì như trẻ con. “Đều là con của ta, ta thương chúng chẳng có thiên lệch”: Chúng nó đều là con của ta, ta đối với chúng đều bình đẳng, chẳng khinh người này, trọng người kia. “Ta có xe lớn bằng bảy báu như thế, số nhiều vô lượng”: Dụ cho bảy Bồ đề phần, bát Chánh đạo, năm Căn, năm Lực, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, tổng cộng là ba mươi bảy Đạo phẩm, dùng để trang nghiêm chiếc xe lớn này, số nhiều vô lượng. “Nên dùng tâm bình đẳng mà cho chúng nó, không nên có sự khác biệt”. Ta nên đối đãi bình đẳng, đều cho xe lớn, không nên có tâm thiên lệch sai khác. “Vì sao? : Bởi nguyên nhân gì ? “Ta dùng của cải này, cho khắp tất cả mọi người trong nước, hãy còn không hết”: “Trong nước”: Dụ cho cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, “không hết” : Dụ cho Phật pháp vĩnh viễn không thiếu. “Huống gì các con”, Pháp bảo của ta bố thí cho tất cả nhân dân trong nước còn không thiếu, huống gì các con của ta ?

Chúng ta phải nhận chân hồi quang phản chiếu, phản tỉnh chính mình có phiền não chăng ? Nếu không có phiền não, tức đã được chỗ tốt của Phật pháp, nếu không thì thiết thực tu hành, đến được cảnh giới tám gió thổi không lay, thì mới thật sự được chỗ diệu của Phật pháp.

Lúc đó, các người con ai nấy đều ngồi xe lớn, được chưa từng có, chẳng phải chỗ trước kia mong đợi.

Xá Lợi Phất ! Ý của ông thế nào ? Ông trưởng giả đó, đồng cho các người con xe trâu báu lớn, có hư vọng chăng ?

“Lúc đó, các người con ai nấy đều ngồi xe lớn”: Lúc đó, ông trưởng giả ban tặng cho các người con xe lớn, trưởng giả tức là người có của cải giàu vô lượng. Nếu các người con chẳng phải con của ông trưởng giả, thì không thể cho xe lớn. Nếu là con của trưởng giả, mà trưởng giả chẳng có của cải, thì cũng chẳng có gì để cho. Ông trưởng giả đó, có đủ thứ kho tàng, các người con cũng thật là Phật tử, cho nên Phật đồng cho xe lớn. Các người con vốn chỉ cầu được xe dê, hoặc xe hươu, thì tâm đã mãn nguyện, vì ông trưởng giả của cải giàu vô lượng, mới ban tặng xe lớn cho các con, tức là Phật dùng pháp đại thừa cứu độ chúng sinh. “Được chưa từng có, chẳng phải chỗ trước kia mong đợi”: Các người con đó, chưa từng thấy qua pháp thượng thừa như thế, chẳng phải ý của họ nghĩ đến. Ví như người tiểu thừa, vốn tu pháp tiểu thừa, đã dứt phần đoạn sinh tử, nay họ mượn nhờ pháp môn tiểu thừa, mà họ vốn tu tập, để hồi tiểu hướng đại, thành tựu pháp đại thừa, dứt biến dịch sinh tử, đó mới là vượt ngoài hy vọng của họ vốn có.” Xá Lợi Phất ! Ý của ông như thế nào ?

Ông trưởng giả đó, đồng cho các con xe trâu báu lớn, có hư vọng chăng ?” Xá Lợi Phất ! Ý ông thế nào ? Ông trưởng giả đó, bình đẳng ban tặng cho các người con, xe trâu báu lớn có thích đáng chăng ?

Xá Lợi Phất nói : Không vậy ! Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả đó, chỉ khiến cho các con khỏi nạn lửa, an toàn tính mạng, chẳng phải là hư vọng. Tại sao ? Vì nếu được an toàn tính mạng, thì đã được đồ chơi tốt đẹp, hướng chỉ dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Đức Thế Tôn ! Cho dù ông trưởng giả đó, không cho một thứ xe nhỏ nhất nào, cũng chẳng hư vọng. Tại sao ? Vì ông trưởng giả đó, trước hết nghĩ rằng : Ta dùng phương tiện, khiến cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó, mà chẳng hư vọng vậy. Hà huống ông trưởng giả biết mình của giàu vô lượng, muốn lợi ích cho các con, mà đồng cho xe lớn.

Tôn giả Xá Lợi Phất trả lời Đức Phật: ‘‘Không vậy, Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả đó chẳng nói dối, Ngài muốn khiến cho các con khỏi bị nạn lửa thiêu đốt, được an toàn tánh mạng, cho nên chẳng nói dối vậy. Vì sao ? Mạng người quý giá, nếu đã giữ được tính mạng, thì đã coi như được đồ chơi tốt đẹp, hà huống ông trưởng giả rộng bày phương tiện, cứu vớt tất cả chúng sinh ra khỏi nhà lửa tam giới.

Đức Thế Tôn ! Cho dù ông trưởng giả chẳng cho các con một thứ xe nhỏ nào, cũng chẳng hư vọng. Vì sao ? Vì ông trưởng giả đó, trước khi cứu vớt các người con ra, đã nghĩ như vậy : Ta phải dùng pháp phương tiện khéo léo, khiến cho các con chạy ra khỏi nhà lửa. Vì nhân duyên đó, nên chẳng có lỗi nói dối. Huống gì ông trưởng giả đó, biết mình có của cải giàu vô lượng, khiến cho các người con được lợi ích, đều được xe lớn.’’ Kinh văn ở trên, là đức Phật dùng pháp đại thừa, cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên chẳng vọng ngữ.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Lành thay, lành thay ! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất ! Như Lai cũng lại như thế, là cha lành của tất cả thế gian, ở nơi sợ hãi suy não lo buồn, vô minh đen tối che đậy, vĩnh viễn hết sạch chẳng còn sót, thấy đều thành tựu vô lượng

tri kiến, lực vô sở úy, có sức đại thần thông, và sức trí huệ, đầy đủ phương tiện trí huệ Ba la mật, đại từ bi, thường chẳng lười mỏi, luôn luôn cầu việc thiện, lợi ích tất cả chúng sinh, mà sinh vào nhà lửa tam giới hư mục này.

Phật bảo Xá Lợi Phất: Lành thay, lành thay, như lời ông nói, Phật cứu chúng sinh như ông trưởng giả cứu các con. Như Lai là cha lành của tất cả chúng sinh thế gian. Chúng sinh bị tất cả sự sợ hãi, suy não, lo buồn, vô minh che đậy, như nay quét một cái, thì sạch tất cả phiền não, thành tựu tất cả tri kiến của Phật. Như tôn giả Xá Lợi Phất, từ cửa trí huệ của Phật, mà khai mở tri kiến của Phật, đắc được trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Kiền Liên, từ cửa thần thông mà khai mở tri kiến của Phật, đắc được thần thông đệ nhất, thành tựu mười lực, bốn vô sở úy. Phật có sức đại thần thông, cứu vớt tất cả chúng sinh lìa khổ được vui. Phật có bốn trí: Thành sở tác trí, Diệu quán sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí, đầy đủ pháp môn phương tiện khéo léo, trí huệ Ba La Mật, ngồi thuyền Bát Nhã đến bờ kia. Đại từ là ban vui cho chúng sinh, đại bi là cứu khổ chúng sinh, vĩnh viễn chẳng lười mỏi. Phật lấy sự giáo hóa chúng sinh làm bổn hoài, cũng như tôn giả A Nan phát nguyện: *“Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, thì quyết không thủ ngôi Chánh giác.”* Phật thương xót

chúng sinh ở trong sự điên đảo, suốt ngày chạy đông chạy tây, nhận giả làm thật, chẳng biết ra khỏi nhà lửa tam giới, cho nên Phật dùng sức đại thần thông, sức đại trí tuệ, để lợi ích tất cả chúng sinh, mà sinh vào nhà lửa tam giới, vì cứu vớt chúng sinh khiến cho họ tỉnh ngộ, để họ sớm ra khỏi nhà lửa.

Vì độ chúng sinh ra khỏi nạn lửa sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm ba độc, mà giáo hóa, khiến cho chúng sinh được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật sinh vào nhà lửa vì cứu độ chúng sinh, chúng sinh chẳng sợ hãi, chịu đủ thứ khổ hành hạ mà chẳng biết. Sinh thì như rùa lột mai, già thì các căn suy yếu, bệnh hoạn nằm trên giường, khổ không thể tả, muốn chết cũng chẳng được, đi cũng chẳng được, chết thì như bò sống lột da. Đầy dẫy lo buồn khổ não, ngu si, tối tăm, và lửa tham sân si ba độc. Phật giáo hóa chúng sinh, khiến cho được vô thượng chánh đẳng chánh giác, được quả vị Phật. Phật luôn luôn đều đợi chúng sinh thành Phật, chúng ta nên sớm lìa khỏi tam giới này, đừng để Phật đợi lâu.

Thấy các chúng sinh vì sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não thiêu đốt, cũng vì năm dục tài lợi, mà chịu đủ thứ khổ, lại vì tham

trước truy cầu, hiện phải chịu đựng các sự khổ, sau đó thì chịu khổ ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh về cõi trời, hoặc ở nhân gian, thì bản cùng khốn khổ, khổ về thương yêu phải xa lìa, khổ về oán ghét mà gặp nhau, đủ thứ các sự khổ như thế. Chúng sinh đắm chìm ở trong đó, vui mừng dạo chơi chẳng hay chẳng biết, chẳng sợ hãi, cũng chẳng nhàm chán, chẳng cầu giải thoát. Ở trong nhà lửa tam giới này, chạy đông chạy tây, đầu gặp khổ lớn mà chẳng lo lắng.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật thấy vậy rồi, bèn nghĩ rằng : Ta là cha lành của chúng sinh, nên cứu họ khỏi khổ nạn, ban cho họ vô lượng vô biên trí huệ an vui của Phật, để họ dạo chơi.

Đức Phật thấy các chúng sinh, vì sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, các thứ khổ hành hạ, đều vì tham cầu năm dục. Năm dục là: Tài, sắc, danh, ăn và ngủ, hoặc là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Con người thường bị năm dục lay chuyển, mà điên đảo thị phi, nhưng nếu nhìn thấu

năm dục, thì sẽ buông bỏ tham trước, làm các thứ công đức. Nếu con người minh bạch: Tài, sắc, danh, ăn và ngủ, đều là vật ngoài thân, đại hạn lai thời thì sẽ buông bỏ tất cả, chẳng còn tham trước năm dục.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: *Sáu căn khiến cho con người tạo tội, cũng khiến cho con người thành Phật*. Năm dục cũng như thế, mê luyến thì tham trước, nhìn thấu thì buông bỏ. Con người vì do tham cầu, cầu chẳng được thì sinh ra đủ thứ khổ não, trên thế gian do tham cầu mà tạo nghiệp, sau khi chết rồi thì đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ để chịu khổ. Nếu sinh về cõi trời, hoặc sinh vào nhân gian, thì sẽ chịu khốn khổ bần cùng. Hoàn toàn bần cùng khốn khổ, dù muốn làm công đức, cũng chẳng cách chi bố thí, còn có khổ về thương yêu mà phải xa lìa, với sự thương yêu người mà phải chia ly, khó bỏ khó lìa, và khổ về oán ghét mà gặp nhau, đủ thứ các sự khổ như thế.

Đắm chìm ở trong tam giới mà vui mừng dạo chơi, chẳng biết phiền não tập, cho nên chẳng sợ chẳng hãi, chẳng sinh nhàm chán, chẳng cầu giải thoát, chạy đông chạy tây ở trong tam giới, gặp đủ thứ việc khổ não mà chẳng lấy làm lo lắng. Phật bảo Xá Lợi Phất ! Phật thấy tình hình như vậy bèn bảo rằng: Tức cũng như ông trưởng giả ở trong thí dụ, nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sinh, nên cứu vớt họ khỏi khổ nạn và ban cho họ vô lượng vô biên trí huệ vui của Phật, khiến cho họ vui vẻ dạo chơi ở trong Phật pháp đại thừa.

Người bần cùng đương nhiên là khốn khổ, nhưng giàu có cũng có vui có khổ, vui đến cực điểm thì sinh buồn, cho nên nói:

“Bần cùng bố thí là khó,
Giàu sang học đạo là khó.”

Đức Phật là thái tử cũng học đạo được.

**Xá Lợi Phất ! Như Lai lại nghĩ rằng :
Nếu ta chỉ dùng sức thần thông, và sức trí huệ, bỏ đi phương tiện, vì chúng sinh khen ngợi tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể do đó mà được độ. Tại sao ? Vì các chúng sinh đó, chưa khỏi sinh già bệnh chết lo buồn khổ não, mà bị thiêu đốt ở trong nhà lửa tam giới, làm sao hiểu được trí huệ của Phật.**

Xá Lợi Phất ! Đức Phật lại nghĩ : Nếu ta chỉ dùng sức thần thông và hết thầy Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, mà bỏ đi pháp môn phương tiện, vì chúng sinh khen ngợi tất cả tri kiến, mười lực và bốn vô sở úy của Phật, thì chúng sinh không thể nhờ nhân duyên này, mà được giải thoát. Vì sao ? Vì tất cả chúng sinh chưa khỏi khổ sinh già bệnh chết và ưu sầu khổ não,

giống như trẻ con vô tri, bị thiêu đốt ở trong nhà lửa tam giới, làm sao biết được trí huệ của Như Lai.

Nếu người chưa gặp được Phật pháp, thì làm sao hiểu được Phật pháp ? Như người Tây phương chưa nghe qua Phật pháp, một khi nghe được Phật pháp, thì sinh tâm sợ hãi, ai cũng đều có tâm lý bịt tai ăn cắp chuông, biết rõ mình phạm lỗi, mà chẳng muốn đối diện với hiện thật, cải lỗi hướng thiện. Chưa gặp Phật pháp mà phạm lỗi, còn có thể tha thứ, chứ gặp Phật pháp rồi, biết rõ mà cố phạm thì tội tăng gấp ba. Người có lỗi hãy nên sửa đổi, người không lỗi thì nên tránh. Người có tội mà phạm nhiều lần không thay đổi, thì sẽ đọa lạc. Biển khổ mênh mông quay đầu là bờ, nên biết sửa đổi lỗi làm trước kia. Khổng Tử có nói : “Có lỗi thì chớ nãn sửa đổi.” Biết lỗi mà sửa đổi, thật là việc lành rất lớn vậy !

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, tuy thân và tay có sức mạnh, mà chẳng dùng đến, chỉ ân cần dùng phương tiện, cố gắng cứu các con ra khỏi nhà lửa, sau đó đều cho xe trâu báu lớn. Như Lai cũng lại như thế, tuy có trí lực vô sở úy, mà chẳng dùng đến.

Tôn giả Xá Lợi Phất trí huệ cao siêu, làm thượng thủ hàng Thanh Văn, còn Bồ Tát Văn Thù làm thượng thủ hàng Bồ Tát. Phật bảo Xá Lợi Phất ! Như ở trước có đề

cập đến ông trưởng giả, tuy thân và tay có sức, dụ cho Phật có đại thần thông và chân thật trí, mà chẳng dùng đến, chỉ dùng pháp phương tiện khéo léo, nói pháp ba thừa để cứu độ các con, tức ba mươi đứa con (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, người ba thừa là chân tử của Phật) và năm trăm người (năm đường chúng sinh), khỏi bị ba độc (tham sân si) thiêu đốt ở trong nhà lửa. Ông trưởng giả dùng xe dê, xe hươu, xe trâu, để ở ngoài cửa, dụ con trẻ ra ngoài cửa, cuối cùng đều tặng cho xe trâu trắng lớn. Xe lớn có lực độ vạn hạnh nghiêm sức, tức chỉ có một Phật thừa. Phật quán căn cơ mà thí giáo, thấy con trẻ căn cơ có hạn, cho nên trước hết cho xe dê, xe hươu, xe trâu, tức pháp tiểu thừa. Phật trước hết nói pháp tiểu thừa, cho đến hội Pháp Hoa mới khai quyền hiển thuật, mở bày cho chúng sinh pháp đại thừa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Như Lai cũng như thế, tuy có mười trí lực và bốn vô sở úy mà chẳng dùng đến.

Chỉ dùng trí huệ phương tiện, nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sinh, vì chúng sinh mà nói ba thừa : Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa.

Sở dĩ Đức Phật dùng trí huệ chi phối pháp phương tiện, quán căn cơ thí giáo, vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc. Chúng sinh bị: Tham, sân, si, che đậy, pháp thân huệ mạng đều bị che lấp. Kẻ tham thì tham chẳng

biết chán, chẳng biết đủ. Kẻ sân gặp nghịch cảnh, thì nổi trận lôi đình, lửa vô minh nổi dậy, hiện tướng A Tu La. Tâm si che lấp lương tri lương năng của chúng sinh, khiến cho họ mê muội nhân quả, làm việc điên đảo. Con người thường bị lửa tham sân si thiêu đốt. Phật dùng một âm thanh diễn nói pháp, chúng sinh theo loại đều hiểu được, khiến cho Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến chín pháp giới chúng sinh, nghe pháp của Phật nói, đều phát bồ đề tâm. Phật ở trong tam giới cứu vớt tất cả chúng sinh.

Phật chẳng sợ bị lửa thiêu đốt, mà phát tâm đại bi vào nhà lửa, cứu vớt tất cả chúng sinh. Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ, Phật cứu chúng sinh từ trong nhà lửa ra ngoài, chúng ta nên phát tâm bồ đề, sinh tâm sám hối đừng nóng giận nữa, phải biết Phật đang đợi chúng ta ! Tuy nhiên Phật đã dứt sinh tử, sao lại nói: “Chẳng sợ chết”? Phật thật sự đã dứt sinh tử, Phật cảm thấy đau đớn như chính mình chịu. Chúng ta phải mau tỉnh giác, sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tinh tấn tu hành, đừng để Phật phải đợi lâu ! Phật vì cứu vớt chúng sinh mà phân biệt nói ba thừa : Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Phật thừa. Phật ban cho xe hươu, xe dê, xe trâu trắng lớn, để chúng ta tùy ý lựa chọn.

Mà nói rằng : Các ông không nên ưa thích ở trong nhà lửa tam giới, chớ tham sắc thanh hương vị xúc thô hèn. Nếu tham trước,

thì sinh luyến ái sẽ bị thiêu đốt, các ông hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ chứng được ba thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo rằng: “Các ông”, tức ba mươi người con và năm trăm người, cũng bao quát bạn, tôi và tất cả chúng sinh. Phật bảo tất cả chúng sinh, chớ nhận lầm ở trong tam giới này là vui sướng. Tam giới này là khổ. Chúng sinh điên đảo thị phi, lấy khổ làm vui, mê chẳng biết về. “Chớ tham sắc thanh hương vị xúc thô hèn”: Phật bảo chớ tham năm trần, cũng gọi là năm dục. Mọi vật có hình tướng đều là sắc trần, sắc thanh hương vị xúc trần. Chúng sinh bị năm trần thô hèn mê hoặc che đậy nhiều loạn tâm tính. Nhưng người tu hành phải đối cảnh vô tâm. Do đó, có câu :

“Thấy việc tỉnh việc lìa thế gian,
Thấy việc mê việc đọa trầm luân”.

Thấy cảnh giới mà giác ngộ được, thì vượt ra được tam giới, nếu bị cảnh giới mê hoặc, thì sẽ đọa lạc. Do đó, có câu :

“ Mất thấy hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay ”.

Mất đối với cảnh mà chẳng bị cảnh chuyển, phải tự mình giữ vững tông chỉ, đừng để bị: Sắc thịnh hương vị xúc năm trần, làm giao động tâm chí. “Nếu tham trước thì sinh ái”: Đa số mọi người không dứt được sinh tử, nguyên nhân chính là có “ái”, do ái mà sinh dục, ái dục là gốc rễ của sinh tử. “Sẽ bị thiêu đốt”: Tức là bị lửa ái thiêu đốt, đây là “tập” đế, có tình ái thì sinh phiền não. Vì sao có tình ái ? Vì quá coi trọng thân thể này, muốn khiến cho thân thể được hưởng thụ. Hãy nghĩ xem tại sao Đức Phật vào núi Tuyết tu hành ? Tại sao thành đạo dưới cội bồ đề ? Tức là Ngài trừ khử tình ái, đoạn phiền não mà chứng quả thành Phật. Ban đầu chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế nói :

“Đây là khổ, tính bức bách
Đây là tập, tính chiêu cảm
Đây là diệt, tính có thể chứng
Đây là đạo, tính có thể tu”.

Phiền não là do bên trong có phiền não, mới chiêu đến phiền não bên ngoài.

“Các ông hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ chứng được ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật Thừa”: Phật bảo các ông hãy mau mau ra khỏi nhà lửa tam giới, không nên trôi nổi ở trong đó mà quên về. Thanh Văn thừa do nghe âm thanh mà ngộ đạo, Bích Chi Phật tức là Duyên Giác :

‘Mùa xuân quán trăm hoa nở,
Mùa thu ngắm lá vàng rơi’.

Quán vạn vật trời đất thịnh suy, tu pháp mười hai Nhân Duyên, mà chứng quả Bích Chi Phật. Sinh vào thời có Phật tại thế, thì gọi là Duyên Giác, sinh vào thời chẳng có Phật, thì gọi là Độc Giác. Phần nhiều Bích Chi Phật ở trong thâm sơn cùng cốc, chẳng tiếp xúc với bên ngoài, tu hành chứng quả thành Bích Chi Phật. Phật thừa, Phật là tiếng Phạn, dịch là "giác". Giác gồm có:

- ◎ Tự giác,
- ◎ Giác tha,
- ◎ Giác hạnh viên mãn.

Phật khác với phàm phu, phàm phu thì chẳng giác, còn Phật thì tự giác và còn giác tha tức là vừa lợi mình lợi người. Hạnh tự giác giác tha đều viên mãn, do đó gọi là: ‘Ba giác tròn vạn đức đầy’, gọi là Phật. Phật thừa khác với Bồ Tát thừa, Duyên Giác Thừa và Thanh Văn thừa. Kinh Pháp Hoa nói: ‘Chỉ một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác’. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đều là pháp phương tiện khéo léo, khai quyền hiển thật.

Lần thứ hai chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, Phật nói :

‘Đây là khổ, ông nên biết
Đây là tập, ông nên đoạn
Đây là diệt, ông nên chứng

Đây là đạo, ông nên tu’.

Lần thứ ba chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, Phật lại nói :

‘‘Đây là khổ, ta đã biết
Đây là tập, ta đã đoạn
Đây là diệt, ta đã chứng
Đây là đạo, ta đã tu’.

Ban đầu Phật chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế với năm vị Tỳ kheo Kiều Trần Như, Kinh văn Pháp Hoa này cũng mở bày đạo lý: Khổ tập diệt đạo.

Nay ta bảo nhiệm việc này, tuyệt đối chẳng hư vọng. Các ông hãy siêng tu tinh tấn, Như Lai dùng phương tiện đó, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa.

Phật bảo chúng: Nếu các ông y theo pháp đại thừa mà tu hành, thì chắc chắn sẽ thành Phật, tuyệt đối chẳng hư vọng, các ông tất cả chúng sinh hãy siêng tu tinh tấn, nếu không siêng tu tinh tấn, thì cũng như nói ăn, đếm tiền, do đó có câu :

‘‘ Suốt ngày đếm tiền muôn,
Mình chẳng có xu nào,
Nơi pháp chẳng tu hành,

Tội lỗi cũng như thế. “

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng nói : Ví như nói ăn, tuyệt đối không thể no. Phải siêng tu tinh tấn, tinh tấn gồm có: Thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Lạy Kinh, niệm Phật, tham thiền, trì Chú, đều là thân tinh tấn, nếu không thì tâm như con ngựa con khi, vọng tưởng lung tung, cho nên phải tinh tấn. Phật pháp thì phải thân thể lực hành, *“Nói hay, nói giỏi, mà chẳng thực hành, thì chẳng phải đạo”*. Chỉ biết mà không hành, thì chẳng đắc được chỗ diệu, phải tinh tấn tu hành mới có lợi ích.

“Nhu Lai dùng phương tiện đó, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa”: Phật nói pháp phương tiện, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa, bảo rằng có xe hươu, xe dê, xe trâu, ở ngoài cửa, đợi họ ra khỏi nhà lửa rồi thì cho xe lớn.

“Dẫn dụ” chúng sinh, như Phật tay không dụ em bé. Phật thấy em bé bò gần đến miệng giếng, tình thế cấp bách, mới bảo với em bé trong tay của Ngài có kẹo, em bé nghe nói đến kẹo thì quay đầu lại, bò qua chỗ Đức Phật. Em bé khỏi bị rơi xuống giếng, mà trong tay của Phật thật chẳng có kẹo. Chúng sinh muốn ra khỏi tam giới, thì nhờ Phật dụ mà ra khỏi nhà lửa vậy !

Lại bảo : Các ông nên biết ! Pháp ba thừa này, đều được các bậc Thánh khen ngợi, tự tại chẳng ràng buộc, chẳng còn

nương tựa tìm cầu, ngồi ba thừa đó, dùng vô lậu căn lực giác đạo, thiền định giải thoát tam muội .v.v... mà tự vui sướng, bèn được vô lượng an ổn khoái lạc.

Phật lại bảo, các ông chúng sinh nên biết pháp ba thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa, ba thừa pháp này đều được chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai khen ngợi. Pháp ba thừa này, là pháp môn tiếp dẫn chúng sinh, của tất cả chư Phật ba đời trong mười phương. “Tự tại chẳng ràng buộc, chẳng nương tựa tìm cầu”: Đắc được tự nhiên trí tức tự tại, tức được tha tâm trí, minh bạch tất cả tâm ý của chúng sinh. “Chẳng ràng buộc”, tức được giải thoát, chẳng quái ngại, xa lìa điên đảo mộng tưởng, được trí huệ tối cao, buông bỏ hết tất cả. “Chẳng còn nương tựa tìm cầu”: Những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa, tức đã dứt sinh tử. Tự tánh của chúng ta là “năng y”, sinh tử là “sở y”, đã dứt sinh tử tức vô sở y (chẳng còn nương tựa). Sao gọi là vô sở cầu? Các lậu đã sạch, phàm hạnh đã vãng, tức vô sở cầu (chẳng còn gì mong cầu). Nếu được vô sở y, vô sở cầu, thì chúng quả liễu sinh thoát tử.

“Ngồi ba thừa đó”: Ngồi ở trong xe ba thừa, dùng năm căn vô lậu: Tín, tấn, niệm, định, huệ, siêng năng tinh tấn, thì năm căn sẽ tăng thêm căn lành, mà sinh ra năm

lực (Tín, tấn, niệm, định, huệ lực). “Giác” là bảy giác chi :

1. Trạch pháp giác chi, chọn thiện mà theo.
2. Tinh tấn giác chi.
3. Hỷ giác chi.
4. Khinh an giác chi.
5. Xả giác chi.
6. Định giác chi.
7. Niệm giác chi, lại gọi là bảy bồ đề phần.

“Đạo” là bát Chánh đạo :

1. Chánh kiến.
2. Chánh ngữ.
3. Chánh tư duy.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh niệm.
7. Chánh tinh tấn.
8. Chánh định.

“Thiền” là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.

Sơ thiền có ba cõi trời, nhị thiền có ba cõi trời, tam thiền có ba cõi trời, tứ thiền có ba cõi trời. Đó là cảnh giới thiền định của phàm phu. Trời Vô Tưởng là cảnh giới thiền định của ngoại đạo, Trời Ngũ Bát Hoàn là cảnh giới thiền định của bậc Thánh nhân. Người nhân gian tham thiền đả tọa, cũng có thể đạt đến cảnh giới của chư Thiên cõi Tứ Thiên tu thiền định. Người tu thiền định, nhập định

được cảnh giới sơ thiền, gọi là Ly Sinh Hỷ Lạc Địa, được sự khoái lạc thiền duyệt vi thực, chỉ cảm thấy thân tâm thư thối khoái lạc, mà chẳng biết ngày giờ đã qua, giống như hòa thượng Hư Vân tại núi Chung Nam, nhập định mười tám ngày, cũng là đắc được cảnh giới này. Thành tâm dụng công tu hành, tham thiền đả tọa, thì sẽ được cảnh giới này. Cảnh giới sơ thiền này, chẳng phải chỉ riêng cảnh giới của chư Thiên, mà là người tu đạo dùng thân phàm phu tu hành, thì có thể chứng nhập, đây chỉ là giai đoạn ban đầu nhập môn của sự tu hành. Mấy ngày trước có người chứng được cảnh này, chứng được bậc này, bất quá chỉ là bước thứ nhất của sự tu hành mà thôi ! Muốn chứng Thánh quả, cần phải tiếp tục nỗ lực không ngừng tinh tấn tiến về trước.

Nhị Thiền là Định sinh hỷ lạc địa, đừng tham trước khoái lạc, phải tu định, do đó có câu : “Na già thường tại định, vô hữu bất định thời.” Đi đứng nằm ngồi đều như nhập định, chẳng vương duyên bên ngoài, tâm như nước chảy, trong suốt thấu triệt, ngồi thiền thì chẳng những mạch máu ngừng lại, mà hô hấp hơi thở cũng ngừng lại, chỉ có niệm chưa ngừng lại, còn khởi vọng tưởng, một niệm sinh ra thì sẽ xuất định.

Tam Thiền là Ly hỷ diệu lạc địa, lìa tất cả sự vui sướng, chẳng còn tham trước “thiền duyệt vi thực, pháp hỉ sung mãn”, được sự khoái lạc ở cõi trời. Nếu các bạn muốn thưởng thức từ vị đó, thì phải dụng công tham thiền đả tọa.

Tứ Thiên là Xả niệm thanh tịnh địa, cho dù một niệm cũng xả bỏ, vô sinh vô niệm, lúc này đã trừ tất cả khách trần phiền não, chỉ chưa chứng quả. Ở trên là cảnh giới khinh an đắc được cửa sự tu đạo.

‘‘Định’’ là bốn vô sắc định :

1. Không vô biên xứ định,
2. Thức vô biên xứ định.
3. Vô sở hữu xứ định.
4. Phi tướng phi phi tướng xứ định.

Bốn trời định gọi là Trời Vô Sắc Giới, ‘‘định’’ tức gọi là vô sắc định. Chư Thiên bốn cõi trời này, chỉ có thức mà chẳng có hình sắc, cho nên gọi là Vô sắc định, còn Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, cũng gọi là bốn Không Xứ.

‘‘Thiền định’’ là bốn thiền tám định, bốn thiền thêm bốn vô sắc định, hợp lại thành tám định.

‘‘Giải thoát’’ : Có tám thứ giải thoát :

1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng thân tác chứng cụ túc trụ.

Đó là tám giải thoát. Người mới tu đạo, thì trong tâm vẫn tồn tại dục niệm, nên dùng chín pháp quán tưởng (quán bất tịnh) để đối trị sắc bên ngoài, biết được nó bất tịnh thì sẽ không chấp trước vào ‘sắc’, tức được giải thoát, buông xả đặng thì tự tại, nhìn thấu thì buông đặng. Cho nên trước hết phải tu được quán này.

Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát, tu hành dụng công thì lâu dần trong sự bất tri bất giác, lìa được niệm sắc dục, bên trong chẳng có niệm sắc dục, vẫn phải quán sắc bên ngoài, quán tưởng gái đẹp tương lai cũng khó tránh cái chết, già chết thì thân của họ cũng biến hoại, quán thân sinh thối có ấu trùng rúc rĩa, còn lại xương trắng, xương biến thành đất, bốn đại trả về cho bốn đại, gió trả về cho gió, đất trả về cho đất, nước trả về cho nước, lửa trả về cho lửa, cứu kính chẳng còn gì hết. Thường hay quán tưởng như thế, thì chẳng sinh tâm tham ái, trừ khử được tâm ái dục thì được giải thoát.

Được tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ, cụ túc trụ, tức là trụ ở trong bốn thể thanh tịnh, không, thức, hữu, tướng, đều giải thoát, được diệt, thọ, tướng, thân tu diệt, thọ, tướng định, thức cũng sẽ diệt. Nhưng thức vẫn chưa diệt, thì tám vạn bốn ngàn kiếp sau cũng sẽ tái sinh, cho nên tuy nhiên có cảnh giới bốn Không Xứ mà sinh tử vẫn chưa dứt. Tứ thiên thêm bốn Không Xứ và thêm thọ diệt tướng định, gọi là chín thứ đệ định. ‘Tam muội’ là không tam muội, vô tướng tam muội, vô nguyện tam

muội. Thành tựu ba thứ tam muội này, thì thành không vô tướng nguyện.

“Mà tự vui sướng”: Tu hành được thiền duyệt vi thực, pháp hỉ sung mãn. “Bền được vô lượng an ổn khoái lạc”: Nhất là trong thiền định được vô lượng an ổn khoái lạc, được chân không Niết Bàn, vĩnh viễn lìa tất cả tai nạn lo âu.

Xá Lợi Phất ! Nếu có chúng sinh bên trong có trí tánh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn, muốn mau ra khỏi tam giới, tự cầu chứng Niết Bàn, đó gọi là Thanh Văn thừa. Như các người con đó, vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Phật bảo Xá Lợi Phất: “Nếu có chúng sinh, bên trong có trí tánh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận”: Chúng sinh kiếp trước từng theo Phật nghe pháp và hay tin nhận, chẳng sinh nghi hoặc; tin nhận là văn huệ. “Ân cần” là tư huệ, thường suy gẫm. “Tinh tấn” là tu huệ. “Muốn mau ra khỏi tam giới, tự cầu chứng Niết Bàn, đó gọi là Thanh Văn thừa, như các người con đó, vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.”

Nếu có chúng sinh theo Phật Thế Tôn, nghe pháp tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn,

cầu tự nhiên huệ, thích sống một mình ở chỗ vắng vẻ, biết rõ nhân duyên của các pháp, đó gọi là Bích Chi Phật thừa, như các người con kia, vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sinh nghe pháp tin nhận thọ trì chẳng nghi, tín tâm phát xuất từ nội tâm, do đó:

“Mình ăn thì mình no,
Sinh tử của mình tự mình dứt”.

Người khác không thể thay thế bạn sinh tín tâm, phải tự mình sinh tín tâm. “Ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, thích sống một mình chỗ vắng vẻ”: Thích tu hành một mình. “Biết rõ nhân duyên của pháp”: Biết rõ mười hai nhân duyên thành Bích Chi Phật thừa. “Như các người con kia, vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa”: Dùng xe hươu dụ cho Bích Chi Phật thừa, có Phật ra đời thì gọi là Duyên Giác, chẳng có Phật ra đời thì gọi là Độc Giác. Bích Chi Phật là tự chứng tự liễu.

Nếu có chúng sinh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn, cầu Nhất thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, tri kiến lực, vô sở úy của Như Lai, thương xót vì sự an vui của vô lượng chúng

sinh, làm lợi ích cho trời người, độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là đại thừa. Bồ Tát cầu thừa này, nên gọi là Ma ha tát, như các người con kia, vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sinh theo Phật nghe pháp, tâm sinh niềm tin thọ trì, ân cần tinh tấn, cầu “nhất thiết trí”: Cầu trí biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, “Phật trí” là trí huệ mà một số chúng sinh không thể có, “tự nhiên trí”, “vô sư trí” đều là trí huệ đại viên mãn giác của Phật, “tri kiến lục, vô vô sở úy của Như Lai”: Sự biết của Như Lai là Nhất thiết chủng trí, sự thấy của Như Lai là mắt Phật, “lục” là mười lục, “vô sở úy” là bốn vô sở úy, Phật phát tâm đại từ bi, thương sót sự an vui của chúng sinh, lợi ích trời người, độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là Bồ Tát đại thừa, nên gọi là Ma Ha Tát (đại). Như các người con kia vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, thấy các người con ra khỏi nhà lửa được an ổn, đến nơi chẳng sợ hãi, tự nghĩ của cải giàu vô lượng, đều đem xe lớn mà cho các con. Như Lai cũng như thế, là cha của tất cả chúng sinh. Nếu thấy vô lượng ức ngàn

chúng sinh, do cửa Phật giáo mà ra khỏi đường hiểm khổ sợ hãi của tam giới, thì Phật khiến cho họ được sự an vui của Niết Bàn.

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất, đức Như Lai như ông trưởng giả giàu có, thấy các người con ra khỏi nhà lửa được yên ổn, ông trưởng giả tức nhiên có của cải vô lượng, bèn bình đẳng ban tặng cho các con xe trâu trắng lớn. Giống như Phật thấy vô lượng chúng sinh, vì nghe Phật pháp mà tin nhận hộ trì, được lìa khỏi khổ, đường hiểm trong tam giới, thì Phật khiến cho chúng sinh đắc được sự vui của thường lạc ngã tịnh.

Bấy giờ, đức Như Lai bèn nghĩ : Ta có vô lượng vô biên trí huệ lực vô sở úy .v.v... các kho tàng Phật pháp. Các chúng sinh đó đều là con của ta, đều bình đẳng ban cho đại thừa, chẳng khiến có người được diệt độ riêng, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ. Những chúng sinh đó thoát khỏi tam giới, Phật đều ban cho sự vui sướng thiên định giải thoát của chư Phật.

Đức Thích Ca Như Lai lúc đó nghĩ như vậy : Ta có vô lượng vô biên trí huệ, mười lực, bốn vô sở úy, mười

tám pháp bất cộng. “Các kho tàng Phật pháp”: Như bốn đế, sáu độ, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy đạo phẩm. .v.v. Các chúng sinh đó đều là con của ta, đều bình đẳng ban cho xe lớn. “Dùng sự diệt độ của Như Lai, mà diệt độ”: Chẳng thiên lệch về lý không, khiến cho các chúng sinh thoát khỏi tam giới, Phật đều ban cho thiên định giải thoát tam muội Phật thừa, dùng giải thoát thiên định khoái lạc làm vui sướng, ở trong đó có thể được lạc thú vô cùng.

Đều là một tướng một thứ mà các bậc Thánh khen ngợi, hay sinh vui tịnh diệu bậc nhất.

“Một tướng” là thật tướng. Thật tướng đại biểu pháp thân đức, một trong ba đức. Ở trên đã nói rõ ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ, bốn đế, mười hai nhân duyên, bây giờ dùng ba đức để kết thúc phẩm ví dụ, cho nên nói đều là một tướng, tức cũng là thật tướng. Thật tướng là vô tướng, vô sở bất tướng, tất cả vạn vật có hình tướng, đều từ thật tướng mà ra, chân không tức diệu hữu, diệu hữu tức chân không, thật tướng là pháp thân đức của Phật. “Một thứ” (nhất chủng) tức là Nhất thiết chủng trí, là Bát Nhã đức. “Mà các bậc Thánh khen ngợi, hay sinh vui tịnh diệu bậc nhất”: Là giải thoát đức, pháp này mới được chư Phật khen ngợi, hay sinh vui thanh tịnh vi diệu, lìa cả khổ tức được giải thoát.

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng ba xe, để dẫn dụ các người con, sau đó chỉ cho một thứ xe lớn, có các báu vật trang nghiêm, an ổn bậc nhất, nhưng ông trưởng giả đó chẳng có lỗi hư dối.

Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất ! Phật giống như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng pháp môn phương tiện, nói ngoài cửa có xe dê, xe hươu, xe trâu, để ở ngoài cửa, gạt dụ các con ra khỏi nhà lửa, đến được nơi yên ổn, thì ông trưởng giả giàu có của cải vô lượng, mới ban cho các con mỗi người một chiếc xe trâu trắng lớn, xe có báu vật trang trí nghiêm túc, an ổn bậc nhất, ai nấy đều được xe lớn, do đó ông trưởng giả chẳng có lỗi nói dối.

Như Lai cũng như thế, chẳng có nói dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sinh, sau đó chỉ dùng đại thừa mà độ thoát. Tại sao ? Vì Như Lai có vô lượng trí huệ lực vô sở úy, các kho tàng Phật pháp, hay ban cho tất cả chúng sinh pháp đại thừa, nhưng thọ dụng chẳng hết được.

Xá Lợi Phất ! Do nhân duyên đó, nên biết chư Phật vì sức phương tiện, nơi một Phật thừa, mà phân biệt nói ba thừa.

Như Lai Thế Tôn cũng như ông trưởng giả kia, dùng pháp quyền xảo phương tiện dẫn dắt chúng sinh, ban đầu nói Thanh Văn thừa, kế nói Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa, ba thừa, để dẫn dắt chúng sinh. Ba tạng giáo thuộc Thanh Văn thừa, biệt giáo thuộc Duyên Giác thừa, Viên Giáo thuộc Bồ Tát thừa. Cuối cùng mới nói thật tướng diệu lý Kinh Pháp Hoa, pháp môn viên đốn là diệu pháp đại thừa, độ thoát chúng sinh. Vì sao ? Đức Phật vốn có vô lượng vô biên trí huệ, có Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, lại có mười lực, bốn vô sở úy, tất cả pháp môn, ban đầu đã có thể ban cho chúng sinh pháp môn đại thừa, song chẳng phải tất cả chúng sinh đều tiếp thọ được. Như ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm, mà người nhị thừa có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo lý viên đốn, thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, như điếc như mù, chẳng những không tiếp thọ được, mà đối với đạo lý bên trong họ cũng chẳng thông đạt được.

Có một số người nghĩ, người nhị thừa còn chẳng hiểu Kinh Hoa Nghiêm, huống gì chúng ta căn tánh đâu có bằng người nhị thừa, làm sao mà lãnh hội được Kinh Hoa Nghiêm ? Ban đầu đức Phật thành Phật, thì trên thế gian vốn chẳng có Phật, cho nên con người không thể tiếp

thọ đạo lý quá thâm áo. Bây giờ ai cũng biết có Phật pháp, biết rõ có đại thừa tiểu thừa, tự tính của chúng ta vốn đã trồng xuống hạt giống đại thừa, cho nên bây giờ nghe được Phật pháp đại thừa.

Phật lại bảo Xá Lợi Phất, vì chúng sinh không thể hoàn toàn tiếp thọ diệu lý đại thừa, ông nên biết, mười phương chư Phật và Phật Thích Ca đều dùng pháp môn quyền xảo phương tiện này, chỉ một Phật thừa này mà nói thành ba thừa. Kỳ thật, chẳng có ba thừa, vì căn tánh chúng sinh mà nói ba thừa, mục đích cuối cùng là : Hy vọng chúng sinh sớm thành Phật đạo.

Đức Phật muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Ví như ông trưởng giả
Có một ngôi nhà lớn
Nhà đó đã lâu đời
Mà lại cũ hư nát.
Phòng nhà cao nguy hiểm
Trụ cột lại gãy mục
Nóc nhà đều nghiêng ngã
Nền móng đã hư nát.
Tường vách đều sụp đổ
Bùn đất rơi rớt xuống

Tranh lợp rơi tả tơi
Kèo đòn tay trật khớp.
Bốn phía đều cong vạy
Đầy dẫy những dơ uest
Có đến năm trăm người
Thả đều ở trong đó.
Chim si, hưu, điêu, thúu
Quạ, chim thước, cưu, cấp
Ngô công và du diên
Loài thú cung, bá túc.
Dứ ly cùng hề thử
Các loài độc trùng dữ
Đuổi nhau chạy ngang dọc
Đại tiểu tiện hôi thối.
Chảy đầy đồ bất tịnh
Các độc trùng bọ hung
Bu đậu ở trên đó
Cáo sói và dã can.
Liếm nhai dày đập lên
Cắn xé những thân chết
Xương thịt bừa bãi ra

Do đó các bày chớ.
Tranh nhau đến giành ăn
Ốm đói rất sợ sệt
Khắp nơi tìm món ăn
Giành giựt cấu xé nhau.
Gầm gừ gào sủa rên
Nhà đó rất đáng sợ
Những cảnh trạng như thế
Khắp nơi thấy đều có.
Quý lì mị, vọng lượng
Dạ Xoa các ác quỷ
Ăn nuốt cả thịt người
Các loài trùng dữ độc.
Những cầm thú hung ác
Ấp cho bú sản sinh
Đều tự giấu gìn giữ.

Phật từ bi thương xót, sợ chúng sinh chẳng minh bạch đạo lý bên trong, cho nên dùng kệ để thuật lại nghĩa trường hàng ở trên.

Kệ có bốn chữ, sáu chữ, hoặc bảy chữ, đủ loại. Dùng kệ để thuật lại đạo lý ở trên, hoặc chưa nói rõ, lại phải dùng kệ để nói: ‘Ví như ông trưởng giả, có một ngôi

nhà lớn”: Bao quát dục giới, sắc giới, và vô sắc giới ba cõi, là một ngôi nhà lớn. Ba cõi không yên, giống như nhà lửa. Như thân thể của chúng ta có bài kệ rằng :

‘Thân người như một căn nhà,
Miệng làm cửa lớn mắt làm cửa sổ,
Tứ chi như bốn cột trụ,
Đầu tóc ví như tranh lợp nhà,
Tùy thời siêng tu bổ,
Đừng để ngã sập nguy nan.’

Thân con người như một căn nhà, phải thừa lúc thân thể còn khoẻ mạnh, thì nên siêng năng tham thiền đả tọa, lay Phật, tụng Kinh, trì Chú. Một đời chỉ được lúc siêng năng, một năm chỉ được vào mùa xuân, một ngày chỉ được vào lúc sáng sớm. Sáng sớm nên thức dậy vào khoảng bốn giờ, rửa mặt rồi thì nên ngồi thiền, vì sáng sớm trời đất vạn vật đều yên tĩnh, lúc này ngồi thiền rất dễ tương ưng với đạo.

Ngồi thiền xong rồi, lễ Phật là vận động tốt nhất, khiến cho máu huyết lưu thông, lay Phật rồi thì tụng Kinh, khiến cho hô hấp hơi thở điều hòa, sau đó thì trì Chú, trong tâm tĩnh lặng là kim cang trì Chú, làm hết tất cả rồi, thì bắt đầu làm việc.

‘Nhà đó đã lâu đời’: Tam giới từ vô thủy đến nay, vẫn tồn tại nên gọi là lâu đời. ‘Mà lại cũ hư nát’: Dù cho thân người sẽ suy già, các bộ phận làm việc cũng suy yếu.

“Phòng nhà cao nguy hiểm”: “Phòng” dụ cho sắc giới, “nhà” dụ cho dục giới, ở trong tam giới dễ mất đi thân người. Trong tam giới sẽ đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, bất cứ lúc nào nên gọi là “nguy hiểm”. “Trụ cột lại gãy mục”: “Trụ cột” dụ cho hai chân người, như trụ cột chống đỡ thân thể. “Gãy mục” tức sinh già bệnh chết bốn tướng biến đổi, từ nhỏ đến lớn, lớn rồi thành già, già rồi chết. “Nóc nhà đều nghiêng ngã”: Dụ cho lưng của chúng ta đã cong. “Nền móng đã hư nát” ý nói thân thể này tạo nghiệp cuối cùng sẽ tan rã. “Tường vách đều sụp đổ, bùn đất rơi rớt xuống”: Dụ cho da của con người đã nhăn nheo, da như bùn đất biến hoại. “Tranh lọt rơi tả toi”: “Tranh lọt” là cỏ tranh dùng để lọt mái nhà, dụ cho tóc, tóc đều đã rụng tả toi. “Kèo đòn tay trật khớp”: “Kèo đòn tay” dụ cho gân cốt, gân cốt đã trật khớp. “Bốn phía đều cong vạy, đầy đầy những như ướ”: Tức ruột non ruột già trong thân thể cong vạy, đầy đầy phân đồ vật phế thải như ướ.

Thân thể con người do bốn đại hòa hợp mà thành, thân thể tan rã thì bốn đại phân tán, đất, nước, gió, lửa đều trả về. Mỗi người nên nhận rõ đời người, đừng vì thân này mà làm nô lệ, chẳng biết giác ngộ. Tôi từng nói:

“Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm,
Trước trừ thiếu niên sau trừ già,
Thời gian khoảng giữa chẳng là bao,
Lại có một nửa thời gian ngủ”.

Con người mới sinh ra, đến mười tuổi thì quá nhỏ, chẳng làm được gì, quá sáu mươi tuổi thì đã già, cũng chẳng còn hữu dụng, thời gian khoảng giữa còn có một nửa ngủ nghỉ, thật tế đời người thời gian làm chẳng bao nhiêu, ở trên là chân lý đời người, thấy được chân lý đời người, thì thân tâm có chỗ ký thác.

“Có đến năm trăm người, thấy đều trong đó”: Tức là năm đường chúng sinh (cõi trời, cõi người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), ở trong nhà lửa tam giới này.

“Chim si hưu, điều, thứu”: Chim si hưu là chim bất hiếu, mới sinh ra thì ăn thịt mẹ của chúng. Chim mẹ bị con ăn, đó là vì quả báo, vì nó đời trước bất hiếu với cha mẹ, cho nên đời này bị con ăn thịt. “Chim si” dùng chuộc làm thức ăn. Người Tàu cho rằng thấy được loài chim này, là điềm chẳng cát tường, chim này cũng gọi là mèo đầu ung, do đó có câu: “Mèo hoang vào nhà, thì chẳng việc gì mà không xảy đến”. Cho nên ai ai cũng đều ghét loài chim này. Con người nếu tự tôn tự đại, ở nhà bất hiếu với cha mẹ, thì quả báo sẽ đầu thai làm chim si hưu. “Điều thứu”: Đều dùng động vật chết làm thức ăn, những loài chim này lúc sinh tiền làm người, thì háo cao vụ viễn, chẳng có việc gì thành tựu, chẳng cố gắng gì cho đời, vì họ háo cao vụ viễn nên đầu thai làm phi cầm.

“Chim si, hưu, điều, thứu, quạ, thước, cưu, cấp”: Hết thấy tám loài chim này, dụ cho mạn trong năm độn sử: Tham, sân, si, mạn, nghi, những loài chim này, kiếp trước làm người thì cậy thế hiếp người, hoặc cậy tiền của,

hoặc cây tài cán, hoặc cây trí huệ, coi mình cao siêu mà khinh khi người khác. “Điêu” là một thứ chim thân hình to, hay bay rất cao, mỏ màu đỏ, dùng động vật nhỏ như thỏ, gà, làm thức ăn. “Thứu” thân màu vàng, thường ăn vật hũ nát như động vật đã chết sinh. “Quạ” là quạ đen là chim hiếu nhưng tính kiêu ngạo. “Thước” là chim khách, thân nửa trắng nửa đen. Người Tàu cho rằng chim khách là chim cát tường, gặp chim khách bay đến, tức là có điềm cát tường, có tin vui, cho nên ai ai cũng đều thích chim này. “Cưu” loài chim này chẳng ăn trùng mà ăn lương thực. “Cáp” tự cho mình là đẹp nhất, tính đa tình. Tám loài chim ở trên là dụ cho cống cao ngã mạn. Có tám thứ kiêu ngạo :

1. “Si” dụ cho ý mạnh kiêu ngạo.

2. “Hưu” dụ cho tính kiêu ngạo, lúc làm người thì cậy mình sinh vào gia đình sang trọng.

3. “Điêu” dụ cho giàu kiêu ngạo, tự cho rằng mình giàu hơn người khác.

4. “Thứu” dụ cho tự tại kiêu ngạo, cảm thấy mình vô câu vô thức, vô quá vô ngại, cứ ăn vật hư hoại, mà tự cho rằng đó là tu khổ hạnh, cảm thấy rất tự tại, kì thật chỉ là khổ hạnh vô ích mà thôi.

5. “Quạ” dụ cho thọ mạng kiêu ngạo, tuy thọ mạng chẳng dài lắm, song tự cảm thấy thọ lâu dài, cho nên có thọ mạng kiêu ngạo.

6. “Thước” dụ cho thông minh kiêu ngạo.

7. “Cru” dụ cho làm thiện kiêu ngạo, lấy sự ăn chay mà tự kiêu ngạo.

8. “Cáp” dụ cho sắc đẹp kiêu ngạo.

Tám thứ kiêu ngạo ở trên, dụ cho mạn sử trong năm độn sử, tức là thường có tâm ngã mạn, tự cho mình hơn bất cứ ai.

“Ngoan, xà, phúc, hiết, ngô công, du diên”: “Ngoan” là rắn đen rất độc. “Xà” độc khí rất lợi hại. “Phúc” thân rộng ba tấc, dài từ ba đến bốn tấc, hình như con nhện, đầu như ngón tay cái của người, cũng là một thứ rắn độc. “Hiết” cũng là một loài trùng có nọc độc. “Ngô công” đầu màu đỏ, đầu chẳng phải màu đỏ tức là “du diên” là loài trùng rất độc. “Ngoan, xà, phúc, hiết, ngô công, du diên” đều dụ cho “sân” ở trong năm độn sử, sân rất độc, cho nên không nên có tâm sân hận.

“Thủ cung, bá túc”: “Thủ cung” tức là “hà diên”, ở trong tường vách gọi là “thủ cung”, ở dưới biển gọi là “hà diên”. Truyền thuyết thời xưa của Tàu, hoàng đế nhất phi tần vì bất trung với vua, có hành vi chẳng tốt, thì dùng máu của loài “thủ cung” bôi lên cánh tay của phi tần, nếu phi tần hạnh trong sạch, thì máu chẳng mất đi, cho nên thứ trùng này gọi là “thủ cung”. “Bá túc” là loài rệp, có rất nhiều chân dài đến ba bốn tấc, màu đen rất độc.

“Dứu, ly, hề thử”: “Dứu” là một thứ động vật thân dài ba thước, nếu gặp chó hoang tập kích, thì thân

phóng ra mùi thối để thoát thân, khỏi bị chó cắn. Thứ động vật này có cái đuôi lớn, người thường dùng lông đuôi của nó để làm bút lông. Trung Quốc có hồ tiên và huỳnh tiên, “dứ” là huỳnh tiên, thân màu vàng, sống lâu khoảng một ngàn năm, thân biến thành màu đen là đã sống đến một vạn năm, thân mà biến thành màu trắng thì thành tiên. Sống khoảng một trăm năm thì sẽ có thần thông. “Ly” là một thứ mèo hoang, chuyên bắt gà vịt để ăn. “Hề thử” còn gọi là cam khẩu hề, là một loài chuột. Máy loài động vật ở trên là dụ cho “si” ở trong năm độn sử. “Thủ cung, bá túc” là loài chẳng có trí tuệ, dụ cho độc đầu vô minh. “Dứ, ly, hề thử” dụ cho tương ưng vô minh.

“Các loài độc trùng dữ, đuổi nhau chạy ngang dọc”: Máy loài độc trùng vừa nói ở trên, là dụ cho độc đầu vô minh và tương ưng vô minh, là ác tướng ở trong tam giới, đó đây đuổi nhau chạy ngang chạy dọc.

“Đại tiểu tiện hôi thối, chảy đầy đồ bất tịnh”: Dụ cho con người bề ngoài trang điểm đẹp đẽ, nhưng thân thể bên trong rất bẩn thỉu hôi thối, nhưng con người vẫn ngu si chấp trước túi da hôi thối này, xem là của báu. Độc trùng ở trên là dụ cho sự ngu si của con người. Con người ở chỗ bất tịnh, tham trước đồ bất tịnh mà chẳng biết, mà những vật bất tịnh này chảy đầy dẫy khắp nơi.

“Các độc trùng khương lương, bu đậu ở trên đó”: “Khương lương” là loại bọ hung sống ở trong phân bò, nó vẫn vui vẻ tự đắc, thậm chí dùng phân để cúng Phật,

nhưng vì thành tâm, nên Phật cũng từ bi nạt thọt. Vì nó hay cúng Phật, nên đời sau được chuyển làm thân người, nhưng đời trước nghiệp chướng quá nặng, dù được sinh làm người, nhưng bị điếc, câm, ngu si, hạ liệt. Loài bọ hung sống ở trong đồng phân, nếu bạn muốn nó di chuyển đến hũ dầu thơm, thì nó chẳng thể thích ứng mà chết. Chúng ta là người học Phật pháp, phải học đạo lý chân chánh, đừng giống như loài bọ hung, sống ở trong đồng phân, vẫn chẳng biết tỉnh giác.

“Cáo sói và dã can”: “Cáo” tức là hồ ly, hồ ly tinh khiến cho con người ý loạn tình mê. Người Tàu thường dùng hồ ly tinh, dụ cho phụ nữ bại hoại, thường dụ hoặc đàn ông. Thiên tính của hồ ly đa nghi. Trời mùa đông nước đóng thành băng, hồ ly đi trên băng, mỗi bước đều lóng nghe, nếu chẳng có tiếng động gì, thì băng đóng dày chắc, có thể đi được, cho nên nói hồ ly đa nghi. “Sói” tính hung ác, tướng mạo như chó. Khi tôi ở núi Không Thanh tại Nam Kinh, thì một đêm nọ, từ Long đâm trên đường về gặp một bày sói, chúng đi cạnh bên tôi, nhưng chẳng tập kích tôi, tôi bèn vì chúng mà thọt quy y, cho nên trong số đệ tử của tôi, cũng có hơn hai mươi con sói làm đệ tử. “Dã can” là tạp giống của hồ ly, hồ ly đã thông minh, mà dã can còn thông minh hơn hồ ly, chúng ở vùng ven núi, hoặc khu rừng cây cao, chúng thường phát ra tiếng rất đặc biệt quái lạ, khiến cho người nghe phải khiếp vía, và những thú khác chẳng dám đến gần.

“Liếm nhai dày đạp lên”: Có thức ăn ít, thì từ từ liếm nhai, còn nếu có thức ăn nhiều, thì chẳng biết tiếc mà dày đạp lên.

“Cắn xé những thây chết, xương thịt bừa bãi ra”: Dùng tay xé xác chết ra ăn, vứt bỏ bừa bãi. “Do đó các bầy chó, tranh nhau đến giành ăn”: Bầy chó cũng đến tranh ăn xương thịt, chẳng nhường nhịn nhau.

“Ốm đói rất sợ sệt”: Chẳng hiểu Phật pháp là đời, pháp thân chẳng viên mãn là ốm, một số người chưa nghe Phật pháp, đều có thể gọi là ốm đói.

“Khắp nơi tìm thức ăn”: Bầy chó cùng nhau tranh giành xương thịt, dụ cho tham trong năm độn sử.

“Giành giựt cấu sế nhau”: Phát ra lời lẽ tranh cãi thị phi.

“Gầm gừ gào sủa rên”: Trợn mắt mà nhìn là gừ, há mồm nhe răng ra để thị uy là gào, kêu lớn tiếng là gào sủa, những thứ này dụ cho nghi trong năm độn sử.

“Nhà đó rất đáng sợ, những cảnh trạng như thế”: Trong nhà năm uẩn cảnh trạng rất đáng sợ.

Từ khi bắt đầu bài kệ đến đây, là nói về năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi, những thứ này chi phối, khiến cho con người điên đảo thị phi, khó mà tự cứu. Cho nên tu đạo phải trừ khử năm độn sử này.

“Khắp nơi thấy đều có, quý lị mị vọng lượng, Dạ xoa các ác quỷ, ăn nuốt cả thịt người”: “Khắp nơi” là nói tam giới : Dục giới, sắc giới và vô sắc giới, cũng có thể nói là thân của con người. Ba cõi đều đầy dẫy Dạ xoa, ác

quỷ, li, mị, vọng lượng, hoặc trong năm đục đầy đầy sắc thọ tướng hành thức, hoặc bốn đế đều đầy đầy li mị vọng lượng. “Li” là sơn tinh, là quỷ quái ở trong núi. “Mị” là yêu quái cứ làm việc quái đản ở trong nhà, tức quỷ mị. “Vọng lượng” là tinh quái do cây, hoặc đá hóa thành, ngón tay của con người chảy máu nhỏ lên đá, thì đá mượn tinh khí của con người mà biến thành tinh quái. “Vọng lượng” là to lớn như núi cao, ban đêm mới xuất hiện, đến khi gà gáy quá nhiều mới ảm mất. Li mị là quỷ nhỏ bé cao khoảng ba thước, rất nhỏ so với vọng lượng, quỷ Vọng lượng cao ba bốn trượng cho đến ba bốn mươi trượng. “Li, Mị, Vọng lượng, Dạ xoa, ác quỷ” đều dụ cho năm lợi sử, năm lợi sử khiến cho con người điên đảo, chấp trước làm việc hồ đồ :

1. Thân kiến: Chấp trước thân thể của mình, chú trọng trang điểm túi da hôi thúi này, nhận làm thân giả này làm “chân ngã”. Kì thật, thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể mới là “chân ngã”, tức tánh Như Lai tạng, cũng đều là chân ngã. Chân ngã thì chẳng sinh chẳng diệt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tăng chẳng giảm. Người tu hành nên nhớ đừng nhận giả làm chân, phải trừ khử “thân kiến”, nhìn thấu buông xả.

2. Biên kiến : Chấp đoạn, chấp thường, đây là tri kiến của ngoại đạo, hoặc cho rằng người chết như đèn tắt, bác vô nhân quả, hoặc cho rằng người như cây cỏ, sinh thì tự sinh, chết thì tự chết, tức là đoạn kiến. Thường kiến là sinh thì làm người, đời đời kiếp kiếp đều làm người, sinh

rồi chết, chết rồi lại sinh làm người. “Biên” tức chẳng hợp với trung đạo, cường từ đoạt lý.

3. Giới cấm thủ kiến : Là một thứ giới luật của ngoại đạo tu, chẳng phải nhân cho là nhân, chẳng phải quả cho là quả, họ dối gạt tu khổ hạnh vô ích, thì có thể được Niết Bàn. Kì thật, là có những bàng môn tả đạo, vì khổ hạnh mà được thiên nhân thông, thấy súc sinh được sinh về cõi trời, bèn học theo sinh sống tập quán của loài súc sinh, tu hành những pháp môn, ví như : Giới bò, họ cho rằng : Sở dĩ bò được sinh về cõi trời, đều vì dùng cỏ làm thức ăn, cho rằng ăn cỏ là trai giới trong sạch nhất, cho nên giữ giới bò, cũng dùng cỏ làm thức ăn. Kẻ giữ giới chó, thì cho rằng chó vì người trông giữ cửa, thì có công lao, cho nên hành động và làm theo như chó. Đó là những giới bò, giới chó, của ngoại đạo. Vì tu những khổ hạnh vô ích như vậy, cũng có thể sinh về cõi trời, tức trong Kinh Pháp Hoa có nói : “Ly địa nhất xích nhị xích”. Ly địa nhất xích, tức sinh về cõi dục giới, ly địa nhị xích, thì sinh về cõi sắc giới. Đó là giới tu của ngoại đạo, song có sự chấp trước, chẳng phải tịnh giới vô lậu của nhà Phật. Còn có một thứ ngoại đạo, lấy heo làm mô phạm, nằm trên đất, dùng tro bôi khắp thân thể, dạy người chẳng nhận ra mặt mũi của họ. Còn có một thứ ngoại đạo, ngủ ở trên giường đinh, cho rằng bị đinh đâm lủng da cũng chẳng sợ, là sự khổ hạnh khó hành. Còn có một thứ khổ hạnh, dùng dây thừng treo ngược thân thể mà ngủ. Còn có một thứ khổ hạnh, dùng bùn đất làm thức ăn, cho

ràng đó mới là sinh sống thiên nhiên. Đó đều là giới cấm thủ, thực hành những khổ hạnh vô ích.

4. Tà kiến : Là tri kiến ngược lại với chánh đạo. Ví như người tu đạo, nên hiếu thuận với cha mẹ, nhưng người tà kiến cho rằng : Sinh dưỡng con cái là bổn phận của cha mẹ, cho nên chẳng hiếu thuận với cha mẹ. Chánh đạo chủ trương chẳng sát sinh, còn họ thì cổ lệ sát sinh. Trộm cắp thì chẳng hợp pháp, nhưng họ dạy người đi trộm cắp. Tà dâm là hành vi bất chánh, nhưng họ dạy người tà dâm. Người không nên nói láo, nhưng họ dạy người nói dối. Người tà kiến thì phản đối việc ăn chay, cho rằng ngựa, bò, dê, các loài súc sinh là trời sinh ra cho con người ăn thịt, hà tất làm hại vật của trời ! Nói tóm lại, kẻ tà kiến thì tất cả tri kiến đều ngược lại với chánh đạo.

5. Kiến thủ kiến : Thấy vật bên ngoài thì sinh tâm ích kỉ, muốn chiếm làm của riêng mình. Năm lợi sử ở trên che lấp trí huệ chân chánh của con người.

Cho nên người học Phật, phải dùng kiếm trí huệ chặt đứt năm lợi sử, mới có thể vượt ra ba cõi. Đó là nói sơ lược về năm lợi sử, nếu nói tỉ mỉ thì nói chẳng hết được.

Vì sao bò, chó, heo, gà, các loài súc sinh có thể sinh về cõi trời ? Vì bò cày ruộng, làm việc cho chủ, nên có công, cho nên có thể sinh về cõi trời. Chó trung thành với chủ, cứu chủ lập công, cho nên có thể sinh về cõi trời, mà chẳng biết rõ nhân duyên chúng được sinh về trời, hiểu lầm sự sinh về trời, nên học hành vi tập quán hằng

ngày của chúng. Người tu đạo phải có mắt chọn pháp, biết rõ thị phi, lựa thiện mà theo.

“Dạ xoa các ác quỷ”: Dạ cho tà kiến của năm lợi sử, như Dạ xoa ác quỷ hành sự ở trong bóng tối. “Thịt người” dụ cho thiện báo, người làm lành thì được thiện báo.

“Nuốt cả thịt người” dụ cho kẻ tà kiến bác nhân quả, dẫn dắt kẻ khác làm những việc bại hoại.

“Các loài trùng dữ độc, các cầm thú hung ác”. Tức ở trên đã nói những loài trùng độc và cầm thú.

“Ấp cho bú sản sinh”: “Ấp” trứng do ấp mà sinh, “bú” là thai sinh, “đều tự giấu gìn giữ”: Dụ cho nhân quả thế gian chẳng mất đi.

Quý Dạ xoa đua đến
Tranh giành lấy món ăn
Ăn xong no nê rồi
Tâm ác nổi hăng lên.
Tiếng chúng đánh cãi nhau
Thật rất là hãi hùng
Loài quỷ Cưu bàn trà
Ngồi xồm trên đồng đất.
Hoặc có lúc hồng đất
Một thước hoặc hai thước

**Đạo đi qua đi lại
Buông lung chơi đùa giỡn.
Cầm nắm hai chân chó
Đánh cho la thất thanh
Lấy chân đạp trên cổ
Khủng bố chó để vui.**

“Quý Dạ xoa đua đến, tranh giành lấy món ăn”:
Dạ xoa là một loài quỷ hành động rất nhanh nhẹn, cùng nhau tranh giành lấy thức ăn, vì thức ăn thì ít, mà quỷ Dạ xoa thì nhiều, chẳng đủ phân chia, cho nên chúng tranh giành lấy thức ăn. Dụ cho bác vô nhân quả.

“Ăn xong no nê rồi”: Dụ cho tà kiến thành tựu.

“Tâm ác nổi hăng lên”: Dụ cho tà kiến tăng trưởng.

“Tiếng chúng đánh cãi nhau, thật rất là hãi hùng”:
Do đó có câu :

“Tranh là tâm hơn thua,
Trái ngược lại với đạo,
Tâm sinh ra bốn tướng,
Sao đắc được tam muội”.

Tranh là tâm hơn thua, trái ngược với đạo, khởi tâm tranh thì sinh ra : Tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh và tướng thọ mạng. Sinh ra bốn tướng này, làm sao được tam muội ? Dụ cho tà luận bác vô nhân quả, thật là

đáng sợ. Lại dụ cho một số người nghe tà luận, bị mê hoặc mà tạo nghiệp, đọa vào ba đường ác, rất khó ra được.

“Loài quỷ Cưu bàn trà”: Hình như quả dưa, chẳng có tay, chẳng có chân, gọi là quỷ yểm mị, thường đè trên người khi họ ngủ, khiến cho họ nghẹt thở, thậm chí có thể làm cho người chết. Dụ cho giới cấm thủ kiến trong năm lợi sử.

“Ngồi xồm trên đống đất”: Dụ cho sáu cõi trời dục giới. Ngoại đạo giữ giới bò, chó, gà, heo, y theo giới tu mười điều thiện, thì được sinh về sáu cõi trời dục giới (Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Xuất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại).

“Hoặc có lúc hồng đất, một thước hoặc hai thước”: “Hoặc” nghĩa là chẳng quyết định. Ngoại đạo y theo giới tu hành đắc được tứ thiên, sinh về cõi trời sắc giới tức “hồng đất một thước”, y theo giới tu tứ không định, được sinh về cõi trời vô sắc giới, tức “hồng đất hai thước”.

“Đạo đi qua đi lại”: “Đi” dụ cho sinh về cõi sắc giới, vô sắc giới. “Qua lại” dụ cho sinh về cõi dục giới. Dụ cho con người như hạt bụi, lúc cao lúc thấp, lúc lên lúc xuống, ở trong nhà lửa tam giới, tạo nghiệp thiện thì được sinh về cõi trời; tạo nghiệp ác thì đọa địa ngục, làm ngã quý, hoặc súc sinh. Con người do nghiệp dẫn dắt.

“Buông lung chơi đùa giỡn”: Dụ cho người chẳng minh bạch chân lý, thì chẳng đắc được sự vui cứu kính, những gì có được, đều là khoái lạc giả, chẳng thật.

‘‘Cầm nắm hai chân chó, đánh cho la thất thanh’’: Quỷ Dạ xoa cầm hai chân chó, đánh và ném đi nơi xa. Dụ cho ngoại đạo vọng tưởng, tu khổ hạnh để mong thành tựu đạo nghiệp. Thật ra, giữ giới bò, giới chó, giới heo, đều là khổ hạnh vô ích, khổ hạnh ngoại đạo chẳng phải nhân cho là nhân.

‘‘Lấy chân đạp trên cổ’’: Dụ cho ngoại đạo chẳng phải quả cho là quả. Cho rằng hành khổ hạnh, thì có thể được khoái lạc Niết Bàn.

‘‘Khủng bố chó để vui’’: Quỷ Dạ xoa làm cho chó kinh hãi sủa bậy để làm vui thích. Dụ cho được vị thiền, chứng đắc Ly hỷ diệu lạc địa (sơ thiền).

**Lại có các loài quý
Thân chúng dài to lớn
Trần trường rất xấu đen
Thường ở luôn trong đó.
Phát ra tiếng hung ác
Kêu la tìm thức ăn
Lại có các loài quý
Cổ chúng nhỏ như kim.
Lại có các loài quý
Đầu chúng như đầu trâu
Hoặc là ăn thịt người**

**Hoặc lại ăn thịt chó.
Đầu tóc rối tung lên
Tàn ác rất hung hiểm
Bị đói khát bức bách
Kêu la chạy đuổi theo.**

“Lại có các loài quý”: Ngoại trừ quý Dạ xoa ra, còn có các loài quý khác. “Thân chúng dài to lớn, trần truồng rất đen xấu, thường ở luôn trong đó”: Dụ cho thân kiến trong năm lợi sử. Thân của chúng đầy dẫy trong tam giới, cho nên nói là “dài”, khắp đầy năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) cho nên nói là “to lớn”.

Tự giác mãn túc, chẳng hổ thẹn, chẳng tu pháp lành, cho nên gọi là “trần truồng”. Vì tội ác khắp mình, cho nên gọi là “đen”. Chẳng có đức hạnh nên gọi là “xấu”. “Thường ở luôn trong đó”: Thường ở trong ba cõi chẳng cầu thoát ra. “Phát ra tiếng hung ác”: Dụ cho kẻ ngoại đạo tu chấp nặng tướng ta, tu đủ thứ khổ hạnh. “Kêu la tìm thức ăn”: Dụ cho ngoại đạo vọng tưởng chấp trước cái ta mà được Niết Bàn.

“Lại có các loài quý, cổ chúng nhỏ như kim”: Có loài quý bụng to như trống, cổ nhỏ như kim, dụ cho “kiến thủ” trong năm lợi sử, nhận lầm rằng cảnh giới Trời Phi Phi Tướng Xứ là Niết Bàn. Trời Phi Phi Tướng Xứ sống lâu đến tám vạn đại kiếp, hết tuổi thọ thì sẽ đọa lạc.

“Lại có các loài quý, đầu chúng như đầu trâu”:
Dụ cho biên kiến.

“Hoặc là ăn thịt người”: “Thịt người” dụ cho căn lành, dụ cho đoạn kiến, thường kiến, dứt căn lành xuất thế.

“Hoặc lại ăn thịt chó”: Dụ cho dứt căn lành thế gian.

Căn lành xuất thế là gì ? Là siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si, đầy đủ bốn đế, mười hai nhân duyên, lục độ vạn hạnh, hết thấy các công đức, đó là căn lành xuất thế. Căn lành thế gian là giữ năm giới. Thực hành mười điều lành : Không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, đó là năm giới; chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, không tham, không sân, không si, không nói lời thêu dệt, không nói dối, không chưởi mắng, không nói hai chiều, đó là mười điều lành. Người có đoạn kiến, thường kiến, thì sẽ dứt mất căn lành thế gian và xuất thế gian.

“Đầu tóc rối tung lên”: Dụ cho ngoại đạo. “Chẳng thường mà nói thường” : Cho rằng sinh làm thần thì vĩnh viễn là thần; sinh làm người thì vĩnh viễn là người; sinh làm súc sinh thì vĩnh viễn chẳng thay đổi. Ngoại đạo cũng có lý luận sai lầm, một khi chết thì vĩnh viễn diệt hẳn. Những lý luận này hoàn toàn sai lầm, chẳng hợp với trung đạo, mâu thuẫn lẫn nhau cho nên nói “đầu tóc rối tung lên”.

‘‘Tàn ác rất hung hiểm‘‘: Dụ cho thường kiến, phá chân lý vô thường, còn đoạn kiến thì phá chân lý nhân duyên.

‘‘Bị đốit khác bức bách, kêu la chạy đuổi theo‘‘: ‘‘Đoit khác’’ là đoit khác trí huệ, người tu đạo phải có thức ăn trí huệ và uống thiền định; chẳng nghe Kinh thì chẳng có thức ăn trí huệ; chẳng ngồi thiền thì chẳng uống thiền định, cho nên nói ‘‘bị đoit khác bức bách’’. ‘‘Kêu la’’ dụ cho diễn xướng tà luận đoạn kiến, ‘‘chạy đuổi theo’’ dụ cho sinh tử không ngừng, ở trong sáu nẻo luân hồi.

Dạ xoa cùng quý đoit
Các chim muôn ác độc
Đoit quá chạy bốn bề
Rình xem các cửa sổ.
Các nạn như vậy đó !
Vô lượng việc ghê sợ
Vì nhà hư mục đó
Thuộc về nơi một người.
Người đó vừa ra khỏi
Thời gian chưa bao lâu
Về sau ngôi nhà đó
Lửa bỗng nhiên nổi lên.

“Dạ xoa cùng quý đỏi, các chim muôn ác độc”: Dụ cho phiền não năm lợi sử và năm độc sử trong dục giới. Chúng sanh dục giới đều là hữu lậu, nên chẳng biết tu đạo, càng không thể được từ vị thiên duyệt.

“Đỏi quá chạy bốn bề”: Dụ cho ngoại đạo tu tà quán, chẳng biết lĩnh ngộ được chân lý, mà họ ngưỡng mộ đạo quả và thiên vị.

“Rình xem các cửa sổ, các nạn như vậy đó, vô lượng việc ghê sợ”: Các nạn như thế, thật là đáng hãi hùng.

“Vì nhà hư mục đó”: Dụ cho ba cõi vô thủy cố hữu chẳng an ổn.

“Thuộc về nơi một người”: Phật dùng ứng thân vào ba cõi giáo hóa chúng sinh. Từ khi Phật phát tâm cho đến khi thành Phật, trải qua ba đại A Tăng kỳ kiếp, Ngài phát vô lượng vô biên thệ nguyện: Nguyện độ tất cả chúng sinh liễu sinh thoát tử. Cho nên, chúng ta là Phật giáo đồ, nên phát vô lượng vô biên đại thệ nguyện, độ tất cả chúng sinh. Phật giáo đồ nên độ cha mẹ tin Phật, nếu độ được cha mẹ tin chân lý, thì mới là hiếu thuận chân chánh, sau đó độ anh chị em hiểu rõ chân lý, xa lìa tà tri kiến. Đức Phật thành Phật rồi, còn phải đến cung trời Đao Lợi vì mẹ mà nói Kinh Địa Tạng, đủ thấy đức Phật thành Phật rồi, vẫn không quên độ mẹ của Ngài.

“Người đó vừa ra khỏi, thời gian chưa bao lâu, sau đó ngôi nhà đó, lửa bỗng nhiên nổi lên”: Đức Phật giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh hàng

phục được năm trước, hoàn thành tất cả nghiệp hoặc, Phật mới vào Niết Bàn. Phật vào Niết Bàn rồi, thì tất cả chúng sinh năm trước lại hiện. Cũng có thể dụ cho chúng sinh được Phật giáo hóa, đã được vô minh pháp nhẫn, do đó có câu:

“Các lậu đã sạch,
Phạm hạnh đã vững,
Việc làm đã xong,
Chẳng còn sinh tử”.

Chẳng còn sinh vào ba cõi nữa, nên nói là “ra khỏi”. Tuy Phật đã thành Phật, ra khỏi ba cõi nhưng Phật vẫn nương thuyền từ bi trở lại thế giới này, để giáo hóa chúng sinh. “Về sau ngôi nhà đó, lửa bỗng nhiên nổi lên”: “Nhà” dụ cho năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, lửa năm uẩn thiêu hủy ba cõi.

**Bốn phía cùng một lúc
Lửa ngọn cháy hừng hực
Mái nóc và cột kèo
Tiếng nổ vang lách tách.
Đổ gãy rơi rớt xuống
Tường vách đều sụp đổ.**

“Bốn phía” dụ cho bốn niệm xứ. Sau khi Phật vào Niết Bàn, thì tất cả người tu đạo, Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni,

đều y theo bốn niệm xứ mà trụ. Bốn niệm xứ: Thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, và pháp niệm xứ.

1. Quán thân bất tịnh : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều khổ.

3. Quán tâm vô thường : Tâm niệm luôn thay đổi, nên gọi là vô thường, quán thân, thọ, tâm, pháp, đều vô thường.

4. Quán pháp vô ngã : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều chẳng có cái ta. Tu bốn niệm xứ trước hết tu :

1. Quán bất tịnh, để phá trừ chấp cái ta, mượn cái giả tu cái thật.

2. Quán thọ là khổ, có ba sự khổ, tám sự khổ và vô lượng sự khổ.

3. Quán tâm vô thường.

4. Quán pháp chẳng có ngã. “Cùng một lúc” dụ cho năm trước, tám sự khổ, bốn điên đảo, cùng một lúc sinh ra. Bốn điên đảo là bốn sự thấy điên đảo của ngoại đạo : Chẳng thường nói là thường, chẳng vui nói là vui, chẳng phải ngã nói là ngã (cái ta), chẳng tịnh nói là tịnh (thường, lạc, ngã, tịnh bốn đức Niết Bàn).

“Lửa ngọn cháy hùng hực”: Bốn điên đảo, năm trước, tám khổ cùng nhau tương trợ, cho nên nói là lửa ngọn cháy hùng hực.

‘‘Nóc mòi và cột kèo’’: Dụ cho xương cốt chi trì thân thể.

‘‘Tiếng nổ vang lách tách’’: Mạng sống mà hết là ‘‘nổ’’, dụ cho mạng sống chấm dứt.

‘‘Đổ gãy rơi rớt xuống, tường vách đều sụp đổ’’: Hơi thở chấm dứt là ‘‘đổ gãy’’, dụ cho lúc lâm chung thì bốn đại giải tán, đất, nước, gió, lửa đều trở về bản thể của nó.

Các loài quý thần thảy
Đều lớn tiếng kêu to.
Các loài chim điểu thú
Cùng quý Cưu bàn trà
Hoảng sợ chạy tán loạn
Vẫn chẳng chạy ra được.
Thú dữ và trùng độc
Ẩn núp trong hang lỗ
Loài quý Tỳ xá xà
Cũng đều ở trong đó.
Vì phước mỏng đức ít
Nên bị lửa bức bách
Lại tàn hại lẫn nhau
Uống máu và ăn thịt.

“Các loài quỷ thần thấy”: Dự cho năm độn sử và năm lợi sử.

“Đều lớn tiếng kêu to”: Các loài quỷ thần thấy căn nhà bỗng nhiên nổi lửa, tường ngã nhà sập, nên hoảng hốt kêu to.

“Các loài chim điểu, thú, cùng quỷ Cru bàn trà, hoảng sợ chạy tán loạn, vẫn chẳng tự ra được”: Dự cho ba cõi chẳng dễ gì thoát ra, phải nhờ sự giúp đỡ của Phật Pháp Tăng mới ra được.

“Thú dữ và trùng độc, ẩn núp trong hang lỗ”: “Hang lỗ” dự cho sắc giới.

“Loài quỷ Tỳ Xá Xà, cũng đều ở trong đó”: Quỷ ăn tinh khí cũng ở trong cõi sắc giới.

“Vì phước mỏng đức ít, nên bị lửa bức bách”: Vì phước đức mỏng cạn, cho nên thường nóng giận. Người thường nóng giận là do đức hạnh chẳng đủ, nóng giận như bị lửa thiêu. Dự cho ba cõi chẳng yên, bị bốn điên đảo, tám sự khổ bức bách.

“Lại tàn hại lẫn nhau”: Trong cõi sắc giới nhằm chán cõi thấp, thích cõi cao hơn, ví như ở cõi sắc giới thì nhằm chán cõi dục giới, thích sinh về cõi vô sắc; người ở cõi trên thì chẳng thích cõi dưới, cho nên “Lại tàn hại lẫn nhau”.

“Uống máu và ăn thịt”: “Uống máu” dự cho chúng sinh cõi sắc, và cõi vô sắc mặc nhiên chấp trước, chẳng nói năng với nhau. “Ăn thịt” dự cho chúng sinh cõi sắc, và cõi vô sắc chấp trước công đức.

Những loài thú dã can
Thả đều đã chết trước
Các loài thú dữ lớn
Giành nhau đến ăn nuốt.
Mùi tanh loan khắp nơi
Đầy đầy cả bốn bề
Loài ngô công do diên
Cùng với loài rắn độc.
Đều bị lửa thiêu đốt
Tranh nhau ra khỏi hang
Loài quý Cừu bàn trà
Bèn bắt lấy mà ăn.

“Những loài thú dã can, thả đều đã chết trước”:
“Dã can” dụ cho lòng tham của dục giới. Đã sinh về cõi
sắc giới, nên đã lìa khỏi lòng tham của dục giới.

“Các loài thú dữ lớn, tranh nhau đến ăn nuốt, mùi
tanh loan khắp nơi, đầy đầy cả bốn bề”: Các loài thú dữ
lớn” dụ cho lòng tham ở cõi sắc giới, có thể nuốt trọn sự
tham ở cõi dục giới, có cảnh giới thiên vị, nên dụ cho mùi
tanh. Cũng cùng chung: Thân, thọ, tâm, pháp, và bốn đại,
nên nói “đầy cả bốn bề”.

“Loài ngô công, do diên, cùng với loài rắn độc, đều bị lửa thiêu đốt, tranh nhau ra khỏi hang”: Dụ cho cõi vô sắc. Cõi vô sắc cao hơn cõi sắc một tầng, người tu đạo sinh về cõi vô sắc, thì nhàm chán cõi sắc, vì cõi sắc còn có hình tướng có thể thấy, chúng sinh cõi sắc bị hình tướng giới hạn, vẫn còn tướng thô về sự khổ, ở cõi sắc bị tám sự khổ, năm uẩn thiêu đốt, cho nên muốn thoát khỏi cõi sắc, để sinh về cõi vô sắc.

“Đều bị lửa thiêu đốt, tranh nhau ra khỏi hang”: “Hang” dụ cho trời sắc giới, “ra khỏi hang” dụ cho trời cõi vô sắc, đến cõi vô sắc, thì định lực càng tiến thêm một bước. Đến cõi trời vô sắc, thì trời cõi sắc diệt, cho nên dùng “loài quý Cưu Bàn Trà, bèn bắt lấy mà ăn” làm dụ.

“Loài quý Cưu bàn trà” dụ cho gốc năm độn sử, và năm lợi sử, đều có thể được vô sắc định, nhưng trong văn nói chấp trước năm độn sử, nhàm chán trời cõi sắc, mà muốn lên cõi vô sắc, năm lợi sử đã chứng được vô sắc giới, cho nên nhàm chán trời cõi sắc, cho nên nói rằng : “Loài quý Cưu Bàn Trà, bèn bắt lấy mà ăn”.

**Lại có các ngạ quý
Trên đầu bị lửa thiêu
Đói khát nhiệt não hành
Hoảng hốt chạy tán loạn.**

Ngạ quý bụng to như trống, cổ nhỏ như kim, cho nên khó mà no nê được. Trên đầu bị lửa thiêu đốt, đói

khát nóng bức hành hạ, nên chạy tán loạn khắp nơi chẳng có mục đích. “Ngạ quỷ” dụ cho Trời Tứ Không Xứ (Trời Không Vô Biên Xứ, trời Thức Vô Biên Xứ, trời Vô Sở Hữu Xứ, trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ).

Trời Tứ Không tuy đã không, nhưng vẫn có thức, chưa dứt sinh tử, chưa được vô lậu ẩm thực, như là loại ngạ quỷ chưa được vô lậu ẩm thực, tuy ở trên đỉnh ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc), nhưng vẫn chưa dứt sinh tử, bị vô thường thiêu đốt, cho nên nói “trên đầu bị lửa thiêu”. Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng sống lâu đến tám vạn đại kiếp, hưởng hết phước trời thì vẫn phải đọa lạc, bị lửa vô thường thiêu đốt, chẳng ăn được thức ăn chánh đạo, nên nói là “đói”, chẳng uống được nước từ nhuận trợ đạo, nên nói là “khát”. Chúng sinh ở cõi trời Tứ Không Xứ, tuy là cao nhất trong ba cõi, vẫn có tám sự khổ vi tế bức bách, tám sự khổ vẫn tồn tại ở trong ruộng bát thức, cho nên nói là ‘nhiệt’, vẫn có các hoặc vi tế : Kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Kiến hoặc là thấy cảnh sinh tham ái. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt. Trần sa hoặc là Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, phải thông đạt các pháp môn nhiều như hạt cát, hạt bụi, bằng không tự tại giáo hóa tức là trần sa hoặc. Vô minh hoặc là chẳng rõ thị phi, nhận giả làm thật, vì có các hoặc nên nói là “nảo”. Chúng sinh ở cõi Tứ Không Xứ vẫn còn sinh tử, chẳng muốn thoát ra, nên nói là “Hoảng hốt chạy tán loạn”.

Nhà đó là như thế
Thật là rất hãi hùng
Độc hại và nạn lửa
Nhiều nạn chẳng phải một.
Lúc đó ông chủ nhà
Đang đứng ở ngoài cửa
Nghe có người nói rằng :
Các người con của ông.
Trước kia vì dạo chơi
Đến vào trong nhà này
Thơ bé chẳng biết gì
Ham chơi vui đùa giỡn.
Ông trưởng giả nghe rồi
Hoảng sợ vào nhà lửa.

“Chủ nhà” tức là đức Phật, Phật đang đứng ở ngoài cửa, nghe có người nói, các người con của ông, trước kia vì dạo chơi, đến vào trong nhà đó, thơ bé chẳng biết gì, ham vui chơi đùa giỡn. Ông trưởng giả nghe rồi, hoảng sợ vào nhà lửa. Phật đã chứng được pháp thân, cho nên nói “đang ở ngoài cửa”. “Đứng” tức là Phật thường tồn tâm đại bi, muốn cứu chúng sinh, cho nên chẳng trụ tòa đệ nhất nghĩa không.

“Nghe có người nói rằng”: Dụ cho tam muội, Phật được pháp tam muội, quán căn cơ mà bố thí pháp.

“Các người con của ông”: Tất cả chúng sinh trong năm đường. “Trước kia vì dạo chơi, đến vào trong nhà đó”: Tất cả những chúng sinh này, mới phát tâm thì cầu ra khỏi nhà lửa, nhưng chưa được ba bất thối chuyển (vị, niệm và hạnh bất thối), vẫn còn kiến hoặc và tư hoặc. Tất cả chúng sinh tánh vốn thanh tịnh, vì vô minh vọng tưởng chấp trước mà tiếp nối sinh tử, cho nên dụ cho “trước kia vì dạo chơi”.

“Thơ bé chẳng biết gì”: Tức tu hành chưa viên mãn, bị kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc ràng buộc.

“Ham vui chơi đùa giỡn”: Sinh vào trong ba cõi chẳng biết ra khỏi, lầm cho rằng thế giới này vui vẻ khoái lạc.

“Ông trưởng giả nghe rồi, hoảng sợ vào nhà lửa”: Dụ cho Phật thương xót chúng sinh, phải vào trong nhà lửa để độ, giáo hoá chúng sinh.

**Dùng phương tiện cứu tế
Khiến con khỏi thiêu hại.
Mà dụ bảo các con
Nói các thứ hoạn nạn
Các quý và độc trùng
Nạn lửa cháy lan tràn.**

Các sự khổ thứ lớp
Liên tục mãi không dứt
Loài rắn độc ngoan phúc
Và các quỷ Dạ xoa.
Cùng quỷ Cưu bàn trà
Loài dã can, chồn chó
Chim điêu, thú, xi, hưu
Và loài bá túc thầy.
Đều đói khát khổ sở
Thật rất là đáng sợ
Đây là chỗ khổ nạn
Lại còn có lửa lớn
Các người con chẳng biết
Tuy nghe cha dạy bảo.
Vì còn ham vui chơi
Đùa giỡn mãi không thôi.

“Dùng phương tiện cứu tế”: Lúc bấy giờ, đức Phật muốn dùng pháp đại thừa cứu độ hết thầy chúng sinh.

“Khiến con khỏi thiêu hại”: Muốn cho chúng sinh khỏi bị lửa năm uẩn thiêu đốt.

“Mà dụ bảo các con, nói các thứ hoạn nạn”: Trong nhà lửa đây đầy đầy hoạn nạn, cho nên trong Kinh có

nói: “Ba cõi không an, giống như nhà lửa”. “Ác quỷ, độc trùng” dụ cho năm độn sử.

“Nạn lửa cháy lan tràn”: Lửa năm uẩn cháy lan tràn khắp nơi, thiêu hủy ba cõi.

“Các sự khổ thứ lớp”: Các sự khổ liên tục không dứt.

“Loài rắn độc ngoan phúc, và các quỷ dạ xoa, cùng quỷ cưu bàn trà, loài dã can chồn chó, chim điêu, si, hưu, và loài bá túc thủy”: Dụ cho năm độn sử và năm lợi sử.

“Đều đói khát khổ sở, thật rất là đáng sợ, đây là chỗ khổ nạn, lại còn có lửa lớn”: Vì chẳng ăn được thức ăn chánh đạo, chẳng uống được nước trợ đạo, cho nên bị đói khát, hoành hành khổ sở, thật rất là đáng sợ. Ba cõi có đủ thứ quái vật, và còn có lửa lớn thiêu đốt.

“Các người con chẳng biết”: Tất cả chúng sinh chẳng có căn tính đại thừa.

“Tuy nghe cha dạy bảo”: Tuy thường nghe lời ông trưởng giả dạy bảo.

“Vì còn ham vui chơi, đùa giỡn mãi không thôi”: Vẫn lưu lại ở trong đó đùa giỡn vui chơi.

**Khi đó ông trưởng giả
Bèn nghĩ như thế này:
Các con ta như thế
Làm ta thêm sầu não
Nay trong nhà lửa này**

Chẳng có điều gì vui.
Mà tất cả các con
Vẫn đam mê chơi đùa
Chẳng nghe lời ta dạy
Sắp bị lửa thiêu hại.
Ông trưởng giả lại nghĩ
Bày ra các phương tiện.

Lúc đó, Phật lại nghĩ thế này, các con ta như thế, càng làm cho ta thêm phiền não. Nguyên lực của Phật là độ chúng sinh, mà chúng sinh chẳng biết tỉnh ngộ, nên làm cho Phật thêm sầu não. Trong ba cõi, Phật chẳng có gì đáng lưu luyến, mà tất cả các người con say đắm lưu luyến ba cõi này.

Người đó ở trong ba cõi bị vô minh trói buộc, chẳng phát bồ đề tâm, chẳng tu bồ đề đạo, thậm chí cũng chẳng tin Phật. Tôi có một đệ tử, cha mẹ của y gần đây đến San Francisco, thấy con của họ từng đốt hương trên cánh tay, thì bất mãn. Hiện nay nhiều người điên đảo thị phi, vốn đốt hương cúng Phật, là một sự cúng dường đối với Phật, mà họ thấy con của họ đốt hương cúng Phật mà bất mãn. Người làm việc điên đảo, thì một số người hoan nghênh, song người muốn tu đạo học cho tốt thì thân thuộc phản đối, đó chẳng phải là điên đảo chăng. Gần đây có một đệ tử, y thấy tất cả sự vật đều đang di động. Khi

ánh sáng mặt trời chiếu xuống, thì có thể thấy hạt bụi chuyển động, y khai mở ngũ nhãn trước cảnh giới hiện tượng này, có lúc lại như mù, thậm chí cũng nhìn chẳng thấy, đó là hiện tượng ngũ nhãn muốn khai mở mà chưa khai mở. Nếu ai chấp trước về cảnh giới này, hoặc muốn được ngũ nhãn, hoặc chẳng muốn có cảnh giới này, nếu có phạm lỗi sai lầm, hoặc lo về việc vô ích, thì ngũ nhãn sẽ khép kín. Cho nên khai mở ngũ nhãn rồi, phải đầy đủ định lực, có định lực thì mới sinh trí huệ chân chánh.

“Chẳng nghe lời ta dạy, sắp bị lửa thiêu hại, ông trưởng giả lại nghĩ, bày ra các phương tiện”: Chúng sinh chẳng nghe lời Phật dạy bảo, e rằng sắp bị lửa thiêu đốt, thì Phật bèn suy nghĩ, tức chúng sinh chẳng thọ pháp đại thừa giáo hóa, thì cũng dùng pháp phương tiện quyền xảo để giáo hóa chúng sinh.

**Mà bảo các con thầy
Ta có đủ các thứ.
Đồ chơi rất quý giá
Xe báu rất tốt đẹp
Nào xe dê xe hươu
Và xe trâu to lớn.
Nay để ở ngoài cửa
Các con mau ra đây
Ta chính vì các con**

Tạo ra những xe này.
Tùy ý các con thích
Có thể đi dạo chơi
Các người con nghe nói
Các loại xe như thế.
Bèn lập tức dành nhau
Đua chạy ra khỏi nhà
Đến nơi chỗ đất không
Lìa khỏi các khổ nạn.

“Mà bảo các con thầy, ta có đủ các thứ, đồ chơi rất quý giá, xe báu rất tốt đẹp”: Bốn câu ở trên là khuyến chuyển.

“Nào xe dê xe hươu, và xe trâu to lớn, nay để ở ngoài cửa”: Là thị chuyển.

“Các con mau ra đây”: Là thị chuyển.

“Ta chính vì các con, tạo ra những xe này”: Tức là Phật đã chứng được Phật quả.

“Tùy ý các con thích, có thể đi dạo chơi”: Là chứng chuyển. Khuyến chuyển, thị chuyển và chứng chuyển, là ba lần chuyển bánh xe pháp bốn Diệu đế. Phật bảo các người con rằng : Ta có những đồ chơi thú vị, hơn những đồ các con đang chơi, nào là xe thượng thừa, xe dê, xe hươu, xe trâu trắng lớn, đang để ở ngoài cửa, các con

hãy mau ra ngoài cửa, ta vì các con mà dự bị những xe này, các con có thể tùy ý ngồi để đi dạo chơi khắp nơi.

“Các người con nghe nói”: Dự cho văn huệ (huệ do nghe).

“Các loại xe như thế”: Dự cho diệu pháp thượng thừa.

“Bèn lập tức giành nhau”: Dự cho tư huệ và tu huệ (huệ do suy gẫm và huệ do sự tu hành).

“Đua chạy ra khỏi nhà”: Dự cho kiến địa (đã chứng quả).

“Đến nơi chỗ đất trống”: Dự cho đã chứng được tứ quả A La Hán, tức bậc vô học.

“Lìa khỏi các khổ nạn”: Đến bậc vô học thì đã dứt được phần đoạn sinh tử, nhưng biến dịch sinh tử chưa dứt được.

Ông trưởng giả thấy con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường
Ngồi trên tòa sư tử.
Mà tự mừng nói rằng :
Nay ta rất vui mừng
Những người con này đây
Để nuôi dưỡng rất khó.
Chúng nhỏ dại chẳng biết

Mà đi vào nhà hiểm
Nhiều các thứ độc trùng
Quý lì mị đáng sợ.
Lửa lớn cháy mãnh liệt
Bốn phía đều nổi dậy
Mà các người con này
Tham trước chơi đùa giỡn.
Ta đã cứu chúng nó
Khiến cho được thoát khỏi
Vì thế các người ơi !
Ta nay rất vui mừng.

“Ông trưởng giả thấy con, được thoát khỏi nhà lửa”: Dụ cho Phật thấy các con được ra khỏi nhà lửa tam giới.

“Ở nơi ngã tư đường”: Dụ cho bốn Diệu đế.

“Ngồi trên tòa sư tử” Lúc đức Phật ngồi trên tòa sư tử.

“Mà tự mừng nói rằng, ta nay rất vui mừng”: Phật thấy các con thoát nạn nên rất vui mừng.

“Những người con này đây, để nuôi dưỡng rất khó”: Dưỡng nuôi những đứa con này chẳng phải dễ.

“Chúng nhỏ dại chẳng biết, mà đi vào nhà hiểm”: Chúng nhỏ bé vô tri, nên đi vào nhà lửa.

“Nhiều các thứ độc trùng, quỷ lị mị đáng sợ, lửa lớn cháy mãnh liệt, bốn phía đều nổi lên”. Trong nhà lửa có trùng độc, quỷ lị mị, và bốn phía đều nổi lửa lên.

“Mà các người con này, tham trước chơi đùa giỡn, ta đã cứu chúng nó, khiến cho được thoát khỏi”: Các con tham luyện chơi đùa, mà ta đã cứu vớt chúng ra khỏi nhà lửa.

“Vì thế các người ơi, nay ta rất vui mừng”: Cho nên ta ở trong tất cả mọi người, ta là người khoái lạc nhất.

Nói tỉ mỉ về đoạn kinh văn ở trên: Ông trưởng giả tức là Đức Phật, trưởng giả có mười đức. “Ngã tư” dụ cho bốn Diệu đế. Ba mươi người con, và năm trăm người, tức đã ra khỏi nhà lửa, đạt được bậc vô học, đã thấy rõ pháp bốn đế : Khổ, tập, diệt, đạo. Chúng sinh chưa được độ, thì Phật đứng ở ngoài cửa mà lo lắng cho chúng sinh đang ở trong nhà lửa. Vì Phật đủ tâm đại bi, nên chẳng nỡ bỏ chúng sinh, chỉ sợ chúng sinh đọa lạc ở trong tam giới. Nay chúng sinh đã thoát khỏi tai nạn, nên Phật chẳng còn gì lo lắng, mà yên tâm ngồi trên tòa sư tử. Lúc đó, đức Phật rất đổi vui mừng. Trước kia Phật chưa gặp chúng sinh có đủ căn tính đại thừa, bây giờ giáo hóa chúng sinh tiểu thừa đã viên mãn, sẽ phải độ chúng sinh đại thừa, cho nên ngồi trên tòa sư tử. Chúng sinh đáng được độ, hết thảy chúng sinh này đều đã được độ, chúng sinh đại thừa đã thành Phật, cho nên : “Mà tự mừng nói rằng, ta nay rất vui mừng”.

“Những đứa con này đây, để nuôi dưỡng rất khó” :
Dụ cho Phật giáo hóa chúng sinh chẳng dễ dàng. Chúng ta hằng ngày giảng Kinh thuyết pháp, hoằng dương Phật pháp, cũng chẳng dễ dàng. Các bạn ban đầu gặp Phật pháp, thì chẳng biết gì về Phật, bây giờ đã học Phật pháp được một năm, thì nửa tin nửa ngờ đối với Phật pháp, có thể thấy giáo hóa chúng sinh thật chẳng dễ dàng. Đức Phật ở chỗ ba vạn ức vị Phật, dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là “đễ”, căn bờ đề của những chúng sinh này, ở nơi hai vạn ức vị Phật đã sinh trưởng lớn lên.

Giảng Kinh thuyết pháp là trách nhiệm trọng đại, chẳng thể khinh xuất giảng bậy, nếu nói sai nghĩa Kinh, thì khiến cho người nghe lạc vào đường tà, quả báo của bạn sẽ đọa vào địa ngục. Thuở xưa, Đức Phật ở nơi ba vạn ức vị Phật, đã dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, trong đó có số ít chúng sinh thành thực, cho nên nói là “nuôi dưỡng”. Đức Phật trải qua hết mọi sự gian khổ, trải qua kiếp số lâu xa, mới được tài bồi hạt giống đại thừa, căn cơ đại thừa, cho nên nói là “rất khó”. “Chúng nhỏ đại vô tri” : Dụ cho căn lành của chúng sinh cạn mỏng, thường bị vọng tưởng che đậy.

Người thiếu trí huệ, mới sinh vào đời năm trước thọ quả báo, nên nói “mà đi vào nhà hiểm”.

“Nhiều các thứ độc trùng, quỷ lị mị đáng sợ”: Dụ cho lợi sử và độn sử ở trong ba cõi.

“Lửa lớn cháy mãnh liệt, bốn phía đều nổi lên”:
Dụ cho trong nhà lửa tam giới có tám sự khổ, bốn điên đảo (chẳng thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng tịnh cho là tịnh.)

“Mà các người con này, tham trước chơi đùa giỡn”: Chúng sinh khởi kiến ái hoặc, chấp trước kiến ái, chẳng thể buông xả.

“Ta đã cứu chúng nó, khiến cho được thoát khỏi”:
Phật đã cứu vớt chúng sinh lìa khỏi các khổ nạn.

“Vì thế các người ơi, nay ta rất vui mừng”: Cho nên ở trong tất cả mọi người, ta là người vui mừng nhất.

**Khi đó các người con
Biết cha đã an tòa
Đều đến bên chỗ cha
Mà thưa với cha nói :
Xin ban cho chúng con
Ba thứ xe báu tốt
Như trước cha đã hứa
Các con mau ra đây.
Sẽ cho ba xe báu
Tùy ý muốn các con
Nay chính là phải thời
Xin cha hãy ban cho.**

“Khi đó các người con, biết cha đã an tòa”: Lúc đó, các người con đã ra khỏi nhà lửa, thấy người cha đoan nhiên an tọa trên tòa sư tử, thừa lúc đó, đòi cha ban cho ba thứ xe báu, dụ cho Phật đang diễn nói đại thừa diệu pháp Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì:

“Đều đến bên chỗ cha, mà thưa với cha nói”: Các người con cung kính, đến trước chỗ người cha mà thưa rằng: “Xin cha cho chúng con, ba thứ xe báu tốt, như trước cha đã hứa”: Dụ cho các người con còn chấp trước nơi pháp tiểu thừa, pháp trung thừa, là tâm còn hoài nghi đối với pháp đại thừa.

Với oai đức của Phật trụ thế thuyết pháp lâu như vậy, mà một số chúng sinh vẫn còn nghi hoặc, e rằng người thời nay, đối với đạo lý Kinh Pháp Hoa nửa tin nửa ngờ, chẳng đắc được tương ưng với lý của Phật, đều vì chẳng thâm nhập thấu hiểu chân chính, chẳng sinh niềm tin chân chính.

Hãy trừ khử tất cả tà tri tà kiến xưa kia, thì sẽ sinh niềm tin chân chánh.

“Các con mau ra đây, sẽ cho ba xe báu”: Các người con từ nhà lửa đi ra, sẽ dùng pháp ba thừa độ chúng sinh.

“Tùy ý các con muốn”: Phật từng nói pháp ba thừa, tùy sở thích của mỗi người mà được chứng quả.

Trong Kinh Pháp Hoa nói pháp ba thừa, là phương tiện pháp môn, tất định có pháp đại thừa để giáo hóa

chúng sinh, cho nên nói: ‘‘Nay chính là phải thời, xin cha hãy ban cho’’.

Ông trưởng giả giàu có
Có rất nhiều kho tàng
Nào vàng bạc lưu ly
Xa cừ và mã nã.
Dùng các thứ báu vật
Tạo các cỗ xe lớn
Tu sửa nghiêm sức đẹp
Chung quanh có lan can.
Bốn phía đều treo linh
Dây vàng thắt với nhau.

‘‘Ông trưởng giả giàu có’’: Dụ cho Phật là ông trưởng giả giàu có, chí tôn chí quý trong ba cõi, Phật là vị thái tử tại xứ Ấn Độ, có đức làm Chuyển Luân Thánh Vương mà xuất gia tu hành, đã tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, do đó có câu : ‘‘Tam giác viên, vạn đức bị’’.

‘‘Có rất nhiều kho tàng’’: ‘‘Kho’’ là nơi dùng để chứa lương thực. ‘‘Tàng’’ là bảo tàng, ẩn tàng ở dưới đất. Dùng ‘‘kho’’ dụ cho sáu căn của con người, bên trong chứa tánh Như Lai tạng, cửa sáu căn hiển hiện tánh giác quý báu. ‘‘Tàng’’ dụ cho tất cả vạn hạnh.

Dùng pháp lục độ trang nghiêm vạn hạnh, trong mỗi độ đều đầy đủ vạn hạnh, trong một hạnh cũng đầy đủ lục độ, cho nên lục độ vạn hạnh tức tương quan. Tất cả pháp đầy đủ tất cả hạnh, trong tất cả hạnh cũng đầy đủ tất cả pháp. Dùng vô lượng hạnh tu vô lượng pháp, dùng vô lượng pháp thành tựu vô lượng hạnh, cho nên nói: “Có rất nhiều kho tàng”.

“Nào vàng, bạc, lưu ly, xa cừ và mã não”: Dụ cho bốn trí của Phật, như trân bảo vô giá. Bốn trí tức là:

- ◆ Đại viên cảnh trí,
- ◆ Bình đẳng tánh trí,
- ◆ Diệu quán sát trí,
- ◆ Thành sở tác trí.

“Dùng các thứ báu vật, tạo các cỗ xe lớn”: Trên thế gian có các báu vật màu sắc khác nhau, pháp của Phật cũng chẳng giới hạn nơi bốn trí, cũng có các thứ pháp khác nhau, như bảy Bồ đề phần, tám Chánh đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc .v.v. Dùng đủ loại pháp môn thành đại thừa Phật pháp; pháp đại thừa là do tất cả các pháp thành tựu.

“Tu sửa nghiêm sức đẹp, chung quanh có lan can”: Dụ cho Đà La Ni. Đà la ni là tiếng Phạn, nghĩa là "tổng trì", tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng quát pháp đại thừa tiểu thừa, vô lượng nghĩa trong tất cả các pháp đều ở hết trong đó. Đà la ni hay trừ khử tất cả các việc ác, làm tất cả việc lành.

“Bốn phía đều treo linh”: Dụ cho bốn vô ngại biện.

“Dây vàng thắt với nhau”: Dụ cho bốn hoàng thế nguyện. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Bốn hoàng thế nguyện đều bao quát tất cả chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác ở trong đó.

Hoàng thế nguyện thứ nhất là: “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”: Phải thường suy nghĩ đã độ tất cả chúng sinh chưa ? Còn phải đạt tới cảnh giới độ như không độ. Đức Như Lai độ tất cả chúng sinh, mà chẳng có một chúng sinh diệt độ, nghĩa là đã độ chúng sinh như chưa độ, tức là độ chúng sinh mà chẳng chấp trước tướng độ chúng sinh; nhưng nếu chưa độ chúng sinh thì không thể tự nói đã độ.

Chúng sinh nhờ chúng duyên hòa hợp mà sinh, từ mười hai nhân duyên diễn biến mà thành người, con kiến cho đến vi khuẩn đều là chúng sinh. Chúng ta không nên tìm chúng sinh bên ngoài, trong tự tánh của con người đã có vô lượng chúng sinh. Hiện nay khoa học đã tiến bộ, có thể chứng minh trong thân thể con người có rất nhiều vi khuẩn và vi sinh vật, trong ngũ tạng lục phủ có vô lượng chúng sinh. Người ăn động vật cũng là chúng sinh, như : Thịt heo, thịt bò, thịt dê, thịt cá .v.v., trong những loại thịt đó, có rất nhiều vi khuẩn. Con người ăn những thứ thịt đó vào trong bụng, thì sẽ có những chủng tử vi khuẩn đó. Ăn

loại chúng sinh nào nhiều, thì thành quyến thuộc của loài đó, nhân duyên càng sâu dày, trói buộc chẳng thể phân ly. Người ăn thịt heo nhiều, thì có cơ hội sinh làm heo, người ăn thịt bò nhiều, thì có cơ hội sinh làm bò. Vậy ăn nhiều gạo có phải cũng biến thành gạo ? Gạo là vô tình, mà chúng sinh là hữu tình. Nếu ăn nuốt hữu tình chúng sinh, thì sẽ sinh làm hữu tình chúng sinh. Ăn vô tình chúng sinh, thì sẽ trợ giúp tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Nếu ai chẳng ăn loài chúng sinh nào, tức là độ loài chúng sinh đó. “Độ” tức là độ qua biển khổ, lên bờ Niết Bàn bên kia. Nếu chúng ta minh bạch đạo lý bên trong của nó, thì không nên ăn thịt chúng sinh.

Trước kia có người ăn thịt, sau khi chết đến chỗ vua Diêm Vương, tất cả loại thịt chúng sinh mà anh ta đã ăn qua trước kia, đều đến đòi nợ với anh ta, Song, anh ta còn tự biện hộ cho mình nói: “Tuy nhiên tôi ăn thịt, nhưng tội chẳng riêng mình tôi, tội do người bán thịt”. Do đó, vua Diêm Vương truyền kêu người bán thịt đến, thì người bán thịt cũng tự biện hộ: “Sở dĩ tôi bán thịt là có người mua, nếu chẳng có người mua, thì tôi đâu có bán thịt ?” Người bán thịt với người ăn thịt tranh luận với nhau, sau đó hai người đổ hết trách nhiệm lên ông đồ tể. Vua Diêm Vương lại kêu ông đồ tể đến, thì ông đồ tể cũng biện hộ nói: “Tôi là đồ tể nhưng có người mua thịt, có người ăn thịt, nên tôi mới sát sinh. Nếu chẳng có ai mua, chẳng có người ăn, thì tôi đâu có sát sinh”. Do đó, ai cũng nói lý

của mình. Kết quả vua Diêm Vương mới phán quyết, người ăn thịt phải trả nợ máu. Có thể thấy ăn loài chúng sinh nào, thì kết duyên với loài chúng sinh đó, do đó có câu :

“Trong chũr thịt có hai người,
Người ở trong che đậy người ở ngoài,
Chúng sinh vẫn ăn thịt chúng sinh,
Suy gẫm kỹ thì người ăn người.”

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: Dê chết làm người, dê có thể làm người, thì heo bò cũng có thể làm người. Nếu chưa khai mở thiên nhãn thông, thì không thể quán sát được nhân duyên của nó, tức cho rằng heo là heo, dê là dê. Con người mà ăn thịt chúng sinh nhiều rồi, thì tánh giác vốn có sẽ mai một đi, biến thành ngu si.

Cho nên chúng ta muốn độ chúng sinh, trước hết phải giữ giới sát sinh, không ăn thịt chúng sinh. Nếu muốn độ chúng sinh, thì trước hết độ tự tánh chúng sinh. Độ sinh còn phải lừa tướng, chẳng chấp trước những gì có hình tướng.

Hoằng nguyện thứ hai là: “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”: Phiền não của con người trong sự bất tri bất giác, sinh ra thì vô minh hiện tiền. Sinh phiền não thì sẽ thiêu sạch công đức pháp tài.

Hoằng nguyện thứ ba là: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Kinh Phật nhiều vô lượng, năm qua bạn học Kinh Lăng Nghiêm, năm nay học Kinh Pháp Hoa, Tâm

Kinh, Kinh Kim Cang, Kinh Địa Tạng, mỗi bộ Kinh đều có đạo lý khác nhau, nhiều như số cát sông Hằng, vô cùng vô tận. Trong Phật giáo có pháp đại thừa, pháp tiểu thừa, pháp bốn Diệu đế, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy đạo phẩm, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, học một pháp môn, thì cần đến tám vạn bốn ngàn kiếp, hà huống tuổi thọ của một số người chỉ có ba vạn sáu ngàn ngày. Pháp môn chưa học hết thì đã chết mất. Song, tuy là học không hết cũng phải học. Trên thế gian có nhiều ngôn ngữ khác nhau, chẳng có ai biết hết các ngôn ngữ. Ngôn ngữ còn phức tạp nhiều như thế, huống chi là văn tự? Văn tự thiên biến vạn hóa, thật chẳng dễ gì học. Trang tử có nói :

‘‘Đời tôi thì có hạn, mà sự biết thì vô hạn’’.

Dùng năm tuổi có hạn, học sự hiểu biết vô cùng tận, học chẳng hết được.

Học Phật pháp sao lại phải ngồi thiền? Tức là học vô lượng Kinh điển trong tự tánh của chúng ta. Trong tự tánh của con người vốn có vô lượng pháp môn, mà con người bỏ gốc tìm ngọn, truy cầu bên ngoài, chẳng biết hồi quang phản chiếu. Trong Tâm Kinh có nói rằng : Hồi quang phản chiếu quán tự tại, tự tại tức sinh Bát Nhã, chiếu thấy năm uẩn đều không. Năm uẩn đều không, thì các pháp khác cũng không. Hằng ngày tĩnh tọa tức là hồi quang phản chiếu, phải siêng tu các pháp môn, không thể một ngày nóng mười ngày lạnh.

Hoàng thệ nguyện thứ tư là : ‘Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành’: Phật đạo cao quý nhất trên thế gian. Thế Tôn là bậc chí tôn của thế gian và xuất thế gian. Thành Phật mới là chỗ về cứu kính của hết thảy chúng sinh, cho nên phải phát thệ nguyện thành Phật, cũng phải độ chúng sinh cùng thành Phật đạo. Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ, tự tính phiền não thệ nguyện đoạn, tự tính pháp môn thệ nguyện học, tự tính Phật đạo thệ nguyện thành. Đừng cứ lo chuyện của thiên hạ, nào là: ‘Họ không tốt, họ chẳng đúng’, đừng xem lỗi làm của người khác, nên trừ khử sạch vọng tưởng ở trong tâm của chính mình, nên nhìn thấu buông xả đặng, chúng được trung đạo liễu nghĩa. Mỗi ngày đều bình thường yên ổn giữ trung đạo, thì sẽ có ngày khai ngộ, khai ngộ tức thành Phật. Bốn hoàng thệ nguyện rất quan trọng, cho nên trong kinh văn nói: ‘Dây vàng kết thắt nhau’.

**Mành lưới bằng chân châu
Giăng bày ở phía trên
Hoa vàng các chuỗi ngọc
Khắp nơi thông rữ xuống.
Xen tạp lụa nhiều màu
Giăng khắp chung quanh xe
Dùng bông tơ mềm mại
Để làm nệm nằm ngồi.**

Vải mịn tốt thượng hạng
Giá trị đến nghìn muôn
Tốt đẹp trắng sạch sẽ
Dùng trải ở trên nệm.
Có trâu trắng to lớn
Mập khỏe nhiều sức mạnh
Thân hình rất đẹp đẽ
Dùng để kéo xe báu.
Rất nhiều kẻ tôi tớ
Đi theo hầu bảo vệ
Đem xe báu đẹp đó
Đồng ban cho các con.

“Mành lưới bằng chân châu”: Dụ cho từ bi của Phật.

“Giăng bày ở phía trên”: Dụ cho Phật có đại từ bi, phổ độ tất cả chúng sinh.

“Hoa vàng các anh lạc”: Dụ cho bốn pháp nhiếp:

1. Bố thí, nên thành tâm bố thí, chẳng phải bố thí một cách miễn cưỡng. Vì tất cả chúng sinh đều có tham cầu, do đó:

“Muốn khiến vào Phật trí,
Trước dùng câu dục móc”.

Hành Bồ Tát đạo phải bố thí.

2. Ái ngữ, bất cứ nói lời gì, cũng đều khiến cho người vui vẻ, khiến cho ai ai cũng đều thích nghe.

3. Lợi hành, làm tất cả những gì, cũng đều có lợi cho người khác.

4. Đồng sự, muốn độ người nào đó, thì trước hết phải kết giao với họ.

“Khắp nơi thông rữ xuống”: Biểu thị chẳng có nơi nào mà chẳng độ, khắp nơi đều hành bốn pháp nhiếp.

“Xen tạp lụa nhiều màu”: Lụa nhiều màu dùng để trang sức xe báu này.

“Giăng khắp chung quanh xe”: Trên xe trang nghiêm rất tốt đẹp.

“Dùng bông tơ mềm mại, để làm nệm nằm ngồi. Vải mịn tốt thượng hạng, giá trị đến ngàn muôn”: Dụ cho quán chiếu trí huệ.

“Tốt đẹp trắng sạch sẽ, dùng trải ở trên nệm”: Chẳng làm tất cả điều ác tức là “tốt đẹp trắng”, nghĩa là tu thân thì trước hết phải giữ gìn giới luật.

“Có trâu trắng to lớn”: Dụ cho trí huệ vô lậu.

“Mập khỏe nhiều sức lực, thân hình rất tốt đẹp”: Dụ cho đầy đủ tất cả vạn pháp.

“Dùng để kéo xe báu”: Tức là dùng trí huệ vô lậu tu Phật pháp đạì thừa.

“Rất nhiều kẻ tôi tớ, theo đi hầu bảo vệ”: Dụ cho phương tiện Ba la mật. Pháp phương tiện chính là trợ giúp

pháp đại thừa; tu hành trí huệ vô lậu phải cần có các pháp môn khác trợ giúp. Tu trí huệ vô lậu, mà có tâm niệm tham, tức là hữu lậu, có tâm sân tức hữu lậu, có tâm si tức hữu lậu, có tâm kiêu mạn, tâm nghi ngờ, tà kiến cũng đều là hữu lậu. Trước hết phải trừ khử tham, sân, si, mạn nghi, lia tất cả tập khí mao bệnh, mới có thể được trí huệ vô lậu. Ngoại đạo và hàng nhị thừa, đều dùng pháp phương tiện này. “Tôi tớ” cũng có thể dụ cho thần thông, có thể tùy ý mà dùng.

“Đem xe báu đẹp đó”: Y theo pháp đại thừa tu hành, thì tương lai sẽ chứng quả vị Phật.

**Các người con lúc đó
Rất vui mừng hơn hở
Ngồi lên xe báu đó
Vui chơi rất khoái lạc
Rất tự tại vô ngại.**

Chúng sinh nghe pháp đại thừa, đắc được cảnh giới đại thừa, diệu pháp không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả, mà vui mừng hơn hở. Y chiếu theo pháp đại thừa tu hành, thì sẽ thông đạt tất cả Phật pháp, như pháp: Bốn Diệu đế, pháp Lục độ, mười hai Nhân duyên, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô ngại biện, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, đầy đủ các pháp, lấy pháp làm món ăn tinh thần, rất tự tại vô ngại.

**Phật bảo Xá Lợi Phất !
Ta cũng lại như thế
Chí tôn trong bậc Thánh
Là cha của thế gian.
Tất cả các chúng sinh
Đều là con của ta
Say đắm vui thế gian
Chẳng có tâm trí huệ.
Ba cõi chẳng yên ổn
Giống như là nhà lửa
Đầy dẫy sự thống khổ
Thật là đáng sợ hãi.
Thường có khổ sinh già
Bệnh chết và sầu lo
Các thứ lửa như thế
Cháy hừng hực chẳng tắt.**

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất ! Ta cũng giống như ông trưởng giả, là bậc chí tôn trong hàng Thánh, là cha của tất cả chúng sinh thế gian. Tất cả chúng sinh đều là con của ta. Song, chúng sinh đều chấp trước vào sự vui của thế gian, lấy khổ làm vui, mất đi trí huệ. Thật ra, ba cõi không an như nhà lửa cháy, ba sự khổ, tám sự khổ,

các thứ khổ đầy dẫy, rất dễ đọa lạc vào ba đường ác, cho nên rất là đáng sợ.

Trẻ con mới sinh ra thì khóc oa oa, trẻ con vừa chào đời như rùa sống lột mai, khi chết đi thì như bò sống lột da, về già thì tất cả cơ năng trong thân thể đều suy yếu, đến khi chết thì bác sĩ cũng bó tay. Khổ sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, các thứ khổ thiêu đốt. Nghiệp lực của chúng sinh ngày càng sâu nặng, cho nên lửa càng cháy mạnh, chẳng ngừng nghỉ.

Như Lai đã lìa khỏi
Ngôi nhà lửa ba cõi
Ở chỗ yên vắng vẻ
Nơi núi rừng hoang dã.
Hiện nay ba cõi này
Đều là của ta cả
Chúng sinh ở trong đó
Thảy đều là con ta.
Mà nay chơi chỗ này
Rất nhiều các hoạn nạn
Chỉ có một mình ta
Có thể cứu hộ được.

Phật đã lìa khỏi nhà lửa ba cõi, tiêu dao tự tại, ở nơi chỗ vắng vẻ yên ổn, nơi rừng núi hoang dã. Song, ba cõi này đều là sở hữu của Phật, tất cả chúng sinh đều là con của Phật, mà trong ba cõi này, rất nhiều các thứ hoạn nạn, đầy dẫy độc trùng mãnh thú, chỉ có mình đức Phật mới cứu hộ được. Cha của người thế gian là do tạo nghiệp mà sinh, còn Phật là cha xuất thế gian, là cha pháp thân huệ mạng của chúng ta, là cha thanh tịnh chẳng nhiễm. Nếu nhận Phật làm cha, thì tương lai có thể được thanh tịnh chẳng nhiễm.

**Tuy Phật đã dạy bảo
Mà cũng chẳng tin nhận
Vì nơi các dục nhiễm
Tâm tham trước sâu dày.
Do đó dùng phương tiện
Vì chúng nói ba thừa
Khiến cho các chúng sinh
Biết ba cõi là khổ.
Bèn khai thị diễn nói
Đạo ra khỏi thế gian
Các người con đó thấy
Nếu tâm mà quyết định.
Thì đây đủ ba minh**

Và sáu thứ thần thông Hoặc chúng được Duyên Giác Và Bồ Tát bất thối.

Tuy Phật dùng đủ thứ phương pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, song, chúng sinh chẳng sinh tín tâm. Vì tất cả chúng sinh do dục niệm làm ô nhiễm, tham trước tài, sắc, danh, ăn và ngủ, nên che lấp trí huệ.

Vì chúng sinh chấp trước dục nhiễm quá sâu, cho nên Phật chỉ tạm thời dùng pháp phương tiện khéo léo để giáo hóa. Dùng Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, để giáo hóa chúng sinh, đó là xả thật dụng quyền.

Thời nay, có những thanh niên tự cho rằng uống thuốc mê huyễn, thì có thể đi ở trong hư không, mà còn có thầy làm chứng, thật là bậy truyền bậy, do đó có câu:

“U mê truyền cho kẻ u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Ông thầy đọa địa ngục,
Đồ đệ cũng theo vào”.

Đi ở trong hư không, vốn chẳng cần dùng thuốc mê huyễn, đó là tự dối gạt người, mất đi chân chánh trí huệ, Phật chỉ dùng quyền xảo để độ. Phật biết ba cõi đầy dẫy thống khổ, cho nên khai thị chúng sinh, vì họ nói pháp xuất thế gian.

Thế gian gồm có xuất thế gian, hữu tình thế gian, và chánh giác thế gian. Khí thế gian còn gọi là y báo thế gian; hữu tình thế gian là thế giới của tất cả chúng sinh, tức là chánh báo thế gian. Chánh giác thế gian là thế giới của Phật. “Ba minh” tức là quá khứ minh, hiện tại minh và vị lai minh.

Quá khứ minh tức thế minh, biết nhân duyên đời quá khứ. Hiện tại minh tức lậu tận minh, bỏ mê về giác đã được vô lậu. Nếu bỏ đặng tất cả lòng tham lam chấp trước, tu hành thì sẽ chứng được vô lậu. Vị lai minh tứ thiên nhãn minh, bất cứ là chướng ngại vật bên trong, hoặc chướng ngại vật bên ngoài, nhìn xem đều thấu suốt.

“Và sáu thứ thần thông”: Tức là:

- Thiên nhãn thông,
- Thiên nhĩ thông,
- Tha tâm thông,
- Túc mạng thông,
- Thần túc thông và
- Lậu tận thông.

- Thiên nhãn thông, nhìn xuyên qua trong thân thể của mình, nhìn thấu được trong thân thể của chúng sinh.

- Thiên nhĩ thông, chẳng những nghe được âm thanh trên trời, mà còn nghe được tiếng côn trùng trong thân thể của mình kêu, thậm chí còn nghe được tiếng của hoa cỏ cây cối.

- Tha tâm thông, biết được tất cả tư tưởng ở trong tâm của người khác, niệm niệm khởi lên cũng có thể biết rõ. Trước kia có vị A La Hán có lực thông, Ngài mang theo vị đệ tử đi du hành. Vị đệ tử đi sau quấy hành lý, giữa đường bèn khởi lên một tâm niệm: *"Tương lai mình phải hành pháp đại thừa, phổ độ tất cả chúng sinh"*. Vị La Hán có tha tâm thông, nên biết được vị đệ tử có nguyện lực đại thừa, còn mình bất quá là A La Hán, nguyện lực của đồ đệ cao siêu hơn. Ngài bèn quấy hành lý thế cho đệ tử. Đi được một đoạn đường khá dài, thì vị đệ tử sinh tâm thối lui, nghĩ: *"Bồ Tát đạo chẳng dễ gì thực hành"*, vị thầy biết đệ tử sinh tâm thối chuyển, bèn đưa hành lý lại cho đệ tử quấy, cứ như thế xảy ra mấy lần, vị đệ tử chẳng rõ nguyên nhân, bèn hỏi vị thầy. Vị thầy đáp: *"Vì con phát tâm hành Bồ Tát đạo, tu lực độ vạn hạnh, ta chỉ là bậc tiểu thừa, còn nguyện lực của con cao hơn ta, cho nên ta thế con quấy hành lý. Song, con lại nghĩ Ngài Xá Lợi Phất còn không thể hành Bồ Tát đạo, hà huống mình : Bèn sinh tâm thối chuyển. Lúc đó, con lại trở về địa vị đệ tử, cho nên con phải mang hành lý"*.

Xá Lợi Phất cũng là hàng Thanh Văn, phát tâm muốn hành Bồ Tát đạo. Nếu ai chân chánh phát bồ đề tâm, thì Thiên Long bát bộ sẽ đến khảo nghiệm họ. Phát bồ đề tâm muốn hành Bồ Tát đạo, phải ưa thích bố thí. Người khác mong cầu gì, thì Bồ Tát sẵn sàng bố thí chẳng có tư hào bợn xén. Ngài Xá Lợi Phất tức đã phát tâm hành

Bồ Tát đạo, một ngày nọ, trên đường đi, Ngài thấy một người khác khóc lóc rơi lệ, Ngài Xá Lợi Phất thấy vậy, bèn phát bồ đề tâm muốn giúp họ, mới hỏi người đó vì sao mà khóc. Người đó nói: “Mẹ của tôi bị bệnh, chỉ có con mắt của người sống mới có thể trị được, nhưng đi khắp nơi mua mà chẳng có, cho nên tôi buồn quá mà khóc”. Ngài Xá Lợi Phất nghe rồi, rất cảm động người con có hiếu, bèn suy nghĩ: “Mình có một cặp mắt, thôi thì bố thí một con cho anh ta, mình chừa lại một con”. Do đó, chịu đau đớn, móc ra một con mắt để bố thí, người đó cầm lấy rồi bỏ xuống đất ! Ngài Xá Lợi Phất chẳng hiểu vì sao ? Người đó nói: “Chẳng phải con mắt này, tôi muốn con mắt trái mà ông chưa nghe rõ, thì đã móc con mắt phải ra. Nếu ông thật muốn bố thí, thì xin ông cho tôi con mắt trái kia đi vậy”. Ngài Xá Lợi Phất đã móc con mắt phải ra, đau đớn vô cùng, nếu mà móc mắt trái nữa, thì chẳng phải trở thành mù chãng ? Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất thối lùi tâm bố thí. Người đó nghe rồi đặng vân mà đi, nguyên lai đó là người trời đến thử thách Ngài Xá Lợi Phất.

- Túc mạng thông, biết được nhân duyên quá khứ, biết rõ kiếp trước của mình là người thiện hoặc người ác ? Người Tàu hoặc người ngoại quốc ? Hoặc kiếp trước là người Tàu, kiếp này sinh ra tại nước Mỹ, phát nguyện đến nước Mỹ hoằng dương Phật pháp. Có những người học Phật pháp tiến bộ rất mau, có những người tiến bộ rất chậm. Có những người học Phật pháp, biết mà chẳng

hành, chưa cung hành thực tiễn, chưa hợp với Phật pháp làm một thể. Có những người học Phật pháp thân thể lực hành, có tinh thần bất khuất, đều do nhân duyên kiếp trước đã tích lũy. Hoặc có những người trước kia là người Ấn Độ, nguyện đến tây phương hoàng dương Phật pháp, do đó đời này đầu thai vào nước Mỹ. Nếu có túc mạng thông thì sẽ biết được việc quá khứ.

- Thần túc thông, còn gọi là thần cảnh thông, hoặc là như ý thông, được toại ý tự tại. Thần túc thông diệu không thể tả, chẳng thể nào dùng lời nói để hình dung được, có thể biến hóa trên thân ra lửa, dưới thân ra nước; hoặc trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, lại có thể đăng vân ở trong hư không hiện mười tám biến.

- Lậu tận thông, là chẳng rơi rớt vào ba cõi. Quý thần đều có ngũ thông, chỉ thiếu lậu tận thông. Chứng quả A La Hán mới có lậu tận thông. Nếu người có ngũ nhãn lục thông, cũng không thể tùy ý loạn dụng. Ví như, dùng thần thông để quán sát thế giới có tai nạn gì, hoặc dùng thần thông cứu người mới có ý nghĩa, nếu giúp đỡ người khác cũng không thể để cho người biết.

“Thiện dục nhân tri,
Bất thị chân thiện,
Ác khủng nhân tri,
Tiện thị đại ác”.

Nghĩa là:

“Làm thiện muốn người biết,

Chẳng phải là thật thiện,
Làm ác sợ người biết,
Đó mới là đại ác.”

Đắc được ngũ nhãn lục thông phải trân tiết, không nên lo việc vô ích, đừng tùy ý loạn dụng, bằng không tiết lậu thiên cơ, cũng sẽ mất đi thần thông.

‘‘Duyên Giác’’: Là bậc tu mười hai Nhân duyên mà ngộ đạo; do : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử. Chúng sinh do vô minh mà phát sinh hành vi, từ hành vi sinh ra ý thức, từ ý thức sinh ra danh sắc, từ danh sắc mà sinh ra lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), có lục nhập tức có sự tiếp xúc, có xúc thì có thọ, có thọ thì sinh ái, có ái thì sinh tâm ích kỷ muốn chiếm hữu, tức có đời sau, có đời sau thì có lão tử. Đó là mười hai Nhân duyên của bậc Duyên Giác tu.

Vô minh thường chi phối con người, khiến cho điên đảo, cho nên phá được vô minh thì sẽ hiển hiện pháp tính, sẽ được khai ngộ.

‘‘Bồ Tát bất thối’’: ‘‘Bất thối’’ có ba:

- ◆ Hạnh bất thối,
- ◆ Vị bất thối,
- ◆ Niệm bất thối.

- Hạnh bất thối, là tu Phật pháp phải có tâm nhẫn nhục, tâm kiên cố, tâm thường hằng, tâm thành, để tiến bước về trước mà chẳng thối chuyển.

- Vị bất thối, là Bồ Tát phát tâm nguyện lớn, muốn bố thí đầu mắt tủy não cho chúng sinh, mà chẳng sinh tâm thối lùi về hàng nhị thừa.

- Niệm bất thối, là Bồ Tát lợi ích tất cả chúng sinh, hay xả mình vì người, trợ giúp người khác mà chẳng chấp trước tướng bố thí. Hành Bồ Tát đạo dùng làm cho chúng sinh sinh phiền não, luôn luôn hồi quang phản chiếu, trở về cầu nơi chính mình.

**Này ông Xá Lợi Phất !
Ta vì các chúng sinh
Mà dùng ví dụ này
Nói một thừa Phật đạo.
Nếu các ông có thể
Tin nhận lời nói đây
Thì tất cả đều sẽ
Được thành tựu Phật đạo.
Thừa này tối vi diệu
Rất thanh tịnh bậc nhất
Ở trong các thế gian
Chẳng có pháp nào hơn.
Chỗ chư Phật hoan hỉ
Tất cả các chúng sinh**

**Nên tán thán khen ngợi
Cúng dường và lễ bái.
Vô lượng trăm ngàn muôn
Các lực và giải thoát
Thiền định cùng trí huệ
Các pháp khác của Phật.
Chúng được thừa như thế.**

Đức Phật nói với tôn giả Xá Lợi Phất: Trước kia, ta vì chúng sinh nói đủ thứ ví dụ, để xiển minh sở tu trước kia là quyền pháp, nay khiến cho họ biết đại thừa Phật pháp, nên tin rằng tất cả mọi người đều có thể sẽ thành Phật. Đây là sự vi diệu của Phật pháp, phải có tín tâm thì mới có thể thành tựu, chỉ có một Phật thừa là pháp môn vô lượng trong thế gian, đây là pháp môn Phật hoan hỉ nhất, nên tán thán pháp môn này, cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lễ lạy đại thừa Phật pháp. Có lượng công đức, mười trí lực của Phật, tám giải thoát, các thiền định và trí huệ và các pháp môn khác của Phật, quá khứ chắc chắn đã tu vô lượng công đức, mới đắc được nhân duyên thù thắng này, gặp được đại thừa Phật pháp.

**Khiến cho các người con
Ngày đêm cùng số kiếp
Thường được đi dạo chơi.**

Với các vị Bồ Tát
Cùng với chúng Thanh Văn
Ngồi nơi thừa báu này
Mà thẳng đến đạo tràng.
Nhân duyên như vậy đó.
Tìm cầu khắp mười phương
Chẳng có thừa nào khác
Trừ Phật dùng phương tiện.

Dùng “ngày” ví dụ khiến cho tất cả chúng sinh đắc được trí huệ chân thật của Phật, “đêm” dụ cho chúng sinh vẫn còn phiền não chưa trừ vô minh. Tất cả chúng sinh tại chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, đã được Đức Phật giáo hóa, thường tu tập pháp đại thừa.

Với tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, đều y chiếu Phật pháp đại thừa tu hành. Thừa này là thừa báu, đạt đến bờ đề giác đạo mà thành Phật. Nhân duyên như vậy đó, tìm cầu khắp mười phương chẳng có một pháp nào cao hơn so với pháp này, ngoại trừ Phật dùng pháp phương tiện.

**Phật bảo Xá Lợi Phất !
Hết thủy lũ các ông
Đều là con của ta**

Còn ta tức là cha.
Các ông trong nhiều kiếp
Bị các khổ thiêu đốt
Ta đều đã cứu vớt
Khiến ra khỏi ba cõi.
Tuy trước kia ta nói
Các ông được diệt độ
Chỉ dứt hết sinh tử
Mà thật chẳng diệt độ.
Nay việc cần phải làm
Chỉ có trí huệ Phật
Nếu có Bồ Tát nào
Ở trong chúng hội này.
Mà một lòng lắng nghe
Thật pháp của chư Phật
Các đức Phật Thế Tôn
Tuy dùng các phương tiện.
Giáo hóa các chúng sinh
Đó đều là Bồ Tát.

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất : Các ông tất cả chúng sinh, tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Tỳ

Kheo, Tỳ Kheo ni, phát tâm bồ đề, đều là con của ta, ta là cha của các ông. Các ông đã đời đời kiếp kiếp, vô lượng vô biên đại kiếp vì ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ thiêu đốt. Ta đều luôn luôn cứu vớt, khiến cho chúng sinh vượt ra khỏi cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

Tuy ta trước kia, dùng quyền xảo phương tiện, nói các ông đều đã được diệt độ, song chỉ dứt được phần đoạn sinh tử, chưa dứt được biến dịch sinh tử. Theo thật pháp mà nói, các ông vẫn chưa chân chánh đắc được diệt độ. Như nay các ông nên học trí huệ của Phật, tu pháp chân thật. Nếu có Bồ Tát nào ở trong đại chúng chuyên tâm nhất chí, nghe pháp môn chân thật của ta nói, đó mới là pháp do thật trí của chư Phật nói. Kì thật, pháp môn phương tiện vì pháp môn chân thật mà nói, cho nên các ông nên hồi tiểu hướng đại, tu hành hạnh Bồ Tát.

**Nếu có người trí nhỏ
Chấp sâu nơi ái dục
Thì vì những người đó
Nói đạo lý khổ đế.
Chúng sinh tâm vui mừng
Đắc được chưa từng có
Chân thật chẳng sai khác
Nếu có chúng sinh nào.
Chẳng biết gốc các khổ**

Chấp sâu vào nhân khổ
Chẳng tạm rời bỏ được
Bèn vì chúng sinh đó.
Dùng phương tiện dạy bảo
Nguyên nhân mọi sự khổ
Tham dục là gốc rễ
Nếu diệt được tham dục.
Chẳng còn chỗ nương tựa
Dứt sạch hết các khổ
Gọi là đế thứ ba
Vì chúng được diệt đế.
Mà tu hành đạo đế
Lìa các khổ ràng buộc
Gọi là được giải thoát
Người đó nơi pháp gì.
Mà đắc được giải thoát
Chỉ xa lìa hư vọng
Gọi đó là giải thoát
Kỳ thật chưa đắc được.
Tất cả các giải thoát
Phật nói rằng người đó

**Chưa thật được diệt độ
Vì người đó chưa được.
Đạo quả vô thượng vậy
Ý của ta không muốn
Khiến cho được diệt độ
Ta là đấng Pháp vương.
Tự tại nơi các pháp
An ổn các chúng sinh
Cho nên hiện ra đời.**

Nếu người thiếu trí huệ, chấp sâu nơi ái dục. Có kiến hoặc và tư hoặc, thấy cảnh bèn chấp trước mê hoặc tức là kiến hoặc. Tâm chẳng biện rõ thị phi, còn phản phú tư lường tức là tư hoặc.

Phật vì những chúng sinh này, nói pháp sinh diệt bốn Diệu đế.

1. Khổ đế : Chúng sinh lấy khổ làm vui, nghe được Phật nói khổ đế, thì tâm sinh vui mừng, cảm thấy diệu pháp này chưa từng có, là diệu pháp ngàn chân vạn thật.

2. Tập đế : Nếu có chúng sinh chẳng biết gốc khổ, tức tập đế. Tập là nhân của khổ, khổ là quả của tập. Tập tức là hai mươi sáu thứ phiền não. Gốc rễ phiền não có sáu thứ, tùy phiền não có mười thứ, trung phiền não có hai thứ, đại phiền não có tám thứ, cộng thành hai mươi sáu thứ phiền não. Hai mươi sáu thứ phiền não này là

nhân của khổ, vì chúng sinh không thể tạm xả bỏ những phiền não này, cho nên Phật vì họ trước hết nói pháp môn phương tiện. Chủ nhân của tập là tham dục, chẳng biết đủ, luôn luôn tham mà chẳng biết chán. Ví như người chẳng có đồng xu nào, thì mong có được một trăm đồng, được một trăm đồng rồi, lại mong có một ngàn đồng, một vạn đồng, cho rằng được một vạn đồng thì có thể ngừng lại. Song, đến lúc ấy cảm thấy một vạn đồng vẫn còn ít, lại muốn mười vạn đồng. Song, chưa được một vạn đồng thì than ôi mạng sống chẳng còn bao lâu ! Đến chết thì vẫn chưa đạt được lý tưởng. Cho nên, con người có tham dục thì sinh phiền não.

3. Diệt đế : Muốn diệt khổ, thì trước hết phải trừ tham dục. Chẳng còn tham dục, thì trừ khử được gốc của khổ, khổ cũng chẳng còn chỗ nương tựa, các khổ diệt sạch thì gọi là đế thứ ba.

4. Đạo đế : Muốn được diệt đế, thì trước phải tu đạo, tức là đế thứ tư. Giải trừ tất cả sự trói buộc của khổ, tức được thế gian giải thoát. Ai nhìn thấu buông xả đặng, thì mới được giải thoát. Tuy nhiên vẫn còn sống, nếu thấy được tất cả đều đã chết, chẳng vì túi da hôi thúi này mà làm nô lệ, thấy tất cả đều hư vọng, chẳng chấp trước bất cứ những gì, thì đắc được sự giải thoát.

Tôi thường nói "Everything's OK" ! Tức tất cả đều được, tức nhiên tất cả chẳng có vấn đề gì, vậy phải chẳng đã được giải thoát ? Chẳng còn chấp trước, giống như hư

không, chẳng bị gì ràng buộc, chẳng tham danh, tức là giải thoát danh, chẳng cầu lợi tức là giải thoát lợi. Danh lợi đều giải thoát, còn có gì ràng buộc nữa ?

Tuy nói pháp: Khổ, tập, diệt, đạo, có thể được giải thoát, kì thật, giống như chưa được chân chánh giải thoát, vì mới được phần đoạn sinh tử, chứ chưa được biến dịch sinh tử. Còn biến dịch sinh tử vẫn chưa được giải thoát. Cho nên, Phật nói những hạng người này, chưa thật sự diệt độ. Phật nói rõ, vì chẳng muốn họ chưa được thọ dụng chân thật mới khiến cho họ được diệt độ.

Phật lại nói: Ta là vua của các pháp, toại ý tự tại ở trong các pháp, muốn khiến cho chúng sinh được an ổn, được giải thoát cứu kính, cho nên mới xuất hiện ra đời.

**Này ông Xá Lợi Phất !
Pháp ấn của ta đây
Vì muốn làm lợi ích
Cho thế gian nên nói.
Nơi chỗ ông đi qua
Chớ có vọng tuyên truyền.**

Đức Phật nói với tôn giả Xá Lợi Phất, đồng thời nói với tất cả chúng sinh đương thời, cũng bao quát chúng ta tất cả chúng sinh hiện tại, và tất cả pháp sư hoằng dương Phật pháp : Ta dùng pháp ấn thật tướng tôn quý này, chứng minh tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật đạo,

vì lợi ích tất cả chúng sinh, lợi ích thế gian, cho nên nói Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là pháp chí tôn chí quý, cho nên không thể tùy tiện nói, phải đối cơ mới nói pháp này. Một số người căn tánh thiển cạn, không thể tiếp thọ diệu pháp thượng thừa.

Nếu đối với họ nói Kinh Pháp Hoa, chẳng những không thể tiếp thọ, mà còn sinh hủy báng. Để tránh khỏi sự hủy báng diệu pháp thượng thừa mà đọa địa ngục, cho nên chỉ đối với người có căn tánh đại thừa, mới có thể nói diệu pháp thượng thừa Kinh Pháp Hoa.

Nếu có ai nghe được
Tùy hỷ kính thọ trì
Nên biết rằng người đó.
Là bậc bất thối chuyển
Nếu có người tin nhận
Kinh pháp vô thượng này
Thì người đó đã từng.
Gặp chư Phật quá khứ
Cung kính và cúng dường
Cũng nghe được pháp này
Nếu người nào có thể.
Tin nhận lời ông nói
Tức như là thấy ta

Và cũng như thấy ông
Cùng các Tỳ Kheo Tăng.
Và các bậc Bồ Tát
Phật vì người trí sâu
Nói Kinh Pháp Hoa này
Người thức nạn nghe được.
Mê hoặc chẳng hiểu đặng
Tất cả hàng Thanh Văn
Cùng với Bích Chi Phật
Ở trong Kinh pháp này.
Sức họ chẳng hiểu đặng
Như ông Xá Lợi Phất
Còn ở nơi Kinh này
Dùng lòng tin vào được.
Hướng là Thanh Văn khác
Bao nhiêu Thanh Văn khác
Vì tin lời Phật nói
Mà tùy thuận Kinh này.
Chẳng phải trí của mình.

Đức Phật nói: “Nếu có người nghe được Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỉ cung kính thọ trì, nên biết người đó là bậc

bất thối chuyển, phải biết người đó đã phát tâm Bồ Tát, đã được ba bất thối chuyển. Nếu có ai tin nhận thọ trì Kinh Pháp Hoa đại thừa này, thì người đó trong quá khứ đã từng thấy vô lượng chư Phật, và hay cung kính cúng dường, trông xuống hạt giống căn lành. Nếu có người tin đạo lý Kinh Pháp Hoa, thì giống như thấy Phật.” Vào đời Đường, đại sư Trí Giả tông Thiên Thai đọc tụng Kinh Pháp Hoa “Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự” đến chỗ Bồ Tát Dược Vương đốt thân cúng Phật, “*Là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai.*” Lúc đó, đại sư Trí Giả bèn nhập định, nhìn thấy hội Pháp Hoa ở núi Linh Thứu vẫn chưa tan, từ đó đắc được Đà La Ni Pháp Hoa tam muội, khai mở vô lượng vô biên trí huệ, cho nên Phật nói tin nhận thọ trì được Kinh Pháp Hoa, tức là thấy được Phật, cũng thấy được tôn giả Xá Lợi Phất, và tất cả Tỳ Kheo Tăng, và còn thấy tất cả các đại Bồ Tát trong hội Pháp Hoa.

Do đó, Kinh này chỉ có thể nói với những người có trí huệ Bát Nhã. Nếu những người kiến thức nông cạn, người ngu si, người tánh tình nóng nảy, mà nghe được Kinh Pháp Hoa, thì sẽ nổi trận lôi đình, mê hoặc chẳng hiểu. Tất cả hàng Thanh Văn nghe bốn Diệu đế mà khai ngộ, và Bích Chi Phật, tu mười hai nhân duyên mà khai ngộ, chẳng đủ sức hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ông là đại trí Xá Lợi Phất, mà đối với Kinh Pháp Hoa còn phải suy gẫm mới tin nhận, huống gì những vị Thanh Văn khác ? Bao nhiêu vị Thanh Văn khác, do nghe

Phật nói Kinh Pháp Hoa, chẳng minh bạch đạo lý bên trong, cũng tin nhận. Tuy họ tin nhận, nhưng chẳng phải trí huệ vốn có của họ sinh ra, mà vì tùy thuận Phật nói, cho nên tin nhận diệu lý Kinh này, từ từ trí huệ tự nhiên cũng sẽ sinh ra.

**Lại nữa Xá Lợi Phất !
Kẻ kiêu mạn giải đãi
Chấp trước vào bản ngã
Chớ nên nói Kinh này.
Kẻ phàm phu thức cạn
Chấp sâu nơi năm dục
Nghe chẳng thể hiểu đặng
Cũng chớ vì họ nói.
Nếu người chẳng tin nhận
Mà hủy báng Kinh này
Tức là dứt tất cả
Hạt giống Phật thế gian.**

Phật lại bảo Ngài Xá Lợi Phất ! "Kiêu" là kiêu ngạo, "mạn" là khinh mạn, tự cho mình cao hơn, giỏi hơn bất cứ ai. "Giải đãi" là lười biếng, chẳng có tâm dũng mãnh tinh tấn. Nếu ai chấp trước vào tướng "ta" thì mới "kiêu mạn giải đãi", đối với những người này, chớ nói Kinh Diệu

Pháp Liên Hoa. Vì những người này, nghe được đạo lý Kinh Pháp Hoa, cũng chẳng cung hành thực tiễn, cho nên đừng giảng nói Kinh này cho họ nghe. Kẻ phàm phu kiến thức nông cạn, thiếu trí huệ, tham trước: Tài, sắc, danh, ăn, và ngủ, năm dục, năm dục này thông đạt đường vào địa ngục năm căn. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng là năm dục, cũng không thể tham trước năm dục này, vì tham trước vào năm dục, cho nên nghe Kinh Pháp Hoa cũng chẳng minh bạch.

Người thế gian đều thích nghe âm thanh hay, ăn đồ ngon, ngủ nhiều. Trong Kinh Pháp Hoa nói: "Chớ tham năm dục này", chắc chắn họ sẽ không tin. Nếu người không tin thì sẽ hủy báng Kinh này, dứt mất tất cả hạt giống Phật thế gian. Dứt hạt giống Phật tức là sinh hạt giống địa ngục, tương lai sẽ đọa vào địa ngục. Cho nên chúng ta trước hết giảng Kinh Lăng Nghiêm, sau giảng Kinh Pháp Hoa. Vì người chẳng có căn tánh đại thừa, thì chẳng tin diệu lý thượng thừa trong Kinh Pháp Hoa.

**Hoặc có người nhãn nhó
Mà ôm lòng nghi hoặc
Ông nên lắng nghe nói
Tội báo của người này.
Nếu Phật còn tại thế
Hoặc sau khi diệt độ**

Nếu có người phỉ báng
Kinh điển như thế này.
Thấy có người đọc tụng
Biên chép và thọ trì
Bèn khinh khi ghét ghen
Mà ôm lòng kết hận.
Tội báo của người này
Nay ông nên lắng nghe
Khi người đó mạng chung
Đọa vào ngục A-tỳ.
Đầy đủ chẵn một kiếp
Hết kiếp rồi lại sinh
Cứ chuyển sinh như thế
Cho đến vô số kiếp.

"Hoặc có người nhân nhó, mà ôm lòng nghi hoặc":
Người tham trước năm dục, mà Kinh Pháp Hoa khuyên
phải liả năm dục, cho nên họ nghe pháp này mà chẳng
vui, càng sinh nghi hoặc. Phật nói họ tương lai phải đọa
vào địa ngục, thọ khổ vô lượng vô biên. Bất cứ Phật tại
thế, hoặc sau khi diệt độ, nếu có kẻ phỉ báng Kinh Pháp
Hoa, thấy người đọc tụng hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa,
bèn sinh tâm khinh khi ghen ghét đố kỵ, ôm ấp oán hận

trong tâm. Tội báo của người này, nay ông hãy lắng nghe: Sau khi người đó mạng chung, phải đọa vào địa ngục vô gián một đại kiếp, trải qua vô số kiếp mới ra khỏi địa ngục.

Từ trong địa ngục ra
Sẽ đọa làm súc sinh
Hoặc làm chó, dã can
Thân hình chúng gầy ốm.
Đen thui lại ghẻ lát
Bị người thường chọc gheo
Lại còn phải bị người
Nhòm góm và khinh khi.
Thường bị khổ đói khát
Xương thịt đều khô héo
Lúc sống chịu khốn khổ
Chết bị ném ngói đá.
Vì dứt mất giống Phật
Nên chịu tội báo đó
Hoặc sinh làm lạc đà
Hoặc sinh vào loài lừa.
Thân thường mang chở nặng

**Còn thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ nước và cỏ
Ngoài ra chẳng biết gì.
Vì phỉ báng Kinh điển
Mà mắc tội như thế.**

Từ địa ngục ra, lại chuyển làm súc sinh, làm thân chó hoặc dã can. Dã can thuộc về loài chồn, ở nơi ven núi hoặc ở trên cây cao, ban ngày thì ẩn núp, ban đêm thì đi, đi thì kết thành bầy mà đi, dã can chỉ có một con mắt để nhìn, còn con mắt kia thì chẳng thấy, vì khinh miệt người khác đọc tụng hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa, cho nên chỉ có một con mắt để nhìn. Thân hình ốm gầy như cây củi, thân lại mang bệnh ghẻ lát, phát ra mùi hôi thối, người mà thấy thì phải lánh xa. Dã can vì phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, Kinh Pháp Hoa, cho nên trên thân có mùi hôi thối, trải qua nhiều đời mới sinh làm người, làm người cũng bị người chán ghét, thường bị đói khát, xương thịt khô héo, lúc sống thì chịu khổ như thế, khi chết đi thì bị người ném gạch ngói đá, vì họ phỉ báng Kinh Pháp Hoa, dứt mất hạt giống Phật mà sinh hạt giống địa ngục, cho nên chịu quả báo này. Hoặc sinh làm lạc đà hoặc lừa, thân thường mang chở nặng, bị người đánh đập, suốt ngày chỉ nhớ tưởng uống nước hoặc ăn cỏ, ngoài ra chẳng biết gì nữa, đều do phỉ báng Kinh, cho nên mắc tội như thế.

Có khi làm dã can
Đi vào trong xóm làng.
Thân thể bị ghẻ lát
Lại thiếu mất một mắt
Bị những đứa trẻ con
Đánh đập và liệng ném.
Chịu các sự thống khổ
Hoặc có khi phải chết
Sau khi bỏ thân này
Bèn thọ làm thân rắn.
Thân hình dài to lớn
Đến năm trăm do tuần
Ngây điếc chẳng có chân
Lăn lóc đi bằng bụng.
Bị các loài trùng nhỏ
Rúc rĩa ăn máu thịt
Ngày đêm chịu khổ sở
Chẳng có khi nào ngừng.
Bởi phỉ báng Kinh này
Mắc tội như vậy đó.

Dã can thuộc loài chồn, nhưng đa nghi hơn chồn, vì kiếp trước miệt thị người tụng đọc, lễ lạy và giảng giải Kinh Pháp Hoa, cho nên sinh làm dã can. Dã can bị nghiệp chướng che đậy, nên thân thể nhiều bệnh tật và ghẻ lát, vào trong xóm làng tìm vật ăn, vì thiếu một mắt, nên bị trẻ con trong xóm liệng, ném đá. Hơn nữa, vì thân thể có ghẻ lát bị đánh thì càng đau đớn, thậm chí bị ném đá đến chết. Chết rồi lại đầu thai làm mãng xà, thân dài năm trăm do tuần. Mãng xà tuy có tai nhưng chẳng nghe được, lại còn ngu si, chẳng có chân, lăn lóc đi bằng bụng, có côn trùng nhỏ rúc rĩa bên trong, ăn uống máu thịt, ngày đêm chịu khổ, bởi vì phỉ báng Kinh này, nên mắc tội báo đó.

**Nếu được sinh làm người
Các căn đều ám độn.
Lùn xấu lại lệch què
Đui điếc thêm lưng gù
Có nói ra lời gì
Chẳng có ai tin nhận.
Hơi miệng thường hôi thối
Bị quý mị dựa nhập
Bần cùng rất hạ tiện
Thường bị người sai khiến.**

Nhiều bệnh thân ốm gầy Chẳng có chỗ nương nhờ.

Nếu thoát khỏi thân mãng xà, sinh làm thân người thì: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn của họ đều ám độn. Khả năng nhìn chẳng tốt, thính giác chẳng linh mẫn, lỗ mũi chẳng biết thơm thối, vị giác chẳng linh, thân thể xúc giác chẳng rõ ràng, ý niệm thì ngu si, thiếu trí huệ, hoặc tay chân thiếu khuyết, đó gọi là các căn ám độn. "Lùn" là thân thể thấp nhỏ, như quý Cư bần trà, bề dọc cũng bằng bề ngang, thân thể tướng mạo xấu xí, chân bị lệch què, chẳng duỗi ra đặng, hoặc là lưng khòm, hoặc mắt mù, tai điếc, lưng cong. Loại người này, nếu nói ra điều gì đều chẳng ai tin, hơi miệng hôi thối, vì quá khứ phỉ báng Kinh Pháp Hoa, hoặc dạ dày có bệnh, nên miệng hôi thối. Có những người có lòng cương khí, hàng phục được thiên ma ngoại đạo, cũng có mùi vị này. Nếu thường tụng Kinh Pháp Hoa, thì trong miệng thường toả ra mùi thơm của hoa sen. Ai phỉ báng Kinh Pháp Hoa, thì bị quỷ mị dựa nhập, bần cùng hạ tiện, bị người sai khiến, nhiều bệnh tật gầy ốm, chẳng có chỗ để nương tựa.

**Dù nương tựa gần người
Mà người chẳng để ý
Nếu học được điều gì
Thì bèn quên mất hết.**

Nếu học làm nghề thuốc
Theo đúng pháp trị bệnh
Mà bệnh người nặng thêm
Hoặc có khi mất mạng.
Nếu mình có bệnh gì
Chẳng ai cứu chữa khỏi
Dù có uống thuốc hay
Mà bệnh lại thêm nặng.
Hoặc có người phản nghịch
Cướp giạt trộm lấy của
Các tội lỗi như thế
Hoặc tự mang vạ lây.
Những người tội như thế
Vĩnh viễn chẳng thấy Phật
Là vua trong hàng Thánh
Thường nói pháp giáo hoá.
Những người tội như vậy
Thường sinh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng loạn tai diết
Vĩnh viễn chẳng nghe pháp.

Mặc dù xiêm nịnh đối với người, người cũng chẳng để ý đến. Nếu học Phật pháp, hoặc học thuộc lòng Kinh, thì hay quên mất. Nếu học về nghề thuốc, ngành y Trung Quốc có phân ra : Hàn, nhiệt, ôn, bình, và dùng : Vọng, vãn, vấn, thiết, bốn thứ phương pháp để đoạn chứng. Vọng nhìn mà biết gọi là "thần", vãn (nghe) mà biết gọi là "thánh", vấn (hỏi) mà biết gọi là "công", thiết (bắt) mạch mà biết gọi là "khéo". Mạch phân ra gồm có : Phù, trầm, thỉ, tốc, hoạt, tức, hư.

Có một câu chuyện, một ngày nọ, vua Diêm Vương bị bệnh, mới sai quý đi mời thầy thuốc đến để chữa bệnh. Quý hỏi : Mời thầy thuốc nào ? Vua Diêm Vương nói : Mời thầy thuốc mà ở trước cửa bệnh viện ít quý nhất. Quý đi tìm, thấy rất nhiều oan hồn quý ở trước cửa bệnh viện, nhưng có một bệnh viện trước cửa chỉ có hai con quý, bèn mời thầy thuốc ở trong bệnh viện đó, đến để trị bệnh cho vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương hỏi ông ta làm thầy thuốc đã được bao lâu ? Ông ta đáp: Vừa mới bắt đầu làm nghề thầy thuốc. Bệnh viện này vừa bắt đầu chữa bệnh, thì đã chết hai người ! Vua Diêm Vương bèn từ chối, chẳng cho ông thầy thuốc này chữa bệnh, không cần ông ta khám bệnh, có thể thấy, nếu thầy thuốc dùng lầm thuốc, thì người sẽ mất mạng.

"Theo đúng pháp trị bệnh, mà bệnh càng thêm nặng, hoặc có khi mất mạng, nếu mình có bệnh gì, chẳng có ai chữa khỏi, dù có uống thuốc hay, mà bệnh lại càng

thêm nặng". Hoặc gặp thời buổi nhiễu loạn. "Cướp giạt trộm lấy của". Hoặc bị chính phủ tịch thu cướp giạt hoặc bị trộm cướp, những tội lỗi như thế, hoặc bị mang vạ lây. Những người tội như thế, vĩnh viễn chẳng thấy được Phật. Phật là vua trong hàng Thánh, thường nói pháp giáo hóa, những người tội như vậy, thường sinh nơi hoạn nạn, tâm cuồng loạn tai điết, vĩnh viễn chẳng nghe pháp.

**Ở trong vô số kiếp
Nhiều như cát sông Hằng
Sinh ra luôn tâm điết
Các căn chẳng đầy đủ.
Thường ở nơi địa ngục
Như dạo xem công viên
Ở trong các đường ác
Như nhà cửa của mình.
Lạc đà, lừa, heo, chó
Thường đến những chỗ đó
Vì khinh chê kinh này
Mắc tội nặng như thế.
Nếu được sinh làm người
Thường đui điết tâm ngọng
Bản cùng các tướng suy**

Dùng để tự trang nghiêm.
Bệnh phù thũng khô khát
Ghẻ lát và ung thư
Các chứng bệnh như thế
Dùng làm y phục mặc.
Thân thể thường hôi thối
Dơ bẩn chẳng sạch sẽ
Chấp sâu nơi tướng ta
Tăng thêm tánh nóng giận.
Và dâm dục hãy hừng
Chẳng chừa loài cầm thú
Vì khinh chê kinh này
Mà mắc tội như thế.

Có những người căn lành chẳng đủ, bị nghiệp chướng làm chướng ngại, nghe Kinh giây lát thì bỏ đi. Tôi thường nói:

"Khuyên bạn làm điều lành,
Bạn bảo chẳng có tiền, có cũng không.
Hoạn nạn xảy đến dùng ngàn vạn, không cũng có.
Nếu nghe Kinh nghe pháp, đi cũng bận,
Khi hơi thở chấm dứt xuống âm ti, bạn cũng đi".

Nếu ai trong vô lượng kiếp đến nay, trồng xuống căn lành sâu dày, mới có thể nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài đại sư Huệ Tư với đại sư Trí Giả, từng cùng nghe Kinh Pháp Hoa ở tại núi Linh Sơn, cho nên có duyên gặp nhau ở tại Trung Quốc. Các vị đang ngồi nghe Kinh, đều đã từng nghe Kinh Pháp Hoa ở trên hội Linh Sơn, chỉ vì lâu quá rồi quên đi, mà nay tôi vì các vị nói lại Kinh Pháp Hoa mà thôi.

Ở trong vô số kiếp, nhiều như số cát sông Hằng, sinh ra luôn chìm đắm, các căn chẳng đầy đủ, thường ở nơi địa ngục, như ở trong nhà cửa của mình, hoặc sinh làm : Lạc đà, lừa, heo, chó, tất cả cử chỉ hành động đều như các loài đó. Cho nên, ở Ấn Độ có những ngoại đạo giữ giới chó, giới bò, tức là kiếp trước đã từng khinh chê Kinh Pháp Hoa, cho nên dù sinh làm người, mà tựa như súc sinh. Ra khỏi địa ngục, súc sinh, mà được sinh làm người thì: Đui, điếc, câm, ngọng, hoặc bị bần cùng, vì kiếp trước giàu có mà chẳng cúng dường Tam Bảo, cho nên đời này nghèo khổ, hoặc thường gặp nghịch cảnh.

Như có câu chuyện Khương Thái Công bán bột: Khương Thái Công là thừa tướng của Chu Văn Vương, là sư phụ của Chu Võ Vương. Khương Thái Công tức là Khương Tử Nha, vận khí chẳng tốt, vào triều đại nhà Ân thì làm quan, sau từ quan trở về làm thường dân bán bột và muối. Bán muối cũng chẳng có người mua, về sau bán bột, suốt ngày cũng chẳng có ai mua bột, đến tối mới có

người đến mua, vừa lúc ông ta đang đong bột, thì tướng quân Hoàng Phi Hổ cưỡi ngựa đi qua đá đổ cái thúng bột, bột đổ xuống đường lộn lạo với cát bùn, bột càng bán chẳng được, bèn đi về nhà. Về đến nhà gõ cửa, chẳng ai đáp bèn dùng tay đập cửa thì bị ong chích. Thời vận của ông ta xui xẻo như thế ! Kiếp trước ông ta vốn là một con gấu, thấy một vị tu đạo tên là Ngọc Hư Công, vì biết vị này là bậc cao Tăng, cho nên quỳ ở trước cửa động suốt năm trăm năm để cầu đạo, xương cốt cũng thành cát bụi, chỉ vì cầu đạo, cho nên sau được sinh làm người, ông ta cũng từng hủy báng Tam Bảo. Ông Khương Thái Công có người thiệp chẳng hiền, nên thời vận chẳng tốt, vận mạng Khương Thái Công có thể nói là "các tướng đều suy".

"Dùng để tự trang nghiêm". Những chúng sinh này dùng bàn cùng và các tướng suy để trang nghiêm chính mình. Thân thể bệnh phù thũng, khô mòn hoặc có ghẻ lát rất khó chịu vô cùng. "Ung thư" là chứng bệnh thuộc về ngoại chứng. Các chứng bệnh như thế, như y phục thường mặc trên thân. Thân thường tỏa ra mùi hôi thối, dơ bẩn chẳng sạch sẽ, chấp sâu nơi tướng ta, tánh nóng giận càng bạo phát, dâm dục hỷ hưng. Như danh tướng Niên Canh Nhiêu đời nhà Thanh, mỗi đêm phải có mười hai cô gái ngủ với ông ta, thậm chí cũng làm hạnh bất tịnh với ngựa, bò. Vì phỉ báng Kinh này, nên thọ quả báo như vậy.

Phật bảo Xá Lợi Phất

Người phỉ báng Kinh này

**Nếu nói tội lỗi họ
Cùng kiếp chẳng hết được.
Do bởi nhân duyên đó
Ta thường bảo các ông
Đối với người vô trí
Đừng nên nói Kinh này.**

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất! Người phỉ báng Kinh Pháp Hoa, nếu muốn nói tử mủ tội lỗi của họ, thì cùng kiếp nói chẳng hết được. Do bởi nhân duyên đó, cho nên bảo các ông, trước mặt những người chẳng có trí huệ, thì chớ nói Kinh này. Vì sao ? Nếu những người chẳng có trí huệ, nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì sẽ sinh tâm phỉ báng mà tạo tội, vì muốn cho họ tránh khỏi tạo tội thọ quả báo, cho nên đối với người chẳng có trí huệ đừng nói Kinh Pháp Hoa.

Tôi giảng Kinh Pháp Hoa tại Phật Giáo Giảng Đường, vì các vị có trí huệ. Nếu các vị chẳng có trí huệ, mà tôi giảng Kinh này cho quý vị, thì các vị sẽ chạy mất, đâu có ở lại chỗ này nghe Kinh. Thiện tri thức giảng Kinh thuyết pháp đối với bạn, trước hết nhận thức am tường về Kinh điển, kế tiếp tham thiền đả tọa. Tham thiền đả tọa cần phải có các sự trợ duyên, nếu không thì gặp cảnh giới mà chẳng nhận thức được, dễ sa vào cảnh giới ma, chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, đó là nói dối,

quả báu phải đọa địa ngục. Có người oán trách Phật nói Kinh Pháp Hoa, cho rằng nếu Phật không nói Kinh này, thì chẳng có ai vì phỉ báng Kinh này, mà đọa địa ngục. Cho nên đổ lỗi vì Phật nói Kinh này, nên người mới vì Kinh này phỉ báng mà đọa địa ngục. Song, đức Phật chẳng nói Kinh Pháp Hoa, thì cũng chẳng có ai thành Phật. Phật đã nói rất rõ ràng, ai phỉ báng Kinh này thì có tội, biết rõ có tội thì đừng phỉ báng Kinh này, đừng biết rõ mà cố phạm, không phỉ báng Kinh này, thì sẽ không đọa địa ngục. Những người phỉ báng Kinh đọa vào ba đường ác, may có Bồ Tát Địa Tạng vì họ thuyết pháp, cứu vớt ra khỏi đường ác, được sinh về cõi trời, hoặc cõi người, còn người căn lành sâu dày, do nghe Kinh Pháp Hoa mà sớm thành Phật.

**Nếu có người lợi căn
Có trí huệ sáng suốt
Học rộng trí nhớ tốt
Tâm mong cầu Phật đạo.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Nếu người đã từng thấy
Trăm nghìn ức vị Phật.
Trông các gốc căn lành
Thâm tâm rất bền vững**

**Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.
Nếu có người tinh tấn
Thường tu tâm từ bi
Chẳng hề tiếc thân mạng
Mới nên vì họ nói.**

Phật nói những người phỉ báng Kinh Pháp Hoa, sẽ bị quả báo đọa địa ngục, là một cửa đại bi. Cho nên, không những không nên mở miệng phỉ báng Kinh Pháp Hoa, mà trong tâm dù một ý niệm phỉ báng Kinh cũng không thể sinh ra.

Nếu có người lợi căn, tức là tin sâu sắc chẳng nghi, những người đó đều là những người học rộng trí nhớ tốt, có tâm cầu Phật đạo, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh Pháp Hoa, nếu có người ở trong quá khứ, đã từng gặp trăm ngàn ức vị Phật, trồng các căn lành, những người đó trong quá khứ, đã từng cúng dường Tam Bảo.

Người cúng dường Tam Bảo, nên một lòng cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đừng sinh tâm phân biệt. Trồng căn lành sẽ phát sinh trí huệ Bát Nhã, có tâm kiên cố, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói, nếu có người tinh tấn, thường tu tâm từ bi. Tâm từ bi mới không thấy lỗi chúng sinh, dù thấy họ có lỗi, cũng dùng từ bi đối đãi, chẳng tiếc thân mạng, mới nên vì họ nói.

Nếu có người cung kính
Chẳng sinh lòng khác biệt
Lìa xa các phàm ngu
Ở riêng trong núi đâm.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Lại nữa, Xá Lợi Phất !
Nếu thấy có người nào.
Rời bỏ ác tri thức
Gần gũi những bạn hiền
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.
Nếu thấy có Phật tử
Giữ gìn giới trong sạch
Như hạt châu sáng sạch
Ham cầu Kinh đại thừa.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Nếu người chẳng nóng giận
Chất trực và diệu hòa.

**Thường thương xót hết thảy
Cung kính các đức Phật
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.**

"Nếu có người cung kính, chẳng sinh lòng khác biệt": Có những người nghe Kinh rồi, bên ngoài biểu hiện cung kính tiếp thọ, nhưng bên trong khởi tâm nghi ngờ đối với vị pháp sư, nghĩ: "Những gì pháp sư này nói có đáng tin chăng ? Ta có bị lừa chăng" ? Người có trí huệ chân chánh, sẽ không bị lừa gạt, còn người chẳng có trí huệ, thì thường sợ người lừa gạt họ, song cuối cùng cũng vẫn bị lừa. Nếu gặp người cung kính mà chẳng sinh lòng khác biệt, xa lìa các phàm ngu, ở riêng trong núi đăm, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh này.

Đức Phật lại bảo tôn giả Xá Lợi Phất ! Nếu thấy có người lìa bỏ ác tri thức, mà gần gũi bạn hiền, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh này. Nếu thấy có người giữ gìn giới thanh tịnh trong sáng như hạt châu, ham cầu Kinh đại thừa, những người như thế, nên vì họ nói Kinh này. Những hạng người ở trên biết hối cải, cho nên có thể vì họ mà nói Kinh này.

Nếu gặp người chẳng có tâm sân hận, ai hay lìa bỏ tâm nóng giận, cũng sẽ lìa được tâm tham và tâm si, những người này bản tánh chất trực dịu hòa, thường có lòng thương tất cả, cung kính các Đức Phật, những hạng

người như thế, mới nên vì họ nói Kinh này. Có những người chẳng biết cung kính lễ bái đối với Phật, Phật là cha lành của tất cả chúng sinh, cho nên chúng ta nên cung kính, không những lễ lạy đối với Phật, mà cũng phải đánh lễ đối với các vị Tăng tu trì Phật pháp, cung kính Tam Bảo, cho nên nói "Cung kính các đức Phật".

Lại có các Phật tử

Ở trong các đại chúng

Thuần dùng tâm thanh tịnh

Đủ thứ các nhân duyên.

Ví dụ và lời lẽ

Nói pháp không chướng ngại

Những hạng người như thế

Mới nên vì họ nói.

Năm giới là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, nếu giữ được năm giới này, thì sẽ được sinh làm người. Nếu tu mười điều lành, thì được sinh về cõi trời. Trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Trồng nhân thế nào, thì được quả thế ấy, cho nên phải cẩn thận nhân quả.

Nếu có vị Tỳ Kheo

Vì cầu Nhất thiết trí
Cầu pháp khắp bốn phương
Chấp tay đánh lễ thọ.
Chỉ vui thích thọ trì
Các Kinh điển đại thừa
Cho đến chẳng thọ trì
Một bài kệ Kinh khác.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Như có người chí tâm
Cầu xá lợi của Phật.
Cầu Kinh cũng như thế
Được rồi đánh lễ thọ
Người đó lại chẳng có
Chí cầu các Kinh khác.
Cũng chưa từng nghĩ nhớ
Kinh điển của ngoại đạo
Những hạng người như thế
Nên vì họ mà nói.

Tỳ kheo là tiếng Phạn, có ba ý nghĩa:

1. Khất sĩ.

2. Bố ma.
3. Sát tặc.

Tỳ kheo đi cầu pháp khắp bốn phương, được Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Kim Cang, các Kinh điển đại thừa, chuyên tu những Kinh này, chí tâm đánh lễ thọ trì, mà bỏ những Kinh khác, những hạng người như thế, mới có thể vì họ nói Kinh này.

**Phật bảo Xá Lợi Phất !
Ta nói các sự tướng
Của người cầu Phật đạo
Cùng kiếp chẳng hết được.
Hết thấy những người đó
Tức có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.**

Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất! Mười hạng người cầu Phật đạo ở trên, cùng kiếp nói cũng chẳng hết được, cho nên phải vì những người đó, nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Có những người lại sinh ra nghi hoặc: Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: Chấp vào một Kinh cho là chánh quyết, mà chỉ các Kinh khác là hư cấu, đó là lối đi của ma, mà nay Kinh Pháp Hoa khiến cho người thọ trì một Kinh,

đó chẳng phải là mâu thuẫn chăng ? Ý của Kinh Pháp Hoa nói là : Nếu sức của bạn thọ trì được một Kinh, thì thọ trì một Kinh, còn nếu có thể thọ trì được nhiều Kinh điển thì càng tốt, cho nên đừng chấp trước, nên linh hoạt biến thông.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
QUYỂN 2
PHẨM TIN HIỂU THỨ TƯ

Phẩm Tựa thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, là nghiên cứu nhân duyên của bốn kinh, Phẩm Phương Tiện thứ hai dùng quyền xảo phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Vì để cho chúng sinh tiến thêm một bước thấy rõ giáo nghĩa, nên đức Phật tiếp tục nói Phẩm Ví Dụ thứ ba.

Bây giờ nói đến Phẩm Tin Hiểu thứ tư, khiến cho chúng sinh tăng thêm niềm tin. Do đó, có câu:

”Tin là nguồn đạo mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các pháp lành.”

Lại có câu rằng:

“Phật Pháp như biển cả,
Chỉ cần tin thì vào được”.

Do đó, có thể thấy niềm tin rất quan trọng, có thể nói là cửa đi vào Phật Pháp.

Chữ tin bằng tiếng tàu (信), chữ nhân đứng trước chữ ngôn, hợp lại thành chữ tín, biểu thị lời nói của người nào đó nói, nếu bạn không tin lời của họ nói, dù lời của họ vốn có lợi ích, thì bạn cũng chẳng có được ích lợi. Cũng thế, nếu ai hay tin hiểu nghĩa lý trong Kinh, sau đó cung hành thực tiễn, thì mới thật sự đắc được pháp ích. Ví như tính nóng giận của bạn quá lớn, nhưng đọc Kinh rồi, thì hiểu được tính nóng giận có thể tránh khỏi, do đó lập chí trừ khử ác tập này, trong sự tu hành bất tri bất giác, một ngày nào đó, bạn sẽ phát giác, tập khí xấu xưa kia đã tiêu đâu mất, đột xuất có người vô cớ nhiều loạn bạn, nhưng bạn cũng xem như chẳng có gì, đó là công năng của niềm tin.

Ngược lại, nếu người nào đó sinh tâm nghi hoặc đối với Kinh điển, cho rằng tính nóng giận ai ai cũng đều có đủ, không nóng giận là việc không thể được, do đó không thể tương ứng với Phật Pháp, đừng nói đến đắc được pháp ích. Nói tóm lại, ai tin hiểu được pháp đại thừa không thể nghĩ bàn, thì mới có thể thực tiễn chứng được pháp vi diệu thậm thâm vô thượng. Cho nên phẩm này lấy “Tin Hiểu” làm tựa.

Lúc đó, Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiên Liên, nghe Phật nói pháp chưa

tùng có. Đức Thế Tôn thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sinh tâm hi hữu vui mừng hơn hở, bèn từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, hở bày vai phải, gối phải đụng đất, một lòng chấp tay, cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế Tôn, mà bạch Phật rằng:

“Lúc đó”: Tức là lúc đức Phật diễn nói Phẩm Ví Dụ. Phẩm này, đức Phật chỉ truyền thọ đối với người đương cơ, chẳng tuyên nói đối với đại chúng, vì muốn tránh chúng sinh khởi nghi hoặc. Ma Ha Tu Bồ Đề cũng gọi là “Huệ Mạng” Tu Bồ Đề, vì Ngài tiếp nối huệ mạng của Phật, cũng vì Ngài phụng mạng của Đức Phật, bậc đại giác trí huệ, nên gọi là “Huệ Mạng”. Trong pháp hội Bát Nhã, Phật muốn Ngài Tu Bồ Đề giáo hóa tất cả chúng sinh và Bồ Tát, mà kế thừa gia nghiệp của Như Lai. Tu Bồ Đề có ba tên:

1. Thiện Cát,
2. Thiện Hiện,
3. Không Sinh.

Khi ngài Tu Bồ Đề ra đời, thì có những việc kỳ lạ phát sinh. Các báu vật trong nhà phụ thân của Ngài đột nhiên biến mất. Thầy bói tướng xem thì cho rằng: Ngài ra

đời rất là “Thiện cát” (tốt lành), các báu vật mất hết đó là biểu hiện giải không, cho nên lại được tên là “Không sinh”. Bảy ngày sau, các báu vật mất đi đều xuất hiện trở lại, do đó lại được tên là “Thiện Hiện”. Tôn giả là người giải không đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật.

Có người hỏi: “Không là gì ? Có cần giải không chăng”? Đương nhiên cần giải không, nếu không thì không thể thấu hiểu Phật pháp, nói chi đến thành Phật. Lại hỏi: “Không tức nhiên là gì cũng chẳng có, hà tất phải thấu hiểu ?” Tức bởi vì gì cũng chẳng có, nên bạn mới cần minh bạch nó, ai lĩnh ngộ được nghĩa này, thì được lợi ích vô cùng.

Hư không là gì? Nó chẳng có hình tướng, cũng vô sở đắc, nếu có sở đắc, thì chẳng gọi là hư không. Khi Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ nghĩa lý chẳng có gì giữ lấy, chẳng có gì xả bỏ, chẳng có gì thọ nhận rồi, liền giác ngộ diệu nghĩa về “không”. Tuy nói trong hư không chẳng có một vật, song vẫn “có vật” ở trong đó, có và không là tương đối, nếu ai có thể đập vụn hư không, thì sẽ rõ Phật tính, thấy nguồn gốc. Cho nên hòa thượng Hư Vân có nói rằng:

“Bôi tử phác lạc địa,
Hưởng thanh minh lịch lịch,
Hư không phấn toái dã,
Cường tâm đương hạ hiết”.

Nghĩa là:

Cái ly rớt xuống đất
Âm thanh chợt phát ra

Hư không bị đập vụn
Tâm cuồng tiêu tan mất.

Hòa thượng Hư Vân ở trong thiền đường Chùa Cao Môn tại Dương Châu, lúc cây hương thứ sáu khai tĩnh (xả thiền), thì vị hộ thất (Người giúp việc trong thiền thất) rót trà cho từng thiền sinh. Chỉ sơ ý một chút, làm rót ly trà của ngài Hư Vân xuống mặt đất, phát ra tiếng trong trẻo, tức thời làm cho mê mộng trong vô lượng kiếp của Ngài Hư Vân kinh tỉnh dậy. Ly trà rót xuống đất, một âm thanh chợt phát ra, đập vụn hư không, cuồng tâm tiêu tan chấm dứt. (Cuồng tâm tức là tâm phan duyên, phiền não, chấp trước). Cho nên Đức Phật nói:

“Hết thầy chúng sinh,
Đều có Phật tánh,
Đều có thể thành Phật,
Chỉ vì vọng tưởng chấp trước,
Mà không thể chứng đắc”.

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có nói:

“Cuồng tâm đốn hiết, hiết tức Bồ Đề”.

Nghiã là cuồng tâm tức bồ đề, khi cuồng tâm chẳng còn nữa, thì bồ đề (giác ngộ) sẽ hiển hiện.

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên. Ma ha nghĩa là "đại" (lớn), Ca Chiên Diên dịch là "Văn súc". Tôn giả cũng có những tên khác như "Hảo Kiên", "Phiến Thùng" và "Thắng Tư". Trong chúng đệ tử của Đức Phật, Ngài là

người luận nghị đệ nhất, biện tài vô ngại. Ngài dùng thiện xảo phương tiện, biện tài thao thao bất tuyệt, triết phục được rất nhiều ngoại đạo đoạn kiến.

Ma Ha Ca Diếp là vị Tổ thứ nhất, được truyền từ Đức Phật. Ngài hiện nay vẫn còn nhập định ở núi Kê Túc tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tức chưa vãng sinh, cũng chưa vào Niết Bàn, Ngài đợi Bồ Tát Di Lặc thành Phật, thì trao y bát cho Phật Di Lặc.

“Ca Diếp” dịch là “Âm quang”, vì trên thân của Ngài phóng ra ánh sáng vàng tía, che lấp các ánh sáng khác, như ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng ngôi sao, giống như uống ánh sáng. Thân của Ngài hiện ánh sáng vàng, là vì trong quá khứ Ngài và vợ của Ngài (Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni), cùng nhau tu sửa sơn son thếp vàng tượng Phật Tỳ Bà Thi. Ca Diếp còn dịch là “Đại quy thị”, vì khi tổ tông của Ngài tu đạo, thì thấy con rùa lớn cống ở trên lưng một bức họa đồ, do đó mà được tên. Tên của Ngài Ca Diếp còn gọi là “Tỳ Bát La”, là tên của một thứ cây, vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây này mà sinh ra Ngài, cho nên lấy tên cây làm tên.

Ngài Ma Ha Ca Diếp đã từng là một vị ngoại đạo lay thần lửa, cho rằng thần lửa là thần minh cao thượng nhất. Khi Đức Phật độ xong năm vị Tỳ Kheo rồi, thì biết cơ duyên đã chín mùi, mới đến độ Ngài Ma Ha Ca Diếp, lúc đó Ngài đã 102 tuổi. Khi Ngài hiểu rõ công phu tu hành của mình, chẳng thể sánh được cảnh giới và thần lực của Đức Phật, tu khổ hạnh, trở thành đầu đà đệ nhất.

Hạnh đầu đà có mười hai hạnh, Phật thấy Ngài tuổi đã cao, nên khuyên tôn giả hà tất phải tu khổ như thế, song tôn giả vẫn tiếp tục duy trì tu khổ hạnh. Cho nên Đức Phật khen ngợi Ngài: *"Phật pháp của ta trụ lâu đời, có quan hệ rất lớn với sự thực hành hạnh đầu đà của Ca Diếp, ai hay tu khổ hạnh như thế, thì Phật pháp nhất định sẽ trụ lâu nơi đời"*.

Tôn giả Ma Ha Mục Kiền Liên. Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch là "Lai bạc căn", hoặc "Thải thúc thị". Tôn giả có đại thần thông, một lần nọ, Ngài vận dụng thần thông đi về hướng đông, qua vô lượng vô biên thế giới, song dù đi xa bao nhiêu cũng chẳng cách chi lường được âm thanh của Phật vang xa bao nhiêu, vì pháp thân của Phật khắp tận cùng hư không, biến pháp giới.

Tôn giả Mục Kiền Liên là một vị đại hiếu tử, khi Ngài chứng được ngũ nhãn lục thông, quả vị A La Hán rồi, bèn quán khắp pháp giới tìm mẹ của Ngài, thấy mẹ ở trong địa ngục làm ngạ quỷ, chịu nhiều thống khổ. Ngài đau đớn muôn phần, lập tức đem một bát cơm đến dâng cho mẹ dùng, mẹ của Ngài dùng một tay che, một tay bốc ăn, vì sợ ngạ quỷ khác thấy đến cướp giật, ai biết cơm vừa đến miệng, thì hóa thành lửa than, ăn chẳng được, vì nghiệp chướng của bà ta quá nặng. Tôn giả Mục Kiền Liên tuy có đại thần thông, nhưng không thể cứu được mẹ của Ngài, do đó lập tức đi tìm Đức Phật, để nhờ Phật cứu giúp. Phật nói vì mẹ của Ngài, lúc còn sinh tiền phỉ báng

Tam Bảo, khinh khi chư Tăng, lại thích ăn cá, trứng, cho nên đọa làm ngạ quỷ ở trong địa ngục. Nếu muốn cứu vớt mẹ của Ngài, thì phải vào ngày rằm tháng bảy, ngày Phật hoan hỉ, chư Tăng Tự Tứ, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng. Trước khi cúng mười phương chư Phật, Pháp, Tăng, mười phương Tăng chưa dùng trai, thì người khác không được dùng trước, nhờ công đức thanh tịnh của mười phương Tăng, khiến cho mẹ của Ngài thoát khỏi biển khổ.

Phật chế hàng Tỳ Kheo, từ ngày rằm tháng tư đến ngày rằm tháng bảy, kiết hạ an cư ba tháng. Trong mấy tháng này mùa hè nóng nực, trời mưa, trên đường đi có nhiều côn trùng, vì dưỡng tâm từ bi thương xót tất cả chúng sinh, nên chư Tăng chẳng đi đâu xa, để tránh khỏi đạp chết những sinh linh nhỏ bé. Ngày mười lăm tháng bảy, là ngày chư Tăng kiết hạ viên mãn, là ngày Tự tứ, cũng là ngày Phật hoan hỉ. Ngày đó chư Tăng cùng nhau xem xét lỗi lầm với nhau, tự nhận lỗi lầm của mình, hoặc thỉnh chư Tăng nói ra lỗi lầm của mình, để sám hối, mọi người cùng nhau sửa đổi làm mới.

Cho nên, Đức Phật dạy tôn giả Mục Kiền Liên cúng dường chúng Tăng vào ngày này. Do đó, mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, mỗi chùa đều thiết lễ pháp hội Vu Lan Bồn, siêu độ cha mẹ bảy đời trong quá khứ, và cha mẹ đời nay đã qua đời. Vu Lan Bồn dịch là "Giải đảo huyền". Chúng sinh trong địa ngục chịu thống khổ, như bị dây thừng trói treo ngược xuống. Ngày này nhờ công đức cúng dường mười phương chư Phật Bồ Tát và hiền Thánh

Tăng, các Ngài có thể giải trừ thống khổ trong các đường ác.

Tên của tôn giả Mục Kiền Liên gọi là "Tì Lợi Bát", là tên cây, vì cha mẹ của tôn giả cầu nguyện nơi cây này, mà sinh ra tôn giả, tình hình cũng giống như Ngài Ca Diếp.

Khi Ngài Tu Bồ Đề và các vị tôn giả khác, nghe Đức Phật thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì hoan hỉ vui mừng hơn hở, nghe được pháp chưa từng nghe qua, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đây là biểu thị thân nghiệp thanh tịnh. "Sinh tâm hi hữu", biểu thị ý nghiệp thanh tịnh. "Hở bày vai phải", là biểu thị các Ngài buông bỏ pháp tiểu thừa, mà hướng về pháp đại thừa. Nghĩa là khai quyền hiển thật, ngày xưa chưa khai quyền, như vai mặt bị che lấp; nay đã khai quyền, cho nên hở vai phải. "Gối phải đung đất", đất biểu thị thật pháp, thật trí. "Một lòng chấp tay", quyền thật không hai, quyền pháp tức thật pháp, thật pháp tức quyền pháp, khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền. Chấp tay là biểu thị quyền thật không hai, không hai tức là một lòng chẳng phải quyền chẳng phải thật. "Cúi mình cung kính", thân mình chẳng thẳng cũng chẳng cúi, hay thẳng cũng hay cúi. Thẳng là biểu thị thật pháp, cúi là biểu thị quyền pháp. Nay cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế Tôn, biểu thị các Ngài dùng "quyền" hướng về thật pháp của Phật. "Mà bạch Phật rằng", tức khẩu nghiệp thanh tịnh.

Chúng con đứng đầu trong hàng Tăng chúng, tuổi đã già nua, tự cho mình đã được Niết Bàn, chẳng kham nhiệm gì nữa, chẳng còn cầu mong quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

“Chúng con” là chỉ Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên, Ngài Ma Ha Ca Diếp và Ngài Ma Ha Mục Kiền Liên. Các Ngài đứng đầu trong hàng Tăng chúng, song tại sao các Ngài không tu tập pháp đại thừa để cầu Phật đạo? Vì các ngài xuất gia đã lâu, tuổi hạ cao, những người hậu bối đều lấy các Ngài làm mô phạm, nếu sửa đổi bỏ pháp tiểu thừa để cầu đại thừa, thì sợ người sau quở trách, vì muốn giữ sự tín nhiệm của người khác đối với các Ngài, cho nên chấp trước tiểu thừa mà chẳng cầu pháp đại thừa, chẳng muốn xả bỏ tiểu thừa, đều vì chưa biết khai ba quyền thừa để hiển thật thừa pháp. Ba quyền thừa tức : Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa. Vì chấp nơi tiểu thừa chưa bỏ đi, giữ gìn kiến giải của mình, cho nên không thể khai quyền hiển thật, bỏ quyền về thật, mà gây nên lỗi lầm thứ nhất. Lỗi lầm thứ hai là tự cho rằng tuổi tác đã già nua, có thể tránh trách nhiệm nặng nề hành Bồ Tát đạo rộng độ tất cả chúng sinh. Các Ngài quá xem thường chính mình, chấp trước việc tuổi tác đã cao, chẳng còn làm gì được nữa, cho nên lười tinh tấn, cầu Phật đạo.

Lỗi lầm thứ ba là các Ngài tự cho rằng mình đã chứng được Niết Bàn, đây là chưa chứng mà nói chứng. Theo sự trắc lượng của các Ngài cho rằng, hoa sen chẳng sinh nơi đất cao, chỉ lớn lên ở dưới nước, cho nên nói mình đã vào chánh vị vô vị, được Niết Bàn, chẳng còn kham phát tâm bồ đề, cho rằng những gì làm trước kia đều là Bồ Tát đạo, song vì mê thật pháp mà chẳng hiểu nghĩa của nó, chẳng còn mong cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Thế Tôn trước kia nói pháp đã lâu, con ngồi tại tòa thân thể cảm thấy mệt mỏi, chỉ nhớ pháp không, vô tướng, vô tác. Nơi pháp Bồ Tát du hí thần thông, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, thì tâm chúng con chẳng vui thích. Tại sao ? Vì đức Thế Tôn khiến cho chúng con ra khỏi ba cõi, chúng được Niết Bàn. Hơn nữa, nay chúng con tuổi đã già nua, chẳng sinh tâm niệm ưa thích nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà đức Phật giáo hóa Bồ Tát.

Bốn vị tôn giả bạch Phật: “Đức Thế Tôn ! Trước kia Phật nói pháp thời gian lâu dài, chúng con ngồi lâu, dần dần cảm thấy mệt mỏi giải đãi, vì chỉ nghĩ nhớ pháp tiểu thừa : Không, vô tướng, vô tác. Tức là không vô sở hữu,

tức không cần hành Bồ Tát đạo, hoặc tu công đức, cho nên chẳng vui thích pháp Bồ Tát du hí thần thông, giáo hóa thành tựu tất cả chúng sinh, cho đến nghiêm tịnh cõi Phật, cũng chẳng sinh một niệm tâm vui mừng, Đó là được ít cho là đủ, lỗi giải đãi chẳng tinh tấn. “Vì sao” ? Vì sao chúng con chẳng cầu pháp đại thừa ? Vì Phật từng nói khiến cho chúng con ra khỏi ba cõi, chúng được Niết Bàn, hơn nữa, nay tuổi chúng con đã già sức yếu, cho nên nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Phật mở bày cho Bồ Tát đại thừa, chúng con chẳng sinh tâm ưa thích.

Hôm nay chúng con ở trước đức Phật, nghe thọ ký cho hàng Thanh Văn, sẽ thành Vô lượng chánh đẳng chánh giác, tâm chúng con rất vui mừng được chưa từng có, không ngờ hôm nay hốt nhiên được nghe pháp chưa từng có, rất tự mừng may được lợi lành lớn, vô lượng châu báu, chẳng cầu mà tự được.

Hôm nay chúng con ở trước Phật, được nghe Phật thọ ký cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát sẽ thành Phật, thấy Ngài Xá Lợi Phất được thọ ký, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong tâm chúng con rất vui mừng, vì đây là biểu thị chúng con cũng sẽ được Phật thọ ký. Nay nghe pháp hi hữu Kinh Diệu Pháp Liên

Hoa này, rất tự mừng may được lợi lành lớn, như hốt nhiên được vô lượng châu báu, chẳng cầu mà tự được.

Đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay xin nói ví dụ để làm rõ nghĩa đó. Ví như có người tuổi còn nhỏ, bỏ cha trốn đi sang nước khác, ở lâu hoặc mười, hai mươi, cho đến năm mươi năm.

Đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con xin dùng một ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa này. “Ví như có người“, dụ cho người nhậ thừa. “Tuổi còn nhỏ” dụ cho người căn lành còn yếu kém, vì không thể thọ pháp đại thừa mà bỏ cha đi xa. “Cha” dụ cho ứng thân của Phật. Trong thời gian lâu dài nơi hai vạn ức vị Phật xuất hiện ra đời, Phật Thích Ca vẫn giáo hóa chúng sinh thành vô thượng đạo, như cha lành đối với tất cả chúng sinh. Song, khi ứng thân của Phật vào Niết Bàn rồi, thì chúng sinh thối tâm Bồ đề, cho nên gọi là “trốn đi”. “Sang nước khác ở lâu” : Tức chỉ ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc) và năm dục : Tài, sắc, danh, ăn, ngủ, nghĩa là chúng sinh nhiễm sâu trần lao năm dục, chẳng biết bỏ mê về giác. Đường cõi trời, là "mười", đường cõi người là "hai mươi", "năm mươi năm" dụ cho năm đường chúng sinh: Trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. A tu la chẳng lập riêng một đường, vì trong năm đường đều có A tu la. Chúng sinh trong ba cõi đều quay lưng với giác

ngộ, mà hợp với trần lao, chẳng biết pháp môn tìm cầu giải thoát.

Người đó tuổi tác đã lớn, lại thêm bần cùng khốn khổ, lang thang khắp bốn phương, để tìm cầu cơm ăn áo mặc, lần lần du hành tình cờ trở về bốn quốc.

"Người đó tuổi tác đã lớn", dụ cho hạt giống đại thừa còn tồn tại, song vì bỏ đại thừa mà tu tập tiểu thừa, thói lười đã lâu, phước đức từ từ tiêu mất, cho nên gọi là nghèo khổ. "Lại thêm bần cùng khốn khổ": Tức tám thứ khổ: Sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh. Chúng sinh trong ba cõi chịu đủ tám thứ khổ, chẳng ra khỏi đặng, cho nên nói là "bần cùng", tám thứ khổ trói buộc như lửa thiêu đốt, nên gọi là "khốn khổ".

"Lang thang khắp bốn phương ": Tức thiên về thân thọ, tâm, pháp. "Tìm cầu cơm ăn áo mặc": Chẳng thiên về phải trái, ở giữa cầu chánh đạo cơm ăn và chánh đạo áo mặc. "Lần lần du hành, tình cờ trở về bốn quốc": Tức chẳng phải như ý muốn, chỉ là sự tình cờ. Ngoại đạo chán khổ cầu đạo, tu các khổ hạnh, tuy là chẳng chánh đáng, cũng được nhân duyên có thể giáo hóa họ. Như Phật mới thành đạo, thì các ngoại đạo đều được độ trước, tức cũng là ý này.

Người cha từ trước đến nay, tìm con chẳng được, bèn dừng lại tại một thành trong nước đó. Nhà ông đó rất giàu có, của cải báu vật vô lượng, nào là : Vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, trân châu .v.v... các kho tàng của cải, thảy đều tràn đầy. Có nhiều tôi tớ, thần tá sử dân, voi ngựa xe cộ, bò dê, nhiều vô số, cho vay thâu vào lời lãi khắp đến nước khác, khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều.

“Người cha từ trước đến nay, tìm con chẳng được”:
Dụ cho Phật dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, song chúng sinh bỏ trốn đến nước khác. Phật tìm “con” chẳng được, nhưng không thể vì một đứa con mà bỏ gia nghiệp, cho nên dừng lại ở tại một thành trong nước đó. “Trong” tức là giữa cõi thật báo và cõi phương tiện. Phật lúc ban đầu dừng nơi hữu dư Niết Bàn Hóa Thành, tức dừng nơi quyền lý, chẳng muốn nói pháp yếu mà muốn vào Niết Bàn, nhưng vì “nhà ông rất giàu có”, pháp tài vô lượng (Chỉ Tam tạng mười hai bộ Kinh các pháp bảo), muốn có người sau này kế thừa gia nghiệp của Như Lai, cho nên chẳng vào Niết Bàn. Quyền lý này là thật tướng, nên gọi là “nhà ông”. Đây đủ vạn đức, cho nên gọi là rất giàu có.

Vàng bạc bảy báu, và “bảo châu như ý”, đại đồng tiểu dị, chỉ cần được một hạt châu như ý, thì đồng như được các báu vật khác, đây là biểu thị tiểu thừa ba mươi bảy đạo phẩm, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên, và đại thừa lục độ vạn hạnh, các pháp bảo.

“Các kho tàng của cải”: Tức là vô lượng pháp bảo sở tại. “Có nhiều tôi tớ, thần tá sử dân”: Dụ cho pháp thiện xảo phương tiện của Phật.

“Voi” dụ cho nhất tâm tam quán, pháp viên giáo đại thừa. Tam quán này đồng tại một lúc, chẳng lìa một mà có, không tức giả, giả tức không, cũng không, cũng giả. Đây là pháp môn viên giáo sở tu của Bồ Tát, là đốn ngộ mà chẳng phải tiệm tu.

“Ngựa”, đại biểu thứ đệ tu hành từ từ vào tam quán của đại thừa:

1. Quán không,
2. Quán giả,
3. Quán trung.

Đây là biệt giáo đại thừa.

“Bò” dụ cho không, tích, hai quán, là thông giáo các pháp đại thừa.

“Đê” Dụ cho tích pháp tự hành quán, từ Thanh văn thừa tu, thì có thể vào đại thừa. Khi có Phật tại thế, thì Duyên Giác và Thanh Văn thành một thể.

“Vô số” tức là chúng sanh tiểu thừa nhiều vô số lượng. “Cho vay thâu vào lời lãi”: “Cho vay” là chỉ tâm

sinh vạn pháp, “thâu vào” tức vạn pháp quy về tâm. “Lời lãi” là giáo hóa chúng sinh được pháp đại thừa, tự thân được lợi ích. Như lợi tức ở ngân hàng, nếu độ được nhiều chúng sinh, thì được nhiều lợi, do đó mà “khấp đến nước khác”, khấp tam giới. “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Biểu thị quả vị bậc đại, tiểu thừa rất đông nhiều. Nghĩa là các Bồ Tát vào tam giới để cầu pháp lợi, giáo hóa chúng sinh, hoặc Bồ Tát cõi này đến cõi khác nghe pháp, hoặc Bồ Tát cõi khác đến cõi này nghe kinh, hoặc vì kế cơ mà ứng hoá làm Thanh văn, gọi là ứng và hoá thân. Ví như buôn bán đem thật pháp vào khắp tam giới, giáo hoá lợi ích chúng sinh, sau khi hoàn thành thì trở về pháp thân tức nhập diệt, cho nên cũng gọi là rất đông nhiều.

Bấy giờ, gã cùng tử đi dạo đến các tụ lạc, trải qua các xóm làng, lần hồi đến thành của người cha ở.

“Gã cùng tử”: Tức là hàng nhị thừa. “Đi dạo đến các tụ lạc”: Tức đi dạo trong nhà lửa tam giới, chịu các sự khổ, rất nhàm chán mỗi một, muốn cầu thoát khỏi. “Trải qua xóm làng”: Tức là lặn lội đường dài, trải qua vô số nước khác, nghĩa là quán sát tụ lạc năm uẩn, và cõi nước mười tám giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức), từ đây mà vào xóm, tức quán mười hai nhân duyên, nơi nơi cầu chánh trợ cơm áo, do khốn cảnh này, mà cảm lòng đại bi

của Phật, có được nghĩa tịch diệt, cho nên nói lần hồi đến thành của người cha ở.

Người cha nhớ con, cách biệt con đã hơn năm mươi năm, mà chưa từng nói với ai về việc này, chỉ tự suy nghĩ, lòng rất hối tiếc, tự nghĩ mình đã già nua. Có nhiều của cải, vàng bạc châu báu, kho tàng tràn đầy, mà chẳng có con cái. Một khi chết mất, thì của cải sẽ mất đi, chẳng có người giao phó, cho nên rất ân cần luôn nhớ đến con. Lại nghĩ rằng, nếu ta gặp lại con để giao phó của cải, thì sung sướng biết mấy, chẳng còn sầu lo.

“Người cha nhớ con”: Phật luôn luôn nhớ các Phật tử căn cơ đại thừa, cách biệt con đã “hơn năm mươi năm”: Đại biểu trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục, các chúng sinh. Song, ông ta chưa từng nói với ai. Phật thì chẳng nói, vậy các vị Bồ Tát biết việc này chăng ? Biết. Song, Phật chẳng nói, mà các Bồ Tát cũng im luôn, vì biết chúng sinh căn cơ đại thừa chưa chín mùi. Tâm Như Lai rất hối tiếc, ban đầu chẳng ân cần giáo hóa pháp lớn, e rằng họ sẽ thối thất bản tâm, hơn nữa con ngu si đã trốn đi, bỏ giác hợp trần mà trong lòng rất lo lắng.

“Tự nghĩ mình đã già nua”: Dụ cho Phật ra đời, giáo hóa chúng sinh hoàn mãn rồi, tất cả pháp đại thừa, giàu có đủ pháp tài, thiên định Bát nhã trí đức, mà chẳng có con cái để kế thừa. Một khi báo thân mất đi, thì công đức pháp tài chẳng có ai tiếp nối, cho nên ân cần luôn luôn nhớ đến đứa con thất lạc, nếu có người để giao phó lại của cải pháp tài, thì trong tâm sung sướng biết mấy, chẳng còn sầu lo nữa gì nữa.

Đức Thế Tôn ! Lúc bấy giờ, gã cùng tử làm thuê làm mướn, lần hồi đến nhà người cha, bèn đứng bên cửa, xa trông thấy người cha ngồi trên giường sư tử, ghé bấu đỡ chân. Các vị Bà la môn, Sát đế lợi, cư sĩ thảy, đều cung kính vây quanh. Dùng chuỗi trân châu giá trị ngàn vạn, để trang nghiêm thân, các sử dâu tơi tó tay cầm phất trần trắng đứng hầu hai bên. Màn bấu che phía trên, các hoa phan thòng xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ hoa quý, các báu vật la liệt, phát ra thâu vào, lấy, cho, có đủ thứ sự, nghiêm sức như thế, uy đức rất tôn kính quý trọng. Gã cùng tử thấy cha có thế lực rất lớn, bèn sinh

tâm kinh sợ, hối hận về việc đến chỗ này, bèn nghĩ thầm rằng : Ông này chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua, chẳng phải chỗ của ta làm thuê muốn được tiền vật, chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo, có chỗ cho ta ra sức chăm làm, để kiếm được đồ mặc vật ăn. Nếu ở đây lâu, họ sẽ cưỡng ép sai ta làm, nghĩ như thế rồi, bèn mau bỏ chạy đi.

Đức Thế Tôn ! Khi người cha già nghĩ nhớ gã cùng tử, thì gã cùng tử làm thuê làm muốn lưu lạc khắp đó đây. Ý nói họ đã bỏ đại thừa, ở trong tam giới chịu các sự thống khổ, cho nên tâm sinh nhàm lìa, mà đi tứ xứ tìm cầu đường thoát ly, từ đó dần dần tích tập căn lành xuất thế, do căn lành này mà cảm ứng lòng từ bi của Phật, cho nên cuối cùng về đến nhà người cha : “Đứng ở bên cửa”: Gã cùng tử thấy người cha và sự trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên chẳng dám ngang nhiên đứng giữa cửa. Đây là biểu thị người tiểu thừa thiên về không, thiên về giả, mà chẳng đứng nơi trung đạo. “Xa trông thấy người cha”: Tuy nhiên hiện nay lìa đạo đã xa, còn có thể ở xa trông thấy người cha, ý nói người tiểu thừa còn có căn cơ đại thừa. “Ngồi ở trên giường sư tử”: Tòa cao rộng lớn này, chạm hình con sư tử, dụ cho Phật ngồi tòa pháp vương, hiển hiện vạn đức

đầy đủ, trang nghiêm viên mãn báo thân pháp thân và hoá thân. “Ghế báu gát chân”: Biểu thị Phật đầy đủ định huệ.

“Các vị Bà La Môn”: Là giai cấp cao nhất trong bốn giai cấp của Ấn Độ thời xưa, tu hành phạm hạnh, đức hạnh thanh cao, đây dụ cho Đẳng Giác vị và Bồ Tát Pháp Vân Địa trong hội Hoa Nghiêm. “Sát đế lợi”: Là dòng dõi vua chúa, dụ cho các đại Bồ Tát từ sơ địa đến cửu địa trong hội Hoa Nghiêm. “Cư sĩ”: Đại biểu ba mươi tâm Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Những vị Bồ Tát này, đều cung kính nhiều quanh Đức Phật.

“Chuỗi trân châu”: Dụ cho cứu kính giới, định thủ Lăng Nghiêm, Nhất thiết chủng trí, pháp âm Đà la ni bốn trí. “Giá trị ngàn vạn để trang nghiêm thân”: Dụ cho Phật Pháp vi diệu thâm áo, không thể luận bàn dò lường. “Các sử dân tôi tớ”: “Sử dân” là Bồ Tát đã chứng quả, “tôi tớ”: Bạc tu hành phương tiện Ba la mật, đồng với thật trí.

“Tay cầm phát trần trắng”: Dụ cho dùng quyền trí. “Đứng hầu hai bên”: “Bên trái” biểu thị nhập vào không khí và quét đi bốn trụ trần :

1. Ái kiến trần.
2. Ái dục trần.
3. Ái sắc trần.
4. Ái vô sắc trần.

“Bên phải” biểu thị nhập vào giả trí, quét sạch vô tri trần. “Hai bên”, biểu thị quét không trần và giả trần, đây là trung đạo phương tiện, cho nên nói là hai bên.

“Màn báu che phía trên”: Dụ cho từ bi chân thật.
“Các hoa phan thông xuống”: Hoa dụ cho bốn pháp nhiếp:

- ◆ Bố thí,
- ◆ Ái ngữ,
- ◆ Lợi hành và
- ◆ Đồng sự.

Bố thí có ba :

- ◆ Tài thí,
- ◆ Pháp thí và
- ◆ Vô úy thí.

Ái ngữ là nói lời hòa nhã, êm dịu. Lợi hành là hành vi lợi ích kẻ khác. Đồng sự là thị hiện thân phận đồng với chúng sinh. “Phan” dụ cho thần thông:

1. Thiên nhãn thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tha tâm thông.
4. Túc mạng thông.
5. Thần túc thông.
6. Lậu tận thông.

“Nước thơm rưới đất”: Dụ cho nước pháp (pháp thủy) rưới vào tâm địa của các Bồ Tát rửa sạch hoặc trần. Cũng dụ cho nước “định” rưới “tâm tán loạn”. “Rải các thứ hoa quý” : Phong ích, tính bình đẳng và tôn quý, ý nói Bồ Tát đại thừa như thất tịnh hoa. Hoa biểu hiện cho bốn trí :

- ◆ Thành sở tác trí.

- ◆ Diệu quán sát trí.
- ◆ Bình đẳng tính trí.
- ◆ Đại viên cảnh trí.

Thất tịnh hoa:

- 1- Tam tụ tịnh giới.
- 2- Thủ Lăng nghiêm đại định.
- 3- Thật huệ.
- 4- Đoạn nhị đế nghi.
- 5- Hành u phi đạo thông đạt Phật đạo.
- 6- Trí đức viên mãn.
- 7- Đoạn đức thành tựu.

Người nào muốn đắc được định, thì trước phải giữ giới mới có định và huệ. Cho nên trong sự tu đạo, giới là quan trọng nhất. Giới có năm:

- 1- Không sát sinh.
- 2- Không trộm cắp.
- 3- Không tà dâm.
- 4- Không nói dối.
- 5- Không uống rượu.

Có người nói : Sát sinh, trộm cắp có thể giữ được, giới không tà dâm tuy không dễ, song cũng phải giữ, giới nói dối là ác tập nên trừ khử. Song, uống một vài ly rượu thì đâu có vấn đề gì ! Hà tất phải giữ giới rượu ? Bạn nói họ nói như vậy có lý chăng ? Hoàn toàn sai ! Rượu khiến cho con người loạn tâm tính mà gây ra việc sát sinh, trộm

cấp, tà dâm và nói dối. Trong trường hợp nào đó, bạn nói dối mà chẳng biết, còn cho rằng mình chẳng có phạm lỗi.

Tôi nhớ đến một câu chuyện, có một người nọ giữ gìn năm giới, giới rượu đã giữ được hai ba năm. Một ngày nọ, hốt nhiên khởi ý niệm uống rượu, cho rằng uống một vài ly rượu đâu có vấn đề gì. Bắt đầu anh ta chỉ uống một chút, từ từ càng uống càng nhiều, say lúc nào chẳng hay. Hốt nhiên thấy con gà nhà kế bên chạy qua nhà anh ta, cho rằng trời ban cho, bèn bắt gà làm thịt ăn, lát sau có cô gái nhà kế bên chạy qua tìm gà, thì anh ta nói chẳng thấy gà. Thấy cô gái bèn nổi tâm dâm dục, làm ô nhục cô ta. Vì anh ta phạm giới rượu, mà gây ra tội sát sinh, trộm cắp, tà dâm và vọng ngữ. Đủ thấy giới rượu rất là quan trọng.

Tịnh Hoa thứ hai : Thủ Lăng Nghiêm đại định là đại định tất cả sự cứu kính kiên cố. Chúng ta làm bất cứ việc gì, đều phải triệt để kiên cố, có tâm kiên, thành, hằng, thì mới có đại định, tu đại định thì sau sẽ thành tự định lực tất cả sự cứu kính kiên cố, tức là đại quả.

Tịnh Hoa thứ ba: Thật huệ, thật huệ này ai ai cũng có đủ, chẳng có ai mà không có trí huệ. Song, bây giờ chúng ta chẳng những không hiểu được sự vận dụng mà còn quên đi mất, ngược lại cứ dụng công phu trên trí quyền xảo phương tiện, đó là trí thế gian mà thôi, là hư vọng chẳng thật. Thật trí mới là trí huệ siêu thế gian, hay khiến cho thấy được thật tướng của các pháp.

Tịnh Hoa thứ tư: Đoạn hai đế nghi:

a. Không đế: Quán tự tính vốn không của các pháp, phá trừ pháp chấp.

b. Giả đế: Đây là tác dụng của nhân duyên, hiện tượng y chánh, đồng nơi huyễn hoá, cho nên giả đế là lập pháp. Hai đế này thiên về không, hoặc thiên về có, chẳng vào trung đạo, cho nên chẳng phải cứu kính, mà phải đoạn trừ.

Tịnh Hoa thứ năm: Hành ư phi đạo thông đạt Phật đạo. Sở hành phi đạo như là pháp tiểu thừa hoặc như khổ hạnh của ngoại đạo, song cuối cùng vẫn phải trở về với đại thừa, tu pháp đại thừa mới thành tựu Phật đạo.

Tịnh Hoa thứ sáu: Trí đức viên mãn tức là minh tâm kiến tánh.

Tịnh Hoa thứ bảy: Đoạn đức thành tựu, biểu thị pháp sạch vô minh.

“Các báu vật la liệt, phát ra châu vào lấy cho, có đủ thứ sự nghiêm sức như thế”: Biểu thị đại thừa diệu pháp. “Phát ra” tức giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa. “Thâu vào” biểu thị nhiếp thọ người nhị thừa. “Uy đức rất tôn kính quý trọng” biểu thị vô biên đại uy đức thần lực, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

“Gã cùng tử thấy cha có thế lực lớn”: Tức người nhị thừa trí nhỏ đức mỏng, thấy Phật có sức đại trí huệ thần thông, và uy đức thân tướng tốt trang nghiêm, mới khởi tâm kính sợ hoài nghi: “Tướng trang nghiêm vi diệu này, trước kia con chưa từng thấy, phải chăng là ma vương ?”

Bèn tỉnh ngộ ăn năn về việc đến chỗ này, muốn đi đến xóm nghèo, tu pháp nhị thừa, lấy sự cầu chánh đạo làm “vật ăn”, ngộ đạo làm “đồ mặc”. Với trí huệ của ngài Xá Lợi Phất, còn sinh tâm nghi hoặc đối với Phật: “Phải chăng đây là ma giả Phật, nhiễu loạn tâm ta ư?” Huống gì là người mới vào đạo? Gã cùng tử chẳng dám ở lại lâu nơi đây, sợ bị ép tu tập pháp đại thừa, mà cất bước chạy nhanh. Chẳng phải là chỗ người tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói “Chẳng phải chỗ của ta làm thuê mượn được tiền vật”, ý nói căn cơ nhỏ không thể tiếp thọ giáo hóa pháp đại thừa,

Tu pháp đại thừa Bồ Tát chẳng dễ gì thực hành, nhậm vận vào sinh tử, du hí nhân gian, tịnh cõi nước Phật, giáo hóa chúng sinh. Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vào sinh tử mà chẳng sinh tử; tại phàm trần mà xuất phàm trần. Người nhị thừa thì nhàm sợ sinh tử, và sợ rộng học vạn hạnh, bỏ lớn giữ nhỏ, cho nên nơi cửa đại thừa mà bỏ đi mau.

Lúc đó, ông trưởng giả giàu có ngồi trên tòa sư tử, nhìn thấy biết là con mình, trong tâm rất vui mừng, bèn nghĩ : Cửa cái kho tàng của ta, nay đã có người giao phó. Ta thường nhớ đến đứa con này mà chẳng

thấy, nay nó bỗng nhiên đến đây, rất vừa ý của ta, ta tuy tuổi già, do vì tham tiếc.

Lúc đó, Phật ngồi trên tòa sư tử, “nhìn thấy biết là con mình”: Tức là biết những người tiểu thừa, vì quá khư Phật đã từng giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa, cho nên tâm rất vui mừng, kho tàng trí huệ đức hạnh đã có người giao phó, nguyện lực của Phật sẽ viên mãn. “Của cải kho tàng”: Tức là pháp tài, thiên định và vô lượng pháp môn giải thoát, như : Ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ vạn hạnh, mười hai nhân duyên, bốn diệu đế, các pháp tạng, nay đã có chỗ giao phó.

Tuy nhiên ta thường nghĩ nhớ chúng sinh lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, muốn cứu vớt, nhưng vì chúng sinh bỏ Phật trốn đi quá xa, cho nên chẳng thể thấy. “Nay nó bỗng nhiên đến đây”: Biểu hiện nay họ đã hồi tiểu hướng đại, phát đại bồ đề tâm, rất là vừa ý của ta. Tuy ta tuổi tác đã già nua, sẽ vào Niết Bàn, do vì tham ái thương tiếc. Tức tương lai độ được người nào, thì người đó có căn cơ đại thừa, có thể giao phó pháp lớn cho người đó.

Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt lại. Lúc đó, kẻ sứ giả chạy mau đến bắt lại, gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: Tôi không phạm lỗi gì, sao lại bắt tôi ?

Người sứ giả càng nhanh qua bắt, cưỡng dắt đem về. Lúc đó, gã cùng tử tự nghĩ, mình chẳng có tội gì mà bị bắt, chắc chắn phải chết, lại càng sợ hãi, ngất xỉu ngã xuống đất.

Phật liền sai khiến Bồ Tát “đuổi gấp theo bắt lại”: Dùng đốn giáo pháp đại thừa để giáo hóa người tiểu thừa, muốn khiến cho họ đốn ngộ vô thượng đạo. “Chạy mau bắt lại”, đơng đao vào thẳng, kiến tánh thành Phật. Nhiếp hóa chúng sinh, khiến cho họ vào trí huệ của Phật. Người nhị thừa tu tập pháp nhỏ (pháp tiểu thừa), đột nhiên nghe được pháp lớn (pháp đại thừa) này, bèn sinh tâm kinh ngạc. Tiểu thừa lấy phiền não làm oán, sinh tử làm khổ. Nếu thường nói với họ phiền não tức bờ đê, thì họ lớn tiếng kêu oan, nếu họ nghe sinh tử tức Niết Bàn, thì họ lớn tiếng kêu thống khổ, tôi vô ý cầu pháp đại thừa, sao lại bức bách tôi. Kẻ sứ giả, càng nhanh qua muốn cho họ tự thức bản tính, người nhị thừa “tự nghĩ mình chẳng có tội”: Tự bảo chẳng có đại từ bi tu pháp lớn này, cho nên chẳng muốn bị pháp lớn ràng buộc. Chúng sinh nghiệp nặng cho nên ở trong ngục sinh tử, Bồ Tát dùng tâm đại từ bi vào ngục cứu vớt. Người tiểu thừa tự bảo chẳng có đại phương tiện mà vào sinh tử, tất sẽ mất đi tam thừa huệ mạng, cho nên nói “chắc chắn phải chết”: Suy lường như thế lại càng sợ hãi. Người trí nhỏ chẳng hiểu pháp lớn, cho nên nói

“ngất xỉu”. “Ngã xuống đất” : Tức là đắm chìm ở trong vô minh.

Người cha ở xa trông thấy vậy, bèn nói với sứ giả: Không cần người đó, chớ cưỡng đem đến, hãy lấy nước lạnh rưới lên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó. Tại sao ? Vì người cha biết con mình ý chí hạ liệt, tự biết mình giàu sang, làm cho con khiếp sợ. Biết rõ là con, bèn dùng phương tiện, chẳng nói với người khác đó là con mình. Người sứ giả nói : Nay ta thả người muốn đi đâu tùy ý. Gã cùng tử vui mừng được chưa từng có, từ đất đứng dậy, đi đến xóm nghèo, để tìm cầu sự ăn mặc.

Phật thấy người nhị thừa chẳng thọ Bồ Tát giáo hóa, tức chẳng có đại căn cơ, sợ thương hại căn lành của họ, cho nên tùy thuận căn tính của họ mà dạy Bồ Tát dùng pháp phương tiện giáo hóa. “Lấy nước lạnh rưới lên mặt”: Nếu ai ngất xỉu ngã xuống đất, thì lấy nước lạnh rưới lên mặt của họ, thì sẽ khiến cho họ tỉnh lại. Đây là biểu thị dùng pháp thủy bốn diệu đế của hàng Thanh Văn, khiến cho họ tu hành, từ từ sẽ chứng quả. Phật biết người

nhị thừa ý chí hạ liệt cầu pháp nhỏ. “Tự biết mình giàu sang”: Vì Phật có đại oai đức, “pháp thân”: Biến khắp pháp giới, “báo thân” và “ứng thân”: Rất thù đặc tôn quý, mà người tiểu thừa chẳng dễ gì tin thọ. Phật quán nhân duyên này rồi, biết rõ họ nơi hai vạn ức vị Phật, đã từng phát đạo tâm, thật là con của Phật. “Chẳng nói với người khác”: Tức trước kia vì thật mà thí pháp phương tiện quyền xảo, nơi vườn lộc uyển vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp bốn diệu đế, cho đến mười hai nhân duyên. Trong các pháp hội A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Phật chưa từng đề cập đến hàng Thanh Văn Duyên Giác là con của Phật, chỉ có trong hội Pháp Hoa, cơ duyên đã thành thực, vì Xá Lợi Phất thọ ký sẽ thành Phật, mới nói các Ngài là con của Phật.

“Nay ta thả người”: Tức là biết căn cơ mỏng cạn, tùy ý thích của họ, gã cùng tử vui mừng, chẳng vì pháp lớn ép buộc, cho nên vui mừng. Tạm lưu lại nơi pháp nhỏ có thể được tỉnh ngộ, cho nên nói "từ đất đứng dậy", lại tu chánh đạo và trợ đạo, như "tìm cầu sự ăn mặc".

Bấy giờ, ông trưởng giả muốn dẫn dụ con mình, bèn bày phương tiện, bí mật sai hai người hình sắc tâu tụy, chẳng có uy đức, bảo họ đi tìm, và nói với gã cùng tử, ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Nếu gã cùng tử chịu, thì dẫn về cho gã làm. Nếu nó có hỏi

sai làm gì, thì nói là thuê hốt phân, chúng ta hai người cũng làm chung với người.

"Muốn dẫn dụ con mình": Phật quán căn cơ của họ, mà bày phương tiện pháp môn. "Bí mật sai hai người": Phái Bồ Tát hóa làm người Thanh văn thừa để độ hóa, nơi "giáo pháp" mà nói, tức pháp bốn diệu đế, mười hai nhân duyên. Nếu nơi "người" mà nói, tức người nhị thừa, tức Thanh Văn và Duyên Giác; nơi "lý", tức có làm chân tục hai đế. "Bí mật sai": Chiếu theo giáo lý tức ẩn thật là "bí mật", khai quyền là "sai khiến". Mật giáo tức viên giáo, mãn tự giáo, như Kinh Pháp Hoa vậy. Bán tự giáo tức di giáo, như tam tạng và thông giáo. Nơi người mà nói thì bên trong bí ẩn hạnh Bồ Tát là mật, bên ngoài hiện thân Thanh Văn là sai khiến.

Người tiểu thừa chẳng tu tướng tốt, song nói : Khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh quán, thiên về không chẳng phải là trung đạo, cho nên nói "hình sắc tìu tụy". "Chẳng có uy đức" : Tức chẳng đủ mười lực, bốn vô sở úy. Ý nói Bồ Tát đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì hiện thân Thanh Văn, mà vì họ nói pháp để giáo hóa họ. "Ở đây có chỗ làm" : Thấy, tu hai lối, tức nhị quả, tam quả La Hán vị. Khổ hạnh của ngoại đạo chỉ phục được hoặc, mà không thể đoạn sạch được hoặc. Hoặc có thể phân ra thô hoặc và tế hoặc. Kiến (thấy), tư (suy nghĩ) hoặc là thô hoặc, trần sa hoặc là tế hoặc, vô minh hoặc có thể đạt đến sắc giới, vô sắc giới, tức tự cho rằng đến được

cõi trời, cho rằng là cứu kính. Thật tế thì chưa ra khỏi tam giới, như ở trong nhà lửa. “Trả giá gấp bội”: Nếu tu pháp bốn diệu đế và mười hai nhân duyên, thì có thể đoạn vô minh, dứt sinh thoát tử, vượt ra tam giới. “Nếu gã cùng tử chịu”: Tức người có căn cơ thì được giáo hóa, nếu chẳng đối cơ thì không thể giáo hóa. “Thuê người hốt phân”: Biểu thị khổ, tập, hai đế trong bốn diệu đế, trừ kiến, tu hai hoặc. “Chúng ta hai người, cũng làm chung với người”: Biểu thị Bồ Tát thị hiện thân nhị thừa, cũng cùng nhau tu hành tiểu thừa.

Khi đó, hai kẻ sứ giả tìm được gã cùng tử rồi, bèn thuật lại đủ mọi việc như trên. Bấy giờ, gã cùng tử trước hết hỏi lấy giá cả, liền đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót mà trách.

Lúc đó, Bồ Tát hóa thành người nhị thừa, đến chỗ gã cùng tử (chỗ chúng sinh), quán cơ thí giáo, biết rõ có căn cơ, cho nên nói đã tìm được. Hai người vì họ mà nói việc tiểu thừa, tức hốt phân: Khổ, tập, diệt, đạo. Song, gã cùng tử sợ bị lừa, cho nên trước hết lãnh lấy tiền làm công, sau mới chịu làm thuê, ý nói trước hết phải mộ diệt, sau mới chịu tu đạo. Người cha thấy con, thương xót họ thủ quả tiểu thừa, mà trách họ chẳng cầu Phật đạo.

“Trước hết hỏi lấy giá cả”: “Giá cả” này cũng có thể dụ cho sự giá trị vi diệu của Kinh Pháp Hoa.

Giảng đến đây, hốt nhiên tôi nhớ lại một câu chuyện : Tại Trung Quốc vào đời nhà Tấn, có một vị pháp sư tên là Vân Dục, kiếp trước là một con gà rừng, đời này được đầu thai làm người, mà tu hành chánh quả. Tại sao gà rừng được đầu thai làm người ? Vì mỗi lần đại sư Pháp Trí giảng Kinh Pháp Hoa, thì đều thấy có một con gà rừng đến nghe kinh, bảy năm như một ngày. Sau đó, con gà rừng này chết đi, thì đêm đó đại sư Pháp Trí mộng thấy một vị đồng tử nói: “Ta là con gà rừng mà hằng ngày đến nghe Ngài thuyết pháp, do sự nghe pháp mà tôi đã đầu thai vào nhà cư sĩ Hoàng, tương lai sẽ xuất gia với đại sư”.

Mấy năm sau, cư sĩ họ Hoàng thiết trai cung thỉnh đại sư Pháp Trí, khi đưa bé vừa thấy đại sư đến, thì vui mừng chạy đến nói rằng: “Sư phụ của con đến rồi”!

- Đại sư Pháp Trí nói: “Thì ra người là con gà rừng đó”! Họ cởi áo của đứa bé xuống, thì thấy trên thân của đứa bé có ba cái lông chim. Cha của đứa bé thấy vậy, thì cho phép đứa bé lạy đại sư Pháp Trí làm thầy, và xuất gia tu đạo.

Pháp sư Vân Dục chuyên tâm trì tụng Kinh Pháp Hoa và kiến lập một tịnh xá Pháp Hoa, siêng năng tu hành mười năm như một ngày. Một ngày nọ, chợt có một thiếu nữ cầm cành hoa vỹ, và nâng lên một cái giỏ, trong

đó có một cái đầu heo trắng và hai củ tỏi, cô ta xin ở lại một đêm. Pháp sư Vân Dục kiên quyết cự tuyệt ở ngoài cửa, nhưng cô ta nhất quyết không đi, pháp sư Vân Dục phải cho cô ta ở trong phòng trên đóng cửa một đêm, vào lúc nửa đêm, cô ta hốt nhiên vừa khóc vừa la, rên rĩ kêu đau bụng, yêu cầu pháp sư vì cô ta mà bắt ma. Pháp sư thấy tình trạng nghiêm trọng, cho nên dùng tích trượng bắt ma ở bụng của cô ta, khiến cho cô ta bình phục.

Sau khi trời sáng, thì thấy cô ta mặc xiêm y màu hoa lục, đảnh vân mà đi, hóa thành mây ngũ sắc, đầu heo trắng nhỏ đó đã biến thành con voi trắng, hai củ tỏi thì biến thành hai đóa hoa sen. Một đóa hoa sen con voi ngự lên, còn đóa hoa sen kia thì thấy Bồ Tát Phổ Hiền ngự lên và còn nói: “Mấy ngày nữa, thì người có thể đến pháp hội của ta, cho nên trước hết ta phải đến thử trình độ tu hành của người, quả nhiên không sai, người có thể làm quyến thuộc của ta. ”Lúc đó, trong hư không phóng ra luồng quang minh rất cát tường, hoàng đế thấy được luồng quang minh này, trong tâm rất hoan hỉ, bèn kiến tạo một ngôi chùa Pháp Hoa rất lớn. Gà rừng nghe Kinh còn có cảm ứng như thế, chúng ta là thân người đừng bỏ qua cơ hội tu học pháp vi diệu thâm sâu này.

Vào thời vua Lương Võ Đế, có một vị Tỳ kheo Ni, tên là Đạo Ký, biệt hiệu là Tổng Trì, là đệ tử lớn của Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, ở một mình trong túp lều tranh chuyên tâm trì tụng Kinh Pháp Hoa. Sau khi qua đời, thì tín đồ

mai táng ở ngoài túp lều tranh. Bảy tám năm sau, dưới mộ tự nhiên mọc lên một đóa hoa sen xanh. Hoàng đế nghe được tin này, bèn sai người đào mộ lên xem thử hoa sen từ đâu mọc lên, thì phát hiện hoa sen này mọc ra từ miệng của vị Tỳ kheo Ni đó, thật là chuyện kì lạ ! Do đó, chứng minh tụng trì Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Lại có một vị Tỳ Kheo ni tên là Hoa Thủ, mỗi khi vị sư cô này tụng một biến Kinh Pháp Hoa, thì trên tay hiện ra một đóa hoa sen. Do đó, hai tay đều mọc đầy hoa sen. Hoàng đế nghe được tin này, bèn truyền gọi đến phong cho pháp hiệu là Hoa Thủ.

Nếu có cơ hội nghe được Kinh Pháp Hoa, cho đến một câu kinh một bài kệ, hoặc danh hiệu người trong Kinh Pháp Hoa, thì đều có căn lành lớn, bằng không thì chẳng vào được pháp môn này.

Có một vị pháp sư tên là Pháp Vân, khéo diễn giảng Kinh Pháp Hoa, biện tài vô ngại, theo lời phát nguyện mà đến độ hóa tất cả chúng sinh. Lúc đó, có một vị hòa thượng rất kính ngưỡng đức hạnh của vị pháp sư này, bèn phát nguyện như vậy : Tôi muốn đời đời kiếp kiếp đều có tướng tốt như vị pháp sư này, biện tài vô ngại và sức đại nguyện. Đêm đó, sau khi vị này phát nguyện rồi, thì mộng thấy có người nói với ông ta, đại sư Pháp Vân vào thời Phật Nhiên Đăng, đã bắt đầu diễn giảng Kinh Pháp Hoa, chẳng phải một sớm một chiều mà thành tựu như thế. Nếu bạn muốn được biện tài vô ngại như ông ta, thì

phải hạ thủ công phu một phen. Do đó, có thể biết Kinh Pháp Hoa trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, khó thấy, khó có thể nói pháp môn vi diệu này.

Lại một ngày khác, ông ở trong cửa sổ, xa trông thấy con, thân thể ốm gầy tìu tụy, phân đất bụi bặm dơ dáy chẳng sạch. Ông bèn cởi chuỗi ngọc áo tốt mịn màng, và đồ trang sức, lại mặc đồ thô rách trỉn dơ, bụi bặm lấm thân, tay phải cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng nể sợ.

‘Lại’ nghĩa là trịnh trọng. ‘Ngày’ là thời gian hoặc trí huệ. ‘Khác’ người nhĩ thừa dùng quyền giáo làm giáo lý của mình, còn thật giáo thì cho rằng giáo lý của kẻ khác. ‘Ông ở trong cửa sổ’: Ý nói Phật chẳng đứng ở cửa giữa mà đứng ở kế bên, nói tóm lại, Phật vì giáo hóa người nhĩ thừa, mà tạm thời chẳng đứng ở trung đạo, xa trông thấy con bỏ pháp lớn.

‘Ốm’: Chẳng có đại trí huệ. ‘Gầy’: Phước lực chẳng đủ, họ chẳng hiểu rõ đức Phật ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, cho nên thân thể ốm gầy. ‘Tìu tụy’: Bên trong sợ vô thường, còn bên ngoài gặp năm ấm tám thứ khổ. Bốn trụ trần là phân đất, vô minh phiền não là bụi bặm, có bụi bặm vô tri này, và bốn trụ trần ràng buộc, kiến tư hai hoặc chưa dứt, tâm

phan duyên không ngừng, cho nên nói dơ dáy chẳng sạch. Người xuất gia tu đạo cẩn thận, không nên mượn tiền người khác, hoặc nghĩ muốn được người khác cúng dường, đó là tâm niệm chẳng trong sạch, là điều dơ dáy chẳng sạch. Nên lấy tông chỉ:

Dù chết lạnh chẳng phan duyên,
Dù đói chết chẳng hóa duyên,
Dù nghèo chết chẳng van nài
Làm bổn phận của người xuất gia.

Bồ Tát Vi Đà từng phát nguyện rằng: Nếu có ai tu được ba phần đức hạnh, thì có bảy phần cảm ứng. Khi tôi còn trẻ, thì từng gặp người vu khống phỉ báng và hết lương thực mấy ngày, song chưa vì gặp hoàn cảnh khó khăn này mà giải đãi tu hành, cho nên được cảm ứng Bồ Tát Vi Đà, vì tôi giải trừ đủ thứ chướng ngại.

“Ông bèn cởi chuỗi ngọc các thứ”: Dụ cho báo thân và ứng thân vô lượng công đức của Phật. Phật chẳng muốn gã cùng tử sợ hãi, cho nên ẩn ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, mà hiện thân tướng Tỳ Kheo già cao một trượng sáu, cho nên nói "cởi chuỗi ngọc, áo tốt mịn màng và đồ trang sức mà mặc đồ thô rách trỉn dơ". “Thô”, ẩn tàng thân Lô Xá Na ngàn trượng, mà hiện thân cao một trượng sáu. “Rách”, tức sinh nhẫn và pháp nhẫn. Người hữu lậu có phiền não, hữu vi nên nói là “bụi bặm lấm thân”. Tay phải dụ cho dùng pháp quyền xảo phương tiện giáo hóa hàng nhị thừa. “Đồ hốt phân”: Dụ cho

pháp môn đối trị kiến hoặc và tư hoặc, tự dùng pháp này đoạn sạch các hoặc, mà được thành Phật đạo, hơn nữa, lại dùng pháp này để giáo hóa người, cho nên gọi là cầm.

‘‘Bộ dạng đáng nể sợ’’: Phật vì giáo hóa chúng sinh, nên có khi thị hiện tướng sợ hãi sinh tử.

Hôm nay kể lại chuyện vua Lưu Ly giết dòng họ Thích. Một ngày nọ vua Lưu Ly khởi tâm sân hận muốn giết dòng họ Thích, song chẳng có binh quyền, có một ông quan tên là Hảo Khổ, khuyên vua giết cha đoạt binh quyền, hưng binh đến nước Ca Tì La Vệ, giết hết dòng họ Thích trong bảy ngày đêm. Lúc đó, các vị đệ tử lớn thỉnh Phật cứu, nhưng Phật im lặng chẳng nói, mà đầu của Phật cũng đau ba ngày. Tôn giả Mục Kiền Liên không đành làm ngơ, mới cứu năm trăm người bỏ vào bình bát, mang đến hư không, bảy ngày sau lui binh thì năm trăm người đều biến thành máu. Các vị đệ tử lớn hỏi Phật, vì nguyên nhân gì ? Phật nói: ‘‘Trong quá khứ, có một nước nọ tên là Bồ Ngư. Nước đó vì hạn hán đói khác, trong nước đó có một cái hồ lớn, trong hồ có rất nhiều cá. Dân trong nước đói gần chết, mới đến bắt cá trong hồ để ăn. Nước trong hồ cạn dần, trong đó có Ngư vương tên là Bạt Ngư, bị bắt lên bờ, cá nhảy vùng vẫy. Có một đứa bé thấy vậy, vì thích chơi nên lấy cây gõ lên đầu cá ba cái. Hiện tại binh mã nước Xá Vệ đến giết dân nước Ca Tì La Vệ, tức là cá ở trong hồ xưa kia vậy, ông quan Hảo Khổ là thuộc hạ của Ngư vương. Nay nhân dân của nước Ca Tì La Vệ bị

giết, là nhân dân của nước Bồ Ngự xưa kia. Đứa bé gõ lên đầu cá ba cái là thân ta vậy. Lúc đó, tuy ta chẳng ăn cá, nay tuy đã thành Phật, vẫn bị quả báo đau đầu, cho nên nói nhân quả chẳng mất vậy”. Phật lại nói kệ rằng:

‘‘Cho dù trăm ngàn kiếp
Nghệp tạo ra chẳng mất
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo mình phải chịu’’.

Bảo những người làm: Các người phải siêng làm, chớ nên lười nhể ! Vì dùng phương tiện nên được đến gần người con. Lúc sau lại bảo : Này gã nam tử ! Người thường làm ở đây, chớ đi nơi khác nữa, ta sẽ trả thêm giá cho người. Những đồ cần dùng như : Bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, người chớ tự nghĩ nan, cũng có kẻ tở già để sai khiến, nếu cần ta cấp cho. Người nên an lòng, ta như cha của người, chớ có sầu lo. Tại sao ? Vì ta tuổi tác đã già nua, mà người thì trẻ mạnh. Người thường trong lúc làm việc, chẳng có lòng khi đối, lười biếng, nóng giận, than oán, đều không thấy người có các

điều xấu đó, như các người làm công khác. Từ nay về sau, người như con đẻ của ta. Tức thời, ông trưởng giả bèn đặt tên cho gã cùng tử gọi là con.

Bấy giờ, gã cùng tử tuy mừng gặp được việc như thế, song vẫn còn tự cho mình là khách làm công hèn. Vì vậy nên trong suốt hai mươi năm thường sai hốt phân.

‘‘Bảo các người làm công‘’: Tức Phật vì những người tu hành điển nói pháp bốn niệm xứ :

1. Quán thân bất tịnh.
2. Quán thọ thị khổ.
3. Quán tâm vô thường.
4. Quán pháp vô ngã.

Có rất nhiều người coi thân thể mình rất quan trọng, cuối cùng của báu trong nhà vốn có bị mất sạch, không thể thức tỉnh bản tính của mình. Thân thể này vốn chẳng phải là chân ngã, chỉ có thể nói đây là thân thể của ta, song quyết không thể nói thân thể này tức là ta. Nếu ai quá luyến ái tham trước thân thể của mình, thì ngày càng trầm luân đọa lạc, càng thêm ngu si. Nên biết thân như cái phòng, chỉ tạm thời tá túc, chẳng phải chân tính thường trụ, hà tất quá luyến ái không xả bỏ nó đặng !

Tứ niệm xứ.

1. Quán thân bất tịnh : Thân thể là vật dơ dáy nhất, khi còn sống thì chín lỗ thường chảy ra đồ dơ bẩn: Mắt, tai, mũi, đều có ghèn, cứt vấy, cứt mũi các vật nhơ nhớp, trong miệng thì có nước bọt và đàm, lại thêm tiểu tiện đại tiện, đó là chín lỗ bất tịnh. Thế mà người chẳng những chẳng thấy là bất tịnh, ngược lại còn trang điểm bên ngoài, khiến cho nó hưởng thụ thức ăn ngon, mặc đồ đẹp, mà chẳng biết con người càng tham trước hưởng thụ, thì tự tính càng ô nhiễm. Khi con người phải chết thì chẳng mang theo được thứ gì, chỉ có nghiệp tùy thân. Ai làm nghiệp thiện nhiều, thì sẽ tái sinh về ba đường lành; còn ai làm ác, thì đọa vào ba đường ác.

Bất cứ người nam người nữ nào đẹp nhất trần gian, sau khi chết thì thân hình đều ghê sợ như nhau, thân thể sinh thối rữa nát sinh dòi, cuối cùng thành một đồng xương trắng, hoặc thiêu rồi thì thành tro, bạn lại ở đâu ?

Ai là cha con chồng vợ !
Trước mắt cốt nhục đã chẳng thật,
Ân ái trở thành cừ hận.
Phú quý như xuân mộng,
Công danh tựa mây trôi,
Hãy nhớ vô thường,
Chớ đừng chấp trước túi da hôi thối này !

2. Quán thọ thị khổ: Đối trị duyên thọ chấp lạc điên đảo vọng kiến.

3. Quán tâm vô thường: Do huệ lực quán chiếu này, khiến cho tâm xa lìa lỗi lầm chấp thường vọng kiến.

4. Quán pháp vô ngã: Vũ trụ vạn pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Thân thể của chúng ta do năm uẩn, bốn đại hợp lại mà thành, một khi bốn đại chẳng điều hòa, năm uẩn ly tán thì thân thể chết mất. Các pháp vốn không, cho nên nói quán pháp vô ngã. Tu bốn niệm xứ, thì có thể đoạn trừ ái nhiễm chấp trước, mà được giới định huệ .

“Các người phải siêng làm, chớ nên lười nghỉ”: Dụ cho tu bốn chánh cần, hay phát sinh noãn vị. Đã sinh điều ác thì khiến cho đoạn diệt, chưa sinh điều ác thì khiến cho đừng sinh. Chưa sinh điều lành thì khiến cho sinh ra, đã sinh điều lành thì khiến cho tăng trưởng, phải luôn luôn thời khắc tu bốn chánh cần, như người dùi cây lấy lửa, phải tiếp tục nỗ lực. Một khi giải đãi thì sự lấy lửa không thành. Cho nên nói bốn chánh cần là noãn vị trong bốn gia hạnh. Bốn gia hạnh tức: Noãn, đỉnh, nhẫn, thế đệ nhất. Tu bốn chánh cần, thì từ từ tiếp cận được với chân như, cho nên nói “được đến gần người con”. “Lúc sau lại bảo”: Dụ cho bốn như ý túc. “Này” là từ kinh tỉnh giác, khiến cho kẻ mê mộng tỉnh giác.

“Chánh cần”: Thuộc về trí huệ, như người nam là dương tính. Bốn như ý túc thuộc về định, như người nữ là âm tính, đây biểu thị định huệ tương trợ mới có thể sinh trí huệ vô lậu. Người tu đạo vốn không, nên có sự phân biệt nam nữ, đều nên có chí khí đầu đội trời chân đạp đất,

siêng tu Phật đạo mới có thể phát dương Phật giáo. “Người thường làm ở đây”: Biểu thị đã đạt được đỉnh vị, chớ hướng ngoại truy cầu nữa. Song, phải nhẫn thọ tất cả cảnh giới nghịch, do đó có câu:

“Không trải một phen lạnh thấu xương,
Sao được hoa mai thơm ngát mũi”.

“Chớ đi nơi khác nữa”: Tức bảo gã cùng tử chớ theo tà, hoặc tu pháp ngoại đạo vô ích nữa, nên lấy sự chánh niệm tu thân, trừ khử hữu lậu. “Sẽ trả thêm giá cho người”: Biểu thị được pháp vô lậu, tu chánh đạo như mặc áo, trợ đạo như ăn cơm, phá huỷ kiến tư hai hoặc, sẽ được vô học vị, tức là thế đệ nhất vị.

“Những đồ cần dùng”: Tức y áo chánh đạo, thức ăn trợ đạo. “Bồn chậu”, dụ cho tứ thiền. “Gạo”, biểu thị sinh không trí huệ, “Sinh” tức chúng sinh, cũng là người, cho nên cũng có thể gọi là nhân không trí. “Bột” biểu thị pháp không trí. Sinh không trí là thô, còn pháp không trí là tế. Gạo bột cũng có thể dụ cho chánh đạo. Người thế gian nhìn chẳng thấu, chấp người và chấp pháp, cho nên mọi thứ đều buông xả chẳng đặng, mà nơi nơi tự đi tìm phiền não.

Một lần nọ, đức Phật và các đại chúng đi thọ trai chủ cúng dường, đại chúng đều đi đến nhà trai chủ, chỉ để lại một chú tiểu Sa Di trông giữ tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc sau, lại có một vị cư sĩ đến chỉ thỉnh được một chú tiểu Sa

Si đó đi. Khi chú Sa Di dùng xong bữa cơm, thì trai chủ quỳ xuống thỉnh thuyết pháp. Ai biết vị Sa Di đó chẳng biết thuyết pháp, thấy tình hình như vậy bèn trốn bỏ chạy đi. Vì thời đó ở Ấn Độ, người thỉnh pháp biểu thị cung kính, đều phải năm thế sát đất, không thể tùy tiện ngược đầu lên nhìn, cho nên chú Sa Di lén trốn đi mất, mà vị trai chủ cứ chờ nghe pháp, rất lâu mà chẳng nghe tiếng nào, mới ngược đầu lên nhìn thì lạ thật ! Người cũng chẳng có, mà pháp cũng không, tức khắc ngộ được "người không, pháp không", chứng được sơ quả. Ông ta lập tức đến Tịnh Xá Kỳ Hoàn, để đánh lễ chú tiểu Sa Di cảm tạ, còn chú Sa Di thì sớm đã vào phòng khóa cửa lại, nghe tiếng gõ cửa tâm càng bối rối; hốt nhiên cũng khai ngộ ! Song, thời đại mặc pháp này, muốn khai ngộ chẳng phải là việc dễ dàng.

‘‘Muối dấm’’: Muối dụ cho vô thường, tức tu quán vô thường. "Dấm", tức quán tất cả là khổ. Vì ăn chánh đạo : Gạo và bột, nếu chẳng có muối dấm các mùi vị, thì chẳng dễ gì nuốt vào; tóm lại, nếu ai muốn tu chánh đạo, cũng phải có nhân duyên tương trợ để trợ đạo. Trợ đạo tức là bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy bồ đề phần và tám chánh đạo. Bốn như ý túc còn gọi là bốn thân túc :

1. Dục như ý túc : Nghĩa là dục vọng gia tăng tu đạo chứng quả.

2. Niệm như ý túc: Niệm niệm nhất tâm, trụ vào chánh lý, tức dùng tư duy để tu thiền định, ví như tham

thoại đầu: “Niệm Phật là ai” ? Hoặc “Bộ mặt thật trước khi cha mẹ sinh ra”.

3. Cần như ý túc.
4. Quán như ý túc.

“Cũng có kẻ tố già để sai khiến”: Dụ cho như ý quán hay phát thần thông, dùng thay thế chân tay, nhưng thần thông liệt nhược, cho nên nói là già. “Sai khiến” trong như ý quán cũng có pháp này trợ giúp cho chánh đạo, tức thành câu giải thoát nhân, cho nên nói nếu cần sẽ cấp cho. “Người nên an lòng”: Dụ cho năm lực:

1. Tín lực: Niềm tin đủ thì chẳng khi đổi.
2. Tinh tấn lực: Tinh tấn nên không giải đãi.
3. Niệm lực: Niệm niệm trụ nơi chánh lý, cho nên không sân hận.
4. Định lực: Có định lực thì không hận.
5. Huệ lực: Trí huệ đủ thì chẳng sinh oán. Nếu được năm căn thì sẽ bền vững khó hoại, đây là nhẫn vị vậy .

“Ta như cha của người”: Phật vốn là cha lành của tất cả chúng sinh, song vì chúng sinh mê muội, chẳng biết mình tương lai cũng sẽ thành Phật, cho nên Phật nói chớ sầu lo nữa. “Vì sao”: Tại sao? Tuổi tác của ta đã già lớn: Phật đã viên mãn đầy đủ trí đức và đoạn đức, còn hàng Thanh Văn chưa có trí đoạn hai đức, cho nên nói “mà người thì trẻ mạnh”. Người thường tu năm lực, bốn chánh cần, bốn như ý túc, cho nên chẳng có khi đổi giải đãi, sân hận, than oán các tật sấu, như người làm công

khác, tức chẳng tu ngoại đạo các khổ hạnh vô ích. từ nay về sau người giống như con đẻ của ta. “Bèn đặt cho cái tên”: Thế đệ nhất vị, tên là “con”, tức chuyển phàm thành Thánh. Kinh A Hàm có nói về năm loại con, là tứ quả và Bích Chi Phật.

“Bấy giờ, gã cùng tử tuy mừng gặp được việc như thế, song vẫn còn tự cho mình là khách làm công hèn”: Lúc này, người nhị thừa tuy gặp được pháp duyên đại thừa, nhưng chẳng biết mình có thể sẽ thành Phật để tiếp nối dòng dõi Phật, cho nên nói tự cho mình là khách làm công hèn, song, tu pháp quyền giáo mà “trong hai mươi năm thường sai hốt phân”: Hốt phân kiến, tư hai hoặc, đây có thể giải thích là vô ngại giải thoát, trong sự tư duy, vô ngại có chín loại, riêng giải thoát cũng có chín loại, lại thêm vào một kiến đế và một vô ngại, hợp lại thành hai mươi, cho nên nói trong hai mươi năm thường sai hốt phân.

Sau đó, tâm của gã cùng tử tin dần ra vào chẳng ngại sợ, nhưng chỗ gã ở vẫn nguyên chỗ cũ.

“Sau đó”: Khi người nhị thừa trừ kiến tư hai hoặc rồi; đã tạm tin pháp đại thừa, chẳng khởi nghi hoặc phỉ báng, cho nên nói tâm tin dần dần. Nghe pháp đại thừa gọi là "vào". Thấy thân Phật cao một trượng sáu nói pháp tiểu thừa gọi là "ra". Ra vào đại tiểu này tuy chẳng nghi

nan, song vẫn bảo đại thừa là việc Bồ Tát, chẳng phải trí huệ năng lực của mình sánh kịp, mà chẳng chịu hồi tiểu hướng đại, cho nên gọi là vẫn còn ở chỗ cũ. Tuy Phật có đại bi nguyện lực muốn cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh, chỉ vì chúng sinh tự cam chịu đọa lạc, không chịu thoát ly, cho nên Phật vừa bắt đầu diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì có năm ngàn Tỳ kheo rút lui. Do đó, có thể thấy chúng sinh khó độ, mê các trần lao tính điên đảo, cho đến Phật Bồ Tát, cũng cảm thấy khó độ chúng ta chúng sinh đáng thương này, đó chẳng phải rất đáng thương xót chăng ?

Đức Thế Tôn ! Khi đó, ông trưởng giả bị bệnh, biết mình chẳng bao lâu nữa sẽ chết, bảo gã cùng tử nói : Nay ta có nhiều vàng bạc châu báu, kho tàng tràn đầy, trong đó bao nhiêu chỗ đáng lấy cho, người phải biết, tâm ta như thế, người nên thể theo ý ta. Vì sao ? Nay ta với người chẳng khác biệt, nên gắng dụng tâm đừng để mất đi.

"Đức Thế Tôn ! Vị trưởng giả đó mắc bệnh, biết mình chẳng bao lâu nữa sẽ chết": Có cơ duyên thì ứng, là sinh; cơ hết là tạ, là chết, nay cơ duyên giáo hóa chúng sinh sắp hết, nên vào Niết Bàn. "Vàng", biểu thị trung đạo. "Bạc", biểu thị chân lý, đủ thứ pháp môn đều là châu báu. "Kho tàng tràn đầy": Dụ cho tất cả thiên định

trí huệ, chẳng có thiếu khuyết, trong đầy ngoài tràn. “Trong đó bao nhiêu”: Tức Bát nhã quảng, lược hai môn, Bồ Tát hành Bát Nhã, nên biết tướng quảng lược, lược tức là ít, quảng tức là nhiều. “Chỗ đáng lý cho”: Tự mình tu hành là “lấy”, còn giáo hóa kẻ khác là “cho”. Chỗ đáng lý lấy và đáng cho người đều phải biết. “Tâm ta như thế”: Phật lấy Bát Nhã làm tâm. Tâm, Phật, chúng sinh cả ba chẳng khác biệt. “Người nên thể theo ý ta”: Khiến cho đồng ngã thể pháp không vậy. “Nay ta với người, chẳng có khác biệt”: Nay những gì ta có, đều phó thác cho người. Hiện tại người và ta đã không khác, nên gắng dụng tâm chiếu cứ, chớ quên lời nói của cha, đừng làm cho mất đi pháp Bồ Tát đạo.

Khi ấy, gã cùng tử liền thọ nhận lời dạy bảo, biết các của cải vàng bạc châu báu, và các kho tàng, mà chẳng có ý muốn lấy chùng bữa ăn, song chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ, tâm hạ liệt vẫn chưa bỏ được.

Lúc đó, hàng nhị thừa lãnh thọ giáo lý đại thừa và trí huệ công đức của Phật, tâm lượng tạm rộng lớn, song vẫn ở tại cảnh giới nhị thừa, chưa bỏ được tâm hạ liệt.

Lại trải qua ít lâu sau, cha biết con ý chí tạm thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm

ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến, và hội cả thân tộc, quốc vương đại thần, Sát đế lợi cư sĩ, khi đã hội đến đông đủ, ông bèn tuyên bố rằng : Các vị nên biết, người này là con ta, do ta sinh ra trong thành nọ, bỏ ta trốn đi lang thang, khốn khổ hơn năm mươi năm. Nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở tại thành này, ôm lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây gặp được nó. Nó thật là con ta, ta thật là cha của nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải, đều là con của ta có, trước đây của cải cho ra trâu vào, con ta đây coi biết.

“Lại trải qua ít lâu sau”: Từ thời A Hàm đến thời Pháp Hoa. Sau khi Phật thành đạo, trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, như mặt trời mọc chiếu vùng cao nguyên, kế đó nói Kinh A Hàm, như mặt trời sau đó chiếu thung lũng, song lúc ấy cũng đều chiếu vùng núi cao. Cho nên Phật ở trong pháp hội Hoa Nghiêm, vì pháp thân Đại sĩ nói pháp, độ đại Bồ Tát, còn ở thời A Hàm, Phương Đẳng, thì Bồ Tát cũng đến pháp hội để làm ảnh hưởng chúng. Thời Bát Nhã thì phải hồi tiểu hướng đại, hàng nhị thừa chuyển làm đại thừa, thời này Phật muốn đem gia nghiệp phó thác cho

đệ tử, song vẫn chưa thật hành, đến hội Pháp Hoa mới chánh thức phó thác cho đệ tử.

‘‘Cha biết ý của con tạm thông thái’’: Dụ cho Phật sau thời Bát Nhã vừa nói Kinh Vô Lượng Nghĩa, thì hàng nhị thừa bèn nghe vốn từ một pháp sinh vô lượng pháp, đều suy tư vô lượng các pháp, lý nên trở về một pháp. Tư duy như thế dần dần thông thái, cho nên được cơ duyên đại thừa phát sinh, do đó nói tự chê tâm ngày trước.

‘‘Đến lúc sắp chết’’: Đức Như Lai chẳng còn bao lâu sẽ vào Niết Bàn, hóa duyên đã hết, những người đáng độ đều đã độ xong, cho nên vào Niết Bàn, chính là chỉ thời Pháp Hoa vậy. ‘‘Ông gọi người con đến’’: Tức là hai vạn ức người được Phật giáo hóa, đều vân tập đến. ‘‘Thân tộc’’: Biểu thị pháp thân của Bồ Tát trong mười phương đến pháp hội này làm ảnh hưởng chúng. ‘‘Quốc vương’’: tất cả tiếm đốn, Tam Tạng mười hai bộ Kinh, đương cơ đều được lợi ích, mỗi bộ đều khác nhau, đều là đệ nhất. Đẳng Giác Bồ Tát là ‘‘Đại thân’’, Thập địa Bồ Tát là ‘‘Sát Đế Lợi’’, ba mươi tám Bồ Tát là ‘‘cư sĩ’’.

Ông trưởng giả ở trong pháp hội này, tuyên nói rõ hàng nhị thừa thật là con đẻ của ông, do ông sinh ra, biểu thị gã cùng tử đã được Phật giáo hóa, tạm phát bồ đề tâm. Gã cùng tử này xưa kia ở trong thành nọ, bỏ pháp đại thừa mà trốn vào sinh tử, trôi nổi lang thang trải qua sáu nẻo luân hồi khốn khổ, tức một mình nghèo khổ, cho nên nói hơn năm mươi năm. Do đó, Phật ôm lòng lo lắng tìm kiếm, thường tìm cơ duyên để hóa độ. Bỗng ở nơi căn nhà

này được cảm ứng đạo giao, toại tâm mãn nguyện, dùng pháp quyền xảo phương tiện để độ, truyền trao pháp lớn, phó thác gia nghiệp, cho nên nói: “Nay ta có hết thảy tất cả của cải, đều là con ta có”. Của cải tức là đại thừa vạn đức vạn hạnh. “Trước đây của cải cho ra thân vào con ta đây coi biết”: Xưa kia Phật nói pháp tiểu thừa, nay đã quy vào pháp đại thừa, hồi tiểu hướng đại. Tóm lại, hàng nhị thừa đã biết Kinh Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, cho đến Pháp Hoa Niết Bàn...

Đức Thế Tôn ! Khi ấy gã cùng tử nghe cha nói như thế, bèn rất vui mừng, được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng : Ta vốn chẳng có lòng mong cầu, nay kho tàng châu báu này, tự nhiên mà đến.

Đức Thế Tôn ! Khi gã cùng tử được Phật thọ ký vui mừng tin nhận, được điều chưa từng có. Ta vốn chẳng có tâm hành Bồ Tát đạo làm Phật tử, nay sao lại gặp được nhân duyên thù thắng này, nghe Phật khai quyền hiển thật, pháp bảo diệu thừa này, như kho tàng châu báu tự nhiên mà đến.

Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả giàu có tức là đức Như Lai, chúng con giống như

con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con.

Đức Thế Tôn ! Chúng con vì ba sự khổ, nên ở trong sinh tử chịu các sự nhiệt nã, mê hoặc vô tri, ưa thích các pháp nhỏ.

Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả giàu có tức là Đức Như Lai. Bồ tát là chân tử của Phật, còn hàng nhị thừa tuy đã hành Bồ Tát đạo mà chẳng tự biết, cho nên nói: “Giống như con”. Đức Như Lai xem chúng sinh như con một, chỉ vì chúng sinh xả bỏ pháp lớn thành Phật mà ưa thích pháp nhỏ, mê hoặc vô tri, cho nên ở trong biển khổ sinh tử, ở trong nhà lửa tam giới, chịu sự bức bách nhiệt nã của lửa năm uẩn, nhận giặc làm con, bỏ giác hợp trần. Ba khổ:

1. Thân thể vốn có đủ thứ khổ, gọi là khổ khổ.
2. Thân thể từ từ suy nhược, gọi là hoại khổ.
3. Nghiệp vận thiên lưu gọi là hành khổ .

Ngày nay đức Thế Tôn khiến cho chúng con, suy nghĩ dọn trừ phân dơ các pháp hí luận. Chúng con ở trong sự siêng gắng tinh tấn, được đến Niết Bàn giá một ngày, đã được đây rồi, tâm rất hoan hỉ, tự cho đã đủ, bèn tự bảo rằng : Ở trong Phật pháp, do

siêng năng tinh tấn nên được rộng nhiều, song đức Thế Tôn trước biết chúng con tâm hèn tẻ, ưa thích pháp nhỏ, liền khiến cho chúng con buông bỏ, Phật chẳng phân biệt nói chúng con sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Hôm nay ở trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn khiến cho chúng con ngộ, biết sở tu tập pháp nhỏ trước kia, đều là các pháp hí luận, cho nên nay muốn trừ khử. Chúng con vì sợ sinh tử vô thường các thứ khổ, mà siêng tinh tấn tu đạo, chỉ vì được giá Niết Bàn một ngày, được chút ít quả vị, thiên chân Niết Bàn bèn tự cho là đủ. Song đức Thế Tôn sớm đã biết chúng con tham trước năm dục thô tẻ, ưa thích pháp nhỏ, cho nên chẳng phân biệt diễn nói pháp đại thừa, khiến cho buông bỏ tu tập pháp nhỏ, xả nơi đại thừa giáo hóa, còn tuyên nói chúng con đều có trí huệ công đức bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện nói trí huệ của Như Lai. Chúng con theo Phật được giá Niết Bàn một ngày, cho đã được nhiều rồi, đối với pháp đại thừa này chẳng có chí cầu. Chúng con lại vì trí huệ của Như

Lai, vì các Bồ Tát mở bày diễn nói, mà tự mình chẳng có chí muốn nơi pháp đó. Tại sao ? Vì đức Phật biết chúng con tâm ưa thích pháp nhỏ, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con để nói, mà chúng con chẳng biết thật là con của Phật.

Đức Thế Tôn từ bi dùng pháp quyền xảo phương tiện, diễn nói pháp thâm sâu trí huệ của Như Lai. Chúng con theo Phật nghe pháp tu hành, được tiểu Niết Bàn, bèn cho đã được đại Niết Bàn, chẳng muốn tấn tu Pháp Hoa viên đốn đại thừa. Ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề cho rằng: Các Ngài hay vì các đại Bồ Tát nói pháp đại Bát nhã, hoàn toàn là trí huệ thần lực của Phật gia bị, mà chẳng biết mình vốn có hạt giống Bồ Tát cũng diễn nói được pháp lớn, cho nên nói chúng con chẳng biết thật là con của Phật.

Nay chúng con mới biết, đức Thế Tôn ở nơi trí huệ của Phật, chẳng có lặn tiếc. Tại sao ? Vì thuở xưa thật là con của Phật, nhưng lại ưa thích pháp nhỏ. Nếu chúng con có tâm thích pháp lớn, thì Phật sẽ vì chúng con nói pháp đại thừa. Ở trong Kinh này chỉ

nói nhất thừa, mà xưa kia ở trước các Bồ Tát, Phật chê trách hàng Thanh Văn ưa thích pháp nhỏ, song đức Phật thật dùng đại thừa giáo hóa, cho nên chúng con nói : Vốn chẳng có tâm mong cầu, mà nay châu báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đến, như chỗ con của Phật đáng được, đều đã được vậy.

Hôm nay, chúng con mới biết Phật dùng đại từ bi, vốn muốn giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa, chỉ vì chúng sinh căn tính hạ liệt ưa thích pháp nhỏ, cho nên Phật thuận theo căn cơ mà diễn nói quyền pháp. Hiện nay, chúng con đã biết, xưa kia từng thọ Phật giáo hóa, vốn đầy đủ hạt giống đại thừa, cho nên phát tâm ưa thích đại thừa, mà Phật lại vì chúng con khai quyền hiển thật, diễn bày duy nhất một Phật thừa, mà chẳng có thừa nào khác. Thuở xưa, ở trong hội Phương Đẳng, Bát Nhã, Phật ở trước các vị Bồ Tát, chê trách hàng tiểu thừa là tiêu hạ bại chủng. Chúng con vốn chẳng có tâm mong cầu Phật pháp, nay ở trong hội này, châu báu lớn vô thượng (tất cả Phật pháp) của đấng Pháp Vương (Như Lai) chẳng cầu mà tự đến, như sở đắc pháp của các Bồ Tát, chúng con hôm nay đều đã được. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, ba

thừa, hiện nay ở trong pháp hội này, đều quy về một Phật thừa, tự nhiên mà được.

Bấy giờ, Ngài Ma Ha Ca Diếp muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Chúng con hôm nay
Nghe tiếng Phật dạy
Vui mừng hơn hở
Được chưa từng có.
Phật nói Thanh Văn
Sẽ được thành Phật
Kho báu vô thượng
Chẳng cầu tự được.
Ví như đồng tử
Thơ bé chẳng hiểu
Bỏ cha trốn đi
Xa đến xóm khác.
Lang thang các nước
Hơn năm mươi năm
Người cha buồn nhớ
Tìm khắp bốn phương.
Tìm kiếm mỗi mệ

Ở lại một thành
Tạo lập nhà cửa
Năm dục tự vui.
Nhà đó giàu lớn
Nhiều các vàng bạc
Xa cừ mã nã
Trên châu lưu ly.
Voi ngựa trâu dê
Kiệu cán xe cộ
Ruộng vườn tôi tớ
Nhân dân rất đông.
Lợi tức xuất nhập
Khắp đến nước khác
Khách thương buôn bán
Không đâu chẳng có.
Ngàn vạn ức chúng
Vây quanh cung kính
Được bậc vua chúa
Thương yêu nhớ tưởng.
Quần thần hào tộc
Cũng đều tôn trọng

Vì bởi duyên ấy
Nhiều người lui tới.
Giàu sang như thế
Có thể lực lớn.

Chúng ta hàng Thanh Văn, hôm nay được Đức Phật thọ ký, cho nên hoan hỉ hơn hởi, được chưa từng có, diệu pháp vô thượng không cầu mà tự được. Vì như đồng tử vô tri chẳng hiểu, bỏ cha trốn đi. “Lang thang các nước”: Dụ cho luân hồi ở trong nhà lửa tam giới. “Hơn năm mươi năm”: Biểu thị năm đường: Trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, và địa ngục. A Tu La tức ở trong năm đường này.

Người cha buồn nhớ, “tìm khắp bốn phương”: Tức quán bốn loài sinh (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh). “Ở lại một thành”: Dụ cho đức Phật ở tại thế giới này cứu độ chúng sinh, lại qua nước khác mà thị hiện nhập Niết Bàn. “Tạo lập nhà cửa”: Tạo nhà từ bi, lập phòng tính không. “Năm dục tự vui”: Thọ dụng thắng diệu năm trần, gọi là tính pháp lạc, lương do Phật cư phương tiện, là thật báo, cũng là tịch quang. Thường tịch quang mới thường hành biến chiếu tất cả các hữu tình, tìm cơ mà độ. “Vua” dụ cho pháp thân của Phật và thân tự thọ dụng. Phật là đấng Pháp Vương cho nên thường được chư Phật hộ niệm. “Quần thần hào tộc”: Biểu thị pháp thân Đại sĩ. “Nhiều người lui tới”: Dụ cho mười phương Bồ Tát tới lui nghe pháp.

Mà tuổi già nua
Lại buồn nhớ con.
Sớm tối nghĩ ngợi
Giờ chết sắp đến
Con đại bỏ ta
Hơn năm mươi năm.
Kho tàng của cải
Phải làm sao đây ?

‘Mà tuổi già nua’: Dụ cho Đức Phật tuổi đã cao, sẽ chấm dứt việc giáo hóa chúng sinh, càng thêm buồn nhớ gã cùng tử, ngày đêm suy nghĩ nhớ đến con, mà con đại tức là hàng nhị thừa, xa cách Phật địa hơn năm mươi bậc, ở trong năm đường, tất cả pháp tài bảo tàng, làm sao để giao phó ?

Ai ai cũng đều có sinh tử, lại sợ nơi sinh tử, song chẳng biết tu tập Phật pháp để ra khỏi sinh tử, thật là đáng thương xót !

Xưa có ba ông già rất tâm đầu ý hợp, nên thường tụ lại với nhau.

Ông già lớn tuổi nhất đã tám mươi tuổi, kế đến là ông già bảy mươi tuổi, còn ông già kia là sáu mươi tuổi. Vào dịp cuối năm thì ba vị này tụ lại, khó tránh khỏi cảnh bùi ngùi than thở, thời gian trôi qua chẳng bao giờ trở lại, mà tuổi đã già nua. Vị sáu mươi tuổi nói: ‘‘Năm nay

chúng ta cùng nhau ăn cơm uống trà, nhưng chẳng biết năm tới ai sẽ ra đi” ! Ông bảy mươi tuổi nghe rồi nói : “Này ông bạn ! Bạn nói xa quá ! Tối nay lên giường, chúng ta cởi giày cởi vớ ra, sáng mai không biết có còn mang trở lại hay chẳng” ? Ông già tám mươi tuổi nói: “Bạn nói cũng quá xa ! Khi chúng ta thở vào, không biết có thở ra nữa hay không” ! Trong ba người này, người già nhất là người thông minh nhất, hiểu rõ đời người vô thường mỏng manh nơi hơi thở. Song, người lanh lợi nhất chẳng bằng người tu đạo tức thời niệm Phật, hoặc là bạn hoài nghi “làm như thế thì không chết sao” ? Không nhất định là không chết. “Vậy niệm Phật có ích gì” ? Tuy nhiên người tu đạo niệm Phật, không thể tránh khỏi sự chết chóc, nhưng diệu ở chỗ, làm thế nào để chấm dứt sự chết. Lúc chưa tu đạo, thì sinh mạng ở nơi hơi thở, ở trong sự tu đạo chuyên cần dụng công có thành quả rồi, thì hơi thở tự như, đến đi tự do, tuy có sinh tử mà chẳng có sinh tử. Nếu muốn sinh về thế giới Cực Lạc, cho đến tất cả mười phương thế giới đều được toại tâm như ý.

**Khi ấy cùng tử
Tìm cầu cơm áo.
Xóm này xóm khác
Nước này nước nọ
Hoặc có chỗ được
Hoặc có chỗ không.**

**Đối khát ồm gầy
Thân sinh ghẻ lát
Lần lược trải qua
Đến thành cha ở.**

Lúc đó, gã cùng tử vì cầu cơm trợ đạo, áo chánh đạo, mà trôi nổi lang thang từ xóm này qua xóm khác, từ nước này qua nước nọ. Đây là biểu thị mười hai xứ (mất tai mũi lưỡi thân ý sáu căn, nhiễm trước sắc thanh hương vị xúc pháp sáu trần) và mười tám giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức). Mất thấy sắc, thì nhãn thức bèn khởi phân biệt tốt xấu; tai nghe âm thanh, thì nhĩ thức cũng khởi phân biệt tác dụng, cho đến tĩ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức cũng lại như thế, gặp việc thì phân biệt, đối cảnh thì tâm mê muội.

‘‘Hoặc có chỗ được’’: Biểu thị căn lành hữu lậu.
‘‘Hoặc có chỗ không’’: Biểu thị căn lành vô lậu, tức đã đoạn trừ sinh tử mà vào Niết Bàn. Chân như Niết Bàn vốn vô sở đắc, sinh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sinh tử, cho nên gọi là có chỗ không, chẳng có pháp hỉ đại thừa là ‘‘đối khác’’, chẳng có lực dụng là ‘‘gầy’’, chẳng có công đức lớn là ‘‘ồm’’. Mê hoặc về chân lý mà khởi kiến hoặc là ‘‘thân sinh ghẻ lát’’. Kiến hoặc là gì? Tức là ‘‘đối cảnh khởi tham ái’’, đối cảnh chẳng nhận thức, thường bị cảnh giới lay chuyển. Kiến hoặc là do vô minh khởi lên, nếu không phá trừ vô minh, thì không thể trừ được tham ái

chấp trước, khiến cho chúng sinh lưu chuyển, do mắt thấy mà tâm khởi phân biệt tốt, xấu, phải, trái, dài, ngắn, cứ dùng các vọng tưởng, tư tưởng chẳng thật, cho nên có điên đảo, thế mà một số người đều lấy đó làm tâm tính, do đó mà bỏ gốc tìm ngọn, mê nơi bản tính.

Lần lược làm thuê
Bèn đến nhà cha
Lúc đó trưởng giả
Đang ở trong nhà.
Giăng màn báu lớn
Ngồi tòa sư tử
Quyến thuộc vây quanh
Nhiều người hầu hạ.
Có người tính toán
Vàng bạc châu báu
Tài sản xuất nhập
Ghi vào sổ sách.
Cùng tử thấy cha
Giàu sang quý trọng
Bảo rằng là vua
Hoặc bằng ông vua.
Kính hãi tự trách

Sao lại đến đây ?
 Lại tự nghĩ rằng :
 Nếu ta ở lâu.
 Sẽ bị ép buộc
 Cưỡng sai ta làm
 Suy nghĩ vậy rồi
 Bèn bỏ chạy đi.
 Hỏi thăm xóm nghèo
 Muốn đến làm thuê.

Khi gã cùng tử đi khắp nơi làm thuê làm mướn để nuôi thân, lần hồi đến nhà cha của gã. Kinh văn ở trước nói, người cha đứng bên cửa sổ, chẳng đứng ở cửa giữa, còn đây thì nói ông trưởng giả ở trong nhà, biểu thị được cả hai nơi đại thừa và nhị thừa. Lúc đó, gã cùng tử thấy người cha ở trong màn báu, ngồi ở trên tòa Pháp vương, pháp thân Đại sĩ và các Bồ Tát đều vây quanh.

‘‘Có người tính toán, vàng bạc châu báu’’: Bồ Tát hạnh nguyện đếm tính nhiều việc rõ ràng, cho nên gọi là tính toán. ‘‘Tài sản xuất nhập, ghi chép sổ sách’’: Dùng quảng, hiển, lược, làm ‘‘ghi’’, thọ quyết là ‘‘chép’’. Bốn hoàng thế nguyện là ‘‘sổ’’, tu hành là ‘‘sách’’. Bốn hoàng thế nguyện :

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.
2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học.
4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Nếu ai phát được bốn hồng thế nguyện này, thì đã ghi thành Phật đạo.

Gã cùng tử thấy cha giàu sang cao quý, tôn nghiêm chẳng gì sánh bằng, cho nên bèn nghĩ rằng, đây là vua chăng ? Hoặc là bậc đồng với vua ? Do đó, kinh hãi nghi hoặc tự trách, không nên đến chỗ này. Lại nghĩ rằng : Nếu ở đây lâu, thì sợ bị ép tu pháp đại thừa, cho nên không dám ở lại lâu, bèn chạy bỏ đi đến xóm nghèo tu pháp tiểu thừa.

Lúc đó trưởng giả
Tại tòa sư tử.
Xa thấy con mình
Yên lặng nhớ biết
Bèn sai sứ giả
Đuổi theo bắt lại.
Cùng tử sợ la
Xiu ngã xuống đất
Người này bắt tôi
Chắc sẽ phải chết.
Cũng vì cơm áo

**Khiến tôi đến đây
Trưởng giả biết con
Ngu si hèn hạ.
Chẳng tin lời ta
Chẳng tin là cha.**

Lúc đó, đức Phật ngự trên tòa sư tử, nhìn xem thì nhận ra gã cùng tử đứng ở xa, song chưa từng nói với ai về việc này, bèn ra lệnh cho Bồ Tát theo đuổi bắt lại, mang đến trước Đức Phật. Nhưng gã cùng tử căn tính hạ liệt, nghe được pháp đại thừa bèn sinh lòng sợ hãi, lại sợ sinh tử, như là trí nhỏ chẳng hiểu giáo lý đại thừa, cho nên nói là "xiu ngã xuống đất".

Ông trưởng giả biết con mình ngu độn, kiến thức hẹp nhỏ, tất không tin lời thật nói thẳng, cho nên vì thật thí quyền, khai diễn pháp nhị thừa. Có người nói, đứa con bỏ trốn lúc đó còn nhỏ, mà thời gian xa cách mấy mươi năm, cho đến ngày hôm nay cha con mới gặp lại, lẽ ra thấy mà chẳng biết, thế mà cha lại nhận ra được người con, đó là lý đương nhiên. Đây là lời chẳng hư, song những gì nói ở trong Kinh Pháp Hoa, chẳng phải cha với con ở thế tục, đây là pháp xuất thế gian. Nói về thế gian, bậc làm cha, tuy rất thương yêu đối với con cái, song vẫn còn có quan niệm nuôi con để nhờ về tuổi già, đó là tâm ích kỷ dù ít hay nhiều. Đức Phật mới là cha lành chân chánh, chẳng có chút quan niệm nào ích kỷ, thương xót

tất cả chúng sinh, đem hết sức lực để giáo hóa tất cả chúng sinh, mong muốn cho họ sớm thành Phật đạo.

“Gã cùng tử là ai” ? Tức là tất cả chúng sinh, cũng là hàng nhĩ thừa. Các Ngài tuy có mắt mà chẳng biết Đức Phật, ngược lại bỏ Phật ma đi, cuối cùng chìm đắm ở trong biển khổ, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh. Đến chẳng rõ, mà đi cũng chẳng biết, cầu danh cầu lợi, khổ cầu được bằng tiến sĩ, thạc sĩ, song sau khi chết đi, học vấn cũng chẳng mang theo được, sau khi đầu thai kiếp khác làm người, thì tất cả đều học lại từ đầu, cứ như thế cầu rồi lại mất, mất rồi lại cầu, đời đời kiếp kiếp, bị dính mắc ở trong sự được mất.

Phật giáo chúng ta phải làm thế nào để liễu sinh thoát tử, biết từ đâu đến và đi về đâu ? Đức Phật còn dùng đủ thứ pháp phương tiện, khiến cho chúng ta ngộ biết nhân duyên đời quá khứ, mà hiểu rõ được vì sao con người có giàu có nghèo, hoặc đẹp hoặc xấu, và thấy được tất cả vạn sự vạn vật.

Vô minh duyên hành,
Hành duyên thức,
Thức duyên sắc,
Danh sắc duyên lục nhập,
Lục nhập duyên xúc,
Xúc duyên thọ,
Thọ duyên ái,
Ái duyên thủ,

Thủ duyên hữu,
Hữu duyên sinh,
Sinh duyên lão tử.

Như vòng tròn mười hai khoen, là nhân duyên sinh tử của chúng sinh, song đáng thương xót cho chúng sinh, đều bỏ cha đi, đều bỏ giác hợp trần, không muốn trở về nhà đó, là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

**Bèn dùng phương tiện
Sai khiến người khác.
Mất chột lùn xấu
Chẳng có uy đức
Các người bảo nó
Rằng thuê làm mướn.
Hốt các phân dơ
Trả giá gấp bội
Cùng tử nghe rồi
Vui mừng theo về.
Hốt dọn phân dơ
Làm sạch phòng nhà.**

Ông trưởng giả biết gã cùng tử rất hèn hạ, cho nên mới mở bày pháp phương tiện, sai khiến Bồ Tát nguyện trang làm người một mắt, chẳng có uy đức, đi đến để

khuyên nói. “Chột mắt” dụ cho tiểu trí thiên về không. “Lùn” dụ cho nguồn bất cùng thật tướng, “sấu” dụ cho chẳng đủ đức hạnh, chẳng có bốn vô sở úy, nên gọi là “chẳng có uy”, chẳng có thường lạc ngã tịnh, nên chẳng có đức. “Làm sạch phòng nhà”, tức là tịnh nhà lục căn và phòng năm uẩn. Lục căn tức nhãn nhĩ tĩ thiệt thân ý. Lục căn vì lục thức mà tạp nhiễm với sáu trần : Sắc thính hương vị xúc pháp, bỏ giác hợp trần, nhiễm trước sáu trần, không thể liễu ngộ tự tâm, mà nơi nơi bị trần cảnh sở chuyển. Tịnh sáu căn tức chuyển được thức thành trí, tịnh hóa sáu căn thì trở về nguồn cội, thấy cảnh rõ tâm, chẳng còn bị sáu trần sở chuyển, đồng thời cũng tịnh hóa năm uẩn độ tất cả khổ ách.

**Trưởng giả trong cửa
Thường thấy con mình.
Nghĩ con ngu dại
Thích làm việc hèn
Do đó trưởng giả
Mặc đồ cũ rách.
Cầm đồ hốt phân
Đi đến chỗ con
Phương tiện gần gũi
Khuyên nhủ siêng làm.**

Trà giá gấp bội
Cho dầu thoa chân
Ăn uống đầy đủ
Nệm chiếu dày ấm.
Khuyên răng như vầy:
Người gắng siêng làm
Lại dùng lời dụ
Người như con ta.

Ông trưởng giả biết con bỏ pháp lớn tu pháp nhỏ, ví như Đức Phật đầu tiên, vì các đại Bồ Tát diễn nói Kinh Hoa Nghiêm, mà người nhị thừa đều “có mắt chẳng thấy pháp thân Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo pháp viên đốn”. Cho nên, Phật dùng sức phương tiện, ẩn lớn hiện nhỏ, chẳng hiện thân tướng tốt ngàn trượng, nhưng hiện tướng là Tỳ kheo một trượng sáu, mặc đồ cũ rách, cầm đồ hốt phân, người đáng dùng thân nhị thừa được độ, thì hiện thân nhị thừa mà vì họ thuyết pháp.

“Phương tiện gần gũi”: Dùng pháp phương tiện để được gần gũi giáo hóa hàng nhị thừa. “Khuyên nhủ siêng làm”: “Khuyên” là biểu thị bốn niệm xứ, “nhủ” là biểu thị bốn chánh cần. “Trà giá gấp bội”: Dụ cho bốn như ý túc. Dầu thoa chân, dầu trừ gió, biểu thị thiền định; lại hay đi nước, dụ cho thần thông. “Ăn uống đầy đủ”: “Ăn uống” tức là gạo, bột, dấm, muối. “Gạo” biểu thị nhân

không, “bột” biểu thị pháp không. Gạo bột hợp lại biểu thị cho chánh đạo. “Dấm” biểu thị cho vô thường, “muối” biểu thị cho khổ không. Ví như người ăn gạo bột, thì phải dùng muối dấm và các vị khác, mới có thể ăn được, con đường tu hành cũng lại như thế. “Nệm chiếu dày ấm”: Dụ cho quán luyện huân tu các thiền định. “Khuyên răn như vậy, người gắng siêng làm”: Khuyên nhủ siêng tu bốn chánh cần, bốn niệm xứ và bốn như ý túc các pháp, lại dùng lời êm dịu khuyên nhủ, xem gã cùng tử như con đẻ.

**Trưởng giả có trí
Lần cho ra vào
Suốt hai mươi năm
Trông coi việc nhà.
Chỉ chỗ vàng bạc
Trên châu lưu ly
Các đồ xuất nhập
Đều khiến cho biết.
Vẫn ở ngoài cửa
Trong một am tranh
Tự nghĩ phận nghèo
Ta chẳng có gì.**

Đức Phật dùng đại trí huệ, dần dần khiến cho ra vào, tức là giáo hóa tất cả chúng sinh, hồi tiểu hướng đại khiến cho vào trí huệ của Phật. “Suốt hai mươi năm, trông coi việc nhà”: Phật dạy Bồ Tát đoạn trừ kiến tư hai hoặc, với kinh văn ở trước nói hai mươi năm hốt phân, đều chẳng giống nhau.

Gã cùng tử tuy trông coi gia nghiệp của Như Lai, được Phật truyền cho pháp tạng, mà tự giữ căn cơ nhỏ nòi, chẳng có phương tiện giáo hóa chúng sinh, và tịnh hóa quốc độ con đường của Bồ Tát thực hành, ở trong am tranh hàng nhị thừa.

**Cha biết tâm con
Lần đã rộng lớn
Muốn giao của cải
Bèn nhóm thân tộc.
Quốc vương đại thần
Sát lợi cư sĩ
Trong đại chúng này
Nói là con ta.
Bỏ ta ra đi
Suốt năm mươi năm
Từ khi gặp con
Đã hai mươi năm.**

**Xưa nơi thành nọ
Mất đứa con này
Tìm kiếm khắp nơi
Mới đến nơi đây.
Của cải ta có
Nhà cửa nhân dân
Đều giao cho nó
Để nó sử dụng.**

Đức Phật biết gã cùng tử dần dần trừ ngã mạn, tâm lượng rộng lớn, cho nên muốn truyền cho pháp tạng của Như Lai, bèn nhóm họp thân tộc, quốc vương đại thần, biểu thị chúng đại Bồ Tát, Sát đế lợi cư sĩ, ở trong các chúng hội, tuyên bố đây là con của ta, từng bỏ ta trốn đi. “Suốt năm mươi năm”: Biểu thị trăm luân biển khổ sinh tử ở trong tam giới, ở trong năm đường chúng sinh. “Từ khi gặp con, đã hai mươi năm”: Biểu thị người nhị thừa bỏ tiểu hướng đại, tự làm hốt phân rời mới gọi là con, tức là chuyển sang pháp Bồ Tát mà chấp tác gia nghiệp của Như Lai, gọi là hai mươi năm.

Xưa kia, ở tại thành nọ mất đứa con này, tìm kiếm đứa con này khắp trong năm đường, mới đến ở nơi này, mà bày ra hóa thành, phàm những gì ta có, gia nghiệp pháp tạng của Như Lai, đều giao phó cho nó, để cho nó tiếp tục thắp lên ngọn đèn sáng của Phật.

Con nhớ xưa nghèo
Ý chí kém hèn
Nay ở chỗ cha
Được nhiều của báu.
Cùng với nhà cửa
Tất cả của cải
Rất đổi vui mừng
Được chưa từng có.
Phật cũng như thế
Biết con thích nhỏ
Chưa từng nói ra
Các người thành Phật.
Chỉ nói chúng con
Được pháp vô lậu
Thành tựu tiểu thừa
Thanh Văn đệ tử.

Hàng tiểu thừa ý chí hạ liệt, thủ lợi tứ quả, nay nghe được diệu pháp thâm sâu vô thượng, thọ ký sẽ thành Phật, được chưa từng có, vui mừng hơn hở. Phật biết tâm ý của chúng con, ưa thích pháp nhỏ, chưa từng nói các người sẽ thành Phật, mà nói được các pháp trí giải thoát

vô lậu, thành tựu hữu dư Niết Bàn, quả vị Thanh Văn La Hán.

Phật bảo chúng con
Nói đạo tối thượng
Ai tu pháp này
Sẽ được thành Phật.
Con nghe Phật dạy
Vì đại Bồ Tát
Dùng các nhân duyên
Đủ thứ ví dụ.
Bao nhiêu lời lẽ
Nói đạo vô thượng
Hết thầy Phật tử
Theo ta nghe pháp.
Ngày đêm suy gẫm
Tinh tấn tu tập
Khi đó chư Phật
Thọ ký cho họ.
Ông ở đời sau
Sẽ được thành Phật
Các pháp bí tàng

**Của tất cả Phật.
Chỉ vì Bồ Tát
Diễn nói việc thật
Mà chẳng vì con
Nói đạo chân yếu.**

Phật vì đại chúng nói pháp vô thượng, ai tu tập pháp này đều sẽ thành tựu Phật quả. Con nghe Phật dạy Bồ Tát, Phật dùng đủ thứ phương tiện ví dụ để giáo hóa, khiến cho chúng con tu chúng, và trong thời gian đó, chư Phật đồng âm ấn chúng thọ ký bồ đề nói rằng: Các người vô lượng kiếp đời vị lai sẽ được thành Phật. Tàng bí mật của tất cả mười chư Phật Như Lai, chỉ vì căn cơ của đại Bồ Tát, diễn nói việc vi diệu như thật, mà chẳng phải vì hàng nhị thừa nói đạo chân thật chí yếu này.

**Như cùng tử kia
Được gần người cha
Tuy biết mọi thứ
Tâm chẳng mong cầu.
Chúng con tuy nói
Bảo tàng Phật pháp
Tự chẳng chí nguyện
Cũng lại như thế.**

Gã cùng tử được gần gũi Đức Phật, nghe pháp đại thừa, song nơi pháp chẳng tu hành, dùng nơi nhị thừa, dù có bảo tàng Phật pháp trước mắt, cũng không đắc được tở hào pháp ích. Như nay gã cùng tử dần dần hiểu rõ pháp đại thừa, thâm nhập tạng pháp của Phật.

Chúng con nội diệt
Tự cho là đủ
Chỉ rõ việc này
Chẳng biết việc khác.
Nếu chúng con nghe
Tịnh cõi nước Phật
Giáo hóa chúng sinh
Đều chẳng vui thích.
Đó là tại sao ?
Vì tất cả pháp
Thảy đều không tịch
Không sinh không diệt.
Không lớn không nhỏ
Vô lậu vô vi
Suy gấm như thế
Chẳng sinh vui thích.
Chúng con từ lâu

Nơi trí huệ Phật
Không tham không chấp
Chẳng có chí nguyện.
Nơi pháp của mình
Cho là cứu kính
Chúng con từ lâu
Tu tập pháp không.
Thoát được hoạn nạn
Khổ não ba cõi
Ở thân cuối cùng
Hữu dư Niết Bàn.
Pháp Phật giáo hóa
Đắc đạo chẳng sai
Tức đã báo đáp
Ân đức của Phật.

Đại Ca Diếp bạch Phật rằng: “Chúng con nội diệt”: Đã diệt tư hoặc, tự cho đã đủ. Thường ở trong định diệt trừ phiền não, phá trừ vô minh. Ngừng nơi trí nhỏ mà chẳng ưa thích trí lớn, tịnh cõi nước Phật, hồi tiểu hướng đại và việc giáo hóa chúng sinh. Vì sao hàng nhị thừa chẳng tu tập pháp lớn ? Vì họ chấp nơi pháp không, tự cho rằng mình đắc được các pháp không tịch, thì không

cần giáo hóa chúng sinh, đây là hành vi ích kỷ, chỉ biết lợi mình mà chẳng biết lợi kẻ khác. Tất cả các pháp, tính tuy là không tịch, vẫn cứu độ chúng sinh. Sự thật thì chư Phật và chúng sinh hợp hai làm một, Phật tức chúng sinh, chúng sinh tức Phật. Hàng nhị thừa ngừng ở nơi hóa thành, ví như những người này, trước khi chưa xuất gia thì tinh tấn tu đạo; sau khi xuất gia rồi, dần dần thối bỏ đề tâm, và còn thường biện hộ cho mình: “Tôi đã thọ giới cụ túc, chẳng tu hành cũng chẳng quan hệ gì, mao bệnh chẳng cần lo, giải đãi lại có ngại gì”? Đây là hành vi của hàng nhị thừa, được ít cho là đủ, tức chẳng lợi mình cũng chẳng lợi kẻ khác.

Chúng con ở trong mê mờ, đêm dài tối tăm, chỉ biết vui nhỏ, sợ khổ cầu không, phá trừ vô minh phiền não, thoát khỏi ba cõi, trụ nơi hữu dư Niết Bàn, cho là cứu kính, vì báo ân Phật, song nơi trí huệ của Phật, chẳng biết trên cầu Phật quả, dưới độ chúng sinh, chỉ cầu sự vui thích của riêng mình, các vị phải thấy rõ, vì sao Đức Phật thường trách hành nhị thừa tiêu nhục bại chủng, chẳng hành Phật đạo.

**Chúng con tuy là
Các hàng Phật tử
Nói pháp Bồ Tát
Để cầu Phật đạo.
Mà nơi pháp đó**

Tâm chẳng ưa thích
Đạo sư thấy bỏ
Vì thấy tâm con.
Ban đầu chẳng siêng
Nói có lợi thật
Như trưởng giả giàu
Biết con chí hèn.
Dùng sức phương tiện
Hòa phục tâm con
Sau đó mới giao
Tất cả của cải.
Phật cũng như thế
Hiện việc ít có
Biết thích tiểu thừa
Dùng sức phương tiện.
Điều phục tâm con
Mới dạy trí lớn.

Chúng con tuy là đệ tử của Phật, ở trong hội Bát Nhã, mong Phật gia bị, vì Bồ Tát nói kinh đại thừa, song đối với pháp lớn, chẳng có một tâm niệm ưa thích, Đức Như Lai thấy vậy, bèn tạm bỏ pháp lớn, chỉ nói tu tứ diệu đế, mười hai nhân duyên, thì có thể chứng tứ quả La Hán,

chẳng cổ lệ chúng con tu lục độ vạn hạnh, đạo Bồ Tát, mới có thể thành quả vị Phật, vì Phật thấy tâm của chúng con chẳng mong cầu pháp lớn vậy.

Phật dùng sức phương tiện, thị hiện làm một vị Tỷ Kheo bình thường để độ hàng nhị thừa, bày pháp quyền xảo phương tiện, để điều phục tâm của họ, rồi sau mới khiến cho họ vào trí huệ của Phật.

**Chúng con hôm nay
Được chưa từng có.
Chẳng phải trước mong
Mà nay tự được
Như gã cùng tử
Được vô lượng báu.
Thế Tôn con nay
Đắc đạo chứng quả
Nơi pháp vô lậu
Được mắt thanh tịnh.
Chúng con từ lâu
Giữ giới trong sạch
Mới ngày hôm nay
Được quả báo đó.
Pháp của Pháp Vương**

Lâu tu phạm hạnh
Nay được vô lậu
Đại quả vô thượng.
Chúng con hôm nay
Thật là Thanh Văn
Dùng tiếng Phật đạo
Khiến thầy đều nghe.
Chúng con hôm nay
Thật là La Hán
Nơi các thế gian
Trời người ma Phạm.
Khắp trong chúng đó
Đáng thọ cúng dường.

Chúng con may mắn được truyền thọ mật ý, chỗ xưa kia chưa có, chẳng phải bốn tâm trước kia mong muốn, mà ngày hôm nay được Phật khai thị, tự nhiên mà được, thanh tịnh Phật nhãn mà khai tri kiến của Phật. “Đắc đạo” tức là được đạo thật tướng. Đắc quả tức là đắc Vô thượng bồ đề đại thừa Thánh quả. Pháp vô lậu trung đạo bất lậu hai bên .

Chúng con xưa kia lâu dài ở nơi vô minh, tu trì giới hạnh thanh tịnh của Như Lai, hôm nay mới được nghe Đức Phật khai quyền hiển thật, chúng con nghe pháp của

Phật như vậy, ngộ biết quả báo thành Phật chân thật. Tóm lại, giữ gìn giới thanh tịnh mới thành chân thật nhân duyên, cho nên được diệu báo. Phạm hạnh là thành chân thật liễu nhân, cho nên được diệu quả. Sở tri sở kiến tức là chánh nhân lý tính pháp thân đức vậy.

Thật là Thanh Văn, thật là A La Hán, xưa kia chúng con nghe tiếng nhập đạo, tên tiểu thừa Thanh Văn, nay là đại thừa Thanh Văn A La Hán. Viên mãn sơ trụ vị, một phần chân, tất cả phần chân, tức là phân chứng thập giới tam đức, song đó là khai quyền hiển thật, cho nên gọi là Thanh Văn A La Hán. Ở trong tam giới, chư thiên loài người ma vương Phạm vương, ở trong khắp đại chúng trời người, vì tu trí huệ của Như Lai, đều đáng thọ nhận sự cung kính cúng dường.

Thân làm người xuất gia, không được vì lợi dưỡng, mà tùy tiện tiếp thọ sự cúng dường của thí chủ, phải biết nếu như ba tâm chưa đoạn, thì một giọt nước cũng khó tiêu. Trong kinh có nói: “Tam tâm bất khả đắc”. Tam tâm là tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc. Quá khứ, đã thành quá khứ, cho nên bất khả đắc. Tâm hiện tại, trong sát na thành ra quá khứ, vô thường. Vị lai thì chưa đến, cho nên nói là bất khả đắc.

Người xuất gia nếu ba tâm chưa thấu rõ, mà tiếp thọ sự cúng dường của thí chủ, đừng nói đến cơm ăn khó tiêu, dù chỉ một ly nước sạch cũng khó tiêu. Khi ăn thì

quán tướng ngũ quán. Người chân tu thì dù thép cũng tiêu hóa được. Ngũ quán là:

1. Kế công đa thiếu, lượng bỏ lai xứ: Nghĩa là tính xem công đức của mình nhiều hay ít, thức ăn đó từ đâu đến.

2. Thốn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng: Nghĩa là xem đức hạnh của mình đủ hay thiếu, có đáng thọ lãnh sự cúng dường chăng !

3. Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông: Nghĩa là phòng ngừa tâm tạo tội lỗi, tham lam là gốc.

4. Chánh sự lương được, vi liệu hình khô: Nghĩa là thức ăn như thuốc hay, chữa trị sự khô héo.

5. Vi thành đạo nghiệp, ung thọ thử thực: Vi thành đạo nghiệp mới thọ thức ăn này.

“Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông”: Biểu thị bất cứ là thức ăn ngon dở, chẳng phân biệt, không tham trước, một luật bình đẳng đều thọ dụng. “Chánh sự lương được, vi liệu hình khô”: Vi trừ tham dục cho nên quán tướng thức ăn như uống thuốc để thân thể này khỏi khô gầy.

Ân lớn Thế Tôn

Là việc ít có.

Thương xót giáo hóa

Lợi ích chúng sinh

Vô lượng ức kiếp
Ai báo đáp được.
Tay chân cung cấp
Cuối đầu đánh lễ
Cúng dường tất cả
Đều chẳng báo được.
Nếu dùng đầu đội
Hai vai mang vác
Trải Hàng sa kiếp
Hết lòng cung kính.
Lại dùng vật ngon
Vô lượng y báu
Và các ngọ cụ
Đủ thứ thuốc thang.
Ngưu đầu chiên đàn
Và các châu báu
Tạo lập chùa tháp
Y báu trải đất.
Những việc như thế
Đem cúng dường Phật
Trải Hàng sa kiếp

Cũng chẳng báo được.
Chư Phật ít có
Vô lượng vô biên
Không thể nghĩ bàn
Sức đại thần thông.
Vô lậu vô vi
Vua của các pháp
Hay vì hạ liệt
Nhấn nơi việc đó.
Hiện tướng phàm phu
Tùy họ mà nói
Phật nơi các pháp
Được tự tại nhất.
Biết các chúng sinh
Đủ thứ ưa muốn
Và những chí lực
Tùy sự kham thọ.
Dùng vô lượng dụ
Vì họ nói pháp
Tùy các chúng sinh
Căn lành đời trước.

**Biết đã thành thực
Hoặc chưa thành thực
Đủ thứ suy lường
Phân biệt biết rõ.
Nơi đạo nhất thừa
Tùy nghi nói ra.**

Phật dùng đại từ bi, thí đại ân đức, cứu vớt sáu nẻo tội khổ chúng sinh, khiến cho các Ngài, trước hết tu tứ Diệu đế, được quả vui lìa biển khổ, kế tiếp phổ độ mười pháp giới chúng sinh, khiến cho họ phát Bồ đề tâm, nhập vào tứ hoàng thế nguyện, đó là ân lớn của Như Lai.

Vô lượng kiếp đến nay, Phật đều hành Bồ Tát đạo, từng giáo hóa chúng con pháp đại thừa, tuy tạm thời không thể tự cứu tự độ, song chí nguyện chưa mất. Nay được nghe lục độ vạn hạnh pháp Bồ Tát, đức hạnh tự lợi lợi tha, mới là chánh nhân thành Phật. Như việc ít có này, chúng con làm sao báo được ân đức lớn của Phật ?

Nhà lửa ba cõi, đủ thứ khổ thiêu đốt bức bách, Phật hiện ra đời phổ độ chúng sinh, lợi ích quần sinh, khiến cho chúng con có chỗ về nương tựa.

Sau khi Phật thành đạo, đáng thọ sự vui tịch diệt vô vi, song vì thương xót chúng sinh, chẳng sợ sinh tử, vào đời ác năm trước này để cứu độ, dùng pháp quyền xảo phương tiện dạy năm giới, mười điều lành, rưới nước lạnh vào mặt, khiến cho tỉnh ngộ, trừ khử đi tham dục.

Phật dùng tâm đại bi, muốn cho chúng sinh sớm thành Phật đạo, mà diễn nói Kinh Hoa Nghiêm, song chúng sinh căn cơ còn nông cạn, cơ duyên chưa chín mùi, chưa hiểu pháp lớn, vì lẽ đó cho nên Phật ẩn lớn hiện nhỏ, hiện tướng Tỳ Kheo cao một trượng sáu, mới được gần gũi chúng sinh, xem căn cơ của họ mà tùy nghi hoá độ. Phương tiện gần gũi, với giá một ngày, đây là Phật trợ giúp chúng sinh đoạn trừ kiến hoặc.

Hàng nhị thừa trừ kiến, tư, hai hoặc rồi, thì dần dần tâm thể tương ưng với Phật, cho nên Phật quở trách, khiến cho họ hổ thẹn pháp nhỏ mà hâm mộ pháp lớn, đây là Phật khiến cho họ trông coi gia nghiệp của Như Lai, vàng bạc kho tàng đều phải biết hết, đây là ân trang nghiêm do Phật ban tặng. Như vậy rồi, Phật thấy cơ duyên thành thực, bèn nhóm họp thân tộc, ở trong chúng hội, tuyên nói họ là con của Phật, và giao phó cho gia nghiệp, chẳng cầu mà tự được, nghĩa là hàng nhị thừa tương lai cũng sẽ thành Phật, ngồi ở trên tòa báu Pháp vương, đây là Như Lai ban tặng tòa ân vậy.

Ngồi trên Phật tòa, thân ý thơ thới, khoái lạc yên ổn, dùng tiếng Phật đạo khiến cho tất cả chúng sinh được nghe, rộng khắp trong trời người, đáng thọ nhận sự cúng dường, khiến cho chúng con đầy đủ ân đức tự lợi lợi tha, đó là thâm ân do Phật ban tặng cho, dù chúng con dùng chân tay cung cấp, cuối đầu đánh lễ cung kính, cho đến đầu đội hoặc hai vai mang vác, cũng không thể báo đáp được ân đức của Phật.

Ngưu đầu chiên đàn, trong Kinh Hoa Nghiêm nói, lìa khỏi núi cấu, nếu dùng để đốt thân, lửa không thể cháy.

Vô lượng thần thông việc không thể nghĩ bàn của Phật, vô lậu vô vi, vua của các pháp, vì dùng từ bi, hay vì kẻ căn cơ hạ liệt hèn kém, nhẫn nại điều hoà, tùy theo loài đáng giáo hóa mà hiện tướng phàm phu. Phẩm tính của chúng sinh hèn kém, song Phật dùng đại trí huệ biết được căn tính của họ thành thực, lại dùng đại bi trải qua ngàn kiếp, chẳng từ khổ nhọc cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh.

Đời người như một tuồng hí kịch, đời này đóng vai cha, đời sau đóng vai con. Cha con, con cha, quan hệ như thế, nên đời đời tiếp nối không ngừng, hoặc chẳng làm con với cha, mà làm thân tộc bạn bè .v.v. Tóm lại, đời người ở trên sân khấu, ai ai cũng đều đóng vai của mình, vỡ kịch chấm dứt thì người lìa tan, lại đi diễn vở tuồng khác, cứ như thế mà trải qua vô lượng kiếp đến nay chúng sinh đều diễn kịch, luân hồi trong sáu nẻo. Chúng ta hãy sớm tỉnh giác, biết đường mê mà quay về !

Phật khéo dùng pháp môn đốn tiệm, nhậm vận tự tại, giáo hóa chúng sinh, tùy theo các căn cơ hạnh nghiệp của mỗi loài đáng giáo hóa, thì hiển thị phân biệt nói pháp tối hy hữu nhất, nơi một Phật thừa đạo vô thượng, mà phương tiện tùy nghi nói làm ba thừa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Dược là thuốc trị bệnh, thảo là thảo mộc (cỏ), cũng dụ cho chúng sinh thế tục. Nếu có bệnh thì giáo pháp của Như Lai là thuốc, quán sát căn cơ nói pháp, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Cần phải có căn cơ và giáo pháp tương ứng, thì thuốc chữa trị mới hay. Cho nên phẩm này, Đức Phật dùng cỏ thuốc làm ví dụ, chữa trị bệnh thân và tâm của chúng sinh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Ngài Ma Ha Ca Diếp, và các vị đại đệ tử : Lành thay, lành thay ! Ca Diếp khéo nói công đức chân thật của Như Lai, đúng như lời các ông vừa nói. Như Lai còn có vô lượng vô biên A tăng kỳ công đức, dù các ông trải qua vô lượng ức kiếp, nói cũng không hết được.

Lúc đó, Đức Phật bảo Ngài Ca Diếp và các vị đệ tử trong pháp hội : Lành thay, lành thay ! Ca Diếp nói thật là hay, ông thật lãnh hội được tâm ý của Như Lai, pháp của Như Lai nói, đạo lý của ông nói, tư hào chẳng sai. Như Lai chẳng có bờ mé, A tăng kỳ, vô lượng số mà công đức của Phật cũng vô lượng vô biên. Dù các ông có trải qua vô lượng ức kiếp, nói cũng chẳng bao giờ hết được, các ông hằng ngày giảng nói, cũng không nói hết được công đức này.

Ca Diếp nên biết ! Như Lai là vua của các pháp, nếu có nói ra lời gì, đều không hư vọng, trong tất cả các pháp, Phật đều dùng trí huệ phương tiện mà diễn nói, pháp của Phật nói ra, thảy đều đến nơi Nhất thiết trí.

Ca Diếp ông nên biết, Như Lai là vua của tất cả các pháp, pháp của Như Lai nói, đều là pháp chân thật không hư. Tất cả pháp bao quát đại thừa, nhị thừa, và tam thừa. Đại thừa là Phật thừa, nhị thừa là Thanh Văn Duyên Giác thừa, tam thừa là Bồ Tát thừa. Như Lai đều khéo léo, dùng phương tiện diễn nói diệu pháp, đều dùng (trí huệ) Bát nhã ba la mật đa, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí để nói pháp.

Như Lai quán sát, biết được chỗ quy về của tất cả các pháp, cũng biết được tâm lý trong thâm tâm của tất cả chúng sinh, thông đạt vô ngại, và thấu rõ rốt ráo hết các pháp, mở bày Nhất thiết trí huệ cho chúng sinh.

Phật có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông. Ba thân là :

- * Pháp thân,
- * Hóa thân
- * Báo thân.

Bốn trí là :

- * Đại viên cảnh trí
- * Diệu quán sát trí
- * Bình đẳng tính trí
- * Thành sở tác trí.

Năm nhãn là :

- * Phật nhãn
- * Pháp nhãn
- * Huệ nhãn
- * Thiên nhãn
- * Nhục nhãn.

Sáu thông là :

- * Thiên nhãn thông

- * Thiên nhĩ thông
- * Tha tâm thông
- * Túc mạng thông
- * Thần túc thông
- * Lậu tận thông.

Như Lai dùng trí huệ quán sát, mà biết được tất cả các pháp. Pháp có tám muôn bốn ngàn thứ, nếu dùng mỗi một pháp để nói, thì phí thời gian lâu dài, cho nên nói tất cả các pháp. Các pháp quy về đâu ? Phật nói tất cả các pháp chẳng lìa tất cả tâm, tất cả pháp sinh ra, cũng vì sở hiện của tâm vậy, do đó, Phật mới biết được tâm lý của tất cả chúng sinh. Như trong Kinh Kim Cang có nói:

‘‘Chúng sinh có bao nhiêu thứ tâm,
Như Lai đều biết đều thấy’’.

Chúng sinh khởi tâm động niệm, Phật đều thấy rõ như chỉ bàn tay, chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy, thông đạt vô ngại, mới có thể mở bày Nhất thiết trí huệ cho tất cả chúng sinh.

Ca Diếp ! Ví như núi sông, khe suối, đất đai, trong ba ngàn đại thiên thế giới, sinh ra cây cối lùm rừng, và các cỏ thuốc, bao nhiêu thứ, loại, tên gọi, màu sắc, đều khác nhau. Mây dày phủ khắp ba ngàn đại thiên

thế giới, đồng thời đều mưa xuống như nhau, thấm nhuần hết thấy cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc. Cây nhỏ rễ nhỏ, nhánh nhỏ lá nhỏ; cây vừa rễ vừa, nhánh vừa lá vừa; cây lớn rễ lớn, nhánh lớn lá lớn. Các cây lớn nhỏ, tùy theo sự lớn, vừa, nhỏ, mà hấp thụ khác nhau. Một đám mây mưa xuống, mà tùy theo giống loại cây cỏ, mà được sinh trưởng, đơm hoa kết trái, tuy là một mảnh đất sinh ra, một trận mưa thấm nhuần, mà các cây cỏ mỗi thứ, đều có sự khác nhau.

Ca Diếp ! Ví như ba ngàn đại thiên thế giới, một mặt trời mặt trăng, một núi Tu Di, một bốn châu thiên hạ, cộng lại làm một thế giới. Một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn núi Tu Di, và một ngàn bốn thiên hạ làm một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới, làm một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới, làm một đại thiên thế giới, vì ba lần một ngàn, cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới.

Ở trong sơn, hà, đại địa, khe suối, sinh ra các thứ cây cối, hoa, cỏ, lùm rừng, đều có tên gọi và màu sắc khác nhau. Trên bầu trời phủ đầy mây dày đặc, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều như nhau, mưa xuống cũng

đều như nhau. Tất cả thân, rễ, cành, lá, của cây cối hoa cỏ, đều tùy theo giống loại lớn, vừa, nhỏ, mà hấp thụ lượng nước khác nhau. Thân rễ cành lá lớn, thì hấp thụ nhiều, thân rễ cành lá vừa, thì hấp thụ ít hơn, thân rễ cành lá nhỏ, thì hấp thụ càng ít hơn. Đây cũng là phẩm ví dụ phân biệt lớn, vừa, nhỏ. Tất cả cây cỏ vốn từ một mảnh đất sinh ra lớn lên, mà mưa xuống cũng một lượng nước giống nhau, song vì thân rễ cây lớn, cây vừa, cây nhỏ, nên sức hấp thụ lượng nước đều khác nhau. Song, vẫn lớn lên đơm hoa kết quả như nhau. Đó là Phật ví dụ căn cơ của chúng sinh, tất cả cây cối hoa cỏ lùm rừng, có phân ra lớn, vừa và nhỏ.

Ca Diếp nên biết ! Như Lai cũng lại như thế, xuất hiện ra đời như vàng mây lớn, dùng âm thanh lớn, vang khắp thế giới trời, người, A tu la. Như vàng mây lớn kia, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ở trong đại chúng mà xướng lời này : Ta là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Người chưa được độ, thì khiến cho được độ, người chưa hiểu, thì khiến cho được hiểu, người

chưa an, thì khiến cho được an, người chưa được Niết bàn, thì khiến cho được Niết bàn. Đời này đời sau, Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất thiết trí, bậc thấy tất cả, bậc biết đạo, bậc khai mở đạo, bậc thuyết đạo. Các ông : Trời, người, A tu la, đều nên đến đây để nghe pháp.

Ca Diếp ! Ông nên biết, Như Lai cũng như thế. Ta xuất hiện ra đời giống như vàng mây lớn hiện ra đời, vì đại sự nhân duyên giáo hóa chúng sinh, mới xuất hiện ra đời. Do đó, dùng tiếng pháp âm lớn nhất vang khắp, nói với thế gian trời, người, A tu la, pháp của ta nói như vàng mây lớn, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ở trước mọi người nói : Ta là Như Lai.

Tại sao Phật vẫn còn có cái ‘‘Ta’’? Kỳ thật, nếu mình bạch được ‘‘Như Lai’’ thì chẳng có cái ‘‘ta’’; Như Lai tức là ngôi đạo như thật, lai thành chánh giác. Ví như lúc giảng Kinh, người thông minh thì nhớ nhiều nhất, người trung bình thì nhớ ít hơn một chút, người ngu si thì nhớ rất ít. Cũng như trời mưa xuống, tùy theo cây cối hoa cỏ lớn nhỏ khác nhau, nên hấp thụ lượng nước cũng khác nhau. Đồng lý ấy, bậc trí huệ cao thì được huệ nhiều một chút, kẻ trí huệ ít thì được ít huệ. Mọi người đều đang nghe Kinh, song trình độ hiểu biết đạo lý chẳng giống

nhau. Có người nghe rồi, thì biết những cây cối hoa cỏ này là ví dụ cho người, hoặc có người biết mưa xuống hoặc mây dày phủ giăng, là chỉ Phật đang nói pháp. Nếu chẳng hiểu thì sẽ nói : “Tôi chẳng hiểu chút nào, sao cứ nói nào là cây cối hoa cỏ” ! Nếu biết mình một chút cũng chẳng minh bạch, tức là có một sự biết mình chẳng minh bạch, tức cũng là đang bắt đầu đi trên con đường minh bạch. Nhất là người chưa nghe qua Phật pháp, khi nghe lần đầu tiên, thì chắc chắn chẳng hiểu. Song, nếu biết mình không minh bạch, đó là đã minh bạch một chút. Hôm nay một chút, ngày mai một chút, từng chút từng chút tích lũy dần dần, sẽ tụ ít thành nhiều.

“Nhu Lai” còn có mười ý nghĩa khác :

1. Ứng Cúng: Đáng tiếp nhận sự cúng dường.
2. Chánh Biến Tri: Biết vạn pháp duy tâm là chánh tri, biết tâm sinh vạn pháp là biến tri.
3. Minh Hạnh Túc: Có trí huệ quang minh, tu hành đến quả vị viên mãn.
4. Thiện Thệ: Đã đi đến nơi tốt lành.
5. Thế Gian Giải: Trên thế gian chẳng có ai hiểu biết hơn Ngài.
6. Vô Thượng Sĩ: Chẳng có ai cao hơn Ngài.
7. Điều Ngự Trượng Phu: Bậc đại trượng phu điều phục và chế ngự được tất cả chúng sinh.
8. Thiên nhân sư: Thầy của chư thiên và loài người.
9. Phật.

10. Thế Tôn: Là bậc tôn kính ở thế gian và xuất thế gian.

Cho nên, Phật có đủ thứ nhân duyên công đức, hay khiến cho người chưa được độ thì được độ, độ họ đến chỗ chẳng còn thị phi tốt xấu, thiện ác sinh tử. Đồng thời cũng khiến cho người không an lạc thì được an lạc, khiến cho người chưa được Niết Bàn thì được: Thường, lạc, ngã, tịnh, vui tịch diệt. Đối với đời này, đời sau và tất cả, ta đều thấu rõ biết được chân thật, thấy được, mà còn biết khai ngộ tu đạo, giảng kinh thuyết pháp, khai diễn đủ thứ pháp môn tu hành. Các ông trời, người, A tu la đều nên đến đây để nghe kinh nghe pháp.

Đồng lý ấy, tại pháp hội nghe kinh này, ngoài các vị ra, còn có thiên long bát bộ. Nếu bạn đã khai mở ngũ nhãn lục thông thì sẽ nhìn thấy rất rõ ràng.

Bấy giờ, có vô số ngàn vạn ức loại chúng sinh, đều đến chỗ đức Phật để nghe pháp. Lúc đó, đức Như Lai quán sát các căn lợi độn, tinh tấn, hay giải đãi, của các chúng sinh đó. Tùy theo sự kham nhận của họ, mà vì họ nói pháp, đủ thứ vô lượng, đều khiến cho họ vui mừng, mau được lợi lành. Các chúng sinh đó, nghe pháp đó rồi, hiện đời

được yên ổn, đời sau sinh vào chỗ tốt lành, được thọ hưởng niềm vui trong đạo, cũng được nghe pháp. Nghe pháp rồi, lìa được các chướng ngại, ở trong các pháp, tùy theo sức của mình kham được, dần dần được vào đạo.

Lúc đó, có vô số ngàn vạn ức loài chúng sinh, đến pháp hội này, nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đức Như Lai quán sát tỉ mỉ nhân duyên của chúng sinh, biết họ có rất nhiều căn cơ, có người lợi căn rất thông minh, cũng có những người ngu si ám độn, có những người dũng mãnh tinh tấn, cũng có người lười biếng giải đãi. Do đó, Phật vì người tinh tấn nói pháp tinh tấn, vì người giải đãi nói pháp giải đãi, khiến cho họ nỗ lực tiến tới, tùy thuận căn tính của họ, đáng tiếp thọ pháp gì thì nói pháp đó, nếu không thể tiếp thọ thì chẳng vì họ nói pháp này. Cho nên, ban đầu Phật chẳng nói thật pháp, chỉ nói quyền pháp, dùng đủ thứ vô lượng pháp môn, vì vô lượng loài chúng sinh mà nói, mục đích khiến cho chúng sinh vui mừng tin nhận thọ trì. Do sự thích nghe pháp, mà dần dần sẽ đi trên con đường của Phật tu học, sẽ nhanh chóng đắc được lợi ích. Chúng sinh nghe pháp rồi, hiện đời được yên ổn, đời sau được sinh về cõi trời, hoặc sinh vào chỗ giàu sang ở nhân gian, đời đời kiếp kiếp có thể nghe pháp. Tu Phật đạo đắc được đủ thứ khoái lạc, cũng chỉ có nghe Phật pháp mới thấu rõ lý, mới lìa được đủ thứ phiền não

chương ngại. Như vậy, rất dễ dàng tùy sức của mỗi người mà vào đạo. “Đạo” là giai đoạn khai ngộ, dần dần đạt đến được quả vị liễu sinh thoát tử.

Như vàng mây lớn đó, mưa xuống khắp tất cả cây cối lùm rừng, và các cỏ thuốc, tùy theo giống loài mà thấm nhuần đầy đủ, đều được lớn lên. Như Lai nói pháp, một tướng một vị, đó là tướng giải thoát, tướng lìa khổ, tướng sinh diệt, rớt ráo đến nơi Nhất thiết chủng trí. Nếu có chúng sinh nào, nghe được pháp của Như Lai nói, hoặc thọ trì đọc tụng, theo lời nói mà tu hành, thì sẽ được công đức, tự mình chẳng hay biết. Tại sao ? Vì chỉ có Như Lai mới biết được, chủng tử sắc tướng thể tính của chúng sinh đó, nghĩ việc gì, niệm việc gì, tu việc gì, nghĩ thế nào, nhớ thế nào, tu thế nào ? Dùng pháp gì để nghĩ, dùng pháp gì để nhớ, dùng pháp gì để tu ? Dùng pháp gì được pháp gì ? Chúng sinh trụ đủ thứ các bậc, chỉ có Như Lai thấy được như thật, thấu rõ chẳng có chương ngại.

Phật nói pháp giống như vàng mây mưa xuống, cây cối hoa cỏ lùm rùng, là chỉ tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh gồm có: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Tùy theo chủng tính khác nhau của họ mà thuyết pháp, khiến cho họ được sinh trưởng. Giống như trời mưa xuống thấm nhuần đầy đủ, cây cối cỏ thuốc đều được lớn lên. Phật nói pháp là một tướng một vị: Một tướng là chân như thật tướng của tất cả chúng sinh. Chân tướng tức là nhất địa. Đã chúng được chân lý nhất thừa gọi là nhất vị. Tất cả chúng sinh chưa giải thoát, đều khiến cho họ được giải thoát; chúng sinh chưa sinh trưởng thì khiến cho họ sinh trưởng; chúng sinh đã được sinh trưởng thì khiến cho được giải thoát, lìa khỏi tướng khổ não, tướng sinh diệt. Đắc được trí huệ của Phật, tức cũng là Nhất thiết chủng trí. Giả như, có loại chúng sinh nghe Phật pháp rồi, bèn y theo pháp tu hành, thì Phật dạy họ tu như thế nào. Phật pháp là đại đồng tiểu dị, giống như chúng ta hiện nay nghe pháp, công đức và quả báo đắc được không thể nghĩ bàn, song chính mình chẳng biết ! Tại sao ? Chỉ có Đức Như Lai mới biết bốn pháp của loại chúng sinh này: Chủng tướng thể tính. “Chủng” là chủng tử bản thân của chúng sinh, chủng tử này có thể gieo trồng vào một trong mười pháp giới nào bất cứ, hoặc hạt giống Phật, hạt giống bồ đề, hạt giống Duyên Giác, hạt giống Thanh Văn, hạt giống chư thiên, hạt giống loài người, hạt giống địa ngục, hạt giống ngạ quỷ, hạt giống súc sinh. “Tướng” là pháp

bên ngoài, cũng là sắc. ‘‘Thể’’ là chủ thể, trong thân thể có chủ thể. ‘‘Tính’’ là đối bên trong mà nói, tức là bốn pháp này.

Ba pháp là pháp nghe, pháp suy nghĩ, pháp tu (văn, tư, tu). Văn huệ tức là nghe kinh nghe pháp nhiều lần, thì sau đó trong sự bất tri bất giác sinh ra trí huệ. Nếu chẳng nghe pháp, thì dù người thông minh thế nào cũng chẳng hiểu, đừng nói đến khai mở trí huệ. Tư huệ tức là đả tọa tham thiền, dùng tư duy huệ tu tập. ‘‘Thiền na’’ dịch là tĩnh lự, tẩy sạch niệm lự cho thanh tịnh thì sẽ phát huệ. Con người trước hết phải có văn huệ, sau đó mới phát tư huệ; phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi. Tư tưởng sáng suốt thì phải dụng công tu hành, sớm cũng suy gẫm, tối cũng suy gẫm, sớm tối đều phải dững mãnh tinh tấn tu hành, song phải dùng trí huệ để tu, đừng có tu đuôi luyện mù, mọi người tiến tới con đường Phật đạo, còn bạn thì ngược lại chạy hướng khác.

Hai pháp là nhân quả. Một pháp là pháp Nhất thiết đạo chủng trí, là chân thật trí, tức cũng là một thật tướng. ‘‘Niệm việc gì’’ ? Dùng tâm niệm, niệm việc Phật. ‘‘Nghĩ việc gì’’ ? Nghĩ việc pháp. ‘‘Tu việc gì’’ ? Tu việc Tăng. Thế thì làm thế nào để nhớ nghĩ tu Phật, pháp, Tăng ? Tức là từ từ, mỗi phút mỗi giây cũng không sao quên được Phật pháp tăng. Trên phương diện tư tưởng phải bình tâm tĩnh khí, không khởi vọng tưởng, suy gẫm đạo lý Phật pháp tăng, tinh tấn tu hành. ‘‘Dùng pháp gì niệm’’ ? Dùng chánh pháp niệm. ‘‘Dùng pháp gì nghĩ’’ ? Dùng

chánh pháp nghĩ. Ai dùng pháp gì tu thì được pháp đó. Dùng Phật pháp thì được pháp của Phật, dùng ma pháp thì được pháp của ma. Trồng nhân gì thì được quả đó, nhân như vậy, quả như vậy. Thế mà chúng sinh gặp đủ thứ cảnh giới mà không tự biết được, chỉ có Phật thấy như thật, triệt để thấu hiểu chúng sinh bậc thượng trung hạ, thấu suốt thủy chung trong ngoài tất cả sinh tử. Thế mà, chúng ta chúng sinh minh bạch sinh, mà chẳng hiểu rõ tử; minh bạch tử, mà chẳng minh bạch sinh. Chẳng biết bắt đầu cũng chẳng biết điểm cuối, vì chẳng thấu suốt mới có chướng ngại. Chỉ có Phật mới chân chánh thấu suốt chẳng có gì chướng ngại. Do đó, có bài kệ rằng:

‘‘Nguyện tiêu ba chướng dứt phiền não
Nguyện được trí huệ hiểu chơn thật
Nguyện khắp tai chướng đều tiêu trừ
Đời đời thường hành Bồ Tát đạo’’.

Ba chướng là: Nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng. Ý của bài kệ này là nguyện tất cả tai chướng khắp thế giới như động đất, nạn gió, nạn nước, nạn hạn hán, nạn lửa .v.v., đều tiêu trừ, lại nguyện đời đời kiếp kiếp đều tu Bồ Tát đạo.

Như các cây cối lùm rừng cỏ thuốc kia, chẳng tự biết tính thượng trung hạ. Như Lai biết pháp một tướng, một vị, đó là tướng giải

thoát, tướng lìa khổ, tướng sinh diệt, tướng rớt ráo Niết bàn thường tịch diệt. Cuối cùng trở về không. Phật biết vậy rồi, bèn quán tâm mong muốn của chúng sinh, mà dìu dắt họ, cho nên chẳng vì họ vội nói Nhất thiết chủng trí.

Ca Diếp ! Các ông rất là hi hữu, biết Như Lai tùy nghi nói pháp, hay tin nhận thọ trì. Tại sao ? Vì chư Phật Thế Tôn tùy nghi nói pháp, khó hiểu khó biết. Lúc đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Tất cả chúng sinh, đắc được sự thấm nhuần mưa pháp của Phật mà chẳng tự biết, đây cũng giống như cây cối lùm rừng, hoa, cỏ, cỏ thuốc, chẳng biết tính chất của mình có phân ra thượng trung hạ. Đức Như Lai biết tâm tính của chúng sinh vốn đầy đủ tướng chân như. Pháp một vị, cùng tu hành chứng được diệu lý, gọi là pháp một vị.

“Tướng giải thoát”, bốn lai cũng chẳng có tướng giải thoát, chẳng lìa tướng, chẳng diệt tướng, chỉ vì chúng sinh có chấp trước, mới nói có tướng giải thoát. Tức nhiên “lìa tướng” sao còn có “tướng”? Tóm lại, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, một pháp cũng chẳng tồn tại, mới

được rất ráo Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, tức là tướng thường tịch diệt, cho đến một cái diệt cũng chẳng có; cũng là tướng không, cho đến không cũng chẳng có. Phật biết tất cả tướng này, vốn chẳng có pháp có thể nói, vô tướng khả đắc, song trong tâm chúng sinh còn có tham dục, nếu ban đầu đối với họ nói gì cũng chẳng có, “một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không”, thì chúng sinh sẽ không tin, mà còn phỉ báng Phật pháp. Phật quán sát tâm của chúng sinh, họ có rất nhiều tập khí mao bệnh, muốn cho họ từ từ trừ khử tập khí thì họ mới tin; nếu muốn họ một phen trừ khử đi nhiều mao bệnh tập khí, để trở về không, thì không thể nào được. Cho nên, một mặt vì hộ trì Phật pháp, mặt kia cũng không để cho họ sinh tâm phỉ báng, do đó Phật chẳng vội vàng nói liền pháp Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là thật tướng Bát Nhã, Phật thấy căn tính của chúng sinh chưa thành thực, nên chẳng nói thật tướng Bát Nhã.

Phật nói: “Ca Diếp ! Các ông hàng Thanh Văn rất là hi hữu. Tại sao ? Vì các ông hiểu được Phật tùy theo cơ nghi, căn tính, nhân quả của chúng sinh, mà vì họ nói pháp, khiến cho tất cả chúng sinh tin nhận lãnh thọ, vì pháp của Phật nói là diệu pháp thù thắng vô thượng, song chẳng dễ gì minh bạch, cũng chẳng dễ gì hiểu được, cho nên Phật dùng tâm đại từ bi thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói.

Pháp Vương phá các cõi

Xuất hiện ra nơi đời Tùy sở thích chúng sinh Nói đủ thứ diệu pháp.

Phá các cõi (hữu), “hữu” là gì ? Nhân quả chẳng mất là hữu. Phật có thể phá được nhân quả, trước kia nhân quả của bạn trồng, lúc bạn học Phật rồi, thì có thể dừng lại. Trồng nhân lành được quả lành, trồng nhân ác được quả ác. Tại cảnh giới của chúng sinh mà nói, thì nhân quả đều là hữu. Thành Phật quả rồi, thì siêu việt được nhân quả, song đây tuyệt đối chẳng phải bất vô nhân quả. Phật đã vượt ra ‘phá các cõi’.

‘Pháp vương’ là vua của các pháp, cũng là vua thuyết pháp. Tương lai các bạn xuất gia thuyết pháp, cũng phải giống như vua của các pháp. Học âm thanh “bát âm tứ biết” của Phật. Bây giờ, giảng kinh thuyết pháp, cũng là thay thế vua của các pháp thuyết pháp. Phật là vì phá ‘ngã’ mà xuất hiện ra đời, song vẫn phải tùy sở thích của chúng sinh, trước hết phải khiến cho họ hoan hỉ, sau mới nói đủ thứ pháp. Pháp của Phật nói được phân ra năm thời tám giáo. Năm thời là:

- ✿ Thời Hoa Nghiêm.
- ✿ Thời A Hàm.
- ✿ Thời Phương Đẳng.
- ✿ Thời Bát Nhã.
- ✿ Thời Pháp Hoa, Niết Bàn.

Tám giáo là: Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, mật, bất định giáo.

**Đức Như Lai tôn trọng
Trí huệ rất sâu xa
Lâu chẳng nói pháp này
Không vội vàng nói ra.**

Đức Như Lai tôn trọng thật tướng Bát Nhã, tức cũng là cung kính hộ trì Bát nhã. Bát nhã là Bát nhã của chúng sinh, vì Bát nhã thật tướng này quá cao sâu, rộng lớn, chẳng đối cơ với một số hạng người tiểu thừa, cho nên không thể vì họ nói pháp đại thừa. Cho nên, từ thời Hoa Nghiêm đến thời Pháp Hoa Niết Bàn, trải qua hơn ba mươi năm, mà Phật chẳng nói thật giáo, chỉ nói quyền giáo. Thật giáo là thật tướng Bát nhã, chỉ một Phật thừa, chứ chẳng có thừa nào khác. Đạo lý này rất lâu cũng không nói, vì sao không nói ? Vì chúng sinh chẳng những không tin mà còn phỉ báng. Vì đây là pháp môn thù thắng tạm thời chẳng nói, đủ thấy Phật đầy đủ sức nhẫn nại.

**Người trí nếu nghe được
Bèn sinh tâm tin hiểu
Kẻ vô trí nghi hoặc
Vĩnh viễn mất giống Phật.**

Chúng sinh nào có trí huệ nghe được diệu pháp này rồi, thì sinh tâm tin nhận, biết đây là pháp đại thừa thì họ sẽ khai ngộ. Song, đối với kẻ vô trí mà nói thật pháp, thì họ sẽ sinh nghi hoặc, họ bảo pháp thật là pháp giả. Trong Phật giáo đại thừa, người vốn vô vật, cũng chẳng cần giải nói, vốn chẳng có tướng hợp, tự nhiên cũng chẳng có tướng lìa; vốn chẳng có tướng sinh cũng chẳng có tướng diệt. Nếu đối với kẻ vô trí mà nói các pháp đều là không, không, có phải gì cũng là không chẳng ? Chẳng có gì để học chẳng ?

Một khi họ sinh ra tâm nghi hoặc, thì đoạn trừ hạt giống đại thừa, tức cũng là đoạn hạt giống Phật, cũng là đoạn hạt giống chúng sinh, cho nên nói là “Vĩnh viễn mất giống Phật”.

**Do đó, này Ca Diếp !
Tùy sức họ nói pháp
Dùng đủ thứ nhân duyên
Khiến họ được chánh kiến.**

Vì cơ đó, này Ca Diếp ! Ông phải minh bạch Phật tùy theo phương tiện thiện xảo nói pháp, dùng đủ thứ pháp, đủ thứ duyên, khiến cho chúng sinh được chánh tri chánh kiến, chẳng sinh tà kiến.

**Ca Diếp ông nên biết !
Ví như vàng mây lớn**

**Nổi lên trong thế gian
Che phủ khắp tất cả.**

Ca Diếp ! Các ông đều phải biết, Như Lai nói pháp giống như vàng mây lớn, xuất hiện nơi thế gian, ở trong hư không che khắp tất cả ba ngàn đại thiên thế giới.

**Mây trí huệ đượm nhuần
Ánh chớp sáng chói lòa
Tiếng sấm vang động xa
Khiến chúng sinh vui đẹp.**

Vàng mây lớn này là vàng mây trí huệ, lượng mưa đượm nhuần tất cả tâm chúng sinh. Quang minh Phật giáo như ánh chớp chiếu sáng. Âm thanh Phật thuyết pháp như tiếng sấm chấn động, khiến cho trong tâm của chúng sinh vui đẹp.

**Nhật quang bị che lấp
Trên mặt đất mát mẻ
Mây giăng phủ mù mịt
Như có thể nắm lấy.**

Trí huệ quang minh của Phật, che lấp chín mươi lăm thứ tà quang của ngoại đạo. Phật lại dùng trí huệ mát mẻ, phá chín mươi sáu thứ phiền não trên thế gian. Mây

che giăng mù mịt, đám mây rất dày, tựa như có thể dùng tay nắm bắt được.

**Trận mưa lớn nhuận khắp
Đều xối xuống bốn phương
Nước chảy tuôn vô lượng
Thấm ngầm vào lòng đất.**

Trận mưa này đượm nhuần tất cả, bốn phương đều mưa xuống vô số lượng nước mưa, khắp lòng đất đều có nước mưa, hết thảy chúng sinh đều đượm nhuần được mưa pháp.

**Nơi núi sông hang hiểm
Chỗ thâm u sinh ra
Các cây cối cỏ thuốc
Đủ thứ cây lớn nhỏ.**

“Nơi núi sông hang hiểm”: Núi dụ cho đại Bồ Tát. Sông chỉ cho đại địa, hang hiểm chỉ nơi nguy hiểm.

“Chỗ thâm u sinh ra”: Dụ cho chỗ đen tối sinh ra tất cả thực vật. Tam thảo nhị mộc này, tam thảo chỉ là người, trời, Thanh Văn Duyên Giác thừa. Nhị mộc dụ cho thông giáo và biệt giáo Bồ Tát, cây nhỏ là chỉ thông giáo Bồ Tát, cây lớn là chỉ biệt giáo Bồ Tát.

Trăm giống lúa mộng mạ

**Các thứ mía và nho
Nhờ nước mưa đượm nhuần
Thả đều tốt tươi cả.**

Lúa mộng mạ là chỉ tất cả chúng sinh, mía là dụ cho thiên định thần thông. Nho dụ cho Bát Nhã, có thể đoạn trừ các hoặc. Mưa đượm nhuần khiến cho cây cối đều tươi tốt.

**Đất khô khắp thấm nhuần
Thuốc cây đều sum sê
Vàng mây kia mưa xuống
Nước mưa thuần một vị.**

“Đất khô khắp thấm nhuần”: Chỉ cho chúng sinh chẳng nghe pháp, chẳng có căn lành, cũng được đượm nhuần. Thuốc cỏ và cây cối đều sum sê, vàng mây kia mưa xuống thuần một vị, là chỉ cho một thừa Phật pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh đều được đượm nhuần.

**Các cây cối lùm rừng
Tùy theo sự đượm nhuần
Tất cả các cây cối
Bạc thượng trung và hạ.**

Cây cối và cỏ thuốc tùy theo thân cây lớn nhỏ, tức cũng phân ra bậc thượng thì hấp thụ nước mưa bậc thượng, bậc trung thì hấp thụ nước mưa bậc trung, bậc hạ thì hấp thụ nước mưa bậc hạ.

**Tùy theo tính lớn nhỏ
Thả đều được lớn lên
Thân gốc rễ cành lá
Hoa quả đơm đủ màu.**

Mỗi thứ cây cối cỏ thuốc, đều được sinh trưởng đượm nhuần, thân gốc rễ cành lá, nhất là hoa quả, mỗi thứ đều hiển màu sắc của nó, trông rất xinh đẹp tốt tươi.

**Một trận mưa rưới xuống
Thả đều được tươi thắm
Theo thể tướng của nó
Tính phân ra lớn nhỏ
Nước đượm nhuần vẫn một.**

Tùy thể tướng và căn tính của cây cỏ, hoặc lớn hoặc nhỏ, nước mưa rưới xuống vẫn như nhau, song cây cối mỗi thứ đượm nhuần, tùy theo sức hấp thụ của nó.

**Đức Phật cũng như thế
Xuất hiện ra nơi đời**

Ví như vàng mây lớn
Che trùm khắp hết thủy.
Đã xuất hiện ra đời
Vì tất cả chúng sinh
Phân biệt và diễn nói
Thật tướng của các pháp.

Đức Phật cũng như thế, xuất hiện ra nơi đời, giống như vàng mây lớn, che trùm khắp hết thủy, vì chúng sinh diễn nói Phật pháp. Chúng sinh nghe minh bạch, thì trừ khử được mao bệnh tập khí, pháp thân trí huệ khai sáng, quang minh hiện ra mà chẳng tự biết. Đức Phật vì người thế gian nói pháp thế gian, vì chư thiên nói pháp chư thiên, vì Thanh Văn nói pháp Thanh Văn, vì Duyên giác nói pháp Duyên giác, vì đại thừa nói pháp đại thừa. Phân biệt diễn nói, là quán căn cơ mà thí giáo, vì người thuyết pháp, tùy theo đủ thứ căn tính khác nhau, mà nói đủ thứ Phật pháp, tức là vì thật thí quyền. Trước kia dùng pháp quyền xảo phương tiện, đều vì muốn nói giáo nghĩa chân thật cuối cùng.

Đấng đại Thánh Thế Tôn
Nơi chư thiên loài người
Trong tất cả chúng hội
Mà tuyên nói lời này:

Ta là bạc Như Lai
Là đáng Lương Túc Tôn
Xuất hiện ra nơi đời
Dường như vàng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sinh khô khan
Đều khiến cho lìa khổ
Được yên ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian
Và sự vui Niết Bàn.

Đấng đại Thánh Thế Tôn, nơi chư thiên loài người, trong tất cả chúng sinh, tuyên nói: ‘Ta là bạc Như Lai Đáng Lương Túc Tôn’. Lương Túc là :

1. Phước đầy đủ: Tu đủ thứ công đức lành.
2. Huệ đầy đủ: Có phước cũng phải tu huệ, tu sáu độ, bốn pháp nhiếp .v.v. Do đó, có câu:

‘Tu phước chẳng tu huệ,
Thân voi mang chuỗi ngọc.
Tu huệ chẳng tu phước,
La Hán ôm bát không’.

Nếu chỉ tu phước mà chẳng tu huệ, tích tụ rất nhiều phước báu, thành con voi lớn, trên thân thể đeo mang

chuỗi ngọc quý giá, lại ích gì ? Còn ngược lại, chỉ nghe kinh nói pháp, chẳng làm công đức, chẳng làm việc lành, thì tương lai chúng được quả A La Hán, ôm bình bát đi khát thực chẳng có ai cúng dường. Hôm nay có cơm ăn, ngày mai chẳng có cơm ăn, thường bị đói khác, đó là quả báo tu huệ chẳng tu phước. Cho nên, đức Phật phước huệ đều tu, phước đầy đủ, huệ đầy đủ, nên gọi là Lương Túc Tôn, chứ chẳng phải là hai chân, vì tiếng tàu lương là hai, túc là chân. Phật xuất hiện ra đời như vàng mây lớn, thấm nhuần tất cả chúng sinh. Chúng sinh đắc được nước pháp đượm nhuần, thì sẽ không khô khan.

Pháp vũ hay khiến cho chúng sinh, hưởng được sự vui thế gian và xuất thế gian.

Hết thảy chúng trời người
Một lòng khéo lắng nghe
Đều nên đến chỗ này
Hầu đấng Vô thượng tôn.
Ta là bậc Thế Tôn
Chẳng có ai bằng được
Vì an ổn chúng sinh
Nên xuất hiện ra đời.
Vì các đại chúng nói
Pháp cam lồ trong sạch

**Pháp đó thuần một vị
Vị giải thoát Niết bàn.
Dùng một tiếng diệu âm
Diễn xướng nghĩa nhiệm màu
Thường vì pháp đại thừa
Mà kết làm nhân duyên.**

Trời người đều nên đến đây, một lòng khéo nghe Phật pháp, lễ bái cung kính Phật. Ta là bậc tôn kính trong thế gian và xuất thế gian, cho nên chẳng có ai sánh bằng. Có bài kệ lễ Phật rằng :

“Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu như Phật giả.”

Nghĩa là :

*“Chư thiên loài người chẳng ai bằng Phật
Mười phương thế giới cũng chẳng sánh bằng
Hết thấy thế gian ta thấy hết
Tất cả chẳng có ai như Phật”*

Phật vì an ổn chúng sinh mà xuất hiện ra đời, vì đại chúng nói pháp cam lồ thanh tịnh. Pháp này là một thừa pháp, dùng một tiếng diệu âm diễn xướng nghĩa pháp đại thừa, dùng đủ thứ nhân duyên để nói nghĩa Phật pháp này.

**Ta xem tất cả chúng
Hết thấy đều bình đẳng
Chẳng phân biệt đó đây
Cùng với tâm thương ghét.**

Ta xem tất cả thấy đều bình đẳng, đủ thấy Phật rất từ bi. Phật chẳng nói: “Ta chí cao vô thượng, chúa tể sáng tạo vạn vật.” Phật chỉ nói Ngài chuyển hóa vạn vật, khiến cho chúng sinh bỏ tà về chánh, bỏ tối về sáng. Phật chẳng nói: “Ta là chánh, các vị đều là tà, các vị là do ta một tay sáng tạo!” Nếu tất cả là do chúa tể nào đó sáng tạo, thì sao lại cứ tạo những điều xấu? Nói thẳng ra là chẳng có tư hào năng lực thuyết phục, hóa được người. Cho nên Đức Phật chẳng nói Ngài tạo tất cả, mà là cứu độ tất cả. Ai chẳng minh bạch Phật pháp, thì khiến cho họ minh bạch Phật pháp, ai chẳng giác ngộ thì khiến cho họ giác ngộ. Tuy Phật độ chúng sinh, song chẳng có một chúng sinh có thể độ, đó mới là chân chánh bình đẳng.

Chẳng phân biệt đó đây, vì có đó thì có đây, có thương có ghét, khởi tâm niệm vui mừng, khởi sân hận chẳng vui mừng. Song, nếu chẳng vui cũng chẳng giận tất cả, chẳng có đó đây, thì chẳng có thương ghét. Nếu Thượng đế Ngài một mình làm được, còn ta không thể, thì học Ngài để làm gì?

Ta chẳng có tham trước

Cũng chẳng có hạn ngại
Luôn luôn vì tất cả
Bình đẳng mà nói pháp.
Dù chỉ vì một người
Trong chúng đông cũng thế
Thường diễn nói các pháp
Tùng không việc gì khác.

Phật nói ta chẳng có tham trước, tức chẳng có tâm thương ghét. Vì có thương thì có chấp, không thương thì ghét. Chẳng có tham trước, thì cũng chẳng có chướng ngại. Phật luôn luôn vì tất cả chúng sinh bình đẳng nói pháp, cũng giống như nói với một người. Cho nên, các bạn luyện tập thuyết pháp, đừng nói: “Ngài thuyết pháp thì có nhiều người đến nghe, còn tôi thuyết pháp thì chẳng có ai đến nghe!” Đó là chướng ngại, luôn luôn vì tất cả, một là tất cả, một người tức là nhiều người, nhiều người tức là nhiều người.

“Bình đẳng mà nói pháp”: Nhiều chẳng biết nhiều, ít chẳng biết ít; không nhiều không ít, không xa không gần. Giống như tôi tại Hương Cảng thuyết pháp, cũng là vì nước Mỹ thuyết pháp; tại nước Mỹ thuyết pháp, cũng là vì Hương Cảng thuyết pháp, đó là không gần không xa. Đây là chân lý thật, chẳng có cười đùa, cũng chẳng có không cười đùa, đối với nhiều người cũng nói như thế, trừ

khi hết hơi tôi mới không nói, bằng không còn sống, thì còn diễn thuyết pháp.

“Tùng không việc gì khác”. Thấm nhuần Phật pháp rồi, thì phải thuyết pháp, như các vị thọ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải cung hành thực tiễn, làm mô phạm cho tốt. Khi mọi người nhìn vào thì thấy, Ồ ! Làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni vốn là tốt như thế, khoái lạc như thế ! Đói chết cũng chẳng sợ, suốt ngày đến tối đều chẳng nóng giận, thường sinh tâm vui vẻ, trì giới tinh nghiêm. Do đó, xuất gia ở đây, xuất gia ở kia, mà vô lượng vô biên người đều đến đây xuất gia. Song, nếu bạn suốt ngày đến tối ngủ nghỉ li bì, ăn ngon mặc đẹp, thì Phật giáo ở nước Mỹ chẳng có ai tin. Cho nên, Phật giáo ở nước Mỹ mới bắt đầu, các bạn là người tiên phong, nên dũng mãnh tinh tấn vô úy khai thác. Tại nước Mỹ, đây là lần đầu tiên tiếp thọ Phật pháp đại thừa. Nếu họ hỏi các bạn thầy của các bạn là ai ? Thì bạn nói là Phật Thích Ca Mâu Ni, đừng nói riêng một vị thầy nào khác, người khác hỏi bạn học Phật với ai ? Thì bạn cũng nói học Phật với Ba La Đề Mộc Xoa, bạn nói lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy, đây chẳng phải là nói dối, vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nói hãy lấy giới làm thầy.

**Ngồi đứng hoặc đến đi
Thả đều chẳng mỗi nhàm
Đầy đủ cho thế gian**

Như mưa thấm nhuần khắp.

“Ngồi đứng hoặc đến đi”: Phật đi đứng nằm ngồi, bốn oai nghi đều nói pháp, chưa từng phóng dật. Ngài ngồi cũng nói pháp, đứng cũng nói pháp, cho đến ngủ cũng độ hóa chúng sinh, giáo hóa chúng sinh ngủ mộng.

“Đầy đủ cho thế gian, như mưa thấm nhuần khắp”. Tại sao phải nói pháp ? Vì chúng sinh đang sắp chết khô, trước khi họ chưa chết, thì ban cho họ mưa pháp khiến cho họ sống lại.

**Kẻ sang hèn trên dưới
Người trì giới, phạm giới
Oai nghi đều đầy đủ
Và chẳng được đầy đủ
Kẻ chánh kiến, tà kiến.**

“Kẻ sang, hèn, trên, dưới”: Chỉ người bậc trên là hạng sang làm quan chức, bậc dưới là thường dân. Trì giới hoặc phạm giới là chỉ người xuất gia. Oai nghi có ba ngàn, “có uy đáng sợ, có nghi đáng kính”: Đi đứng nằm ngồi bốn đại oai nghi, đều giữ được viên mãn, song nếu chẳng giữ giới, thì chẳng có bốn đại oai nghi.

“Chánh kiến và tà kiến”: Nói lời chẳng chánh đáng là tà kiến. Chánh kiến là chẳng hợp lẽ giáo thì đừng xem (phi lẽ vật thị), chẳng hợp lẽ giáo thì đừng nói (phi lẽ

vật ngôn). Nếu như chẳng hợp với lễ giáo, mà đi xem đi nghe là tà kiến.

Lợi căn hoặc độn căn
Thả đều mưa pháp vũ
Mà chẳng biết mệt mỏi
Hết thả các chúng sinh.
Ai nghe pháp của ta
Tùy sức mà lãnh thọ
Trụ ở nơi các địa
Hoặc ở trong trời người.

“Lợi căn”: Là người thông minh, nghe pháp thì sẽ khai ngộ. “Độn căn”: Là kẻ ngu si, nghe rất nhiều về Phật pháp, nhưng vẫn chẳng biết Phật pháp là gì. Họ chẳng giữ giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, cũng chẳng thiền định, chẳng lãnh thọ được Phật pháp, còn Phật thì chẳng có tư hào phân biệt, Phật chỉ mưa pháp vũ xuống khắp, để đượm nhuần chúng sinh. Phật nói pháp chẳng tiếc thân mạng, cũng chẳng mệt mỏi. Tất cả chúng sinh phi tầm động thực, thai noãn thấp hóa, tùy theo thân của họ mà tiếp thọ lợi ích.

“Hoặc ở trong trời người”: Hoặc trụ ở nhân gian hoặc trên trời.

Làm Chuyển luân thánh vương

**Và các vua Thích Phạm
Đó là cỏ thuốc nhỏ
Biết được pháp vô lậu.
Sẽ chứng được Niết bàn
Khởi sáu phép thần thông
Và đắc được ba minh.**

“Làm Chuyển Luân Thánh Vương”: Có kim, đồng, thiết, ngân, bốn vua chuyển luân. Kim luân vương cai trị bốn thiên hạ : Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hoá Châu và Bắc Câu Lưu Châu.

Kim Luân Vương có bảy báu, toại tâm như ý, biến hóa vô cùng, các nước của Kim Luân vương cai trị, nhân dân đều giữ năm giới và làm mười điều lành.

Ngân Luân Vương cai trị ba thiên hạ, tức là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Đồng Luân Vương quản lý Đông, Nam, hai thiên hạ. Thiết Luân Vương quản lý một thiên hạ. Hiện tại chúng ta là Nam Thiệm Bộ Châu, nếu tất cả các nước hợp lại với nhau chọn ra một vị lãnh tụ, có thể nói là Thiết Luân Vương. Nếu như Thiết Luân Vương có thể tu hành thì có thể thành Phật. Đức Phật lúc ban đầu nếu không tu hành, thì sẽ thành Kim Luân Vương.

Chuyển Luân Thánh Vương và các vua Thích, Phạm (vua Đế Thích, vua Đại Phạm Thiên), thuộc về cỏ thuốc nhỏ, có thể được pháp vô lậu và được Niết Bàn. Các

Ngài hay khởi sáu thứ thần thông. Ba minh là Thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh.

**Ở riêng nơi núi rừng
Thường tu hành thiền định
Chứng được quả Duyên Giác
Là cỏ thuốc bậc trung.**

Một mình ở trong thâm sơn cùng cốc tu hành, thường tu tập thiền định, đây là quả vị Thanh Văn Duyên Giác, là cỏ thuốc bậc trung.

**Cầu pháp nơi Thế Tôn
Ta sẽ được thành Phật
Tinh tấn tu thiền định
Là cỏ thuốc bậc thượng.**

Nếu có người đến chỗ đức Thế Tôn cầu Phật pháp, Biết mình nhất tâm tu hành thì tương lai sẽ thành Phật, tinh tấn tu thiền định, đó là cỏ thuốc bậc thượng.

**Lại có các Phật tử
Chuyên tâm cầu Phật đạo
Thường tu hạnh từ bi
Biết mình sẽ thành Phật**

Quyết định chẳng còn nghi.

Lại có các Phật tử chuyên tâm học Phật, thường tu hạnh từ bi, biết mình tương lai cũng sẽ thành Phật, chẳng có tư hào hoài nghi, đây là cây nhỏ, tức là thông giáo Bồ Tát.

**An trụ sức thần thông
Chuyển pháp luân bất thối
Độ hóa vô lượng ức
Trăm ngàn loài chúng sinh
Hạng Bồ Tát như thế
Đó gọi là cây lớn.**

An trụ sức đại thần thông, chuyển pháp luân bất thối, giảng Kinh thuyết pháp, lợi khắp trời người, vĩnh viễn chẳng thối tâm, giáo hoá vô lượng ức chúng sinh, chẳng sợ hạnh khổ gian nan, đây là đại Bồ Tát, dụ cho cây lớn.

**Phật bình đẳng nói pháp
Như nước mưa một vị
Tùy căn tánh chúng sinh
Tiếp thọ đều khác nhau.
Như các cỏ cây kia**

Được đượm nhuần khác nhau
Phật dùng ví dụ này
Phương tiện mà khai thị.
Đủ thứ những lời lẽ
Để diễn nói một pháp
Nơi trí huệ của Phật
Như giọt nước trong biển.
Ta rưới mưa pháp vũ
Đầy khắp trong thế gian
Nói pháp thuần một vị
Tùy sức mà tu hành.
Như lùm rừng cây kia
Cỏ thuốc các cây cối
Tùy theo thân lớn nhỏ
Dần dần lớn sum sê.

Pháp của Phật nói là bình đẳng, như một vầng mây mưa xuống thuần một vị, song tùy theo căn cơ của chúng sinh khác nhau, như cỏ thuốc nhỏ, lùm rừng, cây lớn và cây nhỏ, đều đắc được lợi ích. Cho nên Phật dùng pháp phương tiện để khai thị, dùng đủ thứ lời lẽ nói diệu pháp nhất thừa. Nơi trí huệ của Phật, đây chỉ là một giọt nước trong biển mà thôi. Trí huệ của Phật vô lượng vô biên,

pháp được nói ra, cũng giống như một giọt trong biển cả, mà nước thì vô lượng vô biên, cho nên nói pháp vũ của Phật nói, đầy khắp chúng sinh thế gian. Diệu pháp nhất thừa, tùy theo sức tu hành của chúng sinh, cũng giống như cỏ thuốc các cây cối lùm rừng, tùy theo thân lớn nhỏ và hấp thụ lượng nước, mà lớn lên sum sê tươi tốt.

**Pháp của các đức Phật
Thường chỉ thuần một vị
Khiến cho các thế gian
Thả ý đều được đầy đủ.
Thứ tự mà tu hành
Đều đắc được đạo quả
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Thường ở nơi núi rừng.
Trụ thân cuối cùng này
Nghe pháp được chứng quả
Đó gọi là cỏ thuốc
Thả ý đều được lớn lên.
Nếu các bậc Bồ Tát
Trí huệ rất kiên cố
Thấu suốt được ba cõi
Cầu chứng tối thượng thừa.**

Đó gọi là cây nhỏ
Mà được tăng trưởng lên
Lại có vị trụ thiền
Đắc được sức thần thông.
Nghe các pháp không tướng
Trong tâm rất vui mừng
Phóng vô số quang minh
Độ tất cả chúng sinh.
Đó gọi là cây lớn
Mà được tăng trưởng lên.

Diệu pháp của chư Phật thường chỉ thuần một vị, khiến cho các thế gian cũng đắc được đầy đủ, từng chút từng chút dần dần tu hành đều sẽ thành đạo chứng quả. Còn có hàng Thanh Văn Duyên Giác, chứng tứ quả A La Hán ở trong núi rừng vắng thọ sinh tử, tức là thân cuối cùng, các ngài nghe pháp mà chứng quả, dụ cho cỏ thuốc được lượng nước mưa mà sinh trưởng lớn lên. Các vị Bồ Tát trí huệ kiên cố, thấu suốt ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc), cầu chứng tối thượng thừa, dụ cho cây nhỏ, cũng đắc được lượng nước mà lớn lên. Còn có những vị trụ ở trong thiền định, có sức thần thông, khi nghe được các pháp không tướng, thì trong tâm rất vui mừng, phóng vô số quang minh cứu độ tất cả chúng sinh, dụ cho cây lớn, cũng hấp thụ được lượng nước mưa mà lớn lên.

Như thế này Ca Diếp !
Pháp của Phật nói ra.
Ví như vàng mây lớn
Dùng nước mưa một vị
Đượm nhuần nơi hoa người
Thảy đều được thành Phật.
Ca Diếp ông nên biết !
Dùng các thứ nhân duyên
Và đủ thứ ví dụ
Để mở bày Phật đạo.
Là phương tiện của ta
Các đức Phật cũng thế
Nay ta vì các ông
Nói pháp chân thật nhất.
Các chúng hàng Thanh Văn
Đều chưa thật diệt độ
Sở hành của các ông
Đều là Bồ Tát đạo
Nếu từ từ tu học
Tất sẽ được thành Phật.

Ca Diếp ! Pháp của Phật nói giống như vàng mây lớn, dùng một thừa mưa pháp, đượm nhuần nơi hoa người, tất cả mọi người thấy đều sẽ thành Phật.

Ca Diếp ! Ông nên biết, dùng tất cả nhân duyên và đủ thứ ví dụ, để mở bày con đường cho chúng sinh thành Phật, là phương tiện của ta, mười phương chư Phật cũng như thế. Hiện tại, ta vì các ông nói pháp chân thật nhất. Hàng nhị thừa chưa được pháp chân chính, chỉ chứng được hữu dư Niết Bàn, chẳng phải là vô dư Niết Bàn, chưa thật sự diệt độ.

Song, các ông thực hành đều là Bồ Tát đạo, nếu hằng ngày từ từ tu hành, thì tương lai chắc chắn sẽ thành Phật. Đây là Phật vì Ngài Ca Diếp và các đệ tử lớn, đưa ra ví dụ tam thảo nhị mộc, tán dương pháp đại thừa, như vàng mây lớn mưa xuống, thấy đều bình đẳng, đượm nhuần các loài chúng sinh, tùy theo căn tính khác nhau, khiến cho họ đều được lợi ích đượm nhuần tăng trưởng.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM THỌ KÝ THỨ SÁU

Phẩm thứ sáu là Phẩm Thọ Ký. Thọ ký còn gọi là thọ quyết. Phật dự ghi nói bạn tương lai vào lúc nào, tại nước gì thành Phật, danh hiệu gì, cõi nước của bạn có gì đặc sắc, thọ mạng của Phật dài bao lâu .v.v. Bạn được dự ghi như vậy, thì gọi là “thọ ký”. Thọ quyết là gì ? Quyết là quyết sở chân lý, bạn tự mình sở quyết định một Phật hiệu. Danh hiệu của bạn và danh hiệu các đức Phật khác nhau chẳng giống, vì mỗi vị Phật đều có một danh hiệu đặc biệt, giống như mỗi người đều có tên của mình. Thọ quyết là nói bạn tương lai quyết định có thể thành Phật, do chính Đức Phật thọ ký, người khác chẳng có tư cách.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng, xướng lời như vậy : Đệ tử Ma Ha Ca Diếp của ta đây, ở đời vị lai, sẽ phụng thờ ba trăm vạn ức các đức Phật Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, rộng tuyên nói vô lượng đại pháp của các đức Phật.

Lúc đó, tức là lúc Đức Phật nói xong bài kệ Phẩm Dược Thảo Dụ, bèn nói với tất cả đại chúng : “Đệ tử Đại Ca Diếp của ta đây, các ông mọi người nên biết”. Lúc Phật còn tại thế, thì tôn giả Ca Diếp đã là một trăm sáu mươi tuổi, đến nay Ngài vẫn chưa nhập diệt ! Hiện nay Ngài đang ngồi thiền nhập định ở trong núi Kê Túc tại Vân Nam Trung Quốc. Có thể nhìn thấy Ngài chăng ? Có thể, nếu bạn có tâm thành thì có thể thấy được Ngài, Phật giáo tức là nói một chữ “thành”. Bất cứ làm gì, nếu có tâm thành, thì nhất định có biện pháp. Ví như người tu hành, nếu có tâm thành chân chánh, thì chẳng sợ không có người đến cúng dường. Tại sao chẳng có ai đến cúng dường ? Vì kiếp trước bạn tu huệ chẳng tu phước. Do đó, có câu :

“Tu huệ chẳng tu phước,
La Hán ôm bát không”.

Nếu biết đạo lý này, thì nên mau tu phước huệ, làm nhiều việc thiện, khiến cho phước huệ đều tròn đầy.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ở đời vị lai, sẽ cúng dường cung kính, và phụng thờ ba trăm vạn ức các Đức Phật Thế Tôn, Ngài cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, tất cả chư Phật, rộng tuyên nói vô lượng đại pháp của chư Phật.

**Ở nơi thân cuối cùng, được thành Phật,
hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng cúng,**

**Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế,
Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự,
Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.**

Thân cuối cùng của Ngài, được thành Phật đạo, hiệu là Quang Minh Như Lai, vì thân của Ngài phóng ra kim quang, cho nên Ngài được tên là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đây là mười hiệu của mỗi vị Phật đều có.

**Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại
Trang Nghiêm.**

Cõi nước của Ngài thành Phật tên là Quang Đức, vì nhân dân trong cõi nước đó, đều có quang minh và đức hạnh, cho nên gọi là Quang Đức. Kiếp tên là Đại Trang Nghiêm, kiếp Trang Nghiêm đó, có vô lượng vô biên đại Bồ Tát.

Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp.

Vị Phật Quang Minh đó, sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp của Phật lưu lại thế gian hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng thế.

Cõi nước trang nghiêm tốt đẹp, chẳng có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi gai góc, và đồ tiện lợi chẳng sạch.

Cõi nước đó rất trang nghiêm đẹp đẽ, chẳng có một chút nào không sạch sẽ, cũng chẳng có những thứ dơ xấu, càng chẳng có ngôi sỏi hoặc gai góc. Người dân cõi nước đó, cũng chẳng có đại tiểu tiện dơ bẩn, vì họ đều là thiên định tướng, là đời thanh tịnh.

Cõi đó bằng phẳng, chẳng có cao thấp, hầm hố gò đống, dùng lưu ly làm đất, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây, dùng để giảng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi đều trong sạch. Bồ tát ở nước đó, có vô lượng ngàn ức, các chúng hàng Thanh Văn cũng vô số, chẳng có việc ma, tuy có ma và dân ma, nhưng chúng đều hộ trì Phật pháp.

Đất đai ở nước đó bằng phẳng, chẳng có sự cao thấp, cũng chẳng có hầm hố, gò đất, núi hang. Nước đó dùng lưu ly làm đất, có bảy hàng cây báu thẳng hàng.

Dùng vàng ròng làm dây, dùng để giăng ở bên đường, thường rải đủ thứ hoa báu, khắp nơi ba bên bốn phía đều sạch sẽ, có vô lượng ngàn ức đại Bồ Tát để trang nghiêm cõi nước đó. Còn có tất cả chúng hàng Thanh Văn số lượng cũng vô cùng vô tận. Cõi đó chẳng có ma chướng, chẳng có ma chướng tức cũng chẳng có phiền não. Tại sao chẳng có phiền não ? Vì tất cả nhân dân đều tu thiền định, cho nên tuy có ma vương và dân ma, song chúng đều hộ trì Phật pháp, chẳng phá hoại Phật pháp. Sao lại có cảnh giới thù thắng như thế ? Vì khi tôn giả Ca Diếp tu hành tại nhân địa, thì bắt đầu tu đủ thứ hạnh đầu đà thanh tịnh, chiến thắng tất cả ma quân, cho nên hàng phục được tất cả ma vương, khiến cho chúng đều biến thành hộ pháp trong Phật giáo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói với đại chúng.

**Bảo các Tỳ Kheo
Ta dùng mắt Phật
Thấy Ca Diếp này
Ở đời vị lai.
Trái vô số kiếp**

Sẽ được thành Phật
Ở đời mai sau
Cúng dường phụng thờ.
Ba trăm vạn ức
Chư Phật Thế Tôn
Vì trí huệ Phật
Tịnh tu phạm hạnh.
Cúng dường tối thượng
Lưỡng Túc Tôn rồi
Tu tập tất cả
Trí huệ vô thượng.
Nơi thân cuối cùng
Sẽ được thành Phật.

Đức Phật nói với tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng bao quát tất cả cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tất cả Bồ Tát, Thanh Văn La Hán, Thiên Long bát bộ, ở trong đại hội. Phật nói: Ta dùng mắt Phật quán sát, thấy Ca Diếp ở đời vị lai, trải qua vô lượng số đại kiếp sẽ thành Phật.

Ngài Ca Diếp trước khi chưa thành Phật, ở trong đời vị lai, sẽ cúng dường cung kính gần gũi ba trăm vạn ức các đức Phật Thế Tôn. Ngài đều dùng tâm kiên thành khẩn thiết cung kính, cúng dường, lễ bái, khen ngợi tất cả chư Phật Thế Tôn. Vì muốn đắc được trí huệ của Phật,

cho nên Ngài tu đủ thứ khổ hạnh thanh tịnh, do sự cúng dường đấng Lương Túc Tôn phước huệ tối thượng, tu tập tất cả trí huệ tối cao, nên thân cuối cùng của Ngài tất sẽ được thành Phật.

Cõi đó thanh tịnh
Lưu ly làm đất.
Nhiều các cây báu
Thẳng hàng bên đường
Dây vàng giăng đường
Người thấy vui mừng.
Thường tỏa hương thơm
Rải các hoa quý
Đủ loại kỳ diệu
Dùng để trang nghiêm.
Mặt đất bằng phẳng
Chẳng có hầm hố
Các chúng Bồ Tát
Không thể tính kể.
Tâm đều nhu hòa
Có đại thần thông
Phụng trì kinh điển

**Của các đức Phật.
Các chúng Thanh Văn
Thân cuối vô lậu
Làm Pháp vương tử
Cũng không thể đếm.
Dù dùng thiên nhãn
Cũng chẳng biết được.**

Cõi nước của Ngài Ca Diếp rất thanh tịnh, vì khi Ngài ở tại nhân địa tu hạnh đầu đà thanh tịnh, cho nên đắc được quả báo này, đất trong nước của Ngài bằng chất lưu ly, có đủ các thứ cây báu, những cây báu đó thẳng hàng ở bên đường, ai thấy sự trang nghiêm của cõi nước đó đều rất vui mừng.

Cõi nước đó và tất cả nhân dân đều phóng ra hương thơm, tiên nữ thường ở trong hư không rải hoa quý, dùng đủ thứ hoa, đủ thứ hương kỳ diệu trang nghiêm cõi nước đó. Mặt đất cõi đó đều bằng phẳng, chẳng có hầm hố gò núi.

Đây là do Ngài Ca Diếp, khi ở tại nhân địa tu hạnh từ bi bình đẳng, nên được quả báo như thế. Tất cả chúng Bồ Tát nhiều không thể tính kể. Tâm của các Ngài đều điều thuận nhu hòa, cũng đều đắc được ngũ nhãn lục thông, tu trì kinh điển đại thừa. Tất cả Thanh Văn đệ tử đều đắc được thân vô lậu, làm pháp vương tử, số đông

không thể nào tính kể, dù dùng thiên nhẫn cũng đếm chẳng hết được.

**Phật đó sống lâu
Hai mươi tiểu kiếp.
Chánh pháp ở đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp.
Thế Tôn Quang Minh
Việc Ngài như thế.**

Vị Phật đó, sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp. Nước đó tên là Quang Đức. “Quang” là chỉ trí huệ quang minh, “Đức” là chỉ Bát nhã đức. Vì làm các hạnh lành, cho nên cõi nước đó và nhân dân, đều đầy đủ trí huệ quang minh và Bát nhã đức hạnh, một chút si mê cũng chẳng có, cho nên được hiệu là Quang Minh Thế Tôn, nước tên là Quang Đức.

Khi đó, Ngài Đại Mục Kiền Liên, Ngài Tu Bồ Đề, Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên, thấy đều run sợ, một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan của đức Phật, mắt chẳng

tạm rời, bèn cùng nhau đồng thanh nói bài kệ rằng.

Đức Phật thọ ký cho Ngài Ca Diếp xong rồi, thì Ngài Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, các đại đệ tử của Phật cũng cấp tốc đứng lên. Trong thâm tâm các Ngài đều nghĩ : “Phật đã thọ ký cho Ngài Ca Diếp rồi, mà chúng ta không biết lúc nào mới được Phật thọ ký”?

Do đó, trong tâm của các Ngài đều lo lắng, sau đó các Ngài đều bình tâm cung kính chấp tay, mắt nhìn Phật chẳng nhấp nháy, lập tức mọi người dị khẩu đồng âm nói kệ rằng:

**Thế Tôn rất hùng mãnh
Pháp Vương của dòng Thích
Vì thương xót chúng con
Mà ban giọng tiếng Phật.**

Phật là bậc đại anh minh thánh hùng, đầy đủ oai đức trong thế gian, là đấng Pháp Vương sinh ra trong dòng dõi Thích Ca. Xin Phật từ bi hỷ xả, thương xót chúng con tất cả chúng sinh, mà ban tặng giọng tiếng của Phật cho chúng con.

Nếu biết thâm tâm con

Được Phật thọ ký cho
Như dùng cam lồ rưới
Trừ nóng được mát mẻ.
Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Còn ôm lòng nghi sợ
Chưa dám tự ăn liền.
Nếu được lệnh vua bảo
Sau đó mới dám ăn.

Hiện tại, Phật nên biết trong tâm của chúng con nghĩ những gì, chúng con nhìn thấy Ngài Ca Diếp được Phật thọ ký, giống như được Phật dùng nước cam lồ rưới lên thân của chúng con, khiến cho được mát mẻ, tiêu trừ đi mọi sự nóng bức. Chúng con giống như vừa mới từ nước đói đến, bỗng gặp cỗ tiệc của vua, trong tâm còn hoài nghi và sợ chẳng dám ăn liền. Nếu được lệnh của vua bảo, thì mới dám ăn những món ăn này.

Chúng con cũng như thế
Thường nghĩ lỗi tiểu thừa.
Chẳng biết làm thế nào
Được Phật huệ vô thượng
Tuy nghe tiếng của Phật

**Nói chúng con thành Phật.
Tâm còn hoài nghi sợ
Như chưa dám ăn liền
Nếu được Phật thọ ký
Lúc đó mới an vui.**

Chúng con và tất cả chúng sinh đều như thế, chúng con là người căn tính tiểu thừa, chẳng biết nên làm sao mới được trí huệ vô thượng của Phật. Tuy nghe được tiếng của Phật nói chúng con đều sẽ thành Phật, trong tâm còn có chút không tin và hoài nghi. Chúng con người nhị thừa cũng có thể thành Phật chăng ? Cũng giống như gặp cỗ tiệc của vua chẳng dám ăn liền, nếu như chúng con được Phật thọ ký, thì lúc đó mới thật sự an vui.

**Thế Tôn rất hùng mãnh
Thường muốn an thế gian
Xin thọ ký chúng con
Như đói cần bảo ăn.**

Thế Tôn rất oai mãnh đại anh hùng, Ngài luôn luôn muốn khiến cho tất cả chúng sinh an vui, hiện nay hy vọng Phật cũng vì chúng con mà thọ ký. Ngài Ca Diếp đã thọ ký rồi, có phải chúng con cũng có phần ? Hiện nay chúng con như người đói khát, cần Phật bảo chúng con ăn.

Khi đó, đức Thế Tôn biết tâm niệm của các đại đệ tử, bèn bảo các Tỳ Kheo rằng : Ông Tu Bồ Đề này, ở đời vị lai, sẽ phụng thờ ba trăm vạn ức Na do tha vị Phật, cúng dường cung kính tôn trọng, khen ngợi, thường tu phạm hạnh, đầy đủ đạo bồ đề.

Kinh văn ở trước, ba vị đệ tử của Phật dùng kệ thỉnh Phật ban cho thọ ký. Phật đã biết trong tâm của các vị đại đệ tử nghĩ gì. Trong Kinh Kim cang có nói :

‘‘Hết thấy bao nhiêu tâm của chúng sinh,
Như Lai đều biết đều thấy’’.

Tất cả chúng sinh có đủ thứ tâm niệm, Phật đều hoàn toàn biết hết. Do đó, Phật bảo tất cả hàng Tỳ Kheo ở trong pháp hội : Ông Tu Bồ Đề ở đời vị lai, gặp ba trăm vạn ức Na do tha vị Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi tất cả các vị Phật, luôn luôn đều tu hành phạm hạnh thanh tịnh, đầy đủ lục độ vạn hạnh của Bồ Tát.

Nơi thân cuối cùng, sẽ được thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ

thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Ngài Tu Bồ Đề thân cuối cùng, hành Bồ Tát đạo sẽ được thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai. Ngài Tu Bồ Đề là giải không đệ nhất, Ngài biết các pháp không tướng. Tất cả các pháp không cũng là danh tướng, do đó Ngài thành Phật rồi hiệu gọi là “Danh Tướng”. Danh tướng cũng là thật danh, có một tướng, hoặc gọi là hư không.

Như Lai : Tức là hành đạo của chư Phật, Lai thành chánh giác.

Ứng Cúng : Xứng đáng thọ lãnh trời người cúng dường.

Chánh Biến Tri : Biết tâm sinh vạn pháp gọi là chánh tri, biết vạn pháp duy tâm gọi là biến tri.

Minh Hạnh Túc : Vì tu hành cho nên trí huệ quang minh thanh tịnh đều hiện ra.

Thiện Thệ Thế Gian Giải : Một bậc giải thoát viên mãn, đã đạt đến chỗ tốt cùng cực.

Vô Thượng Sĩ : Trên thế gian chẳng có ai cao hơn Ngài.

Điều Ngự Trượng Phu : Bậc đại trượng phu điều ngự chúng sinh ba cõi.

Thiên Nhơn Sư : Đại đạo sư của dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Phật : Phật là gì ? Phật tức là người, người tức là Phật. Phật là người tu thành. Song, chúng ta phải tu hành mới có thể thành Phật, không thể nói hiện tại mình là Phật. Phải tu hành như thế nào ? Trước hết phải giác ngộ chính mình, do đó :

‘Giác là Phật, mê là chúng sinh’.

Khi bạn giác ngộ, tức là một vị Phật tương lai trong chúng sinh, khi bạn mê thì biến thành Phật tính chẳng giác ngộ trong chúng sinh. Giác ngộ tức là chân chánh minh bạch tất cả đạo lý trong vũ trụ. Tại sao chúng ta không giác ngộ ? Vì có nhiều tập khí ma bệnh, vô minh phiền não, thân khẩu ý đều không thanh tịnh, đủ thứ nghiệp lực chướng ngại, nên không thể giác ngộ. Nếu chúng ta muốn giác ngộ, thì phải đừng làm ác, làm điều lành, đoạn dứt khử ái, siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si, đó gọi là tự giác.

Nếu chỉ là tự giác, mà không giác tha, thì vẫn không đủ ! Phải dùng phương pháp mình giác ngộ, đi giác ngộ tất cả chúng sinh, đó cũng là phát đại Bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, với tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo, đây gọi là ‘tự giác giác tha’. Tuy nhiên tự giác giác tha, song hạnh nguyện vẫn chưa viên mãn, nếu viên mãn thì xưng là Phật.

Thế Tôn : Bạc tôn kính của người thế gian và xuất thế gian.

Kiếp tên là Hữu Bảo, nước tên là Bảo Sinh, cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, chẳng có hàm hố, cát sỏi gai góc, đồ tiện lợi do bản. Hoa báu rải đất khắp nơi đều sạch sẽ. Nhân dân cõi đó, đều ở đài báu lầu các trân quý. Hàng đệ tử Thanh Văn đông vô lượng vô biên, dùng toán số ví dụ cũng không thể biết được. Các chúng Bồ Tát đông vô số ngàn vạn ức Na do tha. Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp. Chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp. Đức Phật đó, thường ở trong hư không vì đại chúng nói pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát và chúng hàng Thanh Văn.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng.

Danh Tướng Như Lai sẽ ra đời tại một thế giới, kiếp đó gọi là Hữu Bảo. Vì trong kiếp đó, có đủ Phật Pháp Tăng Tam Bảo, cho nên gọi là Hữu Bảo. Vì có Phật Pháp Tăng Tam Bảo sinh vào nước của Ngài, cho nên nước của Ngài gọi là Bảo Sinh. Cõi nước đó bằng phẳng, vì Ngài

Tu Bồ Đề tu tâm địa bình đặng. Đất làm bằng chất lưu ly, cũng do Ngài Tu Bồ Đề có đầy đủ trí huệ quang minh chiếu sáng. Lại có bảy hàng cây báu trang nghiêm, chẳng có núi đồi, hầm hố, cát sỏi, ngói đá, gai góc. Nhân dân chẳng có đại tiểu tiện dơ dáy. Mặt đất rải hoa bảy báu, khắp nơi đều rất trang nghiêm sạch sẽ. Nhân dân ở trong đài bằng bảy báu, tất cả lầu các cũng bằng bảy báu làm thành.

Tại cõi nước đó, hàng Thanh Văn nhị thừa đông vô lượng vô biên, dù dùng toán số tính đếm cũng chẳng biết được số lượng. Tất cả các chúng Bồ Tát cũng đông vô số ngàn vạn ức Na do tha. Đức Phật đó sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp. Chánh pháp và tượng pháp lưu lại đời đều hai mươi tiểu kiếp. Đức Như Lai Danh Tướng thường ở trong hư không vì đại chúng nói vi diệu pháp, độ thoát vô lượng chúng Bồ Tát và chúng hành nhị thừa.

Khi ấy, Phật muốn đem ý nghĩa trường hàng ở trên nói rõ hơn để đại chúng nghe, do đó dùng kệ để nói.

Đại chúng Tỳ Kheo !

Nay bảo các ông

Đều nên một lòng

Lóng nghe ta nói.

Đại đệ tử ta

Ông Tu Bồ Đề

Sẽ được thành Phật
Hiệu là Danh Tướng.
Sẽ cúng vô số
Vạn ức đức Phật
Tu hành theo Phật
Dần đủ đại đạo.
Thân cuối cùng được
Ba mươi hai tướng
Tốt đẹp trang nghiêm
Dường như núi báu.

Phật bảo các đại chúng Tỳ Kheo, các ông đều nên một lòng lắng nghe ta nói pháp. Đệ tử lớn của ta ông Tu Bồ Đề, tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Danh Tướng. Khi Ngài chưa thành Phật, sẽ cúng dường vô lượng số vạn ức các Đức Phật. Ngài theo Phật tu hành, thường hành những gì Phật hành, tu những gì Phật tu, nhận chân tu đạo, từng bước từng bước mà đạt được đại đạo thành Phật.

Người chân chánh tu đạo, thì phải tu từng bước từng bước, ngày ngày dụng công biện đạo, lâu ngày thì đạo hạnh tự nhiên sẽ viên mãn. Do đó :

‘‘Căng thì đứt, chậm thì chùng,
Không căng không chậm mới thành công’’.

Ngài Tu Bồ Đề hành Bồ Tát đạo, nơi thân cuối cùng đắc được ba mươi hai tướng. Tướng mạo trang nghiêm tốt đẹp, giống như tòa núi báu. Ai thấy được Ngài, đều sinh tâm vui mừng cung kính.

Cõi nước Phật đó
Nghiêm sạch bậc nhất
Chúng sinh thấy được
Thảy đều ưa thích.
Phật ở nơi đó
Độ vô lượng chúng
Trong pháp hội đó
Đông các Bồ Tát.
Thảy đều lợi căn
Chuyển bánh xe pháp
Nước đó thường dùng
Bồ Tát trang nghiêm.
Các chúng Thanh Văn
Không thể tính kể
Đều được ba minh
Đủ sáu thần thông.
Trụ tám giải thoát

Có oai đức lớn
Phật đó thuyết pháp
Hiển hiện vô lượng.
Thần thông biến hóa
Không thể nghĩ bàn
Trời người nhân dân
Đông như Hằng sa.
Đều cùng chấp tay
Nghe Phật nói pháp
Phật đó sống lâu
Hai mươi tiểu kiếp.
Chánh pháp ở đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp.

Cõi nước của đức Danh Tướng Như Lai, trang nghiêm sạch sẽ bậc nhất, tất cả chúng sinh trong cõi nước đó thấy đều hoan hỷ. Đức Danh Tướng Như Lai ở trong cõi nước đó, độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh. Có rất đông các chúng Bồ Tát đều là lợi căn, chuyển bánh xe pháp bất thoái, giáo hóa chúng sinh. Cõi nước đó thường dùng chúng Bồ Tát để trang nghiêm đạo tràng, hết thấy

chúng Thanh Văn đông cũng nói chẳng hết được. Các Ngài đều đắc được ba minh : Thiên nhãn minh, Thiên nhĩ minh, lậu tận minh, cũng đầy đủ lục thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông, và trụ ở tám giải thoát.

Tất cả Bồ Tát, Thanh Văn chúng đệ tử đều đầy đủ tướng đại oai đức. Khi Phật thuyết pháp, thì hiện đủ thứ vô lượng thần thông biến hóa, ở trong hư không thuyết pháp có đông trời người, nhiều như số cát sông Hằng, đều chấp tay lại, một lòng nghe Phật nói pháp.

Phật đó sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỳ Kheo : Nay ta nói với các ông, ông Ca Chiên Diên này, ở đời vị lai, dùng các đồ cúng dường, để cúng dường phụng thờ tám ngàn ức đức Phật, cung kính tôn trọng. Chư Phật diệt độ rồi, xây dựng các tháp miếu cao một nghìn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, bảy báu tạo thành. Dùng các thứ chuỗi hoa, hương đốt, hương

thoa, hương bột, lọng thêu, tràng phan, để cúng đường tháp miếu. Cúng dường như vậy xong rồi, lại cúng dường hai vạn ức đức Phật, cũng lại như thế. Cúng dường các đức Phật đó rồi, đầy đủ đạo Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật thụ ký cho Ngài Tu Bồ Đề rồi, lại bảo các đại Tỳ Kheo ở trong pháp hội : Hôm nay ta đối với các ông nói pháp, các ông đều phải bình tâm một lòng lắng nghe. Ông Ca Chiên Diên ở đời vị lai, cũng dùng đủ thứ đồ cúng dường, để cúng dường cung kính tám ngàn ức Đức Phật. Ngài dùng chánh pháp cung kính khen ngợi, tôn trọng tất cả các Đức Phật Thế Tôn đó.

Sau khi các Đức Phật đó vào Niết Bàn rồi, Ngài lại dựng tháp làm chùa để cúng dường. Tất cả tháp cao khoảng một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Đều dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, xích châu, bảy báu tạo thành. Ngài lại dùng đủ thứ chuỗi hoa, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng thêu, tràng phan, để cúng dường tháp miếu.

Cúng dường xong rồi, Ngài lại cung kính cúng dường hai vạn ức vị Phật. Cúng dường hai vạn ức vị Phật rồi, Ngài đầy đủ đạo Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, ng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, hoa quý rải trên mặt đất, khắp nơi sạch sẽ, ai thấy cũng hoan hỉ. Chẳng có bốn đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la.

Trời người rất đông, các chúng hàng Thanh Văn và Bồ Tát, đông vô lượng vạn ức trang nghiêm cõi nước đó.

Vì Ngài Ca Chiên Diên tại nhân địa tu hành pháp môn bình đẳng, cho nên mặt đất cõi nước tương lai của Ngài bằng phẳng. Mặt đất dùng pha lê tạo thành, đủ thứ cây quý bằng bảy báu trang nghiêm, dây làm bằng vàng ròng giăng bên vệ đường, tiên nữ từ trên trời rải xuống hoa báu tốt đẹp thơm tho, phủ đầy mặt đất, khắp nơi đều sạch sẽ.

Tại sao cõi nước đó trang nghiêm sạch sẽ như thế ? Vì khi tại nhân địa, thì Ngài tu hành thanh tịnh, làm tất cả các điều lành. Ai thấy được cõi nước đó, đều sinh tâm hoan hỉ. Trong cõi nước đó chẳng có bốn đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A tu la. Tại sao mà có địa ngục ? Vì con người có tâm sân hận, nên đọa vào địa ngục. Người có tâm tham thì đọa làm ngạ quỷ, chuyên môn đố kỵ người khác, thì tương lai sẽ đọa làm súc sinh. Nếu người nào tranh cường háo thắng, thì tương lai sẽ đọa vào loài A tu la.

Nhân dân trong cõi nước đó, tâm địa đều lương thiện, làm các điều lành, thanh tịnh tâm mình, chẳng chịu quả báo ác, nên cõi nước đó chẳng có bốn đường ác.

Trời người đông vô lượng vạn ức, còn có hàng nhị thừa A La Hán, Thanh Văn, Duyên Giác, và chúng đại Bồ Tát, đều đến cõi nước đó để trang nghiêm cõi nước đó.

Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại hai mươi tiểu kiếp.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Đức Phật đó, sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại đời

cũng hai mươi tiểu kiếp. Phật muốn nói rõ ràng hơn pháp
vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để thuật lại.

**Các chúng Tỳ Kheo !
Đều một lòng nghe
Pháp của ta nói
Chân thật không khác.**

Này các Tỳ Kheo ! Các ông nên một lòng lắng
nghe, pháp ta nói với các ông là chân thật hằng thường
bất biến.

**Ca Chiên Diên này
Sẽ dùng đủ thứ
Đồ cúng tốt đẹp
Cúng dường chư Phật.
Chư Phật diệt rồi
Dựng tháp bảy báu
Cũng dùng hoa hương
Cúng dường xá lợi.
Nơi thân cuối cùng
Được trí huệ Phật
Thành Đẳng chánh giác.**

Ngài Ca Chiên Diên biện tài vô ngại, luận nghị bậc nhất, sẽ ở đời vị lai, dùng đủ thứ đồ cúng dường trang nghiêm tốt đẹp nhất, để cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Các Đức Phật đó diệt độ rồi, Ngài dùng bảy báu để dựng tháp làm chùa, lại dùng hoa và hương để cúng dường xá lợi của Phật. Thân cuối cùng của Ngài Ca Chiên Diên sẽ được trí huệ của Phật, thành Chánh đẳng chánh giác.

Cõi nước sạch sẽ
Độ thoát vô lượng
Vạn ức chúng sinh
Đều từ mười phương.
Đến để cúng dường
Quang minh Phật đó
Không ai sánh bằng
Phật đó hiệu là.
Diêm Phù Kim Quang
Bồ Tát Thanh Văn
Dứt tất cả cõi
Vô lượng vô số
Trang nghiêm nước đó.

Cõi nước của Ngài rất thanh tịnh sạch sẽ, độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh, có hàng vạn ức chúng sinh đều từ mười phương đến cúng dường Ngài.

Quang minh và trí huệ của Phật đó hơn hết tất cả, cho nên hiệu là Diêm Phù Kim Quang. Các chúng đại Bồ Tát, hàng Thanh Văn, đều đã đoạn trừ cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, số đông vô lượng vô biên, đều đến trang nghiêm cõi nước của Phật đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng : Nay ta nói với các ông, Đại Mục Kiền Liên này, sẽ dùng đủ thứ đồ cúng dường, để cúng dường tám ngàn các đức Phật, cung kính tôn trọng. Các đức Phật đó diệt độ rồi, đều xây dựng tháp miếu, cao một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, bảy báu tạo thành.

Dùng các thứ chuỗi hoa, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng báu, tràng phan, để cúng dường. Việc làm đó xong rồi, lại cúng dường hai trăm vạn ức các đức Phật, cũng lại như thế.

Khi đó, Phật lại bảo đại chúng nói : Hôm nay ta muốn nói với các ông rằng, tôn giả Đại Mục Kiền Liên ở đời vị lai, sẽ dùng đủ thứ đồ cúng dường để cúng dường tám ngàn vị Phật. Ngài dùng tâm cung kính tôn trọng như là cúng dường. Sau khi các Đức Phật đó diệt độ rồi, Ngài lại dựng tháp làm chùa, cao một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Đều dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, để tạo thành.

Ngài lại dùng đủ thứ hoa, chuỗi, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng thêu, tràng phan, để cúng dường tháp chùa. Cúng dường những tháp chùa đó rồi, Ngài lại tiếp tục như ở trên, cúng dường hai trăm vạn ức các Đức Phật.

Sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Sau khi Ngài cúng dường hai trăm vạn ức các Đức Phật rồi, sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai. Đa Ma La là tiếng Phạn, nghĩa là "tự tính thanh tịnh, bụi trần chẳng nhiễm". Chiên Đàn Hương là một thứ gỗ thơm tối thượng nhất.

Kiếp tên là Hỉ Mãn. Nước tên là Ý Lạc. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, rải các thứ hoa trên châu, khắp nơi đều sạch sẽ, ai thấy cũng đều hoan hỉ. Rất đông trời người, các chúng Bồ Tát và Thanh Văn số đông vô lượng.

Kiếp tên là Hỉ Mãn. Vì trong kiếp đó đầy đầy sự vui thích, cho nên cõi nước cũng có tên là Ý Lạc. Mặt đất cõi nước đó, dùng pha lê tạo thành, bảy hàng cây báu trang nghiêm. Từ trên trời rải xuống các thứ hoa bằng trên châu, khắp nơi đều sạch sẽ, ai thấy được nước đó, cũng đều sinh tâm hoan hỉ vui thích. Có rất đông trời người, Thanh Văn và Bồ Tát không thể nào tính kể hết được.

Phật sống lâu hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Đức Phật đó sống lâu đến hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp. Khi Phật nói đoạn

kinh trên đây xong rồi, lại muốn dùng kỹ thuật lại khiến cho đại chúng hiểu rõ hơn.

Đệ tử ta đây
Đại Mục Kiền Liên
Bỏ thân này rồi
Được thấy tám ngàn.
Hai trăm vạn ức
Chư Phật Thế Tôn
Vì thành Phật đạo
Cung kính cúng dường.
Ở chỗ chư Phật
Thường tu phạm hạnh
Trong vô lượng kiếp
Phụng trì Phật pháp.
Chư Phật diệt rồi
Dựng tháp bảy báu
Cao rộng tốt đẹp
Dùng các hương hoa.
Kỹ nhạc cúng dường
Tháp chùa chư Phật.

Vị đại đệ tử Mục Kiền Liên của ta đây, khi bỏ thân này rồi, sẽ được gặp tám nghìn hai trăm vạn ức các Đức Phật Thế Tôn. Vì tu thành Phật đạo, Ngài rất cung kính cúng dường tất cả các vị Phật. Ngài ở trước các Đức Phật, thường học theo các Đức Phật, tu phạm hạnh thanh tịnh, ở trong vô lượng kiếp, Ngài nhất tâm phụng trì Phật pháp. Khi các Đức Phật diệt độ rồi, Ngài lại xây tháp chùa bằng bảy báu, cao rộng tốt đẹp trang nghiêm. Dùng các thứ hoa, hương, kỹ nhạc, để cúng dường những tháp chùa đó.

**Dần dần đầy đủ
Bồ Tát đạo rồi
Ở nước Ý Lạc
Mà được thành Phật
Hiệu Đa Ma La
Bạt Chiên Đàn Hương
Phật đó sống lâu
Hai mươi bốn kiếp.**

Ngài dần dần đầy đủ viên mãn lục độ vạn hạnh, hàng sinh ở nước Ý Lạc mà thành Phật đạo, hiệu là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Phật. Vì Ngài tại nhân địa tu hành thanh tịnh, cho nên được thanh tịnh trang nghiêm không nhiễm, trên thân thoảng ra mùi hương chiên đàn, Phật đó sống lâu hai mươi bốn tiểu kiếp.

Thường vì trời người
Diễn nói Phật đạo
Thanh Văn vô lượng
Như cát sông Hằng.
Có oai đức lớn
Ba minh sáu thông
Bồ Tát vô số
Chí bền tinh tấn.
Đều chẳng thối chuyển
Nơi trí huệ Phật.

Ngài thường vì trời người diễn nói Phật pháp, trong cõi nước của Ngài có vô lượng chúng hàng Thanh Văn, đông nhiều như cát sông Hằng, các Ngài đều đầy đủ tam minh, lục thông và có đủ tướng oai đức, lại có vô lượng số đại Bồ Tát, các Ngài chí nguyện đều bền vững, dũng mãnh tinh tấn, đắc được trí huệ vô lượng của Phật, đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật diệt độ rồi
Chánh pháp trụ thế.
Bốn mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng thế

Các đệ tử ta
Oai đức đầy đủ.
Số đông năm trăm
Đều được thọ ký
Ở đời vị lai
Đều được thành Phật.
Ta và các ông
Đời trước có duyên
Nay ta sẽ nói
Các ông khéo nghe.

Phật đó diệt độ rồi, chánh pháp lưu lại thế gian bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng như thế.

Trong các vị đệ tử của ta, có năm trăm vị đầy đủ tướng oai đức, đều được thọ ký, ở đời vị lai sẽ được thành Phật. Ta với các ông đều có nhân duyên trong quá khứ, cho nên nay ta phải nói với các ông pháp này. Các ông phải khéo lắng nghe cho kỹ.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

“Hóa” là từ huyễn hóa mà ra, chứ chẳng phải thật có. Nó từ tinh thần giác ngộ triệt để của Phật hiển hiện ra. Nghĩa là gì ? Tức là muốn hàng nhị thừa phát đại tâm, xa lìa hiện chúng tất cả tướng, Phật hiện ra cảnh giới vi diệu không thể nghĩ bàn. Kỳ thật, Phật vốn nói “hóa thành” chẳng tồn tại, như nay hóa hiện ra, cho nên tên phẩm này là “Phẩm Hóa Thành Dụ”.

Trước hết, chúng ta phải hiểu hóa thành này, vốn một vật cũng chẳng có, nó là hư vọng không thật, nên gọi là hóa thành, do Phật biến hóa ra. Phật mở bày môn phương tiện này, để cứu độ chúng sinh, đều chẳng phải là chân thật. Một thật pháp môn đại thừa mới là mục đích cứu kính.

Có người hỏi : “Nếu tất cả đều không chân thật, vậy ích lợi của nó ở chỗ nào?” ? Nếu bạn chẳng hiểu rõ gì là không chân thật, thì bạn cũng chẳng cách chi tìm ra

được chân thật. Hóa thành này là ví dụ pháp môn nhị thừa : Pháp của hành Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa. Vì pháp nhị thừa này đều là pháp của Phật phương tiện dẫn dắt, cho nên nói hóa thành này là vì hàng nhị thừa nói hữu dư Niết bàn chẳng cứu kính. Ý nghĩa Niết Bàn là không sinh không diệt.

Phật dùng phương tiện trí huệ mở bày ra pháp nhị thừa. Tại sao ? Ví như chúng ta đi học phải từ tiểu học đến trung học, từ trung học đến đại học. Hàng nhị thừa giống như trình độ tiểu học, Bồ Tát thừa thuộc về trình độ trung học, Phật thừa thì trình độ cao nhất, tức cũng là đại học. Thật chẳng phải đại học có thể so sánh. Phật pháp vốn chẳng có gì cao thấp, song Phật dùng pháp môn phương tiện để dẫn dắt tất cả chúng sinh, giống như trẻ con, trước hết phải để cho chúng học tiểu học, hấp thụ được kiến thức tiểu học.

Trong Phật pháp, mục tiêu và điểm chủ yếu nhất là thấy, thấy cả chúng sinh đều có Phật tính, đều sẽ thành Phật. Song, nếu Phật ban đầu nói pháp này cho chúng sinh nghe, thì chúng sinh chắc chắn sẽ sợ khổ chẳng muốn tin nhận, tâm sinh sợ hãi, cho nên Phật mở bày pháp môn quyền xảo phương tiện, để giáo hóa dẫn dụ chúng sinh.

Có bốn phương pháp để giải thích ý nghĩa Phật nói phẩm này :

1. Căn cứ nhân duyên.
2. Căn cứ về chính yếu của giáo pháp.

3. Căn cứ về căn tính của chúng sinh.
4. Căn cứ quán sát tâm hạnh của tất cả chúng sinh.

1- Căn cứ về nhân duyên : Chúng sinh dừng lại ở trên con đường tu hành, chẳng muốn tiến bước về trước, trụ nơi pháp không, cho rằng đã đạt được chỗ cứu kính, đây là một quan niệm của hàng nhị thừa, các Ngài đạt được hữu dư Niết Bàn, làm cảnh giới cao nhất vô thượng, cho nên Phật khai quyền hiển thật, phá chấp trước của các Ngài, khiến cho các Ngài thâm nhập đại trí huệ tạng của Phật, liễu ngộ pháp chân thật chẳng có thể tính, vì hàng nhị thừa trên đường tu đạo chẳng tiến bước nữa, mà bỏ giữa đường, do đó Phật dùng pháp môn phương tiện, dùng “hóa thành” làm “thành tạm nghỉ” cho hàng nhị thừa, để họ khỏi đọa lạc vào đường ác, do đó tạm thị hiện “hoá thành”.

2- Căn cứ về chính yếu của giáo pháp : Hàng nhị thừa coi giáo pháp của tiểu thừa, là giáo pháp viên mãn nhất, cho rằng hữu dư Niết Bàn là vô dư Niết Bàn, cứu kính không sinh không diệt, cho nên họ chỉ nguyện tự cầu giải thoát, mà chẳng muốn độ thoát chúng sinh, Phật thấy họ là tiêu nha bại chủng của Phật giáo, nên Phật chê trách hàng nhị thừa, chẳng giống như Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha. Bồ Tát rất sợ tất cả sáu nẻo chúng sinh đọa lạc vào đường ác, cho nên luôn luôn cứu độ chúng sinh, thoát khỏi biển khổ, Bồ Tát có tâm từ bi bình đẳng, có tinh thần vô úy đảo giá từ thuyên, phát nguyện “độ hết tất

cả chúng sinh, mới chúng Bồ đề'', mà Phật muốn hàng nhị thừa cũng hồi tiểu hướng đại, phát tâm đại Bồ đề, học hạnh Bồ Tát, cho nên phải vì họ nói ra giáo pháp đại thừa.

3- Căn cứ vào căn tính chúng sinh : Phật là đấng Thế Tôn đại từ đại bi, khi Phật thành đạo rồi, trong hai mươi một ngày, vì Bồ Tát đại thừa mà nói Kinh Hoa Nghiêm.

Lúc đó hàng nhị thừa có mắt chẳng thấy được Lô Xá Na, có tai chẳng nghe được giáo lý viên đốn, đủ thấy căn tính của hàng nhị thừa cạn hẹp. Song, Phật chẳng muốn bỏ không cứu độ một chúng sinh nào, cho nên vì hàng nhị thừa nói pháp tứ diệu đế và mười hai nhân duyên, để cho các Ngài tinh tấn tu hành, tăng trưởng căn lành, siêu phàm nhập thánh, cuối cùng mới hiển bày một thừa giáo pháp chân thật.

4- Căn cứ quán sát tâm hạnh của tất cả chúng sinh: Phật quán sát tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể sẽ thành Phật, nên mới khai quyền hiển thật, nói bộ Kinh Pháp Hoa này, để phá trừ chấp trước và tâm ích kỷ tự lợi của chúng sinh, chẳng chướng ngại cơ hội các Ngài thành Phật.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo rằng : Về thuở quá khứ, vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai,

Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Nước đó tên là Hảo Thành, kiếp đó tên là Đại Tướng.

Các Tỳ Kheo ! Đức Phật đó diệt độ đến nay, rất là lâu xa.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo các chúng Tỳ Kheo rằng : Trong quá khứ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn.

Lúc đó, có một vị Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ngài có thần thông quảng đại và đại trí huệ, đầy đủ mười hiệu của Phật, tức là :

Như Lai : Như như bất động, tịch chiếu thường minh, biểu thị thể tính đức.

Ứng Cúng : Những gì cần làm đã làm xong, biểu thị từ bi nguyện đức.

Chánh Biến Tri : Lý trí vô ngại, viên dung khắp hết thảy, đầy đủ chánh tri chánh kiến, chẳng có gì mà không biết, biểu hiện lý trí đức.

Minh Hạnh Túc : Minh tức là được quả bồ đề vô thượng, hạnh túc là giới huệ đầy đủ, biểu thị tu nhân đắc quả đức, cũng gọi là biểu thị thần thông đức.

Thiện Thệ Thế Gian Giải : Vào vô dư Niết Bàn, biết rõ tất cả việc hữu tình và phi hữu tình, biểu thị đoạn chứng trí đức.

Vô Thượng Sĩ : Trong tất cả chúng, Phật là vô thượng, biểu thị trụ vị đức.

Điều Ngự Trượng Phu : Dùng lời dịu hòa, lời khổ thiết, khiến cho họ vào đường lành, biểu thị giáo chủ đức.

Thiên Nhân Sư : Như mặt trời chiếu khắp, hết thảy đều được lợi ích, đạo sư của trời người, biểu thị phổ lợi đức.

Phật : Ba giác cứu kính viên mãn, biểu thị giác quả đức.

Thế Tôn : Vạn đức tròn, phước đức đầy, bậc tôn kính của thế gian và xuất thế gian, biểu thị viên mãn đức.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng có một cõi nước tên là Hảo Thành, vì nhân dân trong cõi nước của Ngài đều rất thiện lương, kiếp đó tên là Đại Tướng.

Các Tỳ Kheo ! Vị Phật đó, ở trong kiếp quá khứ lâu xa không thể nói, đã vào cảnh giới Niết Bàn không sinh không diệt, thời gian bao lâu ? Phật nói ra ví dụ ở dưới đây.

Ví như tất cả đất đai của ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử có người đem mài ra thành mực, rồi đi qua phương đông, cách một ngàn cõi nước, mới chấm xuống một

chút, lớn như hạt bụi. Rồi đi qua một ngàn cõi nước nữa, lại chấm xuống một chút. Như thế, lần lượt chấm hết mực mài bằng đất đai, ý của các ông nghĩ sao ? Các cõi nước đó, hoặc thầy toán, hoặc đệ tử của thầy toán, có thể biết được bờ mé của số đó chăng ?

Không vậy, đức Thế Tôn.

Các Tỳ Kheo ! Cõi nước của người đó đi qua, hoặc chấm mực, hoặc không chấm mực, đều nghiền hết ra làm bụi, cứ một hạt bụi là một kiếp. Từ khi đức Phật đó diệt độ đến nay, lại lâu hơn số đó, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp.

Ví như, có người dùng cối nước ba ngàn đại thiên thế giới mài ra thành mực, rồi đi qua phương đông cách một ngàn cõi nước, thì chấm xuống một chấm mực nhỏ như hạt bụi, lại trải qua một ngàn cõi nước, lại chấm xuống một chấm mực, cứ như thế chấm hết số mực đã mài ra, có tính đếm được số cõi nước chấm mực chăng ? Bạn thấy như thế nào ? Giả sử, nhà toán thuật, hoặc đệ tử của họ cùng nhau tính đếm số mực này, họ có tính được số mực này chăng ? Tất cả các vị Tỳ Kheo đều thưa : “Không thể được, đức Thế Tôn”.

Các chúng Tỳ Kheo ! Cõi nước của người đó đi qua, có chấm mực hoặc không chấm mực, đều nghiền ra làm bụi, dùng một hạt bụi làm một kiếp, mà Phật Đại Thông Trí Thắng đã vào Niết Bàn, trải qua số kiếp lâu hơn số đó, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A Tăng kỳ kiếp.

Ta dùng sức tri kiến của Như Lai, xem thuở lâu xa đó, như ngày hôm nay.

Phật là bậc Nhất thiết trí, dùng thiên định tam muội, nên đức Phật thấy kiếp lâu xa như thế, như ngày hôm nay, chẳng lâu dài.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

**Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lương Túc Tôn
Hiệu Đại Thông Trí Thắng.**

Khi đó, đức Phật muốn thuật lại ý nghĩa kinh trường hàng ở trên, nên dùng kệ để nói.

Ta nhớ thuở trong đời quá khứ vô lượng vô biên kiếp số, có một vị Phật, đầy đủ phước huệ viên mãn, Phật đó hiệu là Đại Thông Trí Thắng Phật.

Như người dùng sức mài

Ba ngàn cõi đại thiên
Hết tất cả đất đai
Thả đều làm thành mực.
Qua khỏi ngàn cõi nước
Mới chấm xuống chút mực
Lần lược chấm như thế
Hết sạch số mực đó.
Các cõi nước như thế
Chấm mực hoặc chẳng chấm
Lại nghiền ra làm bụi
Một bụi là một kiếp.
Kiếp số lâu xa kia
Lại nhiều hơn số bụi
Phật đó diệt đến nay
Vô lượng kiếp như thế.

Ví như có người đem cõi nước ba ngàn đại thiên thế giới, đều mài ra làm mực, sau đó đi qua một ngàn cõi nước, chấm xuống một chấm nhỏ, rồi lại đi qua một ngàn cõi nước, cũng chấm xuống một chấm mực, cho đến lần lược chấm hết số mực đó. Các cõi nước người đó đi qua, chấm mực hoặc chẳng chấm mực, đều nghiền ra làm bụi,

mỗi hạt bụi là một kiếp, Phật Đại Thông Trí Thắng diệt độ đến nay, nhiều hơn số bụi đó vô lượng kiếp.

**Trí vô ngại của Phật
Biết Phật đó diệt độ
Và Thanh Văn Bồ Tát
Như thấy nay diệt độ.
Các Tỳ Kheo nên biết!
Trí Phật tịnh vi diệu
Vô lậu chẳng gì ngại
Thông đạt vô lượng kiếp.**

Phật đầy đủ trí huệ viên dung vô ngại, đều biết Phật Đại Thông Trí Thắng và hàng Thanh Văn Bồ Tát đã diệt độ, như thấy được các Ngài hiện tại vừa diệt độ. Các Tỳ Kheo ! Các ông phải biết trí huệ của Phật rất thanh tịnh, vi tế và áo diệu, chẳng có lậu, cũng chẳng có gì quái ngại, thông đạt vô lượng số kiếp.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo ! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, sống lâu năm trăm bốn mươi vạn ức Na do tha kiếp. Khi đức Phật đó, ngồi đạo tràng phá ma quân rồi, sắp được đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

mà các Phật pháp chẳng hiện ra ở trước, đức Phật ngồi kiết già như thế một tiểu kiếp, cho đến mười tiểu kiếp, thân và tâm đều bất động, mà các Phật pháp cũng chẳng hiện ra.

Bảy giờ, chư thiên cõi trời Đao Lợi, trước đã vì đức Phật đó, làm tòa sư tử ở dưới cội bồ đề cao một do tuần. Đức Phật ngự lên tòa đó, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Khi Phật ngồi lên tòa đó, thì các vị Phạm Thiên Vương mưa xuống các hoa trời, khắp một trăm do tuần. Gió thơm lại đến thổi đi các hoa héo, rồi mưa xuống hoa tươi, cứ như thế không ngừng, trọn mười tiểu kiếp, để cúng dường đức Phật. Cho đến sau khi đức Phật diệt độ, vẫn luôn luôn mưa xuống các hoa trời.

Bốn vị Tứ Thiên Vương vì cúng dường đức Phật, mà thường đánh trống trời, còn các vị trời khác, thì tấu nhạc trời, trọn mười tiểu kiếp, đến khi đức Phật diệt độ cũng lại như thế.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo các Tỳ Kheo ở trong hội rằng : Phật Đại Thông Trí Thắng sống lâu đến năm trăm bốn mươi vạn ức Na do tha kiếp. Khi Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi dưới Bồ Đề đạo tràng, phá tất cả ma quân rồi. Phàm là người tu đạo chứng quả, đều phải trải qua cửa ải ma khảo nghiệm. Phật Thích Ca Mâu Ni, trước khi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng phải trải qua sự khảo nghiệm. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội Bồ đề nhập định, thì ma vương phái một đám biến thành thiếu nữ xinh đẹp, để nhiễu loạn thiền định của Phật.

Lúc đó, Phật đã đoạn sạch tất cả mọi dục niệm và vọng tưởng, xa lìa sự ràng buộc. Quán vạn sự vạn vật trong vũ trụ như mộng như huyễn, hà huống là đối với một đám mỹ nữ ở trước mặt, càng như như bất động, liễu liễu thường minh, Phật bèn nói với chúng rằng: “Tuy bây giờ các người còn trẻ đẹp đẽ, song khi về già thì tóc bạc mặt nhăn xấu xí như bà lão, các người bất quá chỉ là túi da hôi thối chứa đầy đồ dơ bẩn mà thôi” ! Khi đám mỹ nữ nghe Phật nói như thế, thì chúng biết mỹ nhân kế của chúng chẳng thành công, do đó chúng nhìn xem diện mạo của chúng, thì quả nhiên biến thành những bà già xấu xí, bỏ nhau chạy đi hết.

Trước khi tất cả các vị thành Phật đạo, đều phải trải qua sự khảo nghiệm, cho nên hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo, mới đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác. Lúc đó, Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi kiết già, thân tâm bất động, nhập định, song vẫn chưa thành Phật đạo, cho nên Phật pháp chưa xuất hiện ra trước, như thế trải qua một tiểu kiếp, cho đến mười tiểu kiếp, Phật pháp vẫn chưa hiện tiền.

Bấy giờ, chư thiên cõi trời Đao Lợi, vì Đức Phật đó, chuẩn bị thiết lập tòa sư tử dưới cội bồ đề, cao một do tuần (bốn mươi dặm). Đức Phật bèn ngồi trên tòa đó, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc đó, chư thiên Phạm Thiên Vương mưa xuống các hoa trời, rải khắp nơi một trăm do tuần, một trận gió thơm thổi đến, thổi các hoa héo đi, lại mưa xuống các hoa tươi, tiếp tục như thế không ngừng, trọn mười tiểu kiếp để cúng dường Phật.

Sau khi Phật diệt độ rồi, chư thiên vẫn mưa hoa trời xuống như thường lệ. Khi đó, Tứ Thiên Vương thường đánh trống trời, tấu nhạc trời để cúng dường Phật, còn chư thiên các cõi trời khác, thì thường tấu đủ thứ nhạc trời, tiếp tục như thế trọn mười tiểu kiếp, cho đến khi Phật diệt độ rồi cũng lại như thế.

Các Tỳ Kheo ! Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười tiểu kiếp, các Phật pháp mới hiện ra ở trước, thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật Thích Ca lại bảo các Tỳ Kheo nói rằng : Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười tiểu kiếp, Phật pháp mới xuất hiện ở trước, Ngài mới thật sự thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì chúng sinh, chuyển đại pháp luân.

Khi đức Phật đó chưa xuất gia, thì có mười sáu người con. Người con thứ nhất tên là Trí Tích. Các người con đều có đồ chơi tốt đẹp, quý báu lạ thường, nghe cha đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều bỏ đồ chơi báu lạ, đi đến chốn Phật. Các bà mẹ khóc rơi lệ, đi theo tiễn đưa. Ông nội của các vị đó, là chuyển luân thánh vương, với một trăm vị đại thần, và trăm ngàn vạn ức nhân dân khác, đều cùng nhau vây quanh theo đến đạo tràng. Đều muốn gần gũi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Đến rồi, thấy đều cuối đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, nhiều Phật xong rồi, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, dùng kệ nói rằng.

Trước khi vị Phật đó chưa xuất gia, thì Ngài có mười sáu người con. Người con cả thứ nhất tên là Trí Tích. Ngài đầy đủ đại trí huệ, mỗi người con đều có công đức báu phước đức quý khác nhau, đầy đủ đồ chơi quý báu đẹp lạ.

Song, khi các vị đó nghe người cha đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều lập tức bỏ hết các đồ chơi quý báu đẹp lạ, đi đến chỗ Phật thành đạo. Bà mẹ của các Ngài khóc lóc rơi lệ, cùng đi với các Ngài đến gặp Phật. Tại sao bà mẹ đau buồn như thế ? Vì mười sáu người con của bà ta, đều muốn bỏ mẹ đi theo Phật tu đạo.

Lúc đó, ông nội của các Ngài là Chuyển Luân Thánh Vương, dẫn một trăm vị đại thần và trăm ngàn vạn ức nhân dân, đều cùng vây quanh để đi đến đạo tràng nơi Phật thành đạo, để gần gũi Phật Đại Thông Trí Thắng, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Phật. Đến chốn Phật rồi, tất cả đều năm thể sát đất, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Sau đó, dùng bài kệ để tán thán Phật.

**Thế Tôn oai đức lớn
Vì cứu độ chúng sinh
Trong vô lượng ức kiếp
Nay mới được thành Phật.**

Các nguyên đã đầy đủ
Hay thay lành vô thượng
Thế Tôn rất ít có
Một phen ngồi mười kiếp.
Thân thể và tay chân
Vắng lặng yên chẳng động
Tâm Phật thường lặng lẽ
Chưa từng có tán loạn.
Rốt ráo hằng tịch diệt
An trụ pháp vô lậu
Ngày nay thấy Thế Tôn
An ổn thành Phật đạo.
Chúng con được lợi lành
Rất hơn hở vui mừng
Chúng sinh thường khổ não
Đui mù không đạo sư.
Chẳng biết đạo dứt khổ
Không biết cầu giải thoát
Ngày đêm thêm nẻo ác
Tổn giảm chúng chư thiên.
Từ tối vào nơi tối

**Trọn chẳng nghe tên Phật
Nay Phật được vô thượng
Đạo an ổn vô lậu.
Chúng con và trời người
Vì được lợi lành lớn
Cho nên đều cuối đầu
Quy mạng đấng Vô Thượng.**

Đức Thế Tôn là bậc có đại oai đức nhất trong thế gian, vì cứu độ tất cả sáu nẻo chúng sinh chịu khổ trong mười phương, mà trải qua vô lượng ức kiếp trang nghiêm vạn hạnh, mới được thành Phật đạo, đầy đủ viên mãn thế nguyện đã phát ra từ trước. Cho nên, nói: Nếu ai chân chánh muốn phát tâm tu đạo, thì phải phát đại thế nguyện. Mười phương chư Phật thành tựu Phật quả, đều phát thế nguyện vô thượng và tâm bồ đề rộng lớn, tại sao chúng ta ở trong sự tu đạo chịu khổ chẳng được ? Hoặc sinh tâm thối chuyển ? Vì chúng ta chẳng thật sự đem chân tâm ra để tu đạo, chưa từng phát tâm thế nguyện kim cang kiên cố Ba la mật.

Phật là bậc cát tường thù thắng nhất, vô thượng nhất, rất hiếm có trên thế gian. Phật hay nhập vào thiền định thâm sâu, như thế trải qua mười tiểu kiếp thời gian lâu dài, song thân thể tay chân của Phật vẫn vắng lặng an nhiên chẳng động, tâm của Ngài xa lìa tất cả điên đảo

mộng tưởng, chẳng có ô nhiễm một chút bụi, cho nên chẳng tán loạn.

Phật rốt ráo đắc được viên giác vĩnh hằng, an trụ ở trong thường tịch quang, lấy pháp vô lậu, mở bày hàng nhị thừa. Như hôm nay chúng con được thấy Đức Thế Tôn an ổn thành tựu Phật đạo, vì đắc được lợi ích tốt lành, cho nên chúng con biểu lộ vui mừng hơn hở.

Tất cả sáu nẻo chúng sinh thường chịu các sự thống khổ bức bách, như người mù, mất đi đạo sư dẫn dắt, chẳng biết con đường lìa khổ, chẳng biết làm thế nào để ra khỏi sinh tử luân hồi, cứ tạo tội nghiệp chùng chất. Chúng sinh điên đảo trầm luân ở trong đường ác, bị vô minh che lấp đi trí huệ Phật tính, tội nghiệp chướng ngại, cho nên chẳng nghe được hồng danh của Đức Phật.

Như nay Phật đắc được vô thượng, Phật đạo an ổn, chúng con và tất cả trời người như tối có đèn, đều được lợi ích rất lớn, cho nên chúng con năm thể sát đất, cuối đầu đánh lễ, một lòng quy mạng đấng Thế Tôn Vô Thượng.

Khi chúng ta một lòng quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo, tức là bắt đầu học tập Phật pháp, trước hết phải khử trừ ‘ngã tướng’. Ví như phải xả mình vì người, chẳng tồn tâm tổn người lợi mình .v.v. Tất cả phiền não đều do chấp trước vào ngã tướng (tướng ta) tham dục mà khởi, song phải làm cho được chẳng còn có tướng ta, thật không dễ dàng. Cho nên, chúng ta phải đem thân tâm tính mạng quy y Tam Bảo, nương theo pháp của Phật nói mà tu

hành, thì nhất định phải xả bỏ ngã chấp, và ba độc tham sân si phiền não, được vô vi khoái lạc tự tại hằng thường, chẳng còn thọ thân sau nữa.

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử nói kệ khen đức Phật rồi, bèn thỉnh cầu đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, đều thưa rằng : Đức Thế Tôn thuyết pháp được nhiều sự an ổn, thương xót lợi ích các trời người, lại nói kệ rằng.

Khi mười sáu vị vương tử khen ngợi Đức Phật rồi, các Ngài lại thỉnh Phật chuyển bánh xe diệu pháp. Chuyển bánh xe pháp như thế nào ? Diễn nói bốn diệu đế, mười hai nhân duyên, cho đến sáu độ Ba la mật kinh điển giáo nghĩa, giải nói nghĩa lý Phật pháp, đều là chuyển bánh xe pháp; còn có nhiều phương tiện là khổ được vui, tứ thiên bát định .v.v. Chuyển bánh xe pháp như hộ trì Tam bảo, khen ngợi Tam Bảo, tuyên dương Phật pháp, khuyên người khác tín ngưỡng Phật giáo .v.v., đó đều là chuyển bánh xe pháp lợi ích chúng sinh.

Mười sáu vị đồng tử lại dị khẩu đồng âm nói: ‘Đức Thế Tôn ! Thỉnh Ngài vì chúng con nói Phật pháp vô thượng, khiến cho chúng con tất cả chúng sinh được an ổn, xin Ngài thương xót và lợi ích tất cả trời người.’ Lại nói kệ khen ngợi Phật.

Thế Tôn chẳng ai bằng
Trăm phước tự trang nghiêm
Được trí huệ vô thượng
Xin vì thế gian nói.
Độ thoát cho chúng con
Và các loài chúng sinh
Vì phân biệt hiển bày
Khiến được trí huệ Phật.
Nếu chúng con thành Phật
Chúng sinh cũng như thế
Thế Tôn biết chúng sinh
Nghĩ gì trong thâm tâm.
Cũng biết họ nguyện gì
Lại biết sức trí huệ
Ưu muốn và tu phước
Nghệp tạo ra đời trước.
Thế Tôn biết cả rồi
Nên chuyển pháp vô thượng.

Phật là đấng Thánh hùng xuất thế gian. Chúa Đại hùng thế gian không thể sánh với đại Thánh Tôn ! Ba A Tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trồng ruộng phước, vạn

đức trang nghiêm tướng tốt, đầy đủ oai nghi. Phật là Đại Thánh hùng vô thượng của thế gian, cho nên xưng là “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”. Vì Phật trong ba A tăng kỳ kiếp tu phước huệ, trong trăm kiếp vun bồi tướng tốt trang nghiêm viên mãn, Phật đắc được trí huệ vô thượng, cho nên Phật vì tất cả chúng sinh thế gian nói ra pháp vi diệu, khiến cho chúng con xa lìa biển khổ, sớm lên bờ giác ngộ. Vì nhân duyên của mười hai loài chúng sinh, đều hiển bày khác nhau, khiến cho chúng con đắc được trí huệ vô thượng, Phật quả bồ đề.

Nếu chúng con đều thành Phật đạo, thì tất cả sáu nẻo chúng sinh thấy đều như thế. Đức Thế Tôn biết rõ tâm của tất cả chúng sinh, nghĩ gì và nguyện gì, Phật biết hết sức trí huệ của họ có bao nhiêu, nghĩ muốn được bao nhiêu thiện lạc, tích tập bao nhiêu phước đức, tạo bao nhiêu tội nghiệp, cho nên Phật đều biết đều thấy, nên Phật chuyển bánh xe pháp.

Phật bảo các Tỳ Kheo ! Khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì trong mười phương, mỗi phương đều có năm vạn ức thế giới của chư Phật, có sáu thứ chấn động. Trong các cõi nước đó, chỗ tối tăm ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu đến, mà nay đều

sáng rực rỡ. Chúng sinh ở trong đó đều thấy nhau, đều nói rằng : Trong đây tại sao bỗng sinh ra chúng sinh ? Và cung điện của chư Thiên, cho đến cung điện của Phạm thiên, trong các cõi đó, đều có sáu thứ chấn động. Quang minh chiếu khắp đầy các thế giới, sáng hơn ánh sáng của chư Thiên.

Phật Thích Ca lại bảo các Tỳ Kheo rằng: “Khi Phật Đại Thông Trí Thắng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì trong mười phương, mỗi phương đều có năm trăm vạn ức thế giới của chư Phật, đều hiện sáu thứ chấn động.

Lúc đó, trong tất cả cõi nước đó, phàm là chỗ nào tối tăm, ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu đến được, thì nay đều xuất hiện ánh sáng. Chúng sinh ở đây thấy rõ được tất cả, họ bèn nói rằng: “Chúng sinh từ đâu đến”? (kì thật trước kia họ sống trong bóng tối, có cũng chẳng thấy, cho nên nói chẳng có chúng sinh tồn tại. Bây giờ, bỗng có ánh sáng, mới thấy có chúng sinh khác).

Lại nữa, ở trong phạm vi những cõi nước đó, tất cả Thiên cung cho đến cung điện của Phạm thiên, đều hiện sáu thứ chấn động, được quang minh chiếu khắp, đầy các thế giới. Quang minh đó sáng hơn tất cả quang minh của

chư Thiên, hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng mấy ngàn vạn lần.

Bấy giờ, ở phương đông năm trăm vạn ức cõi nước, các cung điện của cõi trời Phạm thiên, có ánh sáng chiếu sáng gấp bội hơn ánh sáng thường. Các vị Phạm Thiên Vương đều nghĩ : Hôm nay ánh sáng chiếu đến cung điện, từ xưa chưa từng có, bởi nhân duyên gì mà hiện tượng này ? Lúc đó, các Phạm Thiên Vương đều đi đến với nhau cùng bàn về việc này. Khi đó, trong chúng có một vị Phạm Thiên Vương, tên là Cứu Nhất Thiết, vì các chúng Phạm Thiên mà nói kệ rằng.

Khi đó, ở phương đông các cung điện của trời Phạm Thiên, trong năm trăm vạn ức cõi nước, đều được ánh sáng chiếu sáng, ánh sáng đó hơn ánh sáng thường gấp ngàn vạn lần.

Lúc đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương đều sinh ra hoài nghi : ‘‘Như hôm nay cung điện của chúng ta có ánh sáng này, từ xưa chưa từng có, bởi nhân duyên gì mà nay hiện ra tướng điềm lành này’’?

Do đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương, đều tự tìm đến cùng nhau, thảo luận về việc ánh sáng chiếu đến cung điện. Lúc đó, trong chúng trời Phạm Thiên Vương, có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Cứu Nhất Thiết, vì tất cả chúng Phạm Thiên mà nói ra bài kệ.

**Các cung điện chúng ta
Ánh sáng xưa chưa có
Đây là nhân duyên gì ?
Thấy đều cùng nhau tìm.
Là trời đại đức sinh
Hay Phật hiện ra đời ?
Mà ánh sáng lớn này
Chiếu khắp trong mười phương.**

Các cung điện của chúng ta được ánh sáng chiếu đến, đây là ánh sáng không thể nghĩ bàn chưa từng có. Đây là nhân duyên gì ? Chúng ta đều cùng nhau đi tìm ánh sáng này từ đâu đến ? Theo ý của tôi thì, đây có thể là một vị đại đức Thánh nhân ra đời, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời, nên mới có ánh sáng như thế, chiếu khắp mười phương thế giới.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức các cõi nước, cùng với

cung điện, ai nấy đều dùng túi y đựng đầy các hoa trời, đồng đi đến hướng tây để tìm tướng ánh sáng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, tại đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư Thiên, Long vương, Càn thác bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... đều cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử, thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương đông, đều mang theo cung điện của họ cùng bay đi. Phạm là người trời đều có thể bay đi tự tại, chẳng những như thế, mà họ còn có thể mang theo cung điện của họ cùng đi, rất thuận tiện tự tại, và họ còn dùng túi đựng đầy các hoa trời, đồng đi đến phương tây, để tìm nguồn gốc tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử tại đạo tràng dưới cội Bồ đề.

Lúc đó, tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thác Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và chẳng phải người .v.v... đều cùng nhau đến cung kính vây quanh Đức Phật. Họ lại thấy mười sáu vị vương tử, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Tức thời, các vị Phạm Thiên Vương cuối đầu đánh lễ đức Phật, nhiều trăm ngàn vòng, liền lấy hoa trời rải trên đức Phật, hoa rải xuống nhiều như núi Tu Di, cùng để cúng dường cây bồ đề của Phật. Cây bồ đề đó cao mười do tuần, cúng dường hoa xong, ai nấy đều đem cung điện dâng lên đức Phật đó, mà bạch rằng : Xin đức Phật thương xót lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin đức Phật hãy nhận để ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Thế tôn rất ít có
Khó có thể gặp được
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả.
Đại sư của trời người
Thương xót nơi thế gian
Các chúng sinh mười phương

Khắp đều được lợi ích.
Chúng con đều đến từ
Năm trăm vạn ức cõi
Xả bỏ vui thiên đình
Vì cúng dường đức Phật.
Chúng con phước đời trước
Cung điện rất tốt đẹp
Nay dâng lên Thế Tôn
Cúi xin thương nhận ở.

Khi đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương, đều đánh lễ dưới chân đức Phật, cung kính đi nhiễu chung quanh Đức Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời của họ rải ở trên thân Đức Phật, hoa rải ra nhiều như núi Tu Di, lại dùng hoa trời để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cây Bồ đề đó cao mười do tuần, cúng dường như thế rồi, các vị Đại Phạm Thiên Vương, ai nấy đều đem cung điện mà họ ưa thích nhất, để dâng cúng Đức Phật.

Sau đó nói: “Chư Phật từ bi thương xót chúng con, lợi ích cho chúng con mà nhận cung điện của chúng con dâng cúng.” Nói xong rồi, tất cả vị Phạm Thiên Vương đều quỳ xuống ở trước Phật, một lòng đồng tiếng, nói kệ.

Đức Thế Tôn ! Ngài là đấng Thánh Tôn ít có nhất trên đời, rất khó gặp nhất, Phật đầy đủ vô lượng công đức nên thành Phật. Chúng ta tất cả chúng sinh, cũng phải đầy

đủ vô lượng công đức, mới có cơ hội gặp được Phật. Phật hay cứu hộ tất cả chúng sinh, Ngài là đạo sư của trời người, Phật hay từ bi thương xót tất cả chúng sinh thế gian, hay lợi ích khắp tất cả chúng sinh.

Chúng con tất cả các Phạm Thiên Vương, từ năm vạn ức cõi nước đến đây, vì muốn tìm ánh sáng này, cho nên bỏ sự vui thiên định thâm sâu. Nếu người tu đạo, một ngày chẳng chứng được cảnh giới vui thiên định, thì thái độ đều cầu thả, người chân chánh đắc được vui thiên định, thì rất hoan hỉ tham thiên đả tọa. Thấy tất cả thế gian vạn sự vật đều rất an lạc, mà các chư Thiên này, tuy chứng được thiên định, song chưa dứt sinh tử thoát khỏi tam giới, do đó, khi họ thấy được ánh sáng này, ai nấy cũng đều muốn bỏ vui thiên định, để đi tìm nguyên do của ánh sáng này, cũng vì muốn cúng dường Phật mà đến, lại nói với Phật : Chúng con thuở xưa tại nhân địa, tu các phước báu, mới có được cung điện tốt đẹp trang nghiêm này, hiện nay gặp được Phật, chúng con dâng cúng cung điện này lên Đức Phật, cúi xin Phật thương xót tiếp nhận sự cúng dường của chúng con.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều nói : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, độ thoát cúng sinh, mở đường Niết Bàn. Lúc đó,

các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh nói kệ rằng.

**Thế hùng Lương Túc Tôn
Cúi xin diễn nói pháp
Dùng sức đại từ bi
Độ chúng sinh khổ não.**

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương nói bài kệ khen Đức Phật rồi, họ cùng nhau bạch rằng: ‘‘Cúi xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp, độ thoát tất cả chúng sinh chịu khổ, xin Phật từ bi mở con đường Niết bàn’’. Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương lại một lòng đồng thanh nói ra bài kệ.

Đức Thế Tôn ! Ngài là đấng Đại Thánh Hùng vô thượng trong thế gian, vạn đức viên mãn, phước huệ đều đủ. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con chúng sinh diễn nói diệu pháp, hy vọng nhờ sức đại từ bi của Đức Thế Tôn, để độ thoát sự khổ ràng buộc của chúng con và chúng sinh, đều ra khỏi biển khổ sinh tử, sớm lên bờ giác ngộ.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời.

Lại nữa, các Tỳ Kheo ! Phương đông nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Vương, đều thấy ánh sáng chiếu sáng cung điện của mình, từ xưa chưa từng có, thấy đều hớn hở vui mừng, sinh tâm hy hữu, bèn cùng nhau đi đến bàn về việc này.

Lúc đó, trong chúng đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương, tên là Đại Bi, vì các chúng Phạm Thiên mà nói kệ rằng.

Việc này nhân duyên gì ?
Mà hiện tướng như thế
Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chưa từng có.
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời ?
Chưa từng có tướng này
Nên cùng một lòng tìm.
Qua ngàn vạn ức cõi
Theo luồng sáng tìm đến
Phần nhiều Phật ra đời
Độ thoát chúng sinh khổ.

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời, sự thỉnh cầu của các vị Phạm Thiên Vương.

Phật nói : Ở phương đông nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương, đều thấy các cung điện của họ, đều hiện ánh sáng chiếu sáng, từ xưa chưa từng có, do đó họ đều hớn hở vui mừng, sinh tâm hy hữu. Họ tụ lại với nhau cùng thảo luận vấn đề này.

Lúc đó, ở trong chúng hội đó, có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi, vì tất cả các Phạm Thiên Vương, mà nói ra bài kệ.

Việc này rất là thù thắng, cho nên hiện tướng điềm tốt này, chiếu đến cung điện của chúng ta. Ánh sáng này từ xưa chưa từng có, chắc chắn là có vị đại đức từ trên trời hàng sinh xuống, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời. Đây là cảnh giới chúng ta chưa từng thấy qua, nên cùng nhau đi tìm nguyên do.

Do đó, trải qua ngàn vạn ức cõi nước, để đi tìm nguyên nhân của ánh sáng đó. Theo sự suy đoán của tôi, phần nhiều chắc chắn là có vị Phật xuất hiện ra đời, để độ thoát tất cả chúng sinh khổ não.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước, đều mang theo cung điện đi với, ai nấy cũng đều dùng túi đựng đầy hoa trời, cùng đi đến phương tây

bắc, để tìm tướng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thác bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... thấy đều cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử, đang thỉnh đức Phật chuyển pháp luân.

Lúc đó, ở phương đông nam, năm trăm vạn ức các Phạm Thiên Vương đều mang theo cung điện của họ, cùng nhau đi tìm ánh sáng này. Mỗi vị Đại Phạm Thiên Vương, đều dùng túi đựng đầy hoa trời, chuẩn bị dùng để rải hoa cúng dường mười phương chư Phật, họ đều đi về hướng tây bắc để tìm tướng ánh sáng đó.

Lại thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề. Tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thác Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người .v.v., đều cung kính vây quanh Đức Phật, lại thấy mười sáu người con của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe diệu pháp.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương cuối đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật trăm ngàn vòng, bèn dùng

hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cùng cúng dường cây bồ đề của Phật, cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện dâng lên cúng dường đức Phật đó, mà bạch rằng : Cúi xin đức Phật thương xót lợi ích chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin đức Phật hãy nhận.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Lúc đó, hết thảy các vị Đại Phạm Thiên Vương đánh lễ dưới chân của Đức Phật, và nhiều trăm ngàn vòng. Nhiều Phật xong rồi, thì dùng hoa trời của họ mang đến rải lên thân Phật, hoa rải lên cúng Phật nhiều như núi Tu Di, chẳng những cúng dường Đức Phật, mà còn cúng dường cây Bồ đề của Phật.

Cúng dường rồi, mỗi vị Đại Phạm Thiên Vương đều đem cung điện của họ mang đến, dâng lên cúng dường Phật Đại Thông Trí Thắng, và nói : ‘‘Cúi xin đức Phật từ bi thương xót chúng con, lợi ích chúng con, hiện nay cung điện dâng cúng là cung điện báu đẹp của chúng con, xin Phật hãy nhận lãnh’’. Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước, ở trước đức Phật một lòng

đồng cất tiếng, dùng kệ để khen ngợi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

Thánh chúa Thiên trung vương
Tiếng ca lảnh tần già
Thương xót các chúng sinh
Chúng con nay kính lễ.
Thế Tôn rất ít có
Lâu xa hiện một lần
Một trăm tám mươi kiếp
Trải qua chẳng có Phật.
Đầy đầy ba đường ác
Chúng chư thiên giảm bớt
Nay Phật hiện ra đời
Mắt sáng của chúng sinh.
Chỗ thế gian nương tựa
Cứu hộ thủy mọi loài
Cha lành của chúng sinh
Thương xót làm lợi ích.
Chúng con nhờ phước xưa
Nay được gặp Thế Tôn.

Phật cũng gọi là Thánh Chúa, tức là Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên, cho nên còn gọi là Thiên Trung Vương. Ca lãng tần già là tiếng Phạn, dịch là "tiếng chim hay". Ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà có loài chim này, thường dùng tiếng hay của nó, để tuyên dương pháp âm, tiếng của Phật thuyết pháp khiến cho người thích nghe, ai nghe được thì tâm tĩnh lặng, cũng giống như nghe được tiếng hay tốt của loài chim này, mà âm thanh đại từ bi của Phật thương xót tất cả chúng sinh.

Chúng con năm trăm vạn ức các Phạm Thiên Vương, nay hướng về đức Thế Tôn kính lễ. Đức Thế Tôn ! Ngài rất là ít có, rất khó được gặp ! Vì Phật trải qua số kiếp lâu xa, mới xuất hiện ra đời. Theo chỗ chúng con biết, thì trong một trăm tám mươi kiếp đã qua, đều chẳng có Phật xuất hiện ra đời. Do đó, chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ngày càng nhiều, song chư thiên chúng con ngày càng ít. Bây giờ, Phật xuất hiện ra đời, mà trước kia chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác đều vì họ chẳng nghe được pháp âm, chẳng phân biệt được thị phi trắng đen, tạo các nghiệp ác, vì chẳng có ai dẫn dắt họ, cho nên họ mê hoặc ở trong đen tối, Phật là thiện tri thức mắt sáng của tất cả chúng sinh, cho nên khi Phật xuất hiện ra đời, thì tất cả chúng sinh, đều được Phật chỉ dẫn con đường thoát khỏi đen tối nguy hiểm. Chúng sinh trong ba đường ác sẽ giảm bớt, còn chúng sinh ba đường lành sẽ thêm nhiều.

Tất cả chúng sinh thế gian đều về nương tựa với Phật, hướng về bờ đề giác đạo, Phật cứu hộ tất cả chúng sinh, cho nên Phật là cha đại từ bi của chúng con, còn chúng con đều là con bất hiếu của Phật.

Song, Phật rất thương xót lợi ích chúng con, nguyện độ chúng con sớm lên bờ giác. Chúng con các chư Thiên, đều vì đời trước đã từng làm công đức và việc lành, cho nên đời này mới may mắn được gặp Phật. Hiện nay chúng con nghe được pháp của Phật nói, đều do nhân duyên căn lành đời trước.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch rằng :
Cúi xin đức Thế Tôn thương xót tất cả,
chuyển bánh xe pháp, độ thoát chúng sinh.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Đại Thánh chuyển pháp luân
Hiển bày các pháp tướng
Độ chúng sinh khổ não
Khiến được vui mừng lớn.
Chúng sinh nghe pháp này
Đắc đạo hoặc sinh thiên
Các đường ác giảm dần

Người khéo nhẫn thêm nhiều.

Lúc đó, hết thấy các vị Đại Phạm Thiên Vương, của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương đông nam, dùng kệ khen ngợi đức Phật rồi, bèn bạch Phật rằng : ‘‘Hiện nay chúng con chỉ mong cầu Phật thương xót tất cả chúng sinh, vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp, dạy chúng con như thế nào để liễu sinh thoát tử, ly khổ đặc lạc.’’ Khi đó, tất cả Đại Phạm Thiên Vương một lòng đồng cất tiếng nói ra bài kệ.

Hiện tại, chúng con thỉnh Đức Phật chuyển bánh xe pháp, để giáo hóa chúng sinh. Chỉ rõ cho chúng con thật tướng của tất cả pháp, để độ thoát chúng sinh khổ não, khiến cho họ đều được vui mừng lớn. Chúng sinh nghe được pháp của Phật nói, thì sẽ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử, nếu hay tu đạo, thì có thể sinh về ba đường lành, còn chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác sẽ giảm bớt, người hay tu nhẫn nhục, giữ năm giới tu thập thiện, thì ngày càng thêm nhiều.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời.

Lại nữa, các Tỳ Kheo ! Ở phương nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Vương, đều thấy ánh sáng chiếu sáng cung điện của mình, từ xưa chưa từng có

tướng điềm lành này, ai nấy đều vui mừng hơn hở, sinh tâm hy hữu, bèn cùng nhau tụ lại luận bàn việc này. Vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng này ?

Lúc đó, trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Diệu Pháp, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng.

Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chiếu sáng rực
Đây là nhân duyên gì ?
Tướng này phải tìm cầu.
Trải qua trăm ngàn kiếp
Chưa từng thấy tướng này
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời?

Lúc bấy giờ, Phật Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời. Phật bèn nói: “Này các Tỳ Kheo ! Các Đại Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, ai nấy đều nhìn thấy cung điện của mình ánh sáng chiếu soi, từ trước chưa từng thấy qua tướng điềm lành này, do đó họ đều vui mừng hơn hở, sinh tâm ít có, đều tụ tập lại cùng nhau thảo luận về việc này : Vì

nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng này ? Lúc đó, ở trong hội có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Diệu Pháp, vì chúng hội Đại Phạm Thiên Vương mà nói ra bài kệ.

Hiện nay cung điện của chúng ta ở, phát ra ánh sáng rất sáng rực, ánh sáng này chưa từng thấy qua, chắc chắn là có nhân duyên lớn, cho nên chúng ta phải đi tìm nhân duyên của tướng điềm lành này. Vì trong trăm ngàn kiếp quá khứ, chưa từng thấy qua tướng điềm lành này, đại khái là có bậc đức hạnh lớn, từ trên trời sinh xuống nhân gian, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời.

Bấy giờ, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên Vương, đều mang theo cung điện của họ, và dùng túi y đựng đầy hoa trời, cùng nhau đi về phương bắc, tìm tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... thấy đều vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử đang thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc bấy giờ, các vị Đại Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, đều mang theo cung điện của họ, và y trời của họ, thấy đều đầy ắp hoa trời, thân thể đều phát ra đủ thứ hương thơm, đây là phước báu của họ, lần này họ cũng dùng túi y mang đầy đủ thứ hoa trời, cùng nhau đi về phương bắc, để tìm tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề, thành đạo mà phát ra vô lượng ánh sáng không thể nghĩ bàn này.

Lúc đó, tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thát Bà, (thần nhạc trời), Khẩn Na La (chim đại bàng cánh vàng), Ma Hầu La Già (đại mãng xà), người, chẳng phải người, hết thấy đều cung kính vây quanh Đức Phật.

Lại thấy mười sáu vị vương tử của Phật. Mười sáu vị vương tử này, đều đời đời kiếp kiếp phát nguyện làm con của Phật, hộ trì đạo tràng. Khi Phật thành đạo rồi, lại vì tất cả chúng sinh, thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, đó đều là một thứ nhân duyên thù thắng.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương đánh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, bèn dùng hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cùng để cúng dường cây bồ đề của Phật. Cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện

dâng lên cúng dường đức Phật đó, mà bạch Phật rằng : Cúi xin Phật thương xót, lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin Phật hãy nhận ở. Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, thấy đều năm thể (đầu, hai tay, hai chân) sát đất, cung kính đánh lễ Đức Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, lại dùng hoa trời mà họ mang đến rải lên Đức Phật, hoa rải nhiều như núi Tu Di, và họ còn cúng dường cây bồ đề của Phật. Cúng dường hoa rồi, họ lại dâng cung điện quý báu nhất của họ, để cúng dường đức Phật Đại Thông Trí Thắng, sau đó nói : “Cúi xin đức Thế Tôn đại từ bi thương xót chúng con, tất cả chúng sinh, lợi ích cho chúng con, cung điện của chúng con dâng cúng đây, xin Đức Phật từ bi nhận lấy, thỉnh Đức Phật vào ở trong cung điện này.”

Lúc đó, tất cả Đại Phạm Thiên Vương đều ở trước Phật, một lòng đồng thanh dùng kệ, để khen ngợi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

**Thế Tôn rất khó gặp
Bạc phá các phiền não**

Qua trăm ba mươi kiếp
Nay mới gặp một lần.
Các chúng sinh đối khác
Đều thấm nhuần mưa pháp
Xưa chưa từng gặp Phật
Bậc vô lượng trí huệ.
Như hoa ưu đàm bát
Hôm nay mới gặp được
Các cung điện chúng con
Nhờ ánh sáng nghiêm sức.
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin hãy nhận ở.

Trăm ngàn vạn kiếp rất khó gặp được Phật. Phật là bậc đại giác ngộ, đã phá trừ tất cả vô minh phiền não, tức cũng là bậc đại từ bi, hay phá tất cả phiền não của chúng sinh. Chúng con trải qua một trăm ba mươi đại kiếp đến nay, mới được gặp Phật, tất cả chúng sinh đối khác ở trong ba đường ác, đều được đượm nhuần mưa pháp của Phật, thuở xưa chưa từng gặp được Phật Pháp Tăng. Đức Thế Tôn là bậc vô lượng vô biên đại trí huệ, như hoa Ưu Đàm Bát chẳng dễ gì gặp được, mà chúng con nay gặp được Phật. Cung điện mà chúng con ưa thích đây, nay gặp được Phật, đều nguyện xả bỏ cung điện, nhờ quang minh

của Phật trang nghiêm cung điện chúng con, thỉnh cầu đức Thế Tôn phát tâm đại từ bi thương xót, xin hãy nhận cung điện này.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch Phật rằng : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, khiến cho tất cả thế gian chư Thiên, ma vương, Phạm Vương, Sa môn, Bà la môn, đều được an ổn mà được giải thoát.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh, nói bài kệ rằng.

Cúi xin Thiên Nhân Tôn
Chuyển pháp luân vô thượng
Đánh vang trống pháp lớn
Thổi lên ốc pháp lớn.
Rưới khắp mưa pháp lớn
Độ vô lượng chúng sinh
Chúng con đều thỉnh cầu
Nói tiếng pháp sâu xa.

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương dùng kệ khen ngợi Phật rồi, họ khác miệng cùng tiếng nói:

“Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con, tất cả chúng sinh, chuyển bánh xe diệu pháp, khiến cho tất cả thế gian, các Thiên chúng, ma, Phạm vương, Sa môn, Bà La môn, đều được an ổn và khoái lạc, và được thoát khỏi khổ ba đường ác”.

Lúc đó, tất cả chúng Đại Phạm Thiên Vương, một lòng đồng thanh dùng kệ để khen ngợi Phật : Chúng con cúi xin Phật Thế Tôn, được trời người tôn kính, vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp vô thượng, đánh trống pháp lớn, thổi ốc pháp lớn. Như âm thanh này sẽ vang khắp tận hư không, thậm chí chư Thiên ở trên trời, đều nghe được pháp âm này rất rõ ràng. Mưa pháp vũ xuống khắp mọi nơi, chỉ có pháp vi diệu của Phật, mới độ thoát được vô lượng vô biên chúng sinh. Chúng con thấy đều một lòng quy y Phật, thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, xin Phật hãy vì chúng con diễn nói pháp âm sâu xa nhất.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời. Phương tây nam cho đến phương dưới, cũng lại như thế.

Bấy giờ, phương trên có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Thiên Vương, đều tự thấy ánh sáng, chiếu sáng rực cung điện của mình, từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở, sinh tâm hy hữu, đều tự lại

cùng nhau bàn về việc đó. Vì nhân duyên gì, mà cung điện của chúng ta có ánh sáng đó ?

Lúc đó, ở trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương, tên là Thi Khí, vì các chúng Đại Phạm Thiên, mà nói bài kệ rằng.

Nay bởi nhân duyên gì ?
Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chiếu sáng rực
Trang nghiêm chưa từng có.
Diệu tướng lạ như thế
Xưa nay chưa nghe thấy
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời ?

Bấy giờ, Phật Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời. Phương tây nam cho đến phương dưới cũng đều như thế. Lúc đó, phương trên có các vị Đại Phạm Thiên Vương, của năm trăm vạn ức cõi nước, đều thấy tướng ánh sáng chiếu sáng cung điện của họ, từ xưa chưa từng có, thấy rồi rất vui mừng hơn hở, sinh tâm ít có. Họ đều muốn biết nguyên do cảnh giới thù thắng này, do đó các vị Đại Phạm Thiên Vương cùng nhau tụ lại để thảo luận,

vì nhân duyên gì mà cung điện của họ đều có ánh sáng này ?

Lúc đó, ở trong hội đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi Khí, vì tất cả chúng Đại Phạm Thiên mà nói ra bài kệ.

Hiện nay, vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta, được ánh sáng chiếu rọi rõ ràng nghiêm từ xưa chưa từng có. Tướng tốt vi diệu này, xưa nay chúng ta chưa từng thấy qua, đại khái chắc là vị đại đức ở trên trời sinh xuống nhân gian, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời.

Khi đó, năm trăm vạn ức các vị Đại Phạm Thiên Vương, ai nấy đều mang theo cung điện của họ, và dùng túi y đựng đầy các hoa trời, cùng nhau đi về phương dưới, để tìm tướng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân, thấy đều cung kính vây quanh đức Phật, và thấy mười sáu vị vương tử đang thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Bấy giờ, ở phương trên có năm trăm vạn ức Đại Phạm Thiên Vương, dùng kệ khen Đức Phật rồi, họ bèn

mang theo cung điện và dùng túi y đựng đầy đủ thứ hoa trời, cùng nhau đi về phương dưới để tìm nguyên nhân tướng này. Kết quả, họ thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cõi bờ đề.

Hết thấy tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân, thấy đều cung kính vây quanh đức Phật. Lại thấy mười sáu người con của đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật trăm ngàn vòng, bèn dùng hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cũng dùng để cúng dường cây bồ đề của Phật, cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện dâng cúng dường đức Phật đó, mà bạch rằng : Cúi xin đức Phật thương xót lợi ích chúng con, cung điện dâng cúng đây xin đức Phật hãy nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương đều đánh lễ Đức Phật, lại nhiễu quanh Đức Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời rải lên trên Đức Phật, hoa rải cúng Phật vô lượng vô biên nhiều như núi Tu Di, chẳng những họ dùng hoa để cúng dường Phật, mà họ còn cúng dường cây Bồ đề của Phật.

Dùng hoa cúng dường xong rồi, ai nấy đều đem cung điện quý báu nhất của họ, dâng lên cúng dường đức Phật Đại Thông Trí Thắng mà bạch rằng: “Chúng con một lòng xin Phật thương xót chúng con, lợi ích chúng con, chúng con nguyện làm công đức trồng phước ở trước Tam Bảo, xin Đức Phật hãy nhận cung điện này để ở.”

Lúc đó, các vị Đại Phạm Thiên Vương ở trước Phật một lòng đồng thanh dùng kệ, để khen ngợi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

**Lành thay gặp được Phật
Đấng Thánh Tôn cứu đời
Thường ở ngục tam giới
Độ thoát các chúng sinh.
Thiên Nhân Tôn trí khắp
Thương xót loài quần mê
Khai mở cửa cam lồ
Rộng độ hết tất cả.**

Thuở xưa vô lượng kiếp
Trải qua chẳng có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường đen tối.
Ba đường ác thêm nhiều
A tu la cũng thịnh
Chúng chư thiên bớt đi
Chết nhiều đọa đường ác.
Chẳng theo Phật nghe pháp
Thường làm những việc ác.

Chúng con cảm thấy may mắn muôn phần, được gặp Phật. Phật là đấng Thánh Tôn cứu vớt chúng sinh khổ ở thế gian, hay khiến tất cả chúng sinh thoát ra khỏi dục giới, sắc giới, và vô sắc giới, ba cõi ngục tù liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Phật cũng là bậc Đạo Sư đầy đủ đại trí huệ, từ bi, khắp hết thấy trời người, thương xót tất cả chúng sinh hữu tình vô tình, phát tâm đại từ bi, khai mở pháp môn cam lồ, khiến cho tất cả chúng sinh được nghe pháp yếu mà bỏ mê về giác.

Phật là từ bi bình đẳng, cho nên rộng độ vô lượng Hằng hà sa số tất cả chúng sinh. Thuở xưa trải qua vô lượng vô biên đại kiếp, chưa từng có Phật xuất hiện ra đời.

Lúc đó, mười phương thế giới đều một màng tối u ám chẳng có ánh sáng, chúng sinh đọa lạc vào địa ngục, ngã quý, súc sinh càng ngày càng nhiều, và đường A tu la cũng rất hưng thịnh, vì chúng sinh chỉ biết tạo nghiệp, chẳng làm mười điều lành, chỉ làm mười điều ác, cho nên chúng chư thiên càng ngày càng giảm bớt. Do đó, đủ thấy đa số chúng sinh chết rồi, đều đọa vào ba đường ác.

Vì tất cả chúng sinh chưa từng thấy Phật, chưa từng nghe pháp, cho nên cũng chẳng biết tu hành như thế nào, chẳng biết giữ giới luật, rộng tu pháp lành, chỉ biết nhận giặc làm con, nhận đen làm trắng, tạo ra nhiều nghiệp ác, thì tự nhiên trông xuống nhiều nhân ác.

Sắc lực và trí huệ
Thả đều giảm bớt dần
Vì tội nghiệp nhân duyên
Mất vui cùng tưởng vui.
Trụ trong pháp tà kiến
Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong đường ác.
Phật là mắt thế gian
Lâu xa mới xuất hiện
Thương xót các chúng sinh

Nên mới hiện ra đời.
Vượt khỏi thành chánh giác
Chúng con rất sung sướng
Và các chúng sinh khác
Vui mừng chưa từng có.
Các cung điện chúng con
Nhờ ánh sáng trang nghiêm
Nay đem dâng Thế Tôn
Xin hãy thương nhận ở.
Nguyện đem công đức này
Hồi hướng khắp tất cả
Chúng con và chúng sinh
Đều cùng thành Phật đạo.

Do đó, chúng con thể suy lực yếu, trí huệ cũng ngày càng giảm bớt, đó đều do nhân duyên tạo ra quá nhiều tội ác. Tự tính vốn an lạc cũng mất đi, lạc vào tà tri tà kiến, chẳng biết thiện tri thức, chẳng được Phật giáo hóa, đời đời kiếp kiếp đều luân hồi ở trong ba đường ác. Phật là thiện tri thức mắt sáng của chúng ta, lâu xa nhiều kiếp mới xuất hiện ra đời. Phật vì thương xót tất cả chúng sinh mà xuất hiện ra đời, tu đạo được thành chánh giác. Chúng con và tất cả chúng sinh đều rất sung sướng, từ xưa chưa từng vui mừng và khen ngợi như thế. Cung điện của

chúng con, nhờ ánh sáng của Phật chiếu sáng trang nghiêm hơn so với lúc trước, cho nên hiện nay chúng con xin dâng lên cúng dường Đức Phật, xin Phật từ bi nhận sự cúng dường này của chúng con, và phát nguyện đem công đức này, hồi hướng khắp tất cả pháp giới chúng sinh, nguyện chúng con và tất cả chúng sinh, đều cùng thành Phật đạo.

Khi đó, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch Phật rằng : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, được nhiều sự an ổn, được nhiều sự độ thoát.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương bèn nói bài kệ rằng.

Thế Tôn chuyển pháp luân
Đánh trống pháp cam lồ
Độ chúng sinh khổ não
Mở bày đường Niết Bàn.
Cúi xin nhận con thỉnh
Dùng âm thanh vi diệu
Thương xót mà diễn nói
Pháp tu vô lượng kiếp.

Lúc đó, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên Vương, dùng kệ khen ngợi Phật rồi, cùng nhau bạch Phật rằng : “Cúi xin đức Thế Tôn, hãy vì chúng con chuyển bánh xe pháp, khiến cho chúng con được an ổn và giải thoát”.

Lúc ấy, tất cả Đại Phạm Thiên Vương dùng kệ để khen ngợi Đức Phật.

Chúng con và tất cả chúng sinh, đều thỉnh cầu Đức Phật chuyển bánh xe diệu pháp, như đánh lên trống pháp cam lồ, để độ thoát tất cả chúng sinh trong ba đường ác, mở bày cho chúng con con đường tu thành Phật không sinh không diệt. Cúi xin đức Thế Tôn hãy nhận lời thỉnh cầu của chúng con, dùng âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn của Ngài, vì chúng con thuyết pháp, và thỉnh cầu đức Thế Tôn thương xót chúng con, mà diễn nói pháp môn tu thành Phật đạo của Phật, tích tập trí huệ tư lương từ vô lượng kiếp đến nay.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhận lời thỉnh cầu của các vị Phạm Thiên Vương trong mười phương, và mười sáu vị vương tử, lập tức ba lần chuyển bánh xe pháp mười hai hành. Dù Sa môn, Bà la môn, hoặc chư Thiên, ma vương, Phạm vương, và các thế gian khác, không thể chuyển được.

Đây là khổ, là khổ tập, là khổ diệt, là khổ diệt đạo, và pháp độ thoát mười hai nhân duyên : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt.

Lúc đó, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhận lời thỉnh cầu của mười phương năm trăm vạn ức các vị Đại Phạm Thiên Vương, và mười sáu vị vương tử, lập tức trước hết nói về pháp Tứ Diệu Đế, vì Tứ Diệu Đế mỗi đế chuyển ba lần, cộng lại thành mười hai lần, nên gọi là ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế mười hai hành.

Chuyển lần thứ nhất gọi là thị chuyển, tức là nói với chúng ta :

- Đây là khổ, tính bức bách.
- Đây là tập, tính chiêu cảm.
- Đây là diệt, tính khả chứng.
- Đây là đạo, tính khả tu.

Chuyển lần thứ hai gọi là khuyến chuyển, tức là khuyên chúng ta :

- Đây là khổ, ông nên biết.
- Đây là tập, ông nên đoạn.
- Đây là diệt, ông nên chứng.
- Đây là đạo, ông nên tu.

Chuyển lần thứ ba gọi là chứng chuyển :

- Đây là khổ, ta đã biết.
- Đây là tập, ta đã đoạn.
- Đây là diệt, ta đã chứng.
- Đây là đạo, ta đã tu.

Bất cứ là Sa Môn, Bà la môn, chư Thiên, ma vương, Đại Phạm Thiên Vương, thậm chí tất cả thiên ma ngoại đạo, đều không thể chuyển được bánh xe pháp Tứ Diệu Đế, chỉ có Phật mới có phương tiện này, pháp được nói ra tức là : Khổ, tập, diệt, đạo. Bốn pháp này lại có khổ pháp nhãn, khổ pháp tập, tập pháp nhãn, tập pháp tập, diệt pháp nhãn, diệt pháp tập, đạo pháp nhãn, đạo pháp diệt, cho nên gọi là bát nhãn pháp tập.

Phật lại rộng nói mười hai nhân duyên, tức là:

- Vô minh duyên hành

- Hành duyên thức
- Thức duyên danh sắc
- Danh sắc duyên lục nhập
- Lục nhập duyên xúc
- Xúc duyên thọ
- Thọ duyên ái
- Ái duyên thủ
- Thủ duyên hữu
- Hữu duyên sinh
- Sinh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Chúng sinh đều thuận theo dòng này mà sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh. Vẫn có cửa diệt:

- Vô minh diệt thì hành diệt
- Hành diệt thì thức diệt
- Thức diệt thì danh sắc diệt
- Danh sắc diệt thì lục nhập diệt
- Lục nhập diệt thì xúc diệt
- Xúc diệt thì thọ diệt
- Thọ diệt thì ái diệt
- Ái diệt thì thủ diệt
- Thủ diệt thì hữu diệt
- Hữu diệt thì sinh diệt
- Sinh diệt thì chẳng có già chết, lo sầu khổ đau

cũng diệt.

Pháp của hàng Thanh Văn tu, là pháp Tứ Diệu Đế, pháp của hàng Duyên Giác tu, là pháp mười hai nhân duyên.

Khi đức Phật ở trong đại chúng trời người nói pháp đó, thì có sáu trăm vạn ức Na do tha người, vì chẳng thọ tất cả các pháp, nên ở nơi các lậu, tâm được giải thoát, đều được thiền định thâm sâu vi diệu, ba minh sáu thông, đủ tám giải thoát.

Khi nói pháp lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thì có ngàn vạn ức Hàng hà sa Na do tha chúng sinh, cũng vì chẳng thọ tất cả các pháp, nên ở nơi các lậu, tâm được giải thoát. Từ đó về sau, các chúng Thanh Văn vô lượng vô biên không thể tính đếm.

Đức Phật vì năm trăm vạn ức chư thiên, các vị Đại Phạm Thiên Vương, và trăm ngàn vạn ức bất khả tư nghì Hàng hà sa số chúng sinh nói pháp Tứ Diệu Đế, và pháp mười hai nhân duyên, thì có sáu trăm vạn ức Na do tha người, đều đã xả bỏ tất cả pháp ác, nên đắc được tất cả pháp lành vô lậu.

Lậu là gì ? Chín lỗ trong thân thể chúng ta, thường thải ra vật dơ dáy cũng thuộc về lậu, như dưới đáy ly có lỗng lỗ thì không thể chứa đầy nước được. Tất cả chúng sinh đều có tám vạn bốn ngàn các lậu, lậu lớn nhất là tham sân si mạn nghi. Có đủ thứ lậu này, thì sinh ra phiền não, có phiền não thì sinh ra vô minh, có vô minh thì chẳng có trí huệ. Nếu ai trừ khử sạch vô minh thì trí huệ Bát nhã sẽ hiện tiền, nếu ai đoạn sạch phiền não, thì biến phiền não thành Bồ đề.

Lúc đó, thân tâm đều được giải thoát, gọi là được lậu tận (sạch lậu). Do sạch hết lậu mà chúng được thiên định này, chẳng phải do từ bên ngoài đến, phải do tự tính tự nhập, tự tính tự độ, tự tu tự liễu, cho nên chẳng cần truy cầu bên ngoài. Bốn địa phong quang của chúng ta, trí huệ vốn có, đều ở trong tự tính của mỗi người, do đó thiên định tức là đắc được sự tĩnh lặng, tiếng Phạn gọi là thiên na, dịch là "tư duy tu", ai đắc được thiên định, thì sẽ đắc được ba minh : Thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh (tất cả tập khí mao bệnh đều chẳng còn nữa, cho nên đoạn tận ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử, đều là đồng tử xuất gia làm Sa di, các căn lanh lợi, trí huệ sáng suốt, đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức các đức Phật, tu phạm hạnh

thanh tịnh, cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, mười sáu vị vương tử, đều còn là đồng tử mà xuất gia làm Sa di. Sáu căn của các Ngài đều lanh lợi, trí huệ rất sáng suốt, ở trong quá khứ đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, đều tu phạm hạnh thanh tịnh, một lòng cầu quả vị vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đều bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vô lượng ngàn vạn ức các đại đức Thanh Văn đó, đều đã thành tựu, đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chúng con nghe rồi đều cùng tu học.

Đức Thế Tôn ! Chúng con chí nguyện đắc được tri kiến của Như Lai, trong thâm tâm nghĩ gì, đức Phật tự chứng biết. Lúc đó, tám vạn ức người trong chúng của vua Chuyển luân thánh vương dẫn đến, thấy mười sáu vị vương tử xuất gia, cũng xin xuất gia, vua bèn chấp nhận.

Mười sáu vị Sa di đó, tức là mười sáu người con của đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đều cùng nhau theo Phật xuất gia tu đạo. Các Ngài và năm trăm vạn ức Đại Phạm Thiên Vương và trăm ngàn vạn ức trời người hết thảy đại chúng đồng thanh nói : ‘Đức Thế Tôn ! Hiện tại, có vô lượng ngàn vạn ức chúng đại Thanh Văn ở trong đạo tràng này, ở trong quá khứ các Ngài đều đã từng làm rất nhiều công đức và việc lành, cho nên đầy đủ vô lượng phước đức. Song, hiện tại còn sinh tâm hoài nghi, mình đã chứng được quả vị Niết Bàn chưa ? Đức Thế Tôn ! Ngài hãy vì chúng con, tất cả hàng Thanh Văn nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật, để chúng con cũng cùng nhau hướng về đại đạo Niết bàn. Chúng con nghe pháp của Phật nói rồi, sẽ cùng nhau y theo pháp tu hành.

Đức Thế Tôn ! Hết thảy hàng Thanh Văn chúng con, có một chí nguyện là nguyện được chánh tri chánh kiến của Phật. Phật sớm đã biết, cho nên mong rằng Phật phát tâm đại từ bi thương xót chúng con, tất cả chúng sinh, mà nói pháp vi diệu vô thượng này.’

Lúc đó, tám vạn ức người do vua Chuyển Luân Thánh Vương (cha của Phật Đại Thông Trí Thắng) thống lãnh đến chỗ Đức Phật, thấy mười sáu vị vương tử phát tâm xả bỏ đất nước của cải, để xuất gia tu đạo cũng phát tâm muốn xuất gia tu đạo.

Lúc đó, vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng rất vui mừng đáp ứng yêu cầu của họ. Vua Chuyển Luân

Thánh Vương thấy họ thành tâm tu đạo, cũng phát tâm làm hộ pháp cho họ, cúng dường cho họ, nài là các đồ ăn uống, quần áo, thuốc thang, mền chiếu .v.v.

Bấy giờ ! Đức Phật đó nhận lời thỉnh cầu của các vị Sa di, trải qua hai vạn kiếp sau, mới ở trong bốn chúng nói Kinh Đại Thừa này, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. nói kinh này rồi, mười sáu vị Sa di đều vì quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà cùng nhau thọ trì đọc tụng thông thuộc.

Lúc đó, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, thọ nhận lời thỉnh pháp của mười sáu vị Sa di, trải qua hai vạn kiếp sau, Ngài mới ở trước bốn chúng : Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, nói bộ kinh đại thừa này tên là Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp này giáo hoá Bồ Tát tu học pháp đại thừa, được Phật hộ niệm. Khi Phật nói ra bộ kinh này rồi, thì mười sáu vị Sa di lập tức tu đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các Ngài đều một lòng thọ trì Kinh Pháp Hoa, và còn đọc tụng thuộc lòng thông suốt, vì người giảng nói.

Lúc nói kinh đó, thì mười sáu vị Bồ Tát Sa di đều tin nhận thọ trì, trong chúng hàng Thanh Văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra, ngàn vạn ức loại chúng sinh đều sinh tâm nghi hoặc.

Đức Phật nói kinh đó, suốt tám ngàn kiếp chưa từng ngừng nghỉ, nói kinh đó rồi, bèn vào tịnh thất, trụ trong thiền định tám vạn bốn ngàn kiếp.

Lúc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, thì mười sáu vị Sa di đều vui mừng tin nhận thọ trì. Ở trong chúng hàng Thanh Văn, có những người nghe được pháp của Phật nói, đều khoáng nhiên đại ngộ, song cũng có ngàn vạn ức loại chúng sinh tâm còn nghi hoặc.

Phật Đại Thông Trí Thắng nói bộ kinh này, trải qua tám ngàn đại kiếp thời gian lâu dài như thế, mà chưa từng ngừng nghỉ. Chắc chắn một số người sẽ nghĩ : Tại sao Phật Đại Thông Trí Thắng, phải trải qua tám ngàn kiếp mới nói xong Kinh Pháp Hoa này, mà Phật Thích Ca Mâu Ni bất quá chỉ tốn tám năm, thì nói xong bộ Kinh Pháp Hoa này ? Đây bất quá chỉ là tri kiến của chúng sinh, phân biệt ra thời gian dài ngắn. Trên thật tế, thì Bồ Tát vì hay dùng sức trí huệ, cho nên nhỏ làm lớn được, lớn làm

nhỏ được, dùng ngàn vạn kiếp làm một ngày, và dùng một ngày làm vô lượng kiếp, hà hướng là Phật ? Vốn chẳng có dài cũng chẳng có ngắn, hay dài cũng hay ngắn, mà là chúng sinh dùng tâm thức để phân biệt tất cả các pháp. Cho nên nói, Phật Đại Thông Trí Thắng và Phật Thích Ca Mâu Ni đồng nói một bộ Kinh Pháp Hoa.

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng nói xong bộ kinh này, thì Ngài vào thiền định, trụ ở trong thiền định tám vạn bốn ngàn đại kiếp.

Lúc đó, mười sáu vị Bồ Tát Sa di, biết đức Phật nhập thất vắng lặng ở trong thiền định, ai nấy đều lên pháp tòa, cũng trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp, vì bốn chúng rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mỗi vị đều độ sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ được lợi ích và vui mừng phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, mười sáu vị Bồ Tát Sa Di biết Phật đã nhập cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh, mới phát tâm vì Phật hoàng dương bộ Kinh Pháp Hoa này, bắt đầu dâng lên pháp tòa diễn nói kinh này. Các Ngài trải

qua tám vạn bốn ngàn kiếp, vì hết thầy hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phân biệt rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, độ thoát sáu trăm vạn ức Na do tha Hàng hà sa chúng sinh, mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ được lợi ích vui mừng, phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp, rời từ tam muội dậy, đi đến pháp tòa, ngồi ngay thẳng bảo khắp đại chúng : Mười sáu vị Bồ Tát Sa di này, rất là hy hữu, các căn lanh lợi, trí huệ sáng suốt, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức các đức Phật. Ở chỗ chư Phật thường tu phạm hạnh, thọ trí huệ của Phật, mở bày cho chúng sinh, cũng khiến cho họ được như thế.

Trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp sau, Phật Đại Thông Trí Thắng từ tam muội xuất định, đi đến pháp tòa của Ngài ngồi ngay thẳng, bảo các đại chúng: ‘Mười sáu vị Bồ Tát Sa di này, rất là hy hữu, sáu căn đều dụng với nhau, sáng suốt thông đạt tất cả các pháp, ở trong quá khứ, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức các Đức Phật, trông gốc công đức. Ở tại đạo tràng của mỗi vị Phật, thường tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường thọ trì trí huệ

của chư Phật, nguyện mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, cùng đắc được trí huệ quang minh viên dung vô ngại.”

Các ông đều phải gần gũi cúng dường các vị ấy. Tại sao ? Vì nếu hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, và các Bồ Tát đó, tin kinh pháp của mười sáu vị Bồ Tát này nói, thọ trì chẳng sinh tâm hủy báng, thì người đó, sẽ được trí huệ Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Phật bảo đại chúng: “Sở dĩ các ông nên thường gần gũi cúng dường mười sáu vị Bồ Tát Sa Di, là vì, nếu như có hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, hoặc các đại Bồ Tát, tin thọ pháp của mười sáu vị Bồ Tát Sa di này nói, y theo pháp tu hành, chẳng sinh tâm hủy báng, thì những người như thế, đều sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khai mở đại trí huệ của Phật.”

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : Mười sáu vị Bồ Tát này, thường ưa thích diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Mỗi vị Bồ Tát, giáo hóa sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh. Đời đời sinh ra đều gặp các vị Bồ Tát này, theo các Ngài nghe pháp, thấy

đều tin hiểu. Nhờ nhân duyên đó, được gặp bốn vạn ức các đức Phật Thế Tôn, đến nay vẫn chưa hết.

Phật lại bảo các chúng Tỳ Kheo: ‘‘Mười sáu vị Bồ Tát Sa Di này, rất thích nói Kinh Pháp Hoa này, các Ngài mỗi vị đều giáo hóa sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều phát hoàng nguyện, đời đời kiếp kiếp muốn theo các Ngài tu đạo, và đích thân nghe Phật vì họ giải nói bộ kinh này, nhờ nhân duyên đó, mà được gặp bốn vạn ức các Đức Phật Thế Tôn đồng tu một chỗ.

Như hôm nay các Ngài còn dùng diệu pháp đại thừa lợi ích chúng sinh, viên mãn thệ nguyện của các Ngài.’’

Các Tỳ Kheo ! Nay ta nói với các ông : Mười sáu vị Sa di đệ tử của đức Phật đó, đều đã được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiện đang nói pháp ở trong cõi nước mười phương. Có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng Bồ Tát, và Thanh Văn làm quyến thuộc.

Hai vị làm Phật ở phương đông, vị thứ nhất hiệu là A Súc, ở nước Hoan Hỉ. Vị thứ hai hiệu là Tu Di Đỉnh. Hai vị Phật ở phương đông nam, một vị hiệu là Sư Tử Âm, vị thứ hai hiệu là Sư Tử Tướng.

Này các Tỳ Kheo ! Nay tôi phải nói với các vị, mười sáu vị Sa di của Phật Đại Thông Trí Thắng, sớm đã chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện nay đều đang thuyết pháp ở trong cõi nước mười phương, có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ Tát và Thanh Văn làm quyến thuộc của các Ngài. Có hai vị Sa Di thành Phật, ở phương đông, vị thứ nhất hiệu là A Súc. A Súc là tiếng Phạn, dịch là "Bất động tôn", tức là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Đức Phật này thành tựu Phật đạo ở nước Hoan Hỉ. Vị Sa Di thứ hai hiệu là Tu Di Đỉnh. Lại có hai vị Sa Di thành Phật ở phương đông nam, vị thứ nhất hiệu là Sư Tử Âm Phật, vị thứ hai hiệu là Sư Tử Tướng Phật.

Hai vị Phật ở phương nam, vị thứ nhất hiệu là Hư Không Trụ, vị thứ hai hiệu là Thường Diệt. Hai vị Phật ở phương tây nam, vị thứ nhất hiệu là Đế Tướng, vị thứ hai hiệu là Phạm Tướng. Hai vị Phật ở phương tây, vị thứ nhất hiệu là A Di Đà, vị thứ hai hiệu là

Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Hai vị Phật ở phương tây bắc, vị thứ nhất hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai hiệu là Tu Di Tướng. Hai vị Phật ở phương bắc, vị thứ nhất hiệu là Vân Tụ Tại, vị thứ hai hiệu là Vân Tụ Tại Vương. Vị Phật ở phương đông bắc hiệu là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy, vị Phật thứ mười sáu chính là ta Thích Ca Mâu Ni Phật, ở cõi Ta Bà, thành quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hai vị Sa Di thành Phật ở phương nam, một vị hiệu là Hư Không Trụ, một vị hiệu là Thường Diệt. Hai vị thành Phật ở phương tây nam, một vị hiệu là Đế Tướng Phật, một vị hiệu là Phạm Tướng Phật. Phương tây cũng có hai vị Phật, một vị hiệu là A Di Đà Phật. A Di Đà là tiếng Phạn, dịch là "Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang", tức là trí huệ và phước đức của Ngài vô lượng vô biên, một vị hiệu là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não Phật. Lại có hai vị Sa Di thành Phật ở phương tây bắc, một vị hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông. Đa Ma La Bạt là tiếng Phạn, dịch là "Tính vô cấu nhiễm", tức là ví dụ Ngài như một vị Thánh Hiền tự tính chẳng có trần cấu.

Chiên đàn hương là một thứ hương, một vị hiệu là Tu Di Tướng Phật. Hai vị Sa Di thành Phật ở phương bắc, một vị hiệu là Vân Tụ Tại Phật, một vị hiệu là Vân Tụ Tại Vương Phật. Vị Phật ở phương đông bắc hiệu là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy Phật. Vị Sa Da Di thứ mười sáu, tức là ta Thích Ca Mâu Ni Phật, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở cõi Ta Bà.

Các Tỳ Kheo ! Lúc chúng ta làm Sa di, thì mỗi người giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa chúng sinh, theo ta nghe pháp, vì đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Những chúng sinh đó, nay có người trụ ở bậc Thanh Văn. Ta thường giáo hóa đạo Vô thượng chánh giác, những người đó nhờ pháp này, mà dần dần vào Phật đạo. Tại sao ? Vì trí huệ của Như Lai khó tin khó hiểu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói với các Tỳ Kheo, khi chúng ta làm Sa Di, thì mỗi người đã giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa số chúng sinh. Những chúng sinh đó, theo chúng ta nghe pháp, bèn hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Theo

căn tính khác nhau của họ, hoặc chậm hoặc mau, song sẽ đều đạt đến đại giác viên mãn cứu kính.

Những chúng sinh đó, trong đó có những vị đã trụ ở bậc Thanh Văn, ta cũng thường giáo hóa họ hướng về quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khiến cho họ dần dần đều vào Phật đạo.

Tại sao ? Vì trí huệ của Như Lai khó tin khó hiểu. Khó tin nên chẳng dễ gì tu, khó hiểu nên chẳng dễ gì chứng quả.

Vô lượng Hằng hà sa chúng sinh được giáo hóa thuở đó, tức là hàng Tỳ Kheo các ông. Sau khi ta diệt độ rồi, ở đời vị lai hàng đệ tử Thanh Văn cũng vậy. Ta diệt độ rồi, lại có đệ tử chẳng nghe kinh này, chẳng biết chẳng hay sở hành của Bồ Tát, tự ở nơi công đức của mình được, tưởng là diệt độ sẽ vào Niết bàn.

Ta thành Phật ở nước khác, bèn có tên khác, người đó tuy tưởng là diệt độ vào Niết Bàn, mà ở cõi kia cầu trí huệ của Phật được nghe kinh này, chỉ dùng Phật thừa mà được

diệt độ, chẳng có thừa nào khác, trừ khi các đức Như Lai phương tiện thuyết pháp.

Chúng ta giáo hóa vô lượng chúng sinh như số cát sông Hằng thuở đó, tức là hàng Tỳ Kheo các ông, sau khi ta diệt độ rồi, hàng Tỳ Kheo Thanh Văn ở đời vị lai cũng sẽ chứng được quả A La Hán.

Phật pháp đều nói về nhân quả, nếu chẳng có nhân, thì chẳng có quả. Trước khi Đức Phật Thích Ca chưa thành Phật, đã giáo hóa vô lượng chúng sinh. Mỗi lần ra đời, thì hiện thân Tỳ Kheo đi khắp nơi hoàng dương Phật pháp, giảng kinh thuyết pháp, khiến cho những chúng sinh đó tín ngưỡng, họ cảm thấy Phật còn thân thiết hơn cha mẹ của họ, bèn phát nguyện thường theo vị ‘pháp thân cha mẹ’ này.

Đức Phật Thích Ca dùng tâm đại từ bi bình đẳng, nhiếp thọ chúng sinh, pháp duyên của Ngài ngày càng tăng rộng, quả vị ngày càng cao lớn, cho nên cuối cùng hôm nay công thành đức tựu, thành Phật đạo, đệ tử của Ngài với Ngài tức duyên rất sâu. Họ đời đời kiếp kiếp đều theo Phật chuyển pháp luân, ủng hộ Phật pháp. Khi Phật thành Phật, thì đệ tử của Ngài đều đến ủng hộ.

Vạn sự vạn vật đều nhờ duyên mới sinh. Cho nên trong Phật giáo có câu rằng :

‘Chư pháp tùng duyên khởi,
Chư pháp tùng duyên diệt,

Ngã Phật đại sa môn,
Thường tác như thị thuyết”.

Nghĩa là :

*“Các pháp do duyên sinh,
Các pháp do duyên diệt,
Phật của ta là Sa môn,
Thường hay nói như thế”.*

Đức Phật tiếp tục nói : Sau khi ta diệt độ, vẫn có đệ tử chẳng nghe bộ Kinh Pháp Hoa này, vì họ thích tiểu thừa, cho nên đối với pháp đại thừa Bồ Tát, họ chẳng biết chẳng hay. Song, do công đức của họ làm được, hoặc công đức do sự ngời thiên họ tưởng là được diệt độ sẽ vào Niết Bàn, hoặc họ sẽ chứng được quả vị quyền xảo phương tiện, tức hữu dư Niết Bàn, mà cho rằng đây là giải thoát cứu kính.

Khi ta ở nước khác thành Phật, thì có danh hiệu khác. Những hàng Thanh Văn này, tuy nghĩ là diệt độ, cho rằng mình đã nhập Niết Bàn (cảnh giới không sinh không diệt), mà ở cõi kia cầu trí huệ của Phật, được nghe kinh này.

Song, nhờ họ ở cõi nước kia cầu trí huệ của Phật, cũng nghe được bộ kinh này. Chỉ dùng một Phật thừa mà được diệt độ, chứ chẳng có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa mới là chân chánh Niết bàn, mà chẳng phải hàng Thanh Văn rơi vào một bên lý không, trừ khi các Đức Như Lai phương tiện thuyết pháp, có khi Phật cũng dùng

pháp môn phương tiện để giác ngộ chúng sinh, song quy về nguồn gốc vẫn chỉ là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác.

Các Tỳ Kheo ! Nếu đức Như Lai tự biết giờ Niết Bàn sắp đến, đại chúng lại thanh tịnh, tâm tin hiểu vững chắc, thông đạt pháp không, vào sâu thiền định, bèn tụ tập các chúng Bồ Tát, và Thanh Văn để nói kinh này, thế gian chẳng có hai thừa mà được diệt độ, chỉ một Phật thừa được diệt độ thôi.

Các vị Tỳ Kheo ! Giả sử Phật biết mình sắp vào Niết Bàn, hết thấy đại chúng đều được thanh tịnh, tâm tin hiểu vững chắc, thông đạt tất cả các pháp không tướng, vào thiền định thâm sâu, bèn chiêu tập tất cả Bồ Tát và hàng Thanh Văn, để Phật nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Vì trên thế gian hết thấy ai muốn tu Phật thừa, thì không thể dùng pháp nhị thừa tu mà được diệt độ.

Diệt độ của hàng nhị thừa chẳng phải chân chánh diệt độ, chỉ có tu Phật thừa mới thật sự được diệt độ của Phật và quả vị.

Các Tỳ Kheo nên biết ! Đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh của chúng sanh,

biết chí của họ thích pháp nhỏ, chấp sâu năm dục, vì những người đó nói Niết Bàn, nếu họ nghe thì liền tin nhận thọ trì.

Phật lại nói : “Hết thầy hàng Tỳ Kheo các ông hãy triệt để hiểu rõ, pháp của Như Lai nói là pháp quyền xảo phương tiện, vì căn tính của tất cả chúng sinh chẳng giống nhau, có kẻ lợi căn, có kẻ độn căn. Nếu một khi bắt đầu thuyết pháp chân thật đối với người độn căn, thì họ chẳng thể nào tiếp thọ và tin được, cho nên ta dùng pháp môn phương tiện để giáo hóa họ.

Vì pháp môn phương tiện của Phật, vốn hợp với tất cả chúng sinh mà làm một, cho nên tất cả chúng sinh có cơ duyên phương tiện này, tâm chí của họ chỉ biết phương pháp và đạo lý nhỏ nhỏ, nếu nói về đạo lý vũ trụ thâm áo cho họ nghe, thì họ chẳng hiểu.

Hàng nhị thừa thường đều chấp trước vào cảnh giới năm dục: Tài, sắc, danh, thực, thùỵ.

1. Tiền tài mua sắm được mọi vật, cho nên ai ai cũng đều buông xả chẳng đặng tiền tài. Nếu coi tiền tài như rắn độc, thì chẳng tham cầu nó, con người không nên vì tiền tài mà phát sinh đấu tranh. Có một bài kệ hình dung về tiền rất là hay :

“Nhị qua tranh kim sát khí cao,
Nhân nhân nhân tha phạm lao thao.
Nhược hội dụng giả xuất tam giới,

Bất hội dụng giả nghiệt nan đào'.

Chữ tiền (钱) có hai cái mác (戈), giống như hai người cầm mác giành giật vàng, lại có thể nói hai người động thủ bằng mác tranh vàng. Tiền có thể đưa đến cho con người rất nhiều phiền não, thế mà một số người vẫn coi tiền như mạng sống, tham chẳng biết chán, nếu người biết dùng tiền, thì có thể vượt khỏi ba cõi, người chẳng biết dung, thì tạo ra rất nhiều tội nghiệp.

2. Sắc dục, tức là sắc đẹp.

3. Danh dục : Tức là tham danh, tham tiếng tốt, thích người khác ca tụng, nếu bị người hủy nhục, thì như trăm cây kim đâm vào tim, coi danh vọng trọng hơn bất cứ những gì.

4 Thực dục : Thích ăn vật ngon. Nhất là người tu đạo không coi trọng vật ăn, nên coi vật ăn như thuốc hay, để duy trì thân thể này khỏi bị khô gầy mà tu đạo nghiệp.

5 Thù dục : Có người thích ngủ, cảm thấy ngủ càng nhiều càng tốt, song càng ngủ càng mê, biến thành ngu muội tối tăm, do đó :

"Tài sắc danh thực thù,
Như địa ngục năm căn",

Một khi ngủ thì ngàn năm chẳng nghe danh hiệu Phật.

Hàng nhị thừa bị năm thứ dục niệm này chi phối, cho nên vẫn chưa đến bậc bất sinh bất diệt, ta vì họ nói

pháp nhị thừa (bốn diệu đế) và mười hai nhân duyên, chỉ bất quá khiến cho họ tâm tính vui mừng, mà tinh tấn tu hành. Thật tế thì chúng được quả vị nhị thừa, vẫn chưa đắc được cảnh giới chân chánh Niết Bàn, có khác nào ở xa trông quả mơ mà hết khác, phải biết bánh vẽ không thể no được.

Ví như đường dữ hiểm nạn, dài năm trăm do tuần, chốn ghê sợ hoang vắng không người. Nếu có đông người muốn đi qua đường hiểm đó, đến chỗ châu báu. Có một vị Đạo sư trí huệ sáng suốt, khéo biết rõ tướng thông bít của con đường, dắt mọi người muốn vượt qua hiểm nạn này. Mọi người được dắt đi giữa đường lười mõi, bèn bạch với Đạo sư rằng : Chúng con rất mệt nhọc, lại thêm sợ sệt không thể đi thêm được nữa, đường ở trước còn dài, nay chúng con muốn lui về.

Ví như có một đoạn đường dài năm trăm do tuần (bốn vạn dặm), phàm ai muốn đi qua con đường này, sẽ gặp rất nhiều nguy hiểm hoạn nạn, như gặp trộm cướp, rắn sói hổ báo. Cho nên, ai muốn đi qua con đường này,

tâm đều sợ hãi, song chỉ có con đường này, mới đến được chỗ cất giữ châu báu.

Do đó, chỉ có cách mạo hiểm tiến về trước, thì lúc ấy, ở trong đó có một vị Đạo sư rất thông minh tài giỏi, đầy đủ trí huệ viên mãn, biết lối đi của đường hiểm đó như thế nào, mới không bị đủ thứ điều nguy hiểm, do đó bậc Đạo sư phát tâm, dẫn dắt tất cả mọi người vượt qua con đường này, song những người này đi được nửa đường, thì sinh tâm lười mỏi, chẳng muốn đi nữa. Do đó, họ nói với bậc đạo sư : ‘Bây giờ chúng con đã mệt mỏi quá rồi, đường này rất nguy hiểm và sợ hãi, chúng con chẳng muốn đi nữa, đường ở trước rất dài, cho nên chúng con muốn lui về’.

Vị Đạo sư nhiều phương tiện bèn nghĩ thế này : Những người này rất đáng thương, sao lại bỏ châu báu mà muốn lui về. Nghĩ như thế rồi, dùng sức phương tiện, ở giữa đường hiểm hơn ba trăm do tuần, hóa làm một cái thành, bảo mọi người rằng : Các người đừng sợ, đừng lui về, nay thành lớn này có thể ở trong đó, làm gì tùy ý. Nếu vào thành đó rất được an ổn, nếu có thể đi thẳng đến chỗ châu báu cũng được.

Vị Đạo sư này có rất nhiều phương tiện, bèn nghĩ rằng : “Những người này thật đáng thương ! Sao lại bỏ chí nguyện muốn đi đến nước Phật bảo mà muốn lui về ?” Nghĩ đến đây, Ngài chỉ có cách dùng thần lực quyền xảo phương tiện, ở giữa đường hiểm hơn ba trăm do tuần, hóa ra một cái thành; rồi bảo mọi người : “Các người đừng sợ, đừng sinh tâm lười mỏi, bây giờ các vị hãy đi vào trong thành lớn này đừng nghỉ, ở trong thành này, làm gì tùy ý, nếu như vào trong thành này thì rất là an ổn, các người muốn tiếp tục đi đến chỗ châu báu, thì có thể đến bảo sở nước Phật”.

Lúc đó, chúng mỗi một tâm rất vui mừng, khen chưa từng có. Nay chúng ta khỏi đường hiểm đó, rất được an ổn. Do đó, mọi người đều vào hóa thành, sinh lòng tưởng rằng đã được độ rất an ổn.

Lúc đó, mọi người đều rất mệt mỏi vô cùng, hốt nhiên thấy một tòa hóa thành, có thể vào dừng nghỉ tạm thời, cho nên sinh tâm vui mừng chưa từng có, nói : “Hôm nay chúng con khỏi lạc vào nẻo trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thoát khỏi nhà lửa tam giới, được an ổn sung sướng”. Do đó, cùng nhau đi vào hóa thành này, cho rằng họ đã được giải thoát và an ổn cứu kính.

Bấy giờ, vị Đạo sư biết những người đó đã nghỉ ngơi xong, chẳng còn mệt nhọc, bèn diệt hóa thành, bảo với mọi người rằng : Các người hãy đi tới chỗ châu báu ở gần đây, thành lớn đó do ta hóa làm ra, để dùng nghỉ ngơi.

Lúc đó, vị Đạo Sư Thích Ca Mâu Ni Phật biết họ đã nghỉ xong, lấy lại sức lực, hết mệt mỏi.

Do đó, Phật bèn hủy diệt hóa thành đó, nói với mọi người rằng : “Các người hãy đi tới, chỗ châu báu ở gần đây. Hóa thành đó là do ta biến hóa ra, để các người nghỉ ngơi tạm thời.” Tức cũng có thể nói, phàm là Thánh nhân chứng được tứ quả A La Hán, nên phải hồi tiểu hướng đại, tu pháp môn đại thừa, mới có thể đạt đến chỗ châu báu cứu kính.

Các Tỳ Kheo ! Đức Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông làm đại Đạo sư, biết các đường hiểm sinh tử phiền não dài xa, nên bỏ, nên vượt qua.

Các Tỳ Kheo ! Pháp của Phật Đại Thông Trí Thắng cũng như pháp của ta nói, như nay vì các ông làm bậc đại Đạo sư, biết rõ tất cả đường dữ sinh tử phiền não, nhiều

hiếm nạn và xa dài. Do đó, nên lìa tất cả phiền não, vượt qua biển khổ sinh tử, đến được nhà Như Lai.

Nếu chúng sinh chỉ nghe một Phật thừa, thì chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, bèn nghĩ như vậy : Phật đạo dài xa, chịu khổ siêng cần lâu mới có thể thành tựu. Phật biết tâm của họ khiếp nhược hạ liệt, bèn dùng sức phương tiện nghỉ ngơi ở giữa đường, nên nói hai Niết Bàn.

Nếu chúng sinh trụ ở hai bậc, thì bấy giờ đức Như Lai bèn nói : Chỗ tu của các ông chưa xong, bậc của các ông gần với trí huệ của Phật. Nên quán sát suy lường Niết Bàn đã được đó, chẳng chân thật vậy, chỉ là sức phương tiện của Như Lai, nơi một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba.

Nếu có chúng sinh nghe được Phật nói pháp, chỉ có một Phật thừa, thì nhất định rất nhiều chúng sinh phát tay áo mà đi, chẳng nghĩ muốn gặp Phật, hoặc gần gũi Phật. Vì Phật pháp là pháp khó tin, cho nên chúng sinh đều chẳng chịu tiếp thọ. Vì họ nghĩ : “Tu hành thành Phật thì phải mất thời gian rất lâu, ở trong ba đại A tăng kỳ kiếp,

siêng tu lục độ khổ hạnh, mới có cơ hội thành Phật''. Do đó, họ đều cố ý có tai chẳng nghe giáo lý viên đốn, có mắt chẳng nhận thức đại Đạo sư (Phật), càng vô dụng nói dạy họ xả bỏ thất tình lục dục, một lòng tu đạo.

Đức Phật Thích Ca và mười phương chư Phật, đều biết rõ tâm niệm của tất cả chúng sinh trong sáu nẻo, rất khiếm nhược và hạ liệt. Phật bèn dùng sức phương tiện mà nói hữu dư Niết Bàn pháp nhị thừa, để cho tâm tu đạo của chúng sinh, tạm thời không lười mỗi thối lui, cho nên nói riêng ra một trung đạo Niết Bàn.

Lúc đó, Phật lại nói với họ : Các ông chưa đạt đến Phật đạo cứu kính, bậc của các ông trụ, gần với trí huệ của Phật, các ông nên quán sát và suy lường, bất cứ các ông đắc được cảnh giới Niết Bàn hữu dư, hoặc vô dư, đều chẳng phải chân thật. Kỳ thật, là sức phương tiện của Như Lai, nơi một Phật thừa, mà phân biệt nói ra Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa.''

Như vị Đạo sư kia, vì dừng lại nghỉ mà hóa làm thành lớn. Biết đã nghỉ rồi, bèn bảo họ rằng : Chỗ châu báu gần đây, thành này chẳng thật, do ta hóa làm ra thôi.

Phật giống như bậc Đạo sư, biết dùng pháp gì để vượt qua giữa con đường hiểm này, và còn bảo họ vào trong đó nghỉ ngơi, chỗ châu báu ở gần đây chẳng xa, song cái thành này chẳng phải thật, nó chỉ bất quá do Phật

biến hóa ra, để cho các ông nghỉ ngơi thôi, khi các ông khôi phục lại sức lực, thì nên bỏ thành mà đi tiến về trước. Ví như bạn muốn từ nhà của bạn đến nước khác, phải vượt qua lộ trình rất xa, mới đến được nơi đó, ở nơi giữa đường đó, chắc chắn cảm thấy thân thể mỏi mệt, lúc đó bạn muốn một quán trọ để nghỉ lại một đêm, sáng ngày thứ hai lại tiếp tục lên đường, như thế mới đạt được nơi bạn muốn đến.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng.

Phật Đại Thông Trí Thắng
Mười kiếp ngồi đạo tràng
Phật pháp chẳng hiện tiền
Không được thành Phật đạo.
Các trời thần Long vương
Chúng A tu la thấy
Thường mưa các hoa trời
Để cúng dường Phật đó.
Chư Thiên đánh trống trời
Và tấu các âm nhạc
Gió thơm thổi hoa héo
Lại mưa hoa tươi tốt.

Trải qua mười tiểu kiếp
Mới được thành Phật đạo
Chư thiên và người đời
Tâm đều mừng hơn hở.
Mười sáu người con Phật
Đều cùng với quyến thuộc
Ngàn vạn ức vây quanh
Đều đi đến chốn Phật.
Đầu mặt lễ chân Phật
Mà thỉnh chuyển pháp luân
Thánh sư tử mưa pháp
Lợi con và tất cả.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa kinh trường hàng ở trên, nên dùng kệ để nói. Phật Đại Thông Trí Thắng ở tại đạo tràng ngồi trên tòa hoa sen nhập định trải qua mười kiếp, song vẫn chưa thành chánh giác.

Lúc đó, Phật pháp chưa hiện ra đời, cho nên Ngài chưa thể thành Phật đạo. Tất cả trời, thần, Long vương, A tu la .v.v., thường mưa hoa trời để cúng dường vị Phật đó, các vị trời đánh trống trời, tấu lên đủ thứ âm nhạc, một trận gió thơm thổi đến, thổi các hoa héo đi, đồng thời lại mưa xuống hoa tươi tốt.

Trải qua mười tiểu kiếp, Phật mới thành đạo, tất cả chư Thiên và nhân loại, tâm đều vui mừng hớn hở vô cùng. Mười sáu vị vương tử của Phật, với trăm ngàn ức quyến thuộc cùng nhau đến chón Phật, cung kính đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, mà thỉnh cầu Phật chuyển đại pháp luân, hy vọng tiếng sư tử hống của Phật, đượm nhuần mưa pháp lợi lạc chúng con, và tất cả chúng sinh.

**Thế Tôn rất khó gặp
Lâu xa hiện một lần
Vì giác ngộ quần sinh
Chấn động hết tất cả.
Các thế giới phương đông
Năm trăm vạn ức cõi
Ánh sáng chiếu Phạm cung
Từ xưa chưa từng có.
Phạm chúng thấy tướng này
Tìm đến chỗ đức Phật
Rải hoa để cúng dường
Và dâng cung điện lên.
Thỉnh Phật chuyển pháp luân
Dùng kệ khen ngợi Phật
Phật biết chưa đến thời**

Nhận lời ngời yên lặng.
Ba phương và bốn hướng
Trên dưới cũng như thế
Rải hoa dâng cung điện
Thỉnh Phật chuyển pháp luân.
Thế Tôn rất khó gặp
Xin vì gốc từ bi
Rộng mở cửa cam lồ
Chuyển pháp luân vô thượng.

Đức Thế Tôn trăm ngàn vạn kiếp rất khó gặp được, không biết phải trải qua thời gian bao lâu, mới có thể gặp được Đức Phật ra đời, Phật vì giác ngộ tất cả quần sinh, sức trí lực oai thần của Ngài không thể nghĩ bàn, có thể chấn động đến tất cả tâm tính chúng sinh.

Các thế giới ở phương đông, có năm trăm vạn ức cõi nước cung điện của Phạm Vương, được vô lượng ánh sáng chiếu sáng, đó là tướng quá khứ chưa từng có. Khi các vị Phạm Vương thấy tướng này, thì đều đến chỗ Đức Phật, để tìm nguồn gốc tướng ánh sáng đó, và còn rải hoa trời để cúng dường Đức Phật, sau đó lại dâng cung điện quý báu nhất lên cúng dường Đức Phật. Sau đó lại cung kính thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, và dùng kệ để khen ngợi Phật.

Phật biết cơ duyên thuyết pháp chưa thành thực, cho nên nhận lời thỉnh cầu của họ, mà ngồi im lặng. Lúc đó, từ phương nam, tây, bắc, và bốn hướng trên dưới, các vị Phạm Thiên Vương, đều rải hoa trời và dâng cung điện lên, thỉnh Đức Phật chuyển bánh xe pháp. Trăm ngàn vạn ức kiếp khó gặp được Đức Phật, mà chúng ta nguyện đắc được tâm đại từ bi thương xót chúng sinh của Phật, có thể khai mở cửa cam lồ. Vì giáo hóa chúng ta lục đạo chúng sinh, mà chuyển bánh xe pháp thâm sâu vô thượng.

**Thế Tôn tuệ vô thượng
Nhận những người kia thỉnh
Vì nói các thứ pháp
Bốn đế mười hai duyên.
Vô minh đến lão tử
Đều từ sinh duyên có
Những họa hoạn như thế
Các ông phải nên biết.
Lúc diễn nói pháp đó
Sáu trăm vạn ức chúng
Được hết sạch các khổ
Đều thành A la hán.
Nói pháp lần thứ hai**

**Ngàn vạn Hằng sa chúng
Chẳng thọ nơi các pháp
Cũng đắc A la hán.
Từ đó sau đắc đạo
Số đông không thể lường
Vạn ức kiếp tính đếm
Không biết được ngàn mé.**

Đức Thế Tôn đầy đủ vô lượng trí huệ, thọ nhận tất cả chúng sinh thỉnh cầu thuyết pháp. Phật có thể diễn nói đủ thứ pháp, cho nên trước hết nói pháp bốn Diệu đế và mười hai nhân duyên, tức là từ vô minh đến lão tử, đều do mười hai nhân duyên sinh ra.

Do đó, mà chiêu lại rất nhiều hoạ hoạn, các ông nên biết pháp như thế. Khi Phật Đại Thông Trí Thắng diễn nói pháp này rồi, thì có sáu trăm vạn ức chúng Phạm Thiên Vương, lia được tất cả khổ, đều chứng được quả vị A La Hán.

Khi Phật thuyết pháp lần thứ hai, thì có ngàn vạn Hằng hà sa chúng sinh, ngộ được tướng không của các pháp, đều đắc quả A La Hán Thanh Văn và quả vị Duyên Giác Bồ Tát, số đông vô lượng vô biên chẳng cùng tận, dù trải qua hàng vạn ức kiếp để đếm tính số mục, cũng không thể biết được số đó ngàn mé là bao nhiêu.

Lúc đó mười sáu vị

**Xuất gia làm Sa di
Đều cùng thỉnh Phật đó
Diễn nói pháp đại thừa.
Chúng con và quyến thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện được như Thế Tôn
Mắt huệ tịnh bậc nhất.**

Lúc đó, mười sáu vị vương tử đều phát tâm xuất gia tu đạo, làm Sa Di. Các vị Sa Di đều cùng thỉnh Phật Đại Thông Trí Thắng, vì tất cả chúng sinh diễn nói pháp đại thừa, nên hỏi Phật : ‘ ‘Chúng con và tất cả quyến thuộc, đều sẽ thành Phật đạo, vì chúng con nguyện được giống như đức Thế Tôn, đầy đủ mắt trí huệ thanh tịnh bậc nhất.

**Phật biết tâm đồng tử
Tu hành trong đời trước
Dùng vô lượng nhân duyên
Đủ thứ các ví dụ.
Nói sáu Ba la mật
Và các việc thần thông
Phân biệt pháp chân thật
Đạo Bồ Tát tu hành.**

Nói Kinh Pháp Hoa này Kệ như cát sông Hằng.

Phật biết tâm của những vị đồng tử này nghĩ tưởng những gì, sự tu hành trong đời trước của những vị này đến đâu, từng dùng vô lượng nhân duyên, đã từng nghe Phật nói đủ thứ diệu lý thật tướng của các pháp, bốn sinh, nhân duyên, ví dụ, và sáu pháp Ba La Mật. Sáu pháp Ba La Mật là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là "đến bờ kia". Các vị Sa Di cũng đã từng nghe Phật nói đủ thứ việc tu chứng thần thông diệu dụng, cho nên có trí huệ lớn, để phân biệt được pháp một Phật thừa chân thật, Các Ngài tu sáu Ba la mật của Bồ Tát. Do đó, nay các Ngài thích nghe pháp đại thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều ngộ biết trong Kinh Pháp Hoa có nhiều bài kệ như số cát sông Hằng.

**Phật đó nói kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định.
Nhất tâm ngồi một chỗ
Tám vạn bốn ngàn kiếp
Các vị Sa Di đó
Biết Phật chưa xuất định.
Vì vô lượng ức chúng**

**Nói Phật huệ vô thượng
Ai nấy lên pháp tòa
Nói kinh đại thừa này.
Lúc đức Phật tĩnh lặng
Giúp tuyên dương giáo hóa.**

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng nói xong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi, thì Đức Phật vào tịnh thất nhập vào thiền định thâm sâu, ở trong cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp.

Lúc đó, mười sáu vị Sa Di biết Phật chưa xuất định, do đó, các Ngài phát tâm vì vô lượng ức chúng sinh, nói trí huệ vô thượng của Phật. Mỗi vị Sa Di đều lên pháp tòa diễn nói Kinh Pháp Hoa, lúc Phật tĩnh lặng không động, thì giúp Phật tuyên dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh.

**Mỗi mỗi vị Sa Di
Độ được các chúng sinh.
Khoảng sáu trăm vạn ức
Hàng hà sa chúng sinh
Phật đó diệt độ rồi
Những người nghe pháp đó.
Ở tại các cõi Phật**

Thường sinh chung với thầy.

Mười sáu vị Sa Di đó, mỗi vị giáo hóa chúng sinh khoảng sáu trăm vạn ức Hằng hà sa số chúng sinh.

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng diệt độ rồi, những người nghe mười sáu vị Sa Di thuyết pháp, đều cùng sinh vào một nước với đấng Đạo Sư của họ.

Mười sáu Sa Di đó

Đầy đủ hạnh Phật đạo.

Nay hiện trong mười phương

Thấy đều thành Chánh giác

Người nghe pháp thuở đó

Đều ở chỗ chư Phật.

Có người trụ Thanh Văn

Dần dần vào Phật đạo.

Mười sáu vị Sa Di đó, vì tu hành đầy đủ Phật đạo, nên các Ngài xuất hiện ở trong cõi nước mười phương, ai nấy đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những chúng sinh nghe được Phật pháp vào thuở đó, đều là quá khứ đã từng nghe qua Phật pháp, của mười sáu vị Sa Di đó nói, cho nên hiện nay lại hiện ở trong mỗi cõi nước, để gần gũi nghe Phật thuyết pháp, trong đó có rất nhiều chúng hàng Thanh Văn, dần dần được Phật giáo hóa mà vào được Phật đạo.

Ta là thứ mười sáu
Cũng từng vì ông nói.
Cho nên dùng phương tiện
Dẫn ông đến Phật huệ
Do gốc nhân duyên đó
Nay nói Kinh Pháp Hoa.
Khiến ông vào Phật đạo
Cẩn thận chớ kinh sợ.

Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là Sa Di thứ mười sáu. Ở trong quá khứ, các ông đã từng nghe pháp của ta nói, cho nên ta dùng pháp phương tiện, dẫn dắt các ông tu học trí huệ của Phật, đến được trí huệ của Phật. Do nhân duyên đó, mà nay ta diễn nói Kinh Pháp Hoa, khiến cho các ông đi vào tạng trí huệ của Phật, đều thành chánh giác. Các ông đừng bao giờ sinh tâm hoài nghi và sợ sệt, ta sẽ vì các ông giải thích phân biệt rõ ràng thật tướng chân lý Phật pháp.

Ví như đường hiểm dữ
Xa vắng nhiều thú độc.
Lại không có cỏ nước
Chỗ mọi người sợ hãi
Vô số ngàn vạn chúng

**Muốn qua đường hiểm này.
Đường đó rất xa xôi
Dài năm trăm do tuần
Thời có một Đạo sư
Thông minh có trí tuệ.
Sáng suốt tâm quyết định
Cứu nguy các hoạn nạn.**

Ví như một đoạn đường dài nguy hiểm, con đường nào nguy hiểm nhất ? Tức là đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ở trong con đường này, giống như hoang dã, có rất nhiều rắn độc ác thú, cho đến một giọt nước, cộng cỏ, cũng chẳng có, là nơi mọi người đều sợ. Lúc đó, có vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh, muốn đi qua con đường nguy hiểm này, vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, được chân chánh giải thoát, song phải đi ngang qua năm trăm do tuần, mới đến nơi cứu kính, cho nên còn cách xa đạo tám vạn bốn ngàn dặm.

Lúc đó, có một vị thiện tri thức, đầy đủ sự học rộng hiểu nhiều, thông minh trí huệ, thấu suốt tất cả mọi việc thị phi trắng đen, và còn biết con đường nào là chánh, con đường nào là tà. Do đó, Ngài thường ở trong đường hiểm, cứu tất cả chúng sinh gặp nạn.

Mọi người đều mỗi một

Bèn bạch Đạo sư rằng:
Chúng con nay mệt mỏi
Nơi đây muốn trở về
Đạo sư nghĩ thế này:
Bọn này rất đáng thương.
Sao lại muốn lui về
Để mất châu báu lớn.

Đi trên con đường hiểm này thật chẳng dễ dàng, trợ duyên rất ít, nghịch duyên thì nhiều, ví như một người tu đạo, cần nhờ sự giúp đỡ của Bồ Tát và thần hộ pháp, khiến cho họ tu đạo được viên mãn, hoặc có người dùng phương pháp tu đạo sai lầm, có thiện tri thức dẫn dắt họ đi trên con đường chánh, đó đều là trợ duyên. Nghịch duyên là gì? Ví như bạn muốn phát tâm bồ đề chân chánh, song lại có người khiến cho bạn thối bồ đề tâm, sinh ra đủ thứ dục niệm, nên đạo tâm chẳng vững chắc, cho nên gọi là nghịch duyên. Trên con đường đạo chẳng dễ gì tu, rất dễ sinh mệt mỏi, cảm thấy thời gian tu rất là lâu, mà một chút thu hoạch cũng chẳng có, do đó bèn bạch với Đạo sư rằng: “Hiện nay chúng con đều mệt mỏi, chúng con muốn trở về, chẳng muốn tu hành nữa”.

Lúc đó, vị Thiện tri thức nghĩ như vậy: Những chúng sinh này thật là đáng thương ! Sao lại muốn sinh

tâm thối chuyển, mà chẳng muốn tu đạo ? Vốn sẽ được trân bảo mà nay đều bỏ mất.

Bèn nghĩ tìm phương tiện
Nên bày sức thần thông.
Hóa làm thành quách lớn
Trang nghiêm các phòng nhà.
Chung quanh có vườn rừng
Suối chảy và ao tắm.
Cửa lớn lầu gác cao
Nam nữ đều đầy dẫy
Hóa làm thành đó rồi
An ủi họ chớ sợ.
Các ông vào thành này
Đều được tùy sở thích.

Tức thời, vị Thiện tri thức nghĩ ra pháp môn phương tiện, bèn dùng thần thông trí lực của Ngài, ở giữa đường hóa ra thành quách lớn, trong đó có rất nhiều phòng nhà rất trang nghiêm, xung quanh có vườn hoa và rừng cây, có suối nước trong sạch, ao tắm bảy báu, lầu gác cao trùng trùng, nam nữ đều rất vui mừng hơn hở, những cảnh giới này đều biến hóa ra.

Lúc đó, vị Thiện tri thức nói với đại chúng rằng :
“Các người đừng sinh tâm sợ sệt, bây giờ có thể vào
trong thành này, mong cầu gì cũng được toại tâm như ý”.
Kì thật, hóa thành này, tức là hữu dư Niết Bàn của hàng
nhị thừa chứng được, mà Kinh Pháp Hoa là khai quyền
hiển thật, dẫn dắt hàng nhị thừa, cho nên Phật không thể
không nói với đại chúng : Hữu dư Niết Bàn mà các người
chứng được, bất quá chỉ giống như tòa hóa thành, chẳng
phải chân chánh đắc được Niết Bàn cứu kính.

Mọi người đều vào thành
Tâm đều rất vui mừng.
Đều sinh tướng an ổn
Tự cho đã được độ
Đạo sư biết nghĩ rồi
Nhóm chúng mà bảo rằng:
Các người nên đi nữa
Đây là hóa thành thôi
Thấy các người mỗi một
Giữa đường muốn lui về.
Nên dùng sức phương tiện
Ta hóa làm thành này
Các người gắng tinh tấn

**Nên cùng đến bảo sở.
Ta cũng lại như thế
Đạo sư của tất cả.**

Tất cả hàng tiểu thừa, đều vui mừng lia khổ được vui, chẳng phát tâm lớn, tu pháp tiểu thừa, cho nên các người đến được hóa thành này, thì cảm thấy đã mãn nguyện, đều sinh tâm vui mừng, tự cho rằng đã được an ổn cứu kính thoát khỏi biển khổ sinh tử.

Phật sớm đã biết đại chúng sẽ sinh tư tưởng như thế, do đó lại triệu tập tất cả đại chúng mà bảo rằng : “Các người bây giờ đã hết mệt mỏi, nên cố gắng tiến về trước, vì chỗ các ông ở bây giờ, bất quá chỉ là một tòa hóa thành mà thôi, chẳng phải là chỗ trân bửu chân chánh. Vì ta thấy các người quá mệt mỏi, sinh tâm thối chuyển, chẳng muốn tu đạo nữa, cho nên ta dùng pháp phương tiện, sức thần thông, biến hóa ra thành quách, tức là pháp của hàng nhị thừa. Bây giờ, các người hãy dừng mãnh tinh tấn, thì sẽ đạt đến chỗ bảo tàng của Phật. Ta cũng như thế, là thiện tri thức của tất cả chúng sinh, giáo hóa họ sớm lên bờ giác, cùng thành Phật đạo.

**Thấy những người cầu đạo
Giữa đường mà lười bỏ.
Không thể vượt sinh tử
Phiền não các đường hiểm**

Nên ta dùng phương tiện
Vì nghĩ nói Niết Bàn.
Bảo các ông khổ diệt
Việc làm đều đã xong
Tức biết đến Niết Bàn
Đều được A la hán.
Nên mới nhóm đại chúng
Vì nói pháp chân thật.

Ta thấy một số người cầu đạo, tu hành đến nửa đường, thì cảm thấy quá khổ nhọc, mà sinh tâm lười bỏ, chẳng nghĩ tu đạo nữa. Do đó có câu:

“Tu đạo nhất niên,
Phật tại nhãn tiền,
Tu đạo tam niên,
Nhất vạn bát thiên,
Tu đạo thập niên,
Phật tại thiên biên.”

Nghĩa rằng:

*Tu đạo một năm,
Phật ở trước mặt,
Tu đạo ba năm,
Xa Phật ngàn dặm,
Tu đạo mười năm,
Phật ở trên trời.*

Cho nên nói, nếu chúng ta từ đầu đến cuối, giữ được tâm tinh tấn như lúc ban đầu, dũng mãnh tinh tấn thẳng một lèo, thì sớm sẽ thành Phật đạo. Nếu bỏ giữa đường thì chẳng thành tựu, không thể vượt qua biển khổ sinh tử, đường hiểm hiểm phiến não. Cho nên, Phật bày pháp môn phương tiện, chẳng phải thật pháp, mới nói với hàng nhị thừa : “Các người cũng có thể chứng được Niết Bàn, xa lìa các sự khổ, chẳng còn sinh tử, những việc làm của các người đã xong, đắc được Niết Bàn chứng đắc A La Hán.” Lúc đó, Phật lại triệu tập đại chúng, vì họ nói pháp chân thật.

Chư Phật dùng phương tiện

Phân biệt nói ba thừa.

Chỉ có một Phật thừa

Chỗ nghỉ nên nói hai

Nay vì người nói thật

Chỗ người được chẳng diệt.

Vì Phật Nhất thiết trí

Hãy phát đại tinh tấn.

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, dùng hết pháp phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, mà Phật pháp vốn chỉ có Phật thừa, chẳng có Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa. Vì căn cơ của chúng sinh, không thể một khi bắt đầu

thì minh bạch, và tiếp thọ Phật pháp, cho nên Phật vì chúng sinh phương tiện nói ra Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa, đó đều là Phật dùng sức đại oai thần, hóa ra pháp môn nhị thừa, nên gọi là hóa thành. Cho nên nói, chỉ có Phật thừa mới là thật thừa, tất cả chúng sinh tu hành quá lâu, đều sinh ra tâm nhàm mỏi, do đó Phật dùng pháp môn phương tiện, để tạo ra hóa thành, vì chúng sinh nói hữu dư Niết Bàn và vô dư Niết Bàn.

Bây giờ, Phật muốn khai quyền hiển thật, nói ra chân thật Niết Bàn, vì trước khi Phật nói với hàng nhị thừa chỉ là hữu dư Niết Bàn, chưa đạt đến một Phật thừa viên dung vô ngại, cho nên chưa thể dứt sinh tử, đến bất sinh bất diệt. Vì chúng được tứ quả A La Hán, tuy nhiên dứt được phân đoạn sinh tử, song chưa đoạn sạch biến dịch sinh tử. Phật đầy đủ tất cả thật tướng Bát nhã trí huệ, các người nên cầu đại trí huệ của Phật, đừng mãnh tinh tấn hướng về trước, cầu Phật đạo vô thượng, không thể lưu lại ở quả vị A La Hán, mà sinh tâm tự mãn, không cầu tiến về trước.

**Người chứng Nhất thiết trí
Mười lục các Phật pháp.
Đủ ba mươi hai tướng
Mới là chân thật diệt
Chư Phật là Đạo sư**

**Vì nghĩ nói Niết Bàn.
Đã biết nghĩ nơi rồi
Dẫn vào nơi Phật huệ.**

Khi nào các người chúng được Nhất thiết trí, mười lực của Phật. Mười lực là gì ? Mười lực là mười thứ lực mà Phật có đủ.

1. Phật có trí lực biết xứ phi xứ. Biết xứ là tất cả đều hợp với Phật pháp, phi xứ là tất cả đều trái ngược với Phật pháp, mà Phật thì có trí huệ và lực này, phân rõ thị phi.

2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời. Tất cả chúng sinh trong đời quá khứ tạo ra tội nghiệp gì, bây giờ trồng nhân gì, tương lai kết quả gì, đời sau thọ quả báo gì ? Phật có sức trí huệ này, biết nghiệp báo ba đời.

3. Trí lực biết các thiên giải thoát tam muội. Bao quát sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, gọi là ‘Tứ không xứ’, còn tất cả các thiên định và tám thứ giải thoát.

4. Trí lực biết các căn thắng liệt.

5. Trí lực biết chủng chủng giải.

6. Trí lực biết chủng chủng giới. Phật biết rõ đủ thứ cảnh giới của tất cả chúng sinh, cho nên mới có thể giáo hóa họ. Ví như mỗi người đều có tôn giáo tín ngưỡng của mình, có người tin Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo .v.v., kì thật, mỗi tôn giáo đều quy vào Phật giáo, mà mỗi căn tính của chúng sinh khác nhau, cho nên cũng tiếp thọ đủ thứ pháp khác nhau.

7. Trí lực biết tất cả chí xứ đạo. Giống như tu ngũ giới thập thiện, thì sẽ sinh về cõi trời, tu thiền định thì chứng quả, tu lục độ vạn hạnh thì thành Phật. Tạo nghiệp ác thì đọa vào địa ngục, làm nạ quý, trông nhân gì được quả đó.

8. Trí lực biết thiên nhân vô ngại.

9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.

10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Đây chỉ là nói tóm tắt, nếu nói tỉ mỉ thì trăm ngàn trí lực đều từ đây sinh ra, chẳng có tận cùng.

Nếu người tu đạo, chứng được ba mươi hai tướng, thì đắc được tịch diệt và khoái lạc chân thật. Chư Phật là Đạo sư của tất cả chúng sinh, thấy tất cả chúng sinh tu đạo giữa đường, sinh tâm lười mỏi mà nói ra Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và hữu dư Niết Bàn.

Tuy nhiên biết đây là hóa thành, là nơi nghỉ trọ của chúng sinh, chứ chẳng phải ngôi nhà thật sự, cho nên dẫn dắt mọi người nhập vào Phật đạo, được trí huệ viên mãn.

HỒI HUỐNG CÔNG ĐỨC

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thấy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ hỒI hỨNG công CỤc

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5. (trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp.



Ta là bậc Như Lai
Là đấng Lương Túc Tôn
Xuất hiện ra nơi đời
Dường như vàng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sinh khô khan
Đều khiến cho lìa khổ
Được yên ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian
Và sự vui Niết Bàn.